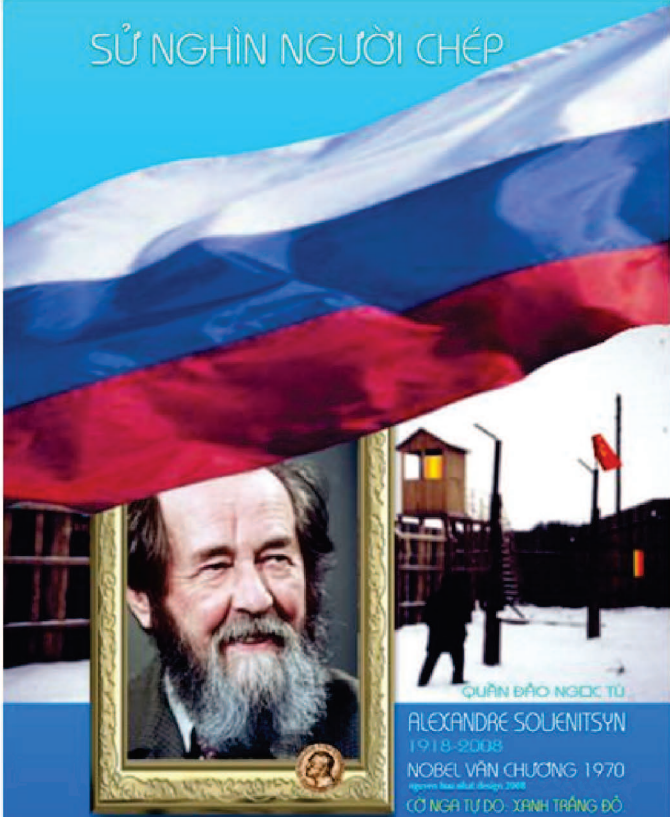


TIN 22 VĂN

thông tin-nghị luận-sáng tác-văn học nghệ thuật

SỬ NGHÌN NGƯỜI CHẾP



QUẦN ĐẢO NGƯỜI TÙ

ALEXANDRE SOLZENITSYN
1918-2008
NOBEL VĂN CHƯƠNG 1970
nguyên tác: Gulag Archipelago, 1958
CỜ NGÀ TƯ DÒ - XANH TRẮNG ĐỎ

 TÊN GỌI KHÁC,
CỦA CÁCH MẠNG 1917,
CƠ SỞ VẬT LÀ SỰ MẠN RỢ, THE GULAG ARCHIPELAGO

thongquinhvan.com

Văn Bút Nam Hoa Kỳ
Chủ Trương



[http:// www.vanbutnamhoaky.com](http://www.vanbutnamhoaky.com)

2 Tin Vaên



Thay
O,
vào
W.

Đã bao nhiêu lần thêm lời ngỏ ý, lời như gió bay và chữ vẫn phiêu bồng. Trang giấy mới mở ra lòng rộn rã và bỗng nhiên, lại chùng xuống đau đau, cứ ngỡ như thêm lời thêm chữ là lại thêm những hy vọng này mầm.

Tiếc thay, những trang mạng trên xa lộ thông tin

toàn cầu mỗi ngày mỗi thêm phong phú, mỗi phì nhiêu, không cần đợi trúng mùa. Và người viết như nắm tràn mặt đất sau những cơn mưa dù khắc nghiệt hay trái mùa. Và vì thế không gian và thời gian trở thành vô hạn. Nắm độc nắm lành vẫn ào ạt nảy sinh. Ai là người cất công lựa nắm, ai là người ngồi gạn lọc tinh hoa chữ nghĩa có chăng là những người cao tuổi tay run run lần theo chuột máy, gọng kính trề tràng sữa mãi cũng mệt nhoài, cho đến khi lưng còng tay mỏi chỉ còn hơi thở hắt buồn hiu.

Hải ngoại thương ca lần tay đếm thử bao nhiêu người đã bỏ cuộc ra đi, bao nhiêu người đã xắn tay nhập cuộc, chuột máy dờ hơi đành từ bỏ sân chơi.

Vườn chữ nghĩa đi dần vào hoang phế, nên hoa hiền cỏ độc mọc chen nhau. Chút tâm huyết phục hoàn chữ nghĩa giữ tinh anh cho hồn Việt Nam tươi, một sớm một chiều kết thành giọt lệ rơi trên chén trà cốc rượu buồn tênh. Trà nhạt rượu bay giữa chợ chiều văn học. Người đọc ngậm ngùi người viết rung rung; chút thương xót màu mực in và giấy mới đã trở thành dĩ vãng nào xa. Thế hệ thứ hai trưởng thành hải ngoại nghe chuyện văn chương như cổ tích tịch trầm. Xã hội hôm nay ưu tiên thực dụng biết còn ai ngoảnh mặt lại sau lưng để ủng hộ cho những con cò giấy vẫn kiên tâm ngồi nhặt chữ, gom vắn, kết nghĩa, tâm dâng ý kính cho tiền đồ chữ nghĩa Việt Nam. Tổ tiên xây hồn nước từ thời chân đất,

Tin Vaen

bốn ngàn năm dư có giữ mãi được không. Bạn đọc gần xa có cùng chung tâm cảm xin đừng quên lui tới với Tin văn nơi gặp gỡ của những người bơi ngược sóng như lão ngư ông và biển cả quyết tâm cao và cần lắm những bạn chèo.

Ban Biên tập xin gửi chút ý tình quán niệm, tâm dâng thay thành ý gửi bạn đọc gần xa:

**+ Ó Q F K á Y á L W I F K W K Ý
/ - R Q J Ý Ò Q J Y - W U D Q J E - R F Û**

Những con chữ ẩn sâu trên đời giấy
Rơi vào lòng biển sóng dậy cuồng nông
Biển có nhận có cảm cho người viết
Hay mặc tình chữ nghĩa giữa mệnh mông
Lão ngư ông câu nhâm tờ báo cũ
Giấy nhũn mềm hồn chữ đã bay đi
Mặt đại dương xanh ngời ngày nhẹ gió
Dưới đáy sâu mãi luân chuyển cuồng lưu
Biển vô cảm nhận chìm thư tịch cũ
Đời khoan dung lưu hồn chữ ở đâu
Lão ngư ông một đời yêu biển cả
Người viết bọt bèo, đời chữ thâm sâu
Đại dương xanh, bão dông như huyền sử
Giấy trắng tinh thêm chữ hóa sắc màu
Xin đời giữ dùm tinh anh ngữ nghĩa
Người viết ơi! hư cấu tự thật thà
Đời chữ rơi vào đại dương sâu thẳm
Hồn chữ cộng sinh ẩn trú tim người.
Lão ngư ông nhìn biển, trời, thở hắt
Ai ngậm ngùi nhìn báo chữ vờn bay.

Chữ là hồn là tinh anh Tổ Quốc
Còn chữ còn người còn nước thân yêu.

**7 U ² Q W U Ò Q
% D Q % L ã Q 7 · S**

4 Tin Văn



DU' ÂM & HIỆNTHỰC

*Nhân Ngày Quân Lực
VNCH 19-6*

7UP ä QJ 6Ì /P ä QJ

Giở chồng sách cũ, tìm lại hình ảnh ngày xưa, những người lính trẻ của QLVNCH một thời đã phải xếp bút nghiên, lên đường theo tiếng gọi non sông. Họ có hận thù ai không? Chắc chắn là không! Nhưng bổn phận của họ là "ăn cây nào phải rào cây ấy", thế thôi. Giặc đến nhà, làm trai không thể ngồi yên để chờ trời. Giặc đến nhà không thể ngồi đó để ăn chơi hưởng thụ. Thế rồi giặc cộng đã đến theo lệnh quan thầy Mác-Lê và người chiến sĩ QLVNCH đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng, mặc dù đã bị những bàn tay lông lá quốc tế bán đứng vì quyền lợi của họ.

Càng ngày những tài liệu sự thật về cuộc chiến quốc-cộng đã được giải mã, danh dự của người lính VNCH đã và đang được phục hồi. Những hy sinh anh dũng, cao cả của người lính sẽ được ghi vào binh sử mai hậu.

Cho đến giờ phút này, người chiến sĩ của Quân Lực VNCH vẫn tiếp tục chiến đấu trên nhiều chiến trận, vì cuộc chiến ấy vẫn chưa kết thúc, dù họ đã luống tuổi đời. Chỉ có những kẻ hèn nhát mới quay đầu, làm tay sai cho địch. Chỉ có những người hám danh, hám lợi mới luôn cúi theo chân bọn đồ tể lòng lang dạ thú, hại nhà hại nước; chỉ có những kẻ làm chính trị theo thuyết "duy lợi", háo danh, suy luận nông cạn mới lọt vào bẫy sập của những tay phản thù. Thời nào cũng có hạng người như thế! Thời nào cũng có những anh hùng và thời mà không có những tay Việt gian bán đứng anh em, bà con, bạn bè.

Vâng, nhân sinh mỗi người mỗi tính. Có người khi thấy đồng loại máu đỏ thịt rơi là họ đau đớn như chính bản thân họ lâm nạn; nhưng có người thì đứng thờ ơ bỏ đi không một chút bận tâm; có người khi thấy quê hương ngập lặn trong đau khổ vì đại nạn cộng

Tin Vaen

sản, họ đã quên đi đời sống riêng tư của mình để dấn thân vào đại cuộc, góp máu, góp xương cho tự do quê nhà; có người xem nhẹ vật chất, vì vật chất không thu hút được họ trước đại nghĩa, trước sự sinh tồn của quốc gia dân tộc; nhưng có rất nhiều người vật chất đã làm cho họ mờ lý trí, chấp nhận để đồng tiền sai khiến, phản lại anh em, phản lại đồng đội, nhận làm tay sai cho kẻ thù mà từ xưa tới nay vẫn không thiếu những loại người như họ.

Có thể theo thời gian và vì hoàn cảnh sống, họ không còn hăng say đấu tranh như buổi ban đầu trốn chạy cộng sản; có thể vì trăm thứ lý do khác để họ không còn ở trong hàng ngũ của người tỵ nạn cộng sản. Thậm chí vì tư lợi, vì bản chất của họ đổi thay như trời đất đổi mùa, nên họ có thể giao du, mua bán làm ăn với những kẻ một thời hành hạ xác thân họ, gia đình họ, bạn bè họ... Họ có thể làm bất cứ chuyện gì họ thích trên xứ tự do này: ăn chơi, dùng đồng tiền phi nghĩa ấy cho bản thân họ, cho gia đình họ; thậm chí ngay cả việc quay về nơi họ xuất phát để hưởng thụ trên nổi đầu triền miên của đất Mẹ cũng chẳng ai màng tới, miễn là họ âm thầm rời khỏi hàng ngũ của những người Việt tỵ nạn cộng sản là được. Thà như vậy còn rõ ràng hơn là họ ở đây, nhờn nhờn, trà trộn, quấy phá trong tập thể của những người không cùng chiến tuyến, không cùng lý tưởng. Thà như vậy còn hơn là họ đội lốt dưới nhiều danh nghĩa khác nhau để đâm bị thóc, thọc bị gạo, xé lẻ hàng ngũ của chúng ta với mục tiêu duy nhất: tuyên truyền, làm tay sai cho cộng sản, phá nát cộng đồng ở khắp nơi.

Những tên du kích tuyên vận ấy đang mở cuộc tổng tấn công vào tập thể người Việt khắp hải ngoại, theo lệnh của quan thầy Bắc Bộ. Họ tấn công chúng ta bằng phương tiện nào? Súng AK, Súng cối, Hỏa tiễn 122 ly, Xe tăng, Đại pháo... Thừa không, họ đang tấn công chúng ta bằng **mặt trận tuyên vận, sử dụng văn nghệ, văn hóa, báo chí, truyền thông để vô hiệu hóa công cuộc đấu tranh đầy chính nghĩa của chúng ta**. Mục tiêu của họ là gây hoang mang, tạo chia rẽ bằng những lý luận ru ngủ tập thể người Việt ly hương vốn có quá nhiều cảm tính. Họ chính là những người đang sống chung quanh ta, nhờn nhờn trước mắt, lảng xảng vào những công tác của tập thể người Việt, khi úp, khi mở mà chúng ta đã thấy, đã nghe, đã biết.

Vậy đối sách của chúng ta là phải làm gì?

Làm thế nào để nhận diện, đối đầu với chiến dịch tuyên vận cộng sản rất xảo quyệt, tinh vi. Khó lắm! Nhưng không vì thế mà chúng

ta không biết nhận diện, phân loại. Một số đã lộ diện ở khắp nơi mà chúng ta đã biết. Trước nhất là không giao du, không liên lạc, không cần những phương tiện của họ. Bởi họ đã ra mặt. Cây kim trong lai áo lâu ngày phải lòi ra. Vì vậy không tiếp xúc, nhất định không tiếp xúc là xong. Họ dùng chiêu rỉ tai, viết lách lăng nhăng trên diễn đàn ảo để phá hoại? Chúng ta vô hiệu hóa, bằng cách đứng nghe, đừng đọc. Nơi nào họ có mặt, ta không đến, nơi nào ta có mặt mời họ ra... thế là tuyệt chiêu.

Nhân ngày Kỷ Niệm QLVNCH 19-6, ngày tưởng niệm những chiến sĩ đã bỏ mình cho quê hương dân tộc, ngày vinh danh các chiến sĩ một thời cầm súng chiến đấu cho sự tự do của 18 triệu dân miền Nam, chúng ta không ai không có thân bằng quyến thuộc trong hàng ngũ của những người chiến sĩ ấy. Xin hãy thấp nén tâm hương gửi đến hồn thiêng của những người trai trẻ đã nằm xuống cho chúng ta được sống và được hít thở tự do như ngày hôm nay. Đồng thời xin tri ân những chiến sĩ đang sống và xin hãy thêm sức, thêm tinh thần cho họ bền vững, một lòng với đại cuộc giành lại quê hương.

Đã đến lúc những người cầm súng, một thời hy sinh cho chính nghĩa quốc gia, hãnh diện vì màu cờ sắc áo không thể để cho thành phần đâm sau lưng chiến sĩ tiếp tục chui rúc, quấy phá trong hàng ngũ của chúng ta; đồng thời đề cao cảnh giác trước âm mưu chia rẽ để trị của CSVN.

Đã đến lúc chúng ta phải đứng dậy, đứng thẳng, vạch mặt, chỉ tên thành phần trở cò, phá hoại, buôn xương bán máu trước công luận. Chúng ta không bao giờ sợ cộng sản, sợ tay sai cộng sản, vì nơi này là hậu cứ an toàn nhất của chúng ta. Cán bộ việt gian cộng sản chui rúc, lén lút phải sợ chúng ta chứ ta nào sợ chúng.

Đã đến lúc người chiến sĩ QLVNCH phải vun lại niềm tin vì các anh đã đổ máu xương cho cuộc chiến Quốc Cộng đầy chính nghĩa, chính danh. Chúng ta vẫn tiếp tục chiến đấu bằng cách yểm trợ cho phong trào tuổi trẻ yêu nước đang vùng dậy ở quốc nội; đồng thời khuyến khích thế hệ trẻ của chúng ta ở hải ngoại nỗ lực tiếp tay cho quốc nội trước trận chiến sau cùng này. Chế độ công an trị của CSVN đang đứng trước bờ vực thẳm trong trận chiến mất còn ở Biển Đông, sớm muộn cũng sẽ sụp đổ. Chắc chắn hoa tự do sẽ nở rộ trên quê hương Việt Nam một ngày tất đến.

Trương Sĩ Lương

Tin Vaer

Lão Gà tre

&GÓC NHÌN THỜI SỰ

Hoa Kỳ phải đối đầu với ba mặt trận từ Âu sang Á



Trước những khó khăn trùng lập, hiện nay HK đang đối đầu với 3 mặt trận chính đó là: 1) Đông Âu (các nước thuộc vùng Baltic). 2) Khủng bố ISIS nhà nước Hồi Giáo. 3) Xoay trục Á châu (đối đầu với hiểm họa Trung cộng).

Tại Đông Âu, với thể chiến lược mới, Bộ trưởng Quốc phòng, Ashton Carter tuyên bố Hoa Kỳ sẽ phối hợp các công cụ quân sự và phi quân sự để chống trả hành động hung hăng của Nga tại Ukraine. Ông Carter phát biểu khi tới Estonia để dự các cuộc họp với Bộ trưởng Quốc phòng các nước Estonia, Latvia và Lithuania, là những nước từng bị buộc phải sáp nhập vào Liên bang Xô Viết cũ. BT Carter: *“Hoa Kỳ sẽ đóng góp các lực lượng đặc nhiệm, tình báo và các phương tiện quân sự khác, cho một lực lượng phản ứng nhanh mới của NATO, một phần để giúp Châu Âu chống trả bất cứ hành động khiêu khích nào từ nước Nga.”*

Bộ trưởng Carter thảo luận một đề nghị của HK nhằm cung cấp đầy đủ xe tăng và thiết bị quân sự (nặng) khác để trang bị một lữ đoàn cho các cuộc diễn tập và các chương trình huấn luyện khác ở Đông Âu. *“Ukraine chỉ là một phần trong những quan ngại lớn hơn của chúng tôi về Nga hiện nay. Để đáp ứng, chúng tôi sẽ áp dụng một lối tiếp cận chiến lược mạnh mẽ nhưng cân xứng mà mục tiêu là bảo đảm Nga không thể dùng vũ lực để buộc bất cứ ai phải quay lại với quá khứ; đồng thời hoan nghênh và khuyến khích Nga hãy chuyển hướng để nhìn về tương lai.”*

Được biết, đây là hành động quân sự mạnh mẽ của NATO kể từ khi Nga sáp nhập bán đảo Crimea của Ukraine vào liên bang Nga và hỗ trợ quân sự cho phe ly khai ở Ukraine hơn 1 năm qua. BT Carter: *“Phương Tây không tìm cách trở thành kẻ thù của Nga, nhưng sẽ tự vệ trong trường hợp cần thiết. Không ai muốn trở lại tình trạng Chiến tranh lạnh, hoặc rơi vào một cuộc xung đột mới với nước Nga”*. Theo ông, các biện pháp chế tài đối với Nga đã và đang mang lại những kết quả mong muốn là gây khó khăn kinh tế cho Moscow.

Về quyết định có thái độ mạnh mẽ với Nga tại mặt trận Ukraina, ở Đông Âu, có lẽ HK đang “dương Tây, kích Đông”, tức cầm chân Nga tại Đông Âu để dồn nỗ lực qua Á châu Thái Bình Dương, trong đó vai trò quân sự rất quan trọng của Nhật, Úc và Ấn Độ chính là 3 đồng minh thân cận của Hoa Kỳ, sẵn sàng ra quân đối đầu với Trung Cộng, trước khi HK đánh bại 2 nước Đức, Nhật... như hồi Đệ Nhị thế chiến.

Chiến Dịch chống ISIS – nhà nước Hồi giáo



Kể từ ngày 8 tháng 8 năm ngoái, liên minh do Mỹ dẫn đầu đã thực hiện trên 5.000 phi vụ không kích nhắm vào quân khủng bố ở Iraq và Syria, gây hư hại hoặc phá hủy

hơn 6.500 mục tiêu. Trong một cuộc phỏng vấn với đài Al Arabiya, Đại sứ HK tại Iraq, Stuart Jones, hồi tháng Giêng cho biết hơn 6.000 chiến binh, trong đó có những chỉ huy hàng đầu của ISIS, đã bị tiêu diệt.

Một lý do là ước tính tình báo của HK về sức mạnh của lực lượng ISIS có thể quá thấp. Các giới chức tình báo thừa nhận ước tính của họ chưa sát thực tế. Nhưng một số nhà phân tích đã chỉ trích những con số này là quá thấp.

Ông Joscelyn cho biết ngay cả hiện tại, số lượng chiến binh ISIS ở Iraq và Syria "khoảng hơn chục ngàn," bao gồm một tập hợp những chiến binh thánh chiến địa phương, những người từng theo đảng Baath, những người bị trưng binh và chiến binh nước ngoài.

Những chuyên viên khác đưa ra con số 50.000 chiến binh. Một số cựu giới chức thậm chí còn cho rằng ISIS có thể có tới 100.000 chiến binh trong tay. "ISIS dường như đang tuyển mộ 1.000 lính mới mỗi tháng từ khoảng 100 nước rồi đưa vào chiến đấu ở Iraq và Syria," theo ông Michael O'Hanlon, nhà nghiên cứu của Viện Brookings: "Chúng ta không thực sự biết có bao nhiêu chiến binh bên trong ISIS." Dù quân số là bao nhiêu đi nữa, các giới chức quân sự cho biết ISIS vẫn còn đủ lớn để hoạt động hữu hiệu.

Thế nhưng, theo Hoa Kỳ, quốc gia lãnh đạo Liên Minh chống ISIS, cho rằng: Dĩ nhiên là HK đang vận động các nước Á-rập dần thân hơn nữa vào mặt trận này, nhất là về việc đảm trách quân bộ chiến, nhằm đối đầu với ISIS, trong khi HK tiếp tục lo yểm trợ không lực và huấn luyện quân sự, để từ từ giải quyết vấn nạn đám khủng bố tại Trung Đông và khắp nơi trên thế giới.

Tuy nhiên các bình luận gia khác cho rằng: "Nạn khủng bố sẽ không bao giờ chấm dứt, nếu Hoa Kỳ và Tây Phương còn hiện diện trên phần đất lửa (dầu hỏa) của Trung Đông – nhất là vấn đề Do Thái và Palestine chưa được giải quyết.

Hoa Kỳ Xoay Trục Á Châu



Trong vài tháng qua, Biển Đông lại dậy sóng làm cho cả thế giới quan tâm, lo lắng. Dậy sóng thật, chứ không phải hù nhau như mấy năm trước

đây. Chú ba Tàu cộng, lâu lâu thách thức phóng ra biển Hoa Đông lập vùng nhận dạng phòng không – ADIZ; buồn buồn chú ba đưa tàu chiến ra biển Đông nghênh ngang chọc ghẹo tàu Mỹ rồi bỏ

chạy. Và vấn đề lớn lao đang nổi sóng tại Biển Đông là việc Trung Cộng (TC) đang bồi đắp 7 đảo nhân tạo tại đây.

Nếu quay lại quá khứ trong nhiều năm qua, chúng ta thấy rõ TC ngày càng hiếu chiến trên biển Đông:

- Vào tháng 3 năm 2009, Ngũ Giác Đài tổ cáo 5 tàu TC, gồm một tàu hải quân, đã hung hăng áp sát tàu nghiên cứu của hải quân Hoa Kỳ (HK). Tàu này đã bao vây chiếc Impeccable và 1 trong số 5 tàu TC đã tiến sát cách tàu HK chỉ 7 mét. Thủy thủ trên tàu TC vấy cờ Máu và hò hét yêu cầu tàu HK rời đi.

- Tháng 12 năm 2013, tuần dương hạm USS Cowpens đã buộc phải chuyển hướng để tránh đâm vào một tàu đổ bộ TC, theo thông báo của Hạm đội Thái Bình Dương (HK), tàu TC được cho là đã chạy chắn ngang mũi tàu HK rồi dừng lại khiêu khích.

- Bộ Quốc Phòng HK ngày 26-8-2014 tổ cáo một chiến đấu cơ TC J-11 đã bay nhào lộn chung quanh một chiếc máy bay trinh sát, săn tàu ngầm P-8 Poseidon của Hải quân HK.

- Hải quân HK công bố hình ảnh và video cho thấy một tàu chiến TC đã bám theo tàu tác chiến cận bờ USS Fort Worth của HK trong 2 ngày 11-5 và 12-5 tại Biển Đông.

- Đài CNN ngày 21-5 loan tin Hải quân TC đã 8 lần đưa ra cảnh báo xua đuổi máy bay tuần tra P-8A Poseidon của HK nơi Bắc Kinh đang xây trái phép các đảo nhân tạo tại quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Phản Ứng của Hoa Kỳ

- Phát biểu trước báo giới qua chuyến thăm Việt Nam, Ông Blinken Phó Ngoại trưởng Hoa Kỳ nói: *"Các dự án lấn biển, xét về quy mô và khả năng quân sự hóa, có thể tạo mất ổn định và gây thêm căng thẳng trong khu vực. Chúng tôi kêu gọi tất cả các bên tuyên bố chủ quyền kiềm chế, không tạo ra các hành vi gây hấn, mà cần hành xử tranh chấp một cách hòa bình, và thông qua các cơ chế luật pháp"*.

- Phó TT Hoa Kỳ Joe Biden chỉ trích Trung cộng (TC): *"Về vấn đề tranh chấp ở Biển Đông, Hoa Kỳ không đặc biệt đứng về phía một quốc gia nào. Chúng tôi ủng hộ giải quyết tranh chấp một cách công bằng và hòa bình, vì tự do hàng hải. Nhưng ngày nay,*

những nguyên tắc này đang bị thách thức bởi hoạt động của Trung Cộng ở Biển Đông”.

- Sau vụ hải quân Trung Cộng (TC) nhiều lần cảnh báo máy bay do thám của Mỹ trên không phận Biển Đông ngày 20-5-2015, Washington tuyên bố vẫn tiếp tục các chuyến bay tuần tra này, chứng tỏ quyết tâm ngăn chặn tham vọng chủ quyền của TC.

- Đặc biệt, Ngũ Giác Đài rất lo ngại khi thấy các cơ sở quân sự được xây trên các đảo nhân tạo của TC ở Biển Đông có thể được dùng làm nơi phóng các hỏa tiễn chống các tàu bè lưu thông trong vùng biển Đông.

- Rõ ràng, Việt Nam có một nhu cầu hợp tác quốc phòng với Hoa Kỳ. Bộ trưởng Quốc Phòng HK, ông Ashton Carter khi tới Việt Nam đã có những lời phát biểu rất cứng rắn, vạch trần hành động phi pháp của TC tại diễn đàn Shangri-La. Không phải chỉ ông Ashton Carter mà Ngoại trưởng John Kerry và Thượng nghị sĩ John McCain đều cho biết thái độ của chính quyền HK cũng như Thượng viện, Hạ viện rất minh bạch, lên án hành động ngang ngược vi phạm luật pháp quốc tế, ý nước lớn, ức hiếp nước nhỏ, và đó là lý do HK có trách nhiệm trong quá trình xoay trục sang châu Á...

Như vậy, sau khi các lãnh đạo HK đưa ra những tuyên bố quan ngại về các hoạt động xây đảo nhân tạo của TC, Washington nay quyết tâm dùng các phương tiện quân sự để đối phó với Bắc Kinh ở Biển Đông. Nguy cơ đụng độ giữa hai cường quốc ở khu vực này ngày càng tăng.

Phản Ứng của CSVN

Trái lại phản ứng của giới chức Quốc Phòng CSVN thật hèn nhát và khó hiểu. Bộ trưởng Quốc Phòng CSVN Phùng Quang Thanh và BT Quốc Phòng TC, Thường Vạn Toàn, được Báo chí trong nước lên tin Thanh nói rằng cuộc giao lưu hữu nghị Việt–Trung trên biên giới: “Thể hiện quyết tâm trong hợp tác quốc phòng giữa hai nước, cho thấy Việt Nam và TC hết sức coi trọng mối quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện”.

Đúng là lũ hèn với giặc! Khi biển đảo đang bị quân cướp chiếm đoạt làm căn cứ quân sự, gây náo loạn Biển Đông, bất ngờ được Mỹ lên tiếng can thiệp, thay vì im miệng với đám chính trị bộ Hà Nội, thì Thanh vội bay qua biên giới để châu nguyên soái Tàu cộng, nâng bi không biết xấu hổ.

Trong khi đó, tại Diễn Đàn Shangri-La, Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh, trưởng phái đoàn của CSVN tham dự Hội nghị Shangri-La, thay vì lên tiếng tố cáo mạnh mẽ hành động xâm lăng của TC trước cử tọa của nhiều quốc gia, thì y im lặng. Thái độ hèn với giặc như thế, không thể nào biện minh cho bất cứ lý do thâm kín nào được!

Phản ứng của Trung Cộng



Tỉnh bơ, TC vẫn tiếp tục bồi đắp biển đảo không hề nao núng sau khi các quốc gia Hoa Kỳ và đồng minh Đông Nam Á lên tiếng yêu cầu

ngưng công tác gây chiến.

Mới đây, trước chuyến thăm HK của TBT Nguyễn Phú Trọng, Trung Cộng lại đưa giàn khoan HD 981 tới Biển Đông. Sự việc này diễn ra giữa thời điểm Nguyễn Phú Trọng đang chuẩn bị cho chuyến Mỹ du từ ngày 7 đến 9-7-2015. Đây được coi là chuyến đi đầu tiên của một Tổng bí Thư đảng CSVN đến nước cừu thù Hoa Kỳ. TBT Trọng dù đã chấp nhận đầu hàng TC vô điều kiện, nhưng đó vẫn chưa đủ đối với lòng tham không đáy của Bắc Kinh -- vẫn luôn luôn với dã tâm chiếm trọn đất nước Việt Nam.

Việc đưa giàn khoan HD 981 quay trở lại Biển Đông là một mưu đồ xâm lăng có chủ đích, đồng thời cũng để răn đe bộ chính trị CSVN. Trước hành vi hăm dọa này, liệu chuyến đi của ông Trọng có thay đổi và sáng mắt, sáng lòng chút nào không? Hay vẫn lú lẫn vì ăn phải “mê tâm hoàn” như người dân cả nước đều gọi ông là “Trọng Lú”?

Bạn Đọc Góp Ý trên TC-TGM

Việt Nam là nạn nhân trực tiếp lâu đời của Đại Hán bành trướng Bắc Kinh. Mác Lê Mao chính là cái vòng kim-cô tự mang,

Tin Vaen13

cái gông tự cùm mà chỉ một thiểu số người Việt mang phương rách cs ra châu Đại Hán.

Biển đảo là của Việt Nam, TC ngang nhiên đưa quân xâm chiếm, rồi nghênh ngang đào lấp, xây, cất. Liên Hiệp Quốc và tất cả các nước văn minh cần buộc Tàu cộng phải ngưng, rút ngay. Cả thế giới, cả Liên Hiệp Quốc sợ Tàu sao? Nếu không, sao cứ mãi dung dưỡng quân ăn cướp. Đâu cứ phải để cho thằng lớn, thằng mạnh muốn làm gì thì làm? Cứ thẳng thừng, dù có hơi muộn, như Mỹ và cần sớm ra tay can thiệp mạnh, mạnh hơn, hơn nữa... Có như vậy, buộc phải cần như vậy...kẻ gian, kẻ cướp mới chùng tay, mới ngán sợ, mới không dám làm can, làm liều. Nó xây đảo, nó cấm bay, cấm chạy thì chỉ có Nguyên soái họ Phùng của đảng CSVN mới đưa mắt ếch ra nhìn rồi lên tiếng cảnh giác dân tộc đừng nên làm mất lòng nó. Sở dĩ VN không thể làm được gì là vì đám lãnh đạo chỉ là một lũ hèn, có súng ống chỉ là để dọa nạt người dân. Bây giờ họ Phùng chưa biết sống chết ra sao tại Pháp. Trong thời gian 2 tuần qua, nhiều tin đồn về chuyện y bị ám sát, rồi thì là đi chữa bệnh v.v... Điều mà ai cũng biết là đám cs thanh toán nhau để giành chức trước đại hội (ngũ niên) của cộng đảng là chuyện thường.

Trung Cộng làm Biển Đông Dậy Sóng

Những hòn đảo nhân tạo sẽ cung cấp cho Trung cộng sự hiện diện quân sự lớn hơn trong khu vực để củng cố, tuyên bố chủ quyền của Bắc Kinh, với hầu như toàn bộ Biển Đông giàu tài nguyên về cá và năng lượng.

Trường hợp xảy ra chiến tranh, những tiền đồn nhỏ không đủ khả năng tồn tại trong một vài giờ. Sự khác biệt của mục tiêu di chuyển và cố định đương nhiên quá rõ ràng. USS Michigan, một tàu ngầm hỏa tiễn lớp Ohio của Hải quân Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương có khả năng phá hủy “căn cứ không quân” Trung cộng (TC) trên đảo nhân tạo Chữ Thập chỉ trong vài phút. Một đợt tấn công với 10 hỏa tiễn hành trình Tomahawk sẽ tạo ra “con mưa” 1660 quả bom bi trên đảo nhân tạo, phá hủy máy bay, radar, tháp điều khiển, kho chứa nhiên liệu và kho đạn dược. USS Michigan mang tổng cộng 154 hỏa tiễn Tomahawk, có thể hủy diệt 15 hòn đảo trong vài phút.

Lời Kết:

Trung cộng nhờ Mỹ và các quốc gia tư bản đổ tiền vào đầu tư từ đầu thập niên 80 đến nay, nên đã giàu mạnh. Đáng lẽ giàu thì nên

tốt với láng giềng để giúp đỡ, giao thương, sống chung hòa bình, ổn định... Nhưng chứng nào tật đó, Hán tộc vẫn luôn luôn tìm cách tranh giành, hung hăng, hiếp đáp các nước nhỏ lân cận trong vùng Á châu, qua lịch sử mấy ngàn năm như thế.

Trong hai thập niên qua, trên mục bình luận thời sự, chúng tôi đã nhiều lần báo động về âm mưu Hán hóa dân tộc Việt và ý đồ xâm lăng lãnh thổ Việt Nam của Trung Cộng vào đầu thiên niên kỷ thứ ba – một hình thức đô hộ mới, mà không nhiều thì ít những ai quan tâm tới tình hình đất nước, đều có thể thấy.

Sau khi lột xác từ những quái nhân của tập đoàn cộng sản chuyên chế vô sản vào thập niên 1980, Trung Cộng đã tiến lên xây dựng nền kinh tế thị trường, biến thành một thể chế mới gọi là “tư bản đỏ”. Đảng mafia Đỏ này vẫn duy trì độc tài sát máu đối với người dân, nhưng chủ trương phát triển kinh tế thị trường, tư nhân hóa một số công kỹ nghệ cho có lệ, còn đại đa số là thành phần vẫn do Cộng đảng khuynh loát, chỉ đạo.

Song song với phát triển kinh tế là xây dựng một quân đội hùng mạnh, qua chủ thuyết quốc gia Đại Hán để bành trướng thế lực xuống phương Nam, ra biển Đông, làm mưa làm gió, tạo “Biển Đông Dậy Sóng”, với tham vọng đô hộ một số quốc gia trong vùng Đông Nam Á, và cuối cùng là thực hiện giấc mộng trở thành một siêu cường Đại Hán hùng danh thế giới vào thế kỷ thứ 21.

Ngày nay TC xây nhiều đảo nhân tạo, đang liều lĩnh, gây đại họa chiến tranh cho Á Châu là chuyện phải xảy ra. Có lẽ các chiến lược gia của Hoa Kỳ hiểu rõ tham vọng điên rồ của chú ba Tàu từ lâu, nên đã xoay trục để giữ thế đứng quân sự, quyền lợi kinh tế của họ và đồng minh là cốt lõi của thế trận mới. CSVN đi về đâu? Nếu hiểu biết mà nương theo thế trận mới của Hoa Kỳ, lìa bỏ chế độ độc tài cộng sản thì mới mong có cơ hội xây dựng lại quê hương, dân tộc trước đại họa diệt chủng.

Hoa Kỳ và đồng minh đang và sẽ ra quân để đối đầu ba (3) thế lực: Nga, ISIS và Trung Cộng. Trước trận thư hùng với Nga, Tàu, dĩ nhiên sẽ rất nguy hiểm, đại họa chiến tranh nguyên tử: *“10 phần chết 7 còn ba, chết hai còn một mới ra thái bình”*. Hai câu sấm của Cụ Trạng Trình cũng có thể đúng trong ba trận chiến ghê gớm này.

LGT

D P ä Q J ~~Trúc~~ Trúc

M 't mát nào

ch ơng ch 't ng 'W ö D X W K P ä Q J "

Viết cho Martin, nạn nhân trong vụ khủng bố ở Boston.

Ngày 15 tháng 4 năm 2013

Em thật hồn nhiên
thật ngây thơ trong trắng.
Nụ cười vô tư
rực rỡ nắng ban mai.
Tung tăng theo người thân,
đến trước khán đài.
Để chào đón
bước chân người chiến thắng.
Nào có biết đâu,
một âm mưu thâm lặng.
đang được tính toán, thực hiện bởi lũ sói lang.
biến niềm vui thành bao nỗi kinh hoàng.
Tiếng rên xiết thay cho lời cổ vũ.
Máu em đổ
thấm tràn trên đường phố.
thịt da em nhầy nhụa với đờn đau.
Ôi! Tuổi thơ có tội lỗi gì đâu.
Sao gánh chịu những xót xa đến vậy?

...

Martin ơi! Quê hương tôi ngày ấy.
Cũng đầy đầy những thảm cảnh bi thương.
hỏa tiễn rơi vào ngay giữa sân trường.
khi các em đang nô đùa vui vẻ.
Buổi chiều phim, toàn đàn bà con trẻ.
Đã đến hồi gây cán say mê.
một tiếng nổ vang, máu chảy dầm dề.
xương thịt văng khắp nơi trong nhà lồng chợ.

...

Còn nhiều lắm, những chiến công man rợ.
thực thi bằng mọi thủ đoạn nhuốc nhơ.
được biện minh bởi chủ nghĩa hung đồ.

16 Tin Vaên

tạo chiến tích trên máu xương đồng loại.
tự ngàn xưa, bây giờ và mãi mãi.
Cái ác còn, thì còn lắm nhiều nhưng.
mắt mắt nào chẳng chất ngát đau thương.
Nhưng vẫn tin
điều thiện luôn luôn là chân lý.
Quê hương tôi!
Mấy mươi năm trong xích xiềng ngạ quỷ.
mỗi tháng tư về, lại rướm máu trong tim.
Tháng tư năm nay, lòng nhói đau thêm.
Martin ơi!
Giọt nước mắt này xin dành cho em đó!

Dương Thượng Trúc/22/4/2013

¥ KDL ö³X VÓQJ 7P ä QJ

Mình gặp nhau chỉ phút giây ngắn ngủi
Mà em ơi! Xao xuyên cả tâm hồn
Xuân chợt về trong bóng xế chiều hôm
Hoa bùng nở giữa mùa đông lạnh giá

Nụ cười em chói chang tia nắng hạ
Làn mi xinh chấp cánh khối tình si
Gặp phút giây rồi lặng lẽ chia ly
Buồn nào hơn chuyện chúng mình em nhỉ!

Đời có nhau nên đời còn thi vị
Khúc tình ca còn rộn rã trong tim
Nửa kiếp nhân sinh ta mãi đi tìm
Một hình bóng, một hồng nhan tri kỷ

Kẻ Tương giang đầu, người Tương giang vĩ
Giòng sông nào ngăn cách được tình ta?
Phút phân ly đừng hoen lệ nhạt nhòa
Nước mắt ấy dành cho ngày tái ngộ.

Dương thượng Trúc/ 27/5/2015



*0DL 7KDQK 7UXIAW
9, Q KỈD ; + & 1 Q đy | Q*

Vào thời điểm ngay sau ngày 30/4/1975, tâm trạng người dân hoang mang cực độ. Nhà nhà e dè mỗi khi tiếp xúc hay trao đổi với những người hàng xóm thân thuộc trước kia. Không khí xóm giềng thân mật không còn ứng hợp với câu “bà con xa không bằng láng giềng gần” nữa, đổi lại bằng những cặp mắt nghi ngờ, e sợ, nhất là khi thấy bóng dáng một người quen thuộc nhưng trên cánh tay có mang một băng vải đỏ. Đó là hình ảnh tiêu biểu nhứt cho những ngày đầu gọi là “cách mạng”.

Chúng tôi, một nhóm giáo chức của trường Đại học Sư phạm Sài Gòn gồm GS Nguyễn Văn Trường, GS Lý Công Cán, GS Lê Trọng Vinh, GS Trần Kim Nở, GS Trần Văn Tấn, và người viết (đã ở khu cư xá 57 Tự Đức từ mấy ngày trước 30/4), đang ngồi với nhau để bàn thảo xem phải hành động như thế nào, trình diện ra sao, vì hôm đó chỉ là ngày thứ hai của “cách mạng”, tức thứ năm ngày 1/5/1975.

Tình cờ GS Nguyễn Hoàng Duyên, một thành viên của Ban Hóa học của trường lái Honda đến. Tôi đề nghị với các GS huynh trưởng để tôi cùng Duyên lên trường xem xét tình hình trước.

Hai anh em đèo nhau trên chiếc Honda dame, mỗi người một tâm trạng bất an, nhưng vẫn không lộ ra. Khi vào khỏi cổng trường, không khí hoàn toàn khác, không còn một không khí quen thuộc như ngày nào. Một cảm giác nặng trĩu nơi tôi khi nhìn thấy một Giảng nghiệm viên thuộc Ban Vận vật mang băng vải đỏ nơi cánh tay, chặn chúng tôi lại, và hỏi với nét mặt lạnh lùng: “Hai anh vào ghi tên trình diện đi”.

Bước vào một phòng thí nghiệm hóa học, tôi lại thấy anh Nguyễn Minh Hòa (hiện nay là Trưởng khoa Hóa ĐH Sư phạm “tp HCM”, người đã từng tuyên bố là nhờ cách mạng mà vợ tôi mới... mang thai được và tôi có con nối dòng(!)), một giảng viên của tôi, cũng mang băng đỏ trên cánh tay hỏi tôi bằng một giọng lạnh lùng, không còn kính trọng như những ngày trước đó. Dĩ nhiên là tôi ghi tên và bước ra ngoài.

Đi lần đến văn phòng Phó Khoa trưởng, cửa mở toang, tôi thấy Ngô Phàn, một sinh viên Ban Lý hóa của trường đã chạy vào bụng hai năm về trước. Phàn hỏi tôi, trên tay cầm khẩu súng lục nhỏ của GS LCC: “Anh có gặp Ô C. không? Tôi đáp:” GS LCC sẽ vào trình diện sáng nay”.

Quan sát chung quanh sân trường, tôi chỉ thấy vài chị “nhà quê” quần khăn rằn trên cổ, vẻ mặt thể hiện nét thỏa mãn của kẻ chiến thắng bước qua lại, chỉ chỗ các “anh” đeo băng đỏ mà trước đó chỉ vài ngày là những giáo sư của VHCH. Ngoài ra, không thấy bóng dáng của một “cán bộ” hay “bộ đội” của Bắc Việt nào cả.

Tôi và Duyên đi về báo cho các GS đang chờ đợi ở cư xá Tự Đức. Sau đó mọi người lên trường trình diện.

*

Một tháng sau, mọi sự đi dần vào ổn định, nghĩa là mọi thủ tục kiểm soát, kiểm tra đã hoàn tất, số giáo sư của trường được chia ra làm hai nhóm rõ rệt:

- 1- Các giáo sư đeo băng đỏ trong những ngày đầu trở thành các Tổ trưởng và Tổ phó học tập trong đó Tôn Nữ Thị Ninh là một Tổ trưởng sáng giá nhất, và
- 2- Số giáo sư còn lại chiếm đa số là Tổ viên.

Chúng tôi bắt đầu chương trình “học tập” tại chỗ với mỗi tổ khoảng trên dưới 20 người, trong đó, ngoài Tổ trưởng, Tổ phó còn có một GS hướng dẫn học tập mới vào từ miền Bắc. Nơi trường Sư phạm, các “giáo sư” đó đến từ trường ĐHSP Vinh, trong đó, “một cháu ngoan của Bác” tên Trần Thanh Đạm làm Hiệu trưởng, “GS” Cao Minh Thi làm Hiệu phó, “GS” Nguyễn Văn Châu và một số “GS” khác như YẾN, Thoa ...và một số khác tôi không còn nhớ tên. Tuy nhiên, một người Trưởng ban tổ chức mà tôi không bao giờ quên được, đó là Bảy Được, một công an chánh gốc, mà sau này đã hỏi cung tôi cùng với một sĩ quan cấp tá công an là chồng của giáo sư YẾN nói trên.

Dĩ nhiên những buổi học tập trên có tính chất giáo điều, diễn ra trong tẻ lạnh vì thái độ bất hợp tác của đa số giáo sư, ngoài những câu hỏi cò mồi của “đám gs đeo băng đỏ”. Tuy nhiên cũng có những giây phút sôi nổi vì các câu hỏi “móc lò” của một số GS trẻ như Duyên và Tuấn làm cho “đám ba mươi” cứng họng, vì họ làm sao có khả năng giải đáp được trong khi chứa trong đầu một tâm thức nô lệ!

Một kỷ niệm tôi còn nhớ đến hôm nay sau 36 năm là buổi đúc kết học tập. Tổ trưởng của tôi là một tiến sĩ cũng tốt nghiệp bên Pháp và là Phó ban Hóa học thời VNCH tên Nguyễn Thị Phụng. Trong suốt thời gian “học tập”, Cô Phụng thường đi bên cạnh một “nòng cốt” thực sự, tên Bùi Trân Phụng, con một giáo sư Việt Văn bên Đại học Văn khoa. Cô này luôn luôn mặc áo bà ba và quần lãnh đen và cũng “bắt chước” túi sách cán bộ sau lưng. Cô luôn kề cận “anh” Ba Trục của thành ủy. Trong thời gian này, Phụng còn là sinh viên, nhưng ở thời điểm hiện tại, Phụng là một “tiến sĩ” làm việc giữa Sài Gòn và Boston...

Tôi được xướng danh đọc bài bài đúc kết học tập đầu tiên. Vì đã chuẩn bị trước, tôi đã nhờ người học trò “ruột” hiện ở Vancouver soạn thảo, ghi lại tất cả những lời “Bác Hồ dạy” “Bác Tôn dạy” cùng các phát biểu của “Chú Duẩn” v.v... Tất cả được học trò tôi đúc kết, ráp nối trên 30 trang giấy...

Và trong suốt buổi đúc kết, tôi là cây đinh trong đó. Tôi đã chiếm hết giờ dành cho Tổ để đúc kết. Do đó, sau khi thảo luận bài đúc kết, vì đã hết giờ cho nên các đồng nghiệp còn lại của tôi được ra về khoan khoái vì đã tránh được nói lên những điều ngược với lòng mình...

Trong suốt những ngày tháng gọi là “học tập” thỉnh thoảng cũng có những cán bộ cao cấp từ ngoài Bắc vào như Cù Huy Cận, Xuân Diệu và nhiều người khác... giảng dạy về thiên đường cộng sản.

Một hôm, tại giảng đường II của Đại học Khoa học có sức chứa gần 500 người, nhà thơ tình lãng mạn “ngày xưa” *Xuân Diệu* đang đàn. *Có thể nói, chưa bao giờ tôi có thể hình dung được một cán bộ cao cấp của cộng sản, từng giữ chức Thứ trưởng Văn hóa (?) Bắc Việt có những thái độ và cung cách thiếu văn hóa như thế.* Ông Xuân Diệu, với cái áo sơ mi bò ngoài, mang đôi dép lẹp xếp, vai mang cái bị da cán bộ...chễm chệ ngồi trên cao...tự do phát

ngôn. Bên cạnh đó hai chai bia Con Cọp BGI 75cc và một ly lớn. Vừa uống, vừa nói, tay chân “quên hoang” với luận điệu của kẻ chiến thắng...

Và những câu nói ngày hôm đó là bài học ...đầu tiên của tôi sau “cách mạng” như tựa đề của bài viết này và hình ảnh cây cỏ thụ minh họa.

Ông ta nói cái gì?

Xin thưa,

Ông ta chê chế độ Việt Nam Cộng Hòa, đặc biệt là giới trí thức miền nam, giới Giáo Sư đại học...và ví tất cả như những cây cỏ thụ xum xuê cành lá nhưng...không có rễ. (xin các Giáo Sư có mặt ngày hôm đó, hiện đang ở hải ngoại làm chứng dùm cho tôi, kéo tôi bị nói oan là bêu xấu chế độ ưu việt bằng triệu lần tư bản).

Sau 36 năm, nghiệm lại câu nói năm xưa của một thi sĩ “*thương cha thương một, thương ông thương mười*” của Tố Hữu, người bạn của Xuân Diệu, lòng tôi chùng xuống và cảm thương cho một người lớn lên trong “cách mạng”, được “cách mạng” nuôi dưỡng... cho nên mới có ý so sánh đây ‘biện chứng’ trên.

Ba mươi sáu năm qua, bây giờ cả thế giới mới thực sự thấy rõ hình ảnh Việt Nam ngày nay, hình ảnh này đã chứng minh rành rành qua một đất nước tan hoang từ xã hội băng hoại cho đến đạo đức suy đồi, trong đó giáo dục thể hiện tất cả những gì tồi tệ nhất như thầy trò, cô trò...có thể trao thân vì những đổi chác cho một kỳ thi, hay một mảnh bằng, chưa kể những tệ hại khác không cần phải nêu ra đây. *Có thể nói trong lịch sử giáo dục Việt Nam chưa có thời đại nào đưa đến sự đảo lộn luân thường đạo lý như giai đoạn hiện tại của Đất và Nước như hôm nay.*

Bài học đầu tiên của Xuân Diệu 36 năm về trước về cây cỏ thụ cần phải được xem xét lại.

Kết luận của bài tản mạn này cần phải nói cho rõ ráo là “Cây cỏ thụ xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện tại là một cây chết khô, không hoa, không lá, không rễ và thân cây đã mục nát, thậm chí mối và mọt cũng không còn gì để gặm nhấm được”.

Mai Thanh Truyết

Bài đầu tiên của thời “gác kiếm”

&KL + XE



Ốc đảo

Trở về ốc đảo

Nghe bình yên khi nắng rũ hiên nhà

Nghe con trăng buồn lặng lẽ về đêm

Một tách trà

Một câu thơ cổ

Soi bóng mình nghiêng theo vết đồ rong rêu

Thấy bờ nhân sinh xao xác mộng

Chuyện đời

Chuyện người

Vờn theo cánh gió

Tịch nhiên

Hờ hững ngắm mây bay!

Từ Em

Từ em bỏ phố lên rừng

Bỏ trăm năm mộng lưng chừng cuộc chơi

Từ em ngưng đếm sao rơi

Mịt mù sanh tử nghiệm đời: sắc không

22 Tin Vaên

Hu ênh Công Ánh
7 K ä Q K æ E ± Q

Máu chảy ngược về / về cõi tâm
về Hà Kỳ Lam

Vọng vọng nhớ người
Lời gọi thăm
Sông quanh quanh núi
Núi lam lam
Nhớ tời bạn, cơ hồ
Rượu rượm
Máu ngược về
Về ấp cõi tâm

Thả tiếng xuống đời / Thơ rất thơ
về Nguyễn Lương

Chênh chếc nghiêng nghiêng
Triền núi mờ
Xa xa bóng xuống
Chiều chiều mơ
Chim xoải cánh bay
Nghìn phương lạ
Thả tiếng xuống đời / Thơ rất thơ

Thoảng tựa đời người / Con gió đưa
về Trần Quán Niệm

Gởi trái tri ân lên
Đúng mùa
Muôn màu diễm tuyệt diễm
Thu xưa
Vàng, tím, nâu, xanh rùng
Bạt bạt
Thoảng tựa đời người
Con gió đưa

3K±P 7U³Q \$QK 3KÝF KR±W Y,Q KİD öÆ SKÝF I 0LQK 7ULÁW 9LÈW

Nhân loại bước vào thiên niên kỷ thứ ba với thời cực thịnh của nền văn minh cơ khí kỹ thuật cùng với cuộc cách mạng điện tử, con người sống trong một xã hội hậu công nghiệp với mọi tiện nghi vật chất và một cuộc sống thực dụng. Thế nhưng trong tâm thức mỗi người vẫn vang lên tiếng gọi trở về nguồn cội để được tắm mát trong nguồn suối tâm linh, giải tỏa mọi ức chế tinh thần, mọi gò bó thôi thúc của cuộc sống đời thường. Nhu cầu tâm linh đã trở nên một yêu cầu bức thiết từ trong sâu thẳm của tâm hồn mỗi chúng ta. Khác với Thần thoại thường được thần thánh hóa những sự việc không có thật nên đầy tính hoang đường huyền hoặc, truyền thuyết thường dựa trên những nét căn cơ nền tảng được hư cấu cho thêm phần huyền ảo nên một triết gia đã nói “Huyền thoại thật mà không thật”.

Ngày nay không ai có thể phủ nhận được giá trị của những truyền thuyết huyền thoại mà nó còn được xem như lịch sử dân gian nên có giá trị trung thực hơn cái gọi là chính sử của các chế độ độc tài trong lịch sử. Triết gia thời danh Carl Jung đã xem huyền thoại là “Đạo sống” của một dân tộc mà theo ông thì *“Nếu một dân tộc nào quên đi huyền thoại thì dân tộc đó, dù là những dân tộc văn minh nhất sớm muộn gì cũng bị tiêu vong ..”*. Wallace Clif cũng cho rằng *“ Nếu dân tộc nào để mất đi huyền thoại là đánh mất mạch nối vào nguồn cội quá khứ của tổ tiên và cũng mất luôn căn bản cho việc xây dựng tiền đồ của dân tộc đó..”*.

Trong lịch sử nhân loại, nhiều dân tộc đã không tồn tại được với thời gian vì không có truyền thuyết khởi nguyên của dân tộc. Huyền thoại là mạch sống nối cội nguồn quá khứ với thể hệ hiện tại và mai sau, chính là tài sản vô giá ghi nhận những cảm nghiệm nội tâm của người xưa đã thực chứng suốt dòng vận động của lịch sử. Cũng như nhiều học giả ngoại quốc khi nghiên cứu về lịch sử Việt Nam, nữ sĩ Blaga Dimitrova đã hết sức ngạc nhiên xen lẫn thán phục dân tộc Việt Nam, một dân tộc mà huyền thoại và hiện thực đan quện hòa lẫn với nhau đến nỗi khó có thể phân biệt đâu là huyền thoại đâu là hiện thực nữa. Huyền thoại Việt tuy huyền mà không ảo, tuy hư mà lại có phần thực đến độ không thể ngờ được. Đặc biệt, huyền thoại Việt hầu như vắng bóng thần linh mà thay vào đó là hình ảnh những ông Tiên bà Tiên hiền lành cứu người giúp đời.

Người Việt vốn là cư dân nông nghiệp nên có một lối suy nghĩ tổng hợp và linh hoạt khác với lối suy nghĩ phân tích của dân du mục Hán tộc và phương Tây. Chính vì vậy, huyền thoại Việt mang tính lưỡng hợp và hiện thực. Với một cái nhìn tổng hợp, người Việt cổ xưa tin thờ cả thần linh lẫn nhân thần mà ngay cả thần linh cũng được người xưa nhân cách hóa với đầy đủ tính người buồn vui, thương yêu hờn giận như người thường. Điều này chứng tỏ tri thức của người Việt cổ xưa đã vượt qua thời kỳ bái vật để đạt mức tâm linh, hướng tới vai trò của con người, chủ thể của cuộc sống để con người đứng vững trên đôi chân của chính mình. Người Việt cổ còn siêu vượt lên để trút bỏ bộ áo thần tiên của vật tổ biểu trưng Rồng Tiên để hóa thân thành những con người hiện thực: Bố Lạc Mẹ Âu, người anh hùng lập quốc và khai sáng văn hóa của nền minh triết nhân bản tâm linh Việt.

Mỗi dân tộc đều có những truyền kỳ lịch sử được thần thoại hóa thể hiện lòng tự hào dân tộc mang tính sử thi của mình. Thật vậy, huyền thoại Rồng Tiên về ngọn nguồn huyết thống Việt tuy đượm vẻ huyền hoặc nhưng lại tràn đầy tính hiện thực, thấm đậm nét nhân văn của truyền thống nhân đạo Việt Nam. Huyền sử con Rồng cháu Tiên là niềm tự hào của nòi giống Việt. Đã là người Việt Nam thì từ em bé thơ ngây đến cụ già trăm tuổi, từ bậc thức giả uyên bác đến bác nông dân suốt đời chân lấm tay bùn, không ai không một lần nghe truyện cổ tích Họ Hồng Bàng. Thật vậy, ai trong chúng ta mà không biết về nguồn cội Rồng Tiên với thiên tình sử của “Bố Lạc Mẹ Âu” mở đầu thời kỳ dựng nước của dòng giống Việt. Truyền thuyết Việt Nam nói đúng hơn đó là truyền kỳ lịch sử Việt Nam được hư cấu dưới lớp vỏ huyền thoại nhưng thực chất lại đề cao con người với ý nghĩa nhân bản truyền thống.

Truyền thuyết Việt Nam biểu trưng một triết lý văn hóa cao đẹp không những thấm đậm tính nhân đạo, chan chứa vẻ nhân văn, tràn đầy tình đồng bào, nghĩa ruột thịt qua hình tượng “Bọc điều trăm trứng nở trăm con”. Từ ý niệm đồng bào dẫn đến lòng yêu nước, thương nòi, yêu quê cha đất tổ, tất cả đã trở thành giá trị đạo lý truyền thống của nền văn minh đạo đức Việt Nam. Henri Bernard Maitre đã ca tụng nét đẹp văn hiến của Việt tộc qua đền thờ gọi là “Văn miếu”. *“Văn Miếu không phải để cầu kinh hay làm bùa phép mà là nơi trang trọng ghi ơn các anh hùng dân tộc, các danh nhân văn hóa, các vị Tiên sĩ với những chuẩn mực đạo đức để con cháu đời sau ghi sâu vào tâm khảm bài học về đạo làm người Việt Nam, xứng đáng với hoài bão của Tiên Nhân”*.

Đối với người Việt, việc thờ cúng Ông bà Tiên tổ là đạo lý làm người, một phần trong đời sống tâm linh của người Việt. Từ xa xưa người Việt coi trọng đạo nghĩa nên thường nghĩ tới ngày giỗ của người thân hơn là chú trọng đến ngày sinh nhật của mình. Ngày nay, dù giới trẻ quan tâm nhiều đến ngày sinh nhật nhưng cũng không quên những ngày kỵ giỗ người thân trong gia đình. Đạo thờ cúng Ông bà là một “Việt đạo”

thể hiện đạo lý làm người của Việt tộc. Linh mục Cadière một thừa sai ngoại quốc đến Việt Nam truyền giáo phải thốt lên *“Việt Nam là một dân tộc có tinh thần tôn giáo cao độ ...”*.

Học giả P. Mus nghiên cứu về Việt Nam cũng thừa nhận rằng *“Dân tộc Việt có một đời sống tâm linh cao, người Việt không làm việc, họ tế tự”*. Thật vậy, người ngoại quốc ngạc nhiên khi thấy *“Mỗi gia đình Việt Nam là một nhà thờ, nhà nào cũng có bàn thờ gia Tiên ở chính giữa nhà. Trong đời sống tâm linh Việt, Nhất cử nhất động, việc gì cũng tràn đầy tính chất thiêng liêng, thờ phượng, tế lễ, cúng giỗ với tất cả tâm lòng chí thành”*. Đây chính là điểm đặc thù độc đáo thấm đậm bản sắc dân tộc, tràn đầy vẻ nhân văn của triết lý văn hóa nhân chủ. Thật vậy, trong đời sống tâm linh Việt không chỉ hiển hiện ở bàn thờ Gia Tiên mà đền thờ ngự trong tâm thức mỗi người. *“Người Việt không tham dự vào các buổi lễ để được ban phát ân sủng, mà họ hiệp thông cầu nguyện như một người Tư tế, với tất cả tính chất thiêng liêng của một tôn giáo”*. Điều này thể hiện giá trị cao đẹp đặc trưng đời sống tinh thần của người Việt cổ.

Thờ cúng tổ tiên chính là đạo lý làm người, là cái gì thiêng liêng cao cả truyền từ đời này sang đời khác. Chính dòng sống tâm linh này đã góp phần bảo tồn dòng giống Việt. Truyền thống thờ cúng ông bà không còn là một tập tục, một tín ngưỡng đơn thuần mà đã trở thành đạo lý của dân tộc. Đạo thờ cúng ông bà được xem như Tổ Tiên chính giáo của đạo làm người Việt Nam mà Nguyễn Đình Chiểu một sĩ phu yêu nước thế kỷ XIX đã ân cần nhắc nhở *“Thà đui mà giữ đạo nhà, Còn hơn sáng mắt ông cha không thờ”*. Là người Việt Nam ai cũng biết uống nước phải nhớ nguồn vì *“Công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. Một lòng thờ mẹ kính cha, cho tròn chữ hiếu mới là đạo con ...! Ông cha mẹ thể không lỗi đạo, Thờ sống sao thờ thác làm vậy ... Công cha nghĩa mẹ xưa nay, Con nguyện ghi nhớ thảo ngay một lòng ...!* Đây chính là điểm độc đáo của định sống tâm linh Việt vẫn tiếp nối truyền lưu trong mỗi con người Việt Nam chúng ta hôm nay và mãi mãi về sau. Thật vậy bên cạnh đời sống thực tế khổ đau trước mắt, vẫn hiển hiện một đời sống tâm linh sâu thẳm thấm đậm tính nhân bản hiện thực cao đẹp ... Chính dòng sống tâm linh đó đã tạo cho mỗi người Việt Nam một quan niệm sống lạc quan yêu đời, an nhiên tự tại nhưng vẫn sẵn sàng hy sinh mạng sống cho nền độc lập thực sự, quyền tự do thực sự và sự ấm no hạnh phúc thực sự cho mỗi con dân đất Việt.

Lịch sử Việt là lịch sử của sự thăng trầm từ khi lập quốc đến ngày nay trải qua hàng ngàn năm đô hộ của giặc Tàu, gần một trăm năm nô lệ giặc Tây và hơn nửa thế kỷ nô dịch văn hóa ngoại lai. Trong suốt trường kỳ lịch sử, Hán tộc bành trướng với ưu thế của kẻ thắng trận và thủ đoạn thâm độc quỷ quyệt đã không những dùng mọi phương cách để đồng hóa Việt tộc bằng cách xóa đi mọi dấu vết cội nguồn, bóp méo sửa đổi lịch sử khiến thế hệ sau chỉ biết tìm về lịch sử trong một mớ “chính sử” hỗn độn

mơ hồ. Mỗi một triều đại Hán tộc đều chủ tâm thay đổi địa danh, thủy danh xưa cũ của Việt tộc cùng với ảnh hưởng nặng nề của một ngàn năm đô hộ của sự nô dịch văn hóa khiến ta chấp nhận tất cả như một sự thật mà không một chút bận tâm. Thế nhưng... Lịch sử vẫn là lịch sử của sự thật dù bị sửa đổi vùi lấp hàng nghìn năm dưới ánh sáng của chân lý khách quan trước thềm thiên niên kỷ thứ ba của nhân loại.

Bước sang thiên niên kỷ thứ ba, ánh sáng của sự thật soi rọi vào quá khứ bị che phủ hàng ngàn năm bởi kẻ thù Hán tộc bành trướng. Trong thiên niên kỷ thứ hai, nhân loại sững sốt trước cái gọi là “Nghịch lý La Hy” khi trước đây nhân loại cứ tưởng tất cả nền văn minh Tây phương là của đế quốc Hy Lạp La Mã để rồi phải xác nhận đó chính là nền văn minh của Trung Quốc. Cuối thiên niên kỷ thứ hai, nhân loại lại ngỡ ngàng khi thấy rằng cái gọi là nền văn minh Trung Quốc lại chính là nền văn minh của đại chủng Bách Việt. Vấn đề đặt ra cho chúng ta là phải nhìn lại toàn bộ lịch sử Việt để phục hồi sự thật của lịch sử để xóa tan đám mây mờ che lấp suốt mấy ngàn năm lịch sử bởi kẻ thù truyền kiếp của dân tộc.

Trong lịch sử nhân loại, có lẽ không một dân tộc nào chịu nhiều mất mát trầm luân như dân tộc Việt với những thăng trầm lịch sử, những khốn khó thương đau. Ngay từ thời lập quốc, Việt tộc đã bị Hán tộc với sức mạnh của tộc người du mục đã đánh đuổi Việt tộc phải rời bỏ địa bàn Trung nguyên Trung quốc xuống phương Nam để rồi trụ lại địa bàn Việt Nam bây giờ. Trải qua gần một ngàn năm đô hộ, với chiến thắng Bạch Đằng Giang năm 938 của Ngô Quyền mới chính thức mở ra thời kỳ độc lập của Việt tộc. Tuy thất bại về quân sự nhưng nền văn hóa của Việt tộc đã thấm nhập vào đất nước và con người Hán tộc để hình thành cái gọi là văn minh Trung Quốc. Chính sử gia chính thống của Hán tộc là Tư Mã Thiên đã phải thừa nhận một sự thực là “ *Việt tuy gọi là man di nhưng tiên khởi đã có đại công đức với muôn dân vậy ..!*”. Vạn thế sư biểu của Hán tộc là Khổng Tử đã ca tụng nền văn minh rực rỡ, xác nhận tính ưu việt của nền văn minh Bách Việt ở phương Nam. Trong sách Trung Dung Khổng Tử đã viết như sau: “*Độ lượng bao dung, ôn hòa giáo hóa, không báo thù kẻ vô đạo, đó là sức mạnh của phương Nam, người quân tử ở đây ..! Mặc giáp cưỡi ngựa, xông pha giáo mác, đến chết không chán, đó là sức mạnh của phương Bắc. Kẻ cường đạo ở đó ..*”. Trong kinh “Xuân Thu”, Khổng Tử đã ghi lại bao nhiêu trường hợp cha giết con, con giết cha, cha cướp vợ của con, con cướp vợ của cha, anh chị em dâm loạn với nhau, bề tôi giết chúa ... Điều này chứng tỏ Hán tộc du mục vẫn còn dã man với lối sống du mục ngay trong giới quý tộc chứ đừng nói đến bình dân. Thế mà chính sử Trung Quốc cứ vẫn sao chép Việt tộc là man di, các Thử sử Thái Thú Hán vẫn lên mặt giáo hóa dân Việt trong khi Bách Việt ở phương Nam đã đi vào nền nếp của văn minh nông nghiệp từ lâu.

Chính “Vạn thế Sư biểu” của Hán tộc là Khổng Tử cũng đã phải đem những nghiên cứu, sưu tập, học hỏi của nền văn minh Bách Việt phương Nam đặt để thành những quy luật, trật tự cho xã hội phương Bắc. Tất cả những “Tứ thư, ngũ kinh” được xem như tinh hoa của Hán tộc đã được chính Khổng Tử xác nhận là ông chỉ kể lại “Thuật nhi bất tác”, sao chép lại của tiền nhân chứ không phải do ông sáng tác ra. Ngày nay, sự thật lịch sử đã được phục hồi khi giới nghiên cứu đều xác nhận hầu hết các phát minh gọi là văn minh Trung Quốc từ nền văn minh nông nghiệp đến văn minh kim loại, kỹ thuật đúc đồng, cách làm giấy, cách nấu thủy tinh, cách làm thuốc súng, kiến trúc nóc oản mái và đầu đao cong vút ... tất cả đều là của nền văn minh Bách Việt.

Bước sang thế kỷ XIX, dân tộc Việt chưa tháo gỡ được cái ách thống trị của thực dân Pháp thì chủ nghĩa cộng sản đã tràn vào Việt Nam đưa dân tộc Việt vào thế khốn cùng. Cộng sản Việt Nam đã núp dưới chiêu bài giải phóng dân tộc để bành trướng chủ nghĩa cộng sản, tạo cơ hội cho tư bản nhân danh thế giới tự do nhảy vào can thiệp, ngăn chặn làn sóng đỏ xuống Đông Nam Á. Hậu quả là gần một chục triệu người đã phải hi sinh oan uổng để rồi hơn tám mươi triệu đồng bào đang phải sống dưới chế độ cộng sản bạo tàn phi nhân và đất nước Việt Nam ngày nay vẫn còn là một đất nước nghèo nàn nhất thế giới.

Với chủ trương nô dịch của cộng sản, biết bao thế hệ Việt Nam bị nhồi nhét nền văn hóa Mác-Lê phi nhân tàn bạo mà hậu quả là tạo ra những cỗ máy vợ hôn, những con người vợ cảm lạnh lùng, vong bản mất gốc. Hơn ba triệu đồng bào Việt Nam đã phải bỏ nước ra đi tìm tự do nên thế hệ con em chúng ta ở hải ngoại phần nào bị ảnh hưởng của văn hóa ngoại lai mang tính thực dụng, quên đi bản sắc văn hóa truyền thống Việt chan chứa tình người. Chính vì vậy, vấn đề hết sức khẩn thiết là làm sao phải phục hoạt văn hóa Việt, phục hưng minh triết Việt để tẩy rửa mọi ý hệ ngoại lai. Thế hệ con em chúng ta sẽ hiểu rõ hơn về cội nguồn dân tộc, thấy rõ hơn giá trị cao đẹp của bản sắc văn hóa truyền thống Việt và có quyền tự hào là “con Rồng cháu Tiên” của một dân tộc có gần năm ngàn năm văn hiến để ngẩng cao đầu sánh vai cùng các cường quốc trong thiên niên kỷ thứ ba của nhân loại.

PHẠM TRẦN ANH



“Thơ vốn là mộng, là tưởng tượng, là tách rời thực tế, nhưng mộng trên những tình tự thực. Không chấp nhận loại thơ tình tự hoang. Có khoa học giả tưởng, không có thơ giả tưởng. Nói thơ là nói đến thế giới huyền tưởng, huyền tưởng trên sự thực để thăng hoa sự thực, chứ không bắt chấp, không chối bỏ sự thực. Nhà thơ không được láo; nhà thơ phải thực nhưng thoát sáo sự thực thành mộng để đưa hồn tính người yêu thơ vươn lên sự thực muôn đời đạt đến chân lý cuộc sống. Thiên chức thi ca là ở chỗ đấy.

“Tôi xin nhắc ; sự thực muôn đời là cơ sở duy nhất của thi ca; vì có sự thực cho riêng một người, có sự thực cho riêng một thời, nhưng vẫn có sự thực cho muôn đời, sự thực bao quát không gian, thời gian, chân lý cuộc sống.”

Vũ Hoàng Chương

s l , K E ' , ™ ' E '

Phương xa

Nhỏ neo vội, thuyền ơi! Xin mặc sóng
Xô về đông hay dạt tới phương đông,
Xa mặt đất giữa vô cùng cao rộng
Lòng cô đơn, cay đắng họa dần vơi.

Tin Vaen29

Lũ chúng ta, lạc loài dăm bảy đứa
Bị quê hương ruộng bỏ, giống nòi khinh
Bề vô tận sá gì phương hướng nữa,
Thuyền ơi thuyền! Theo gió hãy lênh đênh.

Lũ chúng ta đầu thai lắm thế kỷ,
Một đời người u uất nổi trơ vơ,
Đời kiêu bạc không dung hồn giản dị,
Thuyền ơi thuyền! Xin ghé bến hoang sơ.

Men đã ngấm, bọn ta chờ nắng tắt,
Treo buồm cao cùng cao tiếng hò khoan
Gió đã nổi, nhịp giăng chiều hiu hắt,
Thuyền ơi thuyền! Theo gió hãy cho ngoan.
VHC

THÂM TÂM

Tổng biệt hành

Đưa người ta không đưa qua sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiếu không thắm, không vàng vọt,
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?
Đưa người, ta chỉ đưa người ấy
Một già gia đình một dừng dừng...
-Ly khách! Ly khách! Con đường nhỏ,
Chí nhớn chưa về bàn tay không,
Thì không bao giờ nói trở lại!
Ba năm, mẹ già cũng đừng mong.

Ta biết người buồn chiều hôm trước:
Bây giờ mùa hạ sen nở nốt,
Một chị hai chị cũng như sen
Khuyên một em trai dòng lệ sót.
Ta biết người buồn sáng hôm nay;

Giời chưa mùa thu, tươi lắm thay,
Em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc
Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay...
Người đi? Ừ nhỉ, người đi thực!
Mẹ thà coi như chiếc lá bay,
Chị thà coi như là hạt bụi
Em thà coi như hơi rượu say.

TT

K N E ' < , E ,
tạm dung

Em đứng đón, người về từ âm phủ
Với cảm giác trùng trùng bão biển sau lưng
Giữa những ám ảnh bụi từ trong ta bốc
Hay những oan hồn làm bụi phủ quanh ta

Em đã nói gì trong cơn mê loạn đó
Những tiếng nói thất thanh trong cổ họng đầy
Và hơi hải kinh hoàng và khóc sụt mướt
Khóc, khóc dùm ta, khóc nữa đi em

Như vậy đó biển hằng ngày tăng trưởng
biển mọc trong đầu biển khắp tay chân
biển xót xa em từ cái răng cái tóc
con mỹ nhân ngư này tên gọi thuyền nhân

Em gieo đậu mọc thành cây giá trắng
mang nặng trên đầu hạt quá khứ kinh phong
trong chốn âm u hạt kia vỡ mộng
sẽ lớn kinh hoàng tiêu hủy xác thân

em trồng tia gì trong dòng nước phế thải
rau muống lên bờ trở ngọn trắng hoa
là bí rợ rợp nhung xanh ngoài giậu
kẻ sống sót vào ngòi đờ năng đờ sương.

CDK



Hoàng Lan

7 K ã W ß 0 Á

*Tôi kể anh nghe chuyện một người
Ngồi bên mộ mẹ buổi hoàng hôn
Mắt nhìn từng lá vàng thương nhớ
Nhật ánh tà dương vỡ qua hồn*

Mẹ tôi là người đàn bà tần tảo, mẹ tháo vát lắm mới nuôi được mười một người con mẹ nên người. Các anh chị tôi và tôi đều cảm nhận điều đó, không phải tôi tự ca tụng mẹ, nhưng thật sự mẹ thật tuyệt vời, sự hi sinh của Mẹ dành cho chúng tôi cao cả quá, lúc chúng tôi còn nhỏ, nghe kể lại đã có không biết bao nhiêu lần mẹ tôi hai ngày không có gì trong bụng, có được miếng ăn là mẹ đã cho chúng tôi còn đâu tới phần mẹ.. Không chỉ sự hy sinh, siêng năng, cần cù mà cả tâm tánh mẹ tôi thật ôn hòa bao dung, không mịch lòng ai cả. Mặt nước hồ thu đôi lúc còn có những gợn sóng lơn tơn vì gió nhẹ, nhưng mẹ còn hiền hòa hơn cả mặt nước trong hồ. Chúng tôi thương mẹ lắm... Mẹ không những chỉ yêu thương các con của mẹ mà mẹ còn yêu thương cả những người lính năm xưa . Tôi còn nhớ trong xóm tôi lúc đó hầu như mọi nhà đều có nhưng người con vào lính . Mỗi khi nhà nào có con đi lính hy sinh, là tất cả những bà mẹ trong xóm đều ôm chầm nhau mà khóc . Đã nhiều lần tôi thấy mẹ tôi về nhà vẫn còn khóc thật nhiều cho các anh những người trai quê hương đã nằm xuống .

Đến lúc năm người chị tôi vừa lớn, tất cả đều ra quán giúp mẹ. Mẹ tôi còn còn có thêm khoảng sáu người giúp việc, bởi mẹ nấu ăn ngon và nhiều người quý mến nên quán mẹ tôi bán đắt hàng lắm, lúc nào cũng đông nghẹt khách. Vừa mờ sáng mẹ đã mở quán đến chiều tối có lẽ mẹ đã thấm mệt rồi, thế nhưng mẹ vẫn mở thêm cả buổi tối khuya chờ các anh đi hành quân về, mẹ bán cho lính không cần lời, đĩa cơm của các anh lúc nào cũng đầy và đặc biệt . Mẹ hay nói đòi lính kham khổ lắm, tiền lương cũng không được nhiều . Các chị tôi cũng giống mẹ , rất mực yêu thương lính... Mẹ

thích nghe mấy chị và tôi hát nhạc lính lắm . Mẹ dạy tôi hát bài “Áo cưới màu hoa cà”, nên từ dạo đó màu tím đã gắn liền với tôi thật đẹp và đầy thơ mộng...

Sau ngày mất nước, các người lính đều phải đi tù cải tạo . Lúc nào tôi cũng thấy trong quán mẹ tôi; mẹ và các chị làm sẵn rất nhiều túi vải trong đó có gạo, sữa, đường, vải v.v... để tặng cho những người đi thăm nuôi hoặc các anh lính bị đi tù cải tạo về . Mẹ còn để vào tay các anh một ít tiền nữa . Khi các anh đi rồi, tôi thấy mẹ tôi vẫn còn rướm rướm nước mắt . Thật tội nghiệp cho những người lính và cho cả mẹ tôi; mẹ buồn theo quê hương...

Giòng sữa mẹ cho con niềm cảm xúc

Một tình người lan rộng giữa yêu thương

Nhờ sữa mẹ cho con niềm hun đúc

Nên một đời con thương cảm quê hương

Sau khi đến Hoa kỳ, mẹ lần lượt đến ở xoay vòng từng nhà với các con của mẹ. Tất cả các anh chị của tôi đều có hiếu với mẹ lắm, nhưng mẹ hầu như ở với tôi thường xuyên hơn, bởi vì tôi là con gái út của mẹ, phần từ ngày anh đi xa làm ăn và chọn nơi đó làm niềm vui, tôi và anh chia tay . Tôi không trách anh bởi vì tôi giống mẹ, muốn trách người phải tự trách mình . Tôi tin tất cả đều là duyên nợ . Tôi sống bơ vơ nên mẹ đã thương tôi nhiều càng thêm nhiều . Tôi quán quít bên mẹ, ăn gì cũng đều có mẹ có con, chỉ tiếc là lúc đó mẹ thích ăn khổ qua, còn tôi thì chưa biết . Mẹ tôi bảo những người biết khổ cực tự dung sẽ biết ăn khổ qua . Bây giờ tôi cũng đã biết ăn, nhưng không có mẹ cùng ăn với tôi, mỗi lần ăn những món ăn mẹ thích, tôi buồn và nhớ mẹ vô cùng . .

Mẹ tôi ngã bệnh thật đột ngột, nhưng thần trí vẫn còn rất sáng suốt. Lúc ở nhà thương, tôi đọc thơ lính cho mẹ nghe, mẹ nhìn tôi cười thật mãn nguyện. Mẹ tôi có nụ cười có duyên lắm, lại đẹp nữa...

Nụ cười mẹ tôi tắt hẳn vào một ngày cuối Thu, ngày mà mẹ nắm tay tôi thật chặt, có lẽ mẹ không nỡ rời bỏ tôi. Tiếng niệm Phật vang đều trong máy, nhưng tôi vẫn khóc như mưa. Trong tiếng khóc, tiếng tôi vắng bên tai mẹ; má ơi đừng đi, má ơi đừng bỏ con, đồng lúc các anh chị tôi kêu to tiếng má, tôi đã gọi giật mẹ tôi thật to, Má ơi con cần Má . Đôi mắt mẹ tôi đã từ từ khép lại, gương mặt dịu hiền của mẹ tôi và hai hàng nước mắt hãy còn nóng, xem chừng mẹ tôi ra đi thật thanh thản, thân xác không đau đớn nhiều.

Song An Châu

1- + ° | 9 Ä * L â õ ´ W 1 P æ F 7 D

Hãy về giữ đất nước ta
Quê hương ta đó, sao ta vô tình
Dân Việt hải ngoại chúng mình
Nắm tay đoàn kết ta tin thắng liền
Đêm về tuyết đổ ngoài hiên
Nghĩ buồn số phận cho miền Nam ta
Năm rồi bao chuyện can qua
Thiên tai, ách nước thật là đốn đau
Dân ta đã đổ máu đào
Tươi xanh quê mẹ đã bao đời rồi
Bây giờ sao lại bỏ rơi
Cho phường giặc đỏ xóa bôi cơ đồ.

2- õ ´ W 1 P æ F 7 Ó L

Đất nước tôi bốn ngàn năm văn hiến
Nằm nép mình bên bờ biển phía Đông
Vốn dòng Hồng Lạc, nòi giống Tiên Rồng
Được bồi đắp bằng những trang sử máu.

Đất nước tôi từ bao thế kỷ rồi
Sống quật cường, không khuất phục xâm lăng
Tuy bé nhỏ, nhưng bao lần chiến thắng
Bọn không lồ từ phương Bắc tràn sang.

Đất nước tôi có hình cong chữ S
Phía Đông Nam của bờ biển Thái Bình
Rực ánh hào quang những buổi bình minh
Và yên bình sau từng cơn sóng vỗ.

34 Tin Vaên

Đất nước tôi, dân tôi nhiều gian khổ
Dưới gông xiềng tàn ác bọn xâm lăng
Nhưng đã vùng lên, bao lần chiến thắng
Bọn người phương Bắc, lũ giặc tham tàn.

Đất nước tôi có nhiều lần thua cuộc
Trong ván bài của những kẻ ngoại bang
Đầy gian xảo, mưu mô trên chiếc bàn
Nơi hội nghị không có quyền biểu quyết.

Đất nước tôi có biển rộng sông dài
Có rừng xanh, núi cao, giàu khoáng sản
Có ruộng lúa vàng thẳm cánh cò bay
Có nhiều hải sản, dầu thô dưới biển.

Đất nước tôi ba mươi năm nội chiến
Được lợi gì? Chỉ những xác xương khô
Vỏ đạn, bom mìn và những nấm mồ
Giàu thứ đó, nhưng còn nghèo thực phẩm.

Đất nước tôi, ai cũng mơ đầm ấm
Dưới một mái nhà, cơm áo không lo
Nhưng thứ đó giờ đây thì quá thiếu
Chắt chiu từng ngày mới đủ ấm no.

Đất nước tôi bây giờ dân vẫn khổ
Nếu viết hoài, phải có đến ngàn trang
Mới kể hết những bất hạnh vô vàn
Vì máu nhuộm hồng từ Nam chí Bắc.

Song An Châu

3- 1 Kæ / ả L & K D . K X I ấ Q

**Nhân ngày Father's Day 21-6-2015*

Từ khi chấp cánh lìa đàn
Tôi con chim nhỏ dặm ngàn bề khơi
Bao la trời biển chơi vơi
Cuồng phong bão táp tưởng đời vỡ tan
Nương theo cánh gió, mây ngàn
May thay đến được giang san mình tìm
Buồn thay cho một cánh chim
Đơn côi xứ lạ đi tìm tự do
Gian nan từng bước thăm dò
Bao điều mới lạ làm cho ngỡ ngàng
Cũng nhờ dưỡng phụ curu mang
Dắt dìu từng bước trên đường tiến thân
Bạn bè mới cũ xa gần
Vui trong học hỏi càng thân mến nhiều
Niềm vui chưa được bao nhiêu
Bỗng nghe cha mất, như điều đứt dây
Tôi thân lạc xứ chốn này
Xa xăm ngàn dặm từ đây về nhà
Không về để được tang cha
Nguyện cầu Phật tổ Di Đà độ cho
Hồn cha về cõi thiên đàng
Vui miền cực lạc, trần gian xa rời.

Nay con đã lớn khôn rồi
Mang ơn cha đã một đời vì con
Dầu cho sông cạn đá mòn
Ơn cha con nguyện curu mang suốt đời
Dù cha khuất núi lâu rồi
Con không quên được những lời cha khuyên:
“Nước non nặng một lời nguyện
Thành tài, phú quý đừng quên quê nhà
Hãy về giữ mộ ông cha
Dựng xây đất nước, quê nhà nghe con!”

Song An Châu

36 Tin Vaên

1 J X | Ç Q \$ Q % É Q K
Hoàng Sa hành

Cát vàng cát vàng đảo biên cương
Mênh mông sóng bạc ngất trùng dương
Phên giậu ngàn đời vùng đông trấn
Ngăn loài quý dữ gieo tai ương.

Biên ải mịt mù xa vạn dặm
Thuyền nan chèo mỗi bao đêm trường
Vâng lệnh vua truyền đời nối tiếp
Khao lè thế lính giữ biên cương.
Giáo nóp lên thuyền theo mệnh nước
Gạo mắm chu toàn chẳng quân lương
Lính thú một đi không trở lại
Trông lại quê nhà mờ khói sương.
Ưa mắt vầy tay người vợ trẻ
Mẹ già con dại nhờ em nương
Thân trai hề ngại chi sóng cả
Vẹn toàn trung hiếu với quê hương.
Sóng gào gió thét tràn con bắc
Tay chèo nghiêng mạn võ trùng dương
Thuyền đi muôn dặm theo tinh tú
Nào có tiếc gì chút máu xương.
Đảo chìm đảo nổi bao hải lý
Núi dựng trùng trùng mù mịt sương
Bão to bão nhỏ càn mấy lượt
Trắng trời mưa gió lạnh thê lương.
Lính thú muôn đời nơi trận địa
Ngày đội nắng lửa đêm nằm sương
Sinh tử mệnh trời sao tính được
Cũng đành dứt bỏ... chuyện yêu đương.
Mỗi năm chờ đến mùa gió chướng
Thiếu phụ không màng đến lược gương
Bến đợi trông chồng như tượng đá
Nào thấy buồm neo về cố hương.

Mộ gió rì rào vang sóng biển
Mộ ở đây mà người biệt phương
Con hỏi mẹ ơi chờ chi biển ?
Chỉ thấy gió gào suốt hàng dương.
Ô hay Hoàng Sa quần đảo dữ
Thuồng luồng thủy quái vây tứ phương
Nanh tàn vuốt độc lòng lang sói
Pháo gẫy tàu tan nát thịt xương.
Hải chiến Hoàng Sa sóng dữ thường
Cát vàng chôn lấp bao cốt xương
Bảy tư hể linh hồn tử sĩ
Xác hòa vào đáy nước đại dương.
Ngàn năm thịt nát tan vào nước
Hồn còn quanh quẩn chốn hải cương
Chỉ thương đôi mắt người vợ trẻ
Mòn mỏi hóa đá, tẩy vết thương.
Một dãy san hô bùng sắc đỏ
Phải chăng thấm đỏ máu kiên cường
Dáng núi còn in hình cô phụ
Tử khí mù trời đất nhiều nhưong.
Thôi em quay mặt đi đừng khóc
Giọt lệ nào xóa hết tang thương
Từ xưa biên ải tràn mộ chí
Xá gì ta hể một năm xương.
Một nén hương lòng thôi cũng đủ
Ngậm cười người lạc nẻo âm dương.
Chim nhạn từng bầy bay thẳng thót
Người không còn danh có lưu phương?
Biên biệt người đi vào vô định
Hải mộ quan soi ánh tà dương
Vách đá khắc ghi lời bất tử
Nước thăm sâu mang đầy tai ương.

Biển đảo cha ông không giữ được
Giận quân thù gieo rắc tang thương
Em có nghe hồn vang trong gió
Cát vàng cát vàng hể đảo biên cương.

Nguyễn An Bình/ 6/2015

38 Tin Vaên

1 J X | Ç Q 0 ± Q K \$ Q ' ² Q
 % ± Q À W U W Ó L 0 ± L P X Õ Q Q Ĩ L

Baïn treû,

Khoâng laâu trồôùc ñây, toâi coù vieát moät chuùt taâm tình gôùi b:
 baùo Teamwork Forum vaø baøi vieát ñaõ ñöôïc ñoàn nhaän moät
 khuù aám aùp. Soá baùo tieáp sau soá baøi vieát ñöôïc soá bieán,
 ñaõ daønh troïn hai nôï trang trong-thiaät hai vaø trang moät
 ñaêng taùi nhöõng chia xeù khích leä cuûa ñoäc giaû. Ñoái vôùi moät
 caàm buùt, ñây laø moät nieàm vui to taùt vaø laø moät vinh döï l
 nhöõng loøng toâi thöïc khoâng vui. Toâi noùi ñieàu naøy thöïc loøng v
 toâi coù moät lyù do raát cuï theá vaø raát deã hieäu: Baøi vieát n
 chuyeän vôùi caùc baïn, vaø muoán ñöôïc nghe caùc baïn noùi; thaä
 tieác nhöõng ngöôøi chia xeù vôùi toâi khoâng gùp haïn laø laø
 nhöõng phuï huynh, nhöõng ngöôøi gioáng nhö toâi, muoán noùi chu
 vôùi caùc baïn vaø hoï caùm kích toâi vì toâi ñaõ noùi thay cho hoï nh
 hoï muoán noùi.

Toâi thaát baïi nhöõng khoâng thaát voïng. Toâi luoân töï vaán vaø töï
 mình: Phaûi chaêng toâi ñaõ chöa thaáu hieäu caùc baïn ñuùng möù
 chaêng toâi ñaõ ñeà caäp ñeán moät ñeà taøi khoâng ñöôïc caùc b:
 quan yeáu vaø phaûi chaêng toâi ñaõ khoâng coù khuù naêng dieär
 söùc thuyeát phuïc. Loãi khoâng sao ñây. Toâi coù buoàn nhöõng
 khoâng traùch caùc baïn. Toâi tin caùc baïn vaø tin ngaøy naøo chu
 coøn nghó ñeán nhau, coøn quan taâm cho nhau. Söùm muoán, nhaát
 chuùng ta seõ thaáu hieäu, tin caäy vaø laéng nghe nhau. Toâi xin
 tuïc laøm công vieäc cuûa toâi. Baïn treû, baïn coù nghe toâi noùi kho

Tin Vaên 39

@

Nhông hoài hoấp, nhông caên thaúng, toái khoáng phaúi laø moät nòu vôi cauc baïn nhông giaùo ñieàu, toái cuông khoáng phaúi laø luaân lyù ñeã baùo ñeã phaúi theá naøy, nhông theá khauc, toái chà moät ngôøi vieát vaên vaø nhông gì toái nòu phaàn lôn tòø traùi caùm hôn laø tòø khoái oúc toan tính, vaây thì xin môøi cauc baïn thoaúi maùi vaø haỹ cuông toái oân laïi ~~ngân~~ ~~ngân~~ thaät hay, thaät yù nghóa cuûa moät tauc giaù nãi tieáng trong naên vaên hoïc cuûa chuùng ta: Baùn Chuuc Thô Treân Ngoïn Ñænh Trôøi cuûa Thaùo. Thaät tình thôøi gian vaø naêm thaùng ~~hàp~~ ~~hàp~~ nhòu kyõ chittieác toái bieát roõ yù nghóa câu chuyeän muoán g gaém vaø toái muoán gôù gaém laïi cho cauc baïn. Chùe ~~chùe~~ ~~chùe~~ keã veà cuûa moät nhaø thaùm ~~hieám~~ ~~hieám~~ mang trong lòng moät hoaøi baõo muoán cheá ngổ, muoán chinh phuïc nhông chaân ~~trên~~ ~~trên~~ nhòu meù, OÂng ta coù nhieàu thaønh tích nhông khoáng bao giôø baèng lòng mình, baèng lòng vôi nhông ~~hình~~ ~~hình~~ coù nhòic. Nhaø thaùm hi muoán chinh phuïc moät ñænh nuùi chõa tõng coù ai ñeët chaân ñeã ta nhìn vaùch ñeù cheo leo, nhòu ~~nhòu~~ ~~nhòu~~ sống nhông luoàn maây ~~trên~~ ~~trên~~ vaø thaáy ôu ñeù laø câu moät theá gì môøi goïi, ñeù nhông ñieàu kyõ ñeù, tuyeät vôi. OÂng ta thaát soáng chung quanh, quang caùnh chunh quanh, taát câu ñeù quaù t thòong, quaù nhaøm chaùn, chà coù caù theá giôù mô òòuc kia m nghóa, laø haïnh phuïc thòic sô. Nhaø thaùm hieám haùo hòuc thò òòuc mô cuûa mình, oâng thaát baï moät laàn, nhieàu laàn nhông k naùn lòng, caøng khoù khaên, ~~nhieám~~ ~~nhieám~~ lổic, lòng mong òòuc caøng maõnh lieät. Chà coù ñeù nhòic muïc ñích cuo ~~cuo~~ ~~cuo~~ ñeù mô nghóa, môù ñeù ~~đang~~ ~~đang~~ cuông nhaø thaùm hieám cuûa chuùng ta í thaønh coâng, khoaùg caùch ñeù nhòic thu nhòu laïi vaø moät chu thoái, ñænh nuùi se ñeù ñeù chaân keù chieán thaéng. Nhaø tha nhìn ñænh nuùi vaø oâng chòit buoàn raùu nhaän ra raèng, hình nh khoáng phaúi laø nôi oâng haèng mô òòuc nhòic nhìn thaáy, nhòic ñe ñe. Coù gì ñeù, vañ coù ca ~~ca~~ ~~ca~~ nhông thò ñeù ñeù óc khaép môù nôi treân coù ñeù naøy. Nhaø thaùm hieám quay ñeù

xuống chaân nưồi oâng ñã tởng thaáy taàm thờởng, nhòm chai
vỏ tuyền vớì thay, ôu ñòu lỏ nhữõng ñoàng luũa xanh rỏn, nhón
soỏn uỏn khuừc, nhữõng caùnh soỏng sinh ñoỏng, dieầu kyỏ, ôu ñò
moắt theỏ giồu ñầy mớì gớì, ñầy ởừc mô ...

Chuyền cò theỏ dởng laừ ôu ñầy, neỏu baừ ñã tởng ñỏic q
nhữõng neỏu chỏ ñỏic cuởng khoỏng sao, theỏ naỏo bảừ cuởng ña
nhữõng chuyền khaừc, cuũa caừc taừc giaừ khaừc còu uởng gaém, c
chỏu nhữõng ñieầu tởng tởng aừo vớng trong cuỏc soỏng.

Toỏi cò lỏm phieỏn baừ khoỏng? Chuyền keỏ cò phaừ raéc n
hieỏu laém khoỏng? Thoỏi, ngaừ ñeỏu, lỏ chỏc chỏn theỏ naỏo baừ
cuởng ñã tởng nghe qua nhữõng thaỏnh ngỏỏ, tũc ngỏỏ cuũa ch
hay cuũa nỏừc naỏy, nuừc khaừc nỏu veỏ nhữõng ñieầu tởng tở.
ta haỏy nhaéc laừ vớì nhau moắt chuừc veỏ caừc caừu nỏu ngaừ
nhieầu yừ nghỏa naỏy, nỏu caừn ñeỏ chuừng ta chieỏm nghieỏm vớ
veỏ ñieầu chuừng ta saép chia xeừ cuởng nhau. Mớì baừ cuởng to
laừ: Ñỏùng nỏu naỏy, troỏng nỏu nỏ. Thaừ mớì baét bởng. Còu n
caừnh luỏn luỏn xanh hỏn... vỏ mớì nhữõng lỏ tởng tở.

Xong roỏi, hay còu taừm nhỏu nhỏ vaỏ ñay ñi vỏ chuừng ta baét ña
chuyền caừn nỏu vớì nhau.

@

Baừ treừ,

Toỏi bieỏt baừ ñang buỏn laém, baừ nỏu vớì toỏi baừ raỏt ñau lỏ
khoỏng muỏn nhỏ vaỏy, baừ ñeỏ chỏu ñỏing, baừ ñã coỏ heỏt sỏc
lỏi khoỏng phaừ ôu baừ. Cò ñieầu lỏ ngỏỏ aỏy ñã thay ñỏi,
khaừc vỏ baừ khoỏng theỏ naỏo chỏu ñỏing ñỏỏic nỏỏa. Khoỏng c
naỏo khaừc!

Toỏi tin baừ, toỏi tin lỏng chaỏn thaỏnh ñeỏ phỏa vỏ sỏ lỏi chỏn
cuũa baừ, toỏi uởng hoỏ baừ neỏu nhỏ taỏt caừ nhữõng ñieầu baừ n
thaỏt khi nhừn tở mớì phỏ. Toỏi nỏu nhừn tở mớì phỏ vì toỏi khỏ
muỏn baừ trỏu thaỏnh keừ hoỏ ñỏa, nhừn sỏ vieỏc baừng nhữõng ca
chuừ quan cuũa mớì. Ñieầu aỏy raỏt ñeỏ ñaừ ñeỏ nhữõng sai laỏm
ñỏa chuừng ta ñeỏ nhữõng quyeỏt ñỏnh cò theỏ seỏ taỏ ra nhỏr
nuỏi, nhữõng aừn haừn caừ ñỏu khoỏng caừ sỏ ñỏa ñỏỏic. Baừ treừ, l
moắt chuừc, nghe toỏi nỏu ñeỏ chuừng ta haỏy cuởng nhau nhừn laừ

vaán ñeà moät laàn sau cuøng vaø sau ñoù, tuøy baïn. Toài chæ m chuyeán vôi baïn nhöng toài khoâng coù nhöõng keát luaän, nhöõ khuyeán naøo daønh cho baïn caù. Toài tin baïn ñuù saùng suoaát va tueä ñeà töi coù nhöõng keát luaän cho mình. Toài traân troïng vaø toá ñieàu ñoù. Daáu theá naøo, xin vui lòng cuøng toài bình taâm nhìn vieäc moät laàn sau choùt xem sao, baïn treù.

@

Baïn noùi nhö ñình ñoùng coät: Ngöôchay ñeà ñeà, khoâng coøn chòu ñöïng ñöïc nöõa. Khoâng chòu ñöïc nöõa coù nghóa laø ña chòu ñöïng ñöïc, vaø coù leõ coøn hôn theá nöõa, khoâng phaùi chæ maø laø haân haïnh phuïc chia xeù vaø ñeà hoùc vaø thieát tha muR » Q F K X Q J F X Ò Q J P X R » Q o W K D Ò Q K P ñoù, maø ñöïc baïn daønh cho nhöõng xao xueán traøn ñaày nhö nhöõng haân hoan uøa ngaáp nhö vaäy? Baïn khoâng muoán noùi khoâng? Vaø thì ñeà toài noùi giuø toài khoâng baïn phaùi tin toài, toài chæ muoán baïn tin vaøo traùi tim chaân thaät khoâng ñoá baïn. Nöõc vaäy chaéc chaén baïn seõ thaáy ra nhieàu ñieàu. Toài ti vaäy.

; L Q E D Ä W Æ D ° X Q R Ó L Y H ° o Q J Ð Î Ò L D » \ p ngöôchay laø moät thanh nieân tuyeät vôi, anh ta laø ngöôøi hoaït nhieät tình vaø quaúng giao vôi ñuù loai baïn beø, noãi baät giöõ ñoàng vaø laø caù ñình ñöïc söi ngöôõng moä cuøa moï ngöôøi, r ngöôøi khaùc phaùi. Chaøng laø moät haïm lyù töøung, coi nheï nhöõng danh ñeà ñeà vò rieäng tö vaø saùng sinh, phuïc vui cho tha nhaân. Chaøng laø ngöôøi haøo phòung, thích chia xeù vaø ñö moï ngöôøi, khoâng chi li tính toàun, khoâng nhuø nhaët hôn th Chaøng laø moät maõu ngöôøi ñaày yù chí, nghò löïc vaø ñaày nhöõng ñoanh ñeà laäp vaø döùt khoaùt. Chöa heát, chaøng coøn laø ngöõ maïng vôi nhöõng phuùt traàm tö beân laøn khoù thuoác mô maø ñaày nam tính vôi chuùt röõi vui cuøng ñeà baïn, chaøng laø moät maõu ngöôøi tuyeät vôi töø theá chaát ñeán taâm hoàn, töø nghó ñeán loái haønh xöù, chaøng laø taát caù öùc mô, laø ngöôø kieám tìm vaø chò ñöi. Baïn vui möøng, baïn haøi lòng vôi löa cuøa ñh.

% D É Q J D Ó L o Q J Đ Í Ò L F X Õ D E D É Q p Ě D Ó Q J
 roài, xin chia möøng vôi baïn. Thaät ñaùng tieác, thaät ñau loøng neá
 ngöôøi aáy ñaõ thay ñoãi. Daõu sao, chuùng ta chæ möùi ñi coù nöù
 ñöøng, chuùng ta chæ ~~Q K Æ~~ A Õ F Ě H » Q o Q J Đ Í Ò L D » \ p
 Q K Æ Q U R Ī [H P D Q K W D Ě D Ī o K Đ p Ě D Ī W K
 giøø. Ñöøng voãi, chuùng ta coù thì giøø ñeã laøm vieäc aáy maø. Ĥ
 W X É F E D Â Q J P R ¾ W P D ½ X o Q J Đ Í Ò L D » \ p Q.
 seõ coù moät keát luaän chung.

% D É Q W U D L E D É Q N K R ¼ Q J Q R Ó L Q K Đ Q
 Ñöøng nhieân laø tuyeät vôi, laø nhaát treân ñöøi, laø khoâng coù g
 V R V D Ó Q K Ě Đ Í É F F R Ó Q K Đ Y D ¾ \ E D É Q P Ī
 P Ī Ó L W K D » ät ngöôøi laø ~~Q K Æ~~ A Õ F Ě H » Q o Q J Đ Í Ò L D » \ p
 vaø quý giaù ñeã ñeã naø toái bieát ~~Q K Æ~~ A Õ F Ě H » Q o Q J Đ Í Ò L D » \ p
 veà moïi phöông dieän. Baïn khaúng ñoanh nhö vaãy vaø toái cuõng tin
 Y D ¾ \ 1 D Ò Q Q K R Ó Q J E R Ó R ¼ Q J K R D p W K Æ I
 phaûi noùi veà ngoaïi daùng troøùc. Ngöôøi ñaâu maø tuyeät vôi ñi
 vaãy, vöøa thuaàn khieát thanh cao, vöøa myõ mieàu quyén ruû,
 chính hôn laø caùi oüc thaàm myõ, caùi khieáu nghe ~~Q K Æ~~ A Õ F Ě H » Q o Q J Đ Í Ò L D » \ p
 kieáu aùo, trong moãi maøu son. Taát caù, taát caù ñeàu hoøa hôïp, ñi
 saéc, ñeàu tuyeät haùo. Duø sao, ngoaïi hình khoâng phaûi laø ñeàu
 yeáu, ngöôøi nöõ cuûa baïn coøn tuyeät vôi hôn ôû caùch cõ xõu, gi
 ôû taám loøng ~~Q K Æ~~ A Õ F Ě H » Q o Q J Đ Í Ò L D » \ p taám daønh cho baïn. Baïn vui möøng laém, baï
 K D Õ Q K G L H ¾ Q O D Ä P N K L o Q J Đ Í Ò L D » \ p O :
 taát caù moïi ngöôøi. Ngöôøi ñeã ñeã naø toái bieát ~~Q K Æ~~ A Õ F Ě H » Q o Q J Đ Í Ò L D » \ p
 vaø tieáng cõøi trong moïi troøng hôïp ~~Q K Æ~~ A Õ F Ě H » Q o Q J Đ Í Ò L D » \ p chæ laø moät
 E R ¼ Q J K R D N K R ¼ Q J F K Ä O D Ò P R ¾ W E R Ó
 khaù tín, moät ñieãm töïa an toaøn cho cuoäc soáng löùa ñoài vôi t
 caän troïng, chi li, coù keá hoaïch trong cuoäc soáng vaø ñaéc bie
 ngöôøi aáy ñeã ñeã naø toái bieát ~~Q K Æ~~ A Õ F Ě H » Q o Q J Đ Í Ò L D » \ p
 vôi baïn moïi vui buoàn trong cuoäc soáng, giuùp baïn nhaän ra nh
 quaù ñaø, nhìn thaáy nhöõng sô hôu cho sinh hoaït löùa ñoài töïa vu
 an toaøn hôn. Baïn treù, toái möøng ~~Q K Æ~~ A Õ F Ě H » Q o Q J Đ Í Ò L D » \ p choïn ñuùng ngöôøi
 roài, toái bieát ngöôøi aáy döù maét baïn coøn haøng ngaøn ôu ñeã
 chõa keá heát. Thaät ñaùng tieác, thaät ñau loøng neáu nhö ngöôøi

thay nũa. Bảin nũa buàn raàu vaø tuyeät voĩng noùi vôùi toài ngồøi
 khaùc xỏ roài. Toài cuõng buàn nhỗ bảin nhõng toài khoâng tuyeät
 nhỗ bảin. Toài nũa noùi chuùng ta chæ mồi nĩ nũa nũa nũa nũa nũa
 tieáp tuĩc nhìn kyõ vaán nũa vaø bieát nũa ta khoâng coù moät k
 khaùc. Toài hy voĩng nhỗ vaø haỹ cuõng toài hy voĩng nhỗ vaø.
 Nõõic khoâng, bảin treu.

@

% D É Q W U H Õ E D É Q N K R Õ L S K D Õ L Q R Ó L Y
 nhỗ theá naø, toài nũa nũa nũa yù bảin vaø toài seõ noùi hoã bảin nũa
 bảin khoâng muoán noùi.

Nõái vôùi D Ó F E D É Q Q Đ Ĩ o Q J Đ Î Ò L D » \ p F X Õ D
 O Ĩ p E D K R D N K R D Ó W O D Ó F Y D Ò W K Ç F K []
 phaùi. Ngồøi aáy laø keù voã tích số, khoâng maáy quan tâm nũa
 nhaø laĩi thích xen vaøo nhõng chuyeän nũa ngồøi khaùc,
 anh ta coøn laø keù aên tieâu phung phí khoâng bieát vun xen tích
 cho rieâng mình, teã haĩi hôn nũa anh ta nũa trôu thaønh moät ke
 taøi, nũa nũa, cõng nũa khoù noùi. Chõa heát anh ta coøn laø
 thuoác nhỗ khaùc, röõu cheø nũa nũa vaø nũa thõu taát xaáu kh
 « R » L Y Í Ó L F D Ó F E D É Q Q D P o Q J Đ Î Ò L D » \ p
 chõng dieãn, deã daõ laúng lô cõøi noùi vôùi taát caù mồi ngồøi, nĩ
 thì nhuõ nõi ti tieãn, chi li keo baũ nũa haĩi nhaát laø ngồøi aáy
 nũa trôu thaønh laém lôøi nhieàu chuyeän, baét beù caèn nhaèn tõøng
 vaø coøn bieát bao nũa teã haĩi khoâng keã heát khaùc.

& D Ó F E D É Q W R ¼ L Ě D Ĩ N H ½ K H » W Q K Đ Ĩ Q J
 cuõa cuõng aáy cuõa cuõc bảin chõa? Hình nhỗ chõa vaø hình nh
 cuõc bảin coøn coù raát nhieàu nũa muoán noùi. Toài hieàu vaø k
 cuõc bảin, giaãn maø, nhìn sao cuõng thaáy gheùt, caùi gì cuõng tha
 õa, theã hieãn naø cuõng mang yù nũa thay hoõùng xaáu. Toài
 chia xeù caùm nghó cuõa cuõc bảin nhõng toài mong cuõc bảin bình
 nhìn kyõ moät nũa: Dõøng nhỗ chuùng ta ñang gaẽp nhõng con n
 raát quen thuoác, raát gaàn guõi. Mồi bảin haỹ cuõng toài nũa qua
 o F X É P J M Ĩ P Ò o Q K Đ Ĩ Q J W Đ Ĩ Q J p Y D Ò E D É Q V I
 Q R Ó L Ě D Ĩ J D Å S Q K Đ Ĩ Q J o Q J Đ Î Ò L T X H Q p

1DÒ\ QKHÓ 9ÎÓL QJĐÎÒL QDP o+RDÉW ED
 ĚR¼QJUDL OÍ ED KRD NKRĐÓW ODÓF [
 QĐĩp oWĐĐQVÓ FRL QKHÉ OÍÉL GĐĐK¼ K\
 WÇFK VĐÉ NKR¼QJ TXDQ WD¼P ĚH»Q YLĤ
 oKDÒR KLH¾S WKÇFK JLXÓS QJĐÎÒL NKD
 QKRÕ QKDÁWĐKĐQWLKH¼Dp S kxQch lSđK qeáng NK R;
 WĐp oĚĐ°\ \Ó FKÇ YDÒ QJKÌ OĐÉF- TX\H
 o«R¾F WDÒL ĚR¾F ĚRDÓQ FĐÓQJ ĚĐ°X Ĥ
 NKRÓL WKXR»F ĚĐ°\ QDPoWÇQW WÍÓLRđ
 khoùi taøWĐĐÉX FKHÒ ĚĐÒQ ĚXÓPpe
 9DÒ QĐİD YÍÓL QJĐÎÒL QĐİ o&RÓ RÓF \
 trong tởng kieàu àuò, maøu son... lòch sữ, teá nhò, thaân àuì vôi
 QJĐİÒLđKD»Q VRQ FKĐQJ GLH¾Q GH½ G
 li, còu keá ĐÉFK WURQJ-NhữRnhđi ViệAnQchĩli keo
 EDđQp o1KD½Q QĐÉL WKX\H»W-SKĐĐÁP FĤ
 OÍÒL QKLH°X FKX\H¾Q EDÁW EHÕ FDÂQ Q

Bảĩn treũ, bảĩn ñaõ nhaãn ra ñõõĩc ngồõĩ quen chõa? Vaãn
 chaøng, vaãnhaøng vồũ nhõõng cung caũch nhõõng caũ tĩnh thaãn thu
 vaø ñaùng yeâu ngaøy naøo, chæ còu caũch nhĩn, caũch dieãn ñaĩt
 FXÕD EDÉQ ODÒ WKD\ ĚRđL o1JĐÎÒL D»\đ
 ñaõ thay ñoải. Bảĩn ñõĩ hoũĩ ôũ ngồõĩ kmaũcũai hđĩ bieãn
 mĩnh thaønh cao hũn. Bảĩn cheã traũch vaø xem thõõng nhõõng gĩ l
 còu vaø bảĩn muoãn chaĩy ñuoải nhõõng aũo aũnh mỗũ aũo, mỗũng l
 tieác cho bảĩn .

@

Bảĩn treũ,

Chaøo taĩm bieăt. Toải ñaõ noũĩ tỗũ ñaũu raèng taũĩnchũe vồũoãn
 bảĩn vaø toải khoãng còu keát luaãn hay lổĩ khuyeãn naøo daønh c
 caũ. Duø sao, còu leõ bảĩn ñaõ tỗĩ còu mỗăt keát luaãũn cho mĩr
 khoãng? Còu phaũĩ caũc bảĩn ñang nghó, leõ naøo chuũng ta laĩĩ phĩ
 ñĩ tìm nhõõng thõũ việAR¼QJ WUH¼Q oQJRÉQ ĚÀQK
 nhõ ñĩeàu aáy ñang còu saũn chung quanh ta, thaãm chí, trong tay ta.

Nguyeãn Maĩnh An Daãn

9 Ì Q K 7 X ' Q
7 D / - P 7 K ä & K R 1 K D X

Ta làm thơ trên áo
Hai vạt dài tương tư
Gió tình cờ đi vắng
Để hai tà ngẩn ngơ
Ta làm thơ gửi gió
Đem đến tặng nàng hoa
Mùa thu vàng ngập lá
Lá ngủ chờ ngày qua
Ta làm thơ chờ nắng
Nắng ươm ờ bên sông
Nắng đậu ngoài hiên vắng
Có chờ ta hay chẳng?
Ta làm thơ trên tóc
Từng sợi mềm như tơ
Hôn nhau chừng bờ ngõ
Trên vai gầy lụa thừa
Ta làm thơ khuyen mây
Hãy chờ mộng thật đầy
Thả trần gian héo úa
Vội chút tình không mây
Ta làm thơ quên nhớ
Quên người quên luôn mơ
Tình đầy như hơi thở
Tình buồn như cơn mưa
Ta làm thơ yêu nhau
Cho đáng ai âu sầu
Hé nhỏ vành môi ướt
Cười không gian nhiệm màu
Ta làm thơ cho nhau
Tình ru hồn thắm tươi
Cho nhân gian mở hội
Tình yêu kết một ngày.

Tr ³ Q 9 ´ Q / È
T à tuy È

Lâu lắm thử làm thơ Tứ Tuyệt
Tuyệt vời em đã chiếm hồn anh!
Thì thôi chữ nghĩa còn chi nữa?
Chút nắng vàng ơi vạt áo xanh...

Mới chớm Thu mà hoa nở nhiều
Này chùm hoa cúc của em yêu
Vàng hoa đằm đuối em vàng áo
Chút nắng vàng thơ, đó, bấy nhiêu!

Lâu lắm mình mong gặp mặt rồi
Anh làm sao có đủ em vui?
Em làm sao vẫn là duy nhất
Chút nắng vàng thêm thơm ngát môi!

Anh hỏi thật em thơ Tứ Tuyệt
Của anh như thế có nên khoe?
Hãy xòe tay nhỏ bàn tay nhỏ
Chút nắng vàng hãy cúi xuống che!

Xưa Lý Bạch làm thơ Thái Bình (*)
Cho Quý Phi mừng nhan sắc xinh
Lý Bạch đem mây vờn áo Hậu
Chút nắng vàng em riêng của anh!

() Thái Bình Thập Diệu là thi phẩm Lý Bạch làm riêng cho*
Dương Quý Phi

7 L Æ X 0 |

***Hồi âm cho một lá thư từ Nhật
đăng cay thế nào ?!***

Bạn thân mến,

Lâu lắm rồi giới trẻ chúng tôi mới nhận được một bài viết nói lên sự thật ở đất nước tôi, dù sự thật ấy làm chúng tôi hết sức đau buồn. Xin cảm ơn bạn. Ở đất nước tôi có câu **“sự thật mất lòng”** nhưng cũng có câu **“thương cho roi cho vọt”, “thuốc đắng dã tật”**.

Bức thư của bạn đã làm thức dậy trong tôi niềm tự ái dân tộc đã được ru ngủ bởi những bài học giáo điều từ nhà trường như “Chúng ta tự hào là một nước nhỏ đã đánh thắng hai cường quốc Pháp và Mỹ”.

Bạn đã nói đúng: **“Tôi đang nhìn thấy một thế hệ, họ không còn biết phải tin vào điều gì, thậm chí còn không dám tin vào chính mình. Là một người Việt, khó lắm. Thật vậy sao?”**

Bạn biết đặt câu hỏi như thế là bạn đã có câu trả lời rồi. Những gì tôi viết sau đây chỉ là những lời tâm tình của một người trẻ **thiếu niềm tin**, với một người bạn đến từ một đất nước vững tin vào dân tộc mình, vào chính bản thân mình. t

Bạn nói đúng. So với nước Nhật, nước Việt chúng tôi đẹp lắm. Đối với tôi không có tấm bản đồ của nước nào đẹp như tấm bản đồ của nước tôi. Tấm bản đồ ấy thon thả đánh một đường cong tuyệt đẹp bên bờ Thái Bình Dương ấm áp. Trên đất nước tôi không thiếu một thứ gì cho sự trù phú của một dân tộc . **Nhưng chúng tôi thiếu một thứ. Đó là Tự Do Dân Chủ.**

Lịch sử của chúng tôi là lịch sử của một **dân tộc buồn.**

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Người đã từng nhận được đĩa vàng tại đất nước Nhật của các bạn năm 1970 (bán được trên 2 triệu bản) với bài hát “Ngủ Đi Con” đã từng khóc cho đất nước mình như sau:

48 Tin Vaên

“Một ngàn năm nô lệ giặc Tàu
Một trăm năm nô lệ giặc Tây
Hai mươi Năm nội chiến từng ngày
Gia tài của mẹ để lại cho con
Gia tài của mẹ là nước Việt buồn”.

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn trong “hai mươi Năm nội chiến từng ngày” ông sống tại miền nam Việt Nam nên nỗi đau của ông **còn nhẹ hơn nỗi đau của người miền Bắc chúng tôi.**

Ông còn có **hạnh phúc được tự do sáng tác, tự do gào khóc** cho một đất nước bị chiến tranh xâu xé, được “đi trên đồi hoang hát trên những xác người” được mô tả người mẹ điên vì đưa con “chết hai lần thịt xương nát tan”. **Nếu ông sống ở miền Bắc ông đã bị cấm sáng tác những bài hát như thế**

hoặc nếu âm thầm sáng tác ông sẽ viết như sau:

“Một ngàn năm nô lệ giặc Tàu
Một trăm năm nô lệ giặc Tây
Bảy mươi năm cộng sản đọa đày
Gia tài của mẹ, để lại cho con
Gia tài của mẹ **là nước Việt buồn**”

Bị đô hộ bởi một nước Tàu tự coi mình là bá chủ ở phương Bắc, bị một trăm năm Pháp thuộc . Một ít thời gian không bị ngoại bang đô hộ chúng tôi không có minh quân như Minh Trị Thiên Hoàng ở nước bạn. Huống gì thay vào đó chúng tôi bị cái xui là một trong những nước hiếm hoi bị thống trị bởi một chế độ bị coi là **quái vật của thế kỷ.**

Tại sao người Việt tham vật.

Vì họ đã từng **đói kinh khủng.**

Trong cuộc chiến tranh gọi là chống Mỹ chống Pháp người dân miền Bắc chúng tôi đã **đói đến độ mất cả tình người. Vì một ký đường, một cái lớp xe đạp, vài lạng thịt, người ta tố cáo nhau, chơi xấu nhau, dù trước đó họ là người trí thức.**

Cho nên ăn cắp là chuyện bình thường.

Tôi cũng xin nhắc cho bạn , **năm 1945 hàng triệu người Việt miền Bắc đã chết đói vì một lý do có liên quan đến người Nhật các bạn đấy.** Xin bạn tìm hiểu phần này trong lịch sử quân Phiệt Nhật ở Việt Nam. h

Tất nhiên người Việt vẫn nhớ câu “nghèo cho sạch, rách cho thơm” nhưng “ **Thượng bất chánh, hạ tắc loạn.**”

Khi chấm dứt chiến tranh. Người Việt biết họ phải tự cứu đời mình chứ không ai khác. **Kẻ có quyền hành tranh dành nhau rừng vàng biển bạc, kẻ nghèo xúm lại hôi của những xe chở hàng bị lật nhào.**

Thật là nhục nhã, thật là đau lòng.

Bạn bảo rằng ở nước bạn người dân giữ gìn vệ sinh công cộng rất tốt. Còn ở Việt Nam cái gì dơ bẩn đem đổ ra đường.

Đúng vậy. Nhưng Tự Do , Dân Chủ đã ăn vào máu của các bạn để các bạn ý thức rõ đây là đất nước của mình.

Còn chúng tôi? Chúng tôi chưa thấy nước Việt thực sự là của mình.

Ngày trước Nước Việt là của Vua , Có khi nước Việt thuộc Tàu, rồi nước Việt thuộc Pháp, **rồi nước Việt là của đảng cộng sản.**

Ruộng của Cha Ông để lại đã từng trở thành **của của hợp tác xã, rồi ruộng là của nhà nước** chỉ cho dân mượn trong một thời gian nhất định. **Đất là của nhà nước nếu bị quy hoạch người dân phải lìa bỏ ngôi nhà bao năm yêu dấu của mình để ra đi.**

Cái gì không phải là của mình thì người dân không cần phải giữ.

Nhưng sự mất mát đau lòng nhất trên đất nước chúng tôi là **mất văn hóa và không còn nhuệ khí.**

Biết làm sao được khi chúng tôi **được dạy để trở thành công cụ chứ không được dạy để làm người.**

Tiếc thay bản chất thông minh còn sót lại đã cho chúng tôi nhận ra **chúng tôi đang bị dối gạt.**

Nhất là trong những giờ học về **lịch sử, văn chương.**

Lớp trẻ chúng tôi đã mất niềm tin và tìm vui trong những trò rẻ tiền trên TV trên đường phố.

Nhớ năm nào nước của bạn cất công đem hoa anh đào qua Hà Nội cho người Hà Nội chúng tôi thưởng ngoạn. Và thanh niên Hà Nội đã nhào vô chụp giựt , bẻ nát cả hoa lẫn cành , chà đạp lên chính một nơi gọi là “ngàn năm Thăng Long văn hiến”.

Nhục thật bạn ạ!

Nhưng lớp trẻ chúng tôi **hầu như đang lạc**

lỗi, thiếu người dẫn đường thật sự chân thành thương yêu chúng tôi, thương yêu đất nước ngàn năm tang thương, đau khổ.

Thật buồn khi hàng ngày đọc trên báo bạn thấy giới trẻ nước tôi hầu như chỉ biết chạy theo một tương lai hạnh phúc dựa trên sắc đẹp và hàng hiệu. Họ không biết rằng nước Hàn có những hot girls, hot boys mà họ say mê còn là một quốc gia cực kỳ kỷ luật trong học hành, lao động.

Bạn nói đúng. Ngay cả bố mẹ chúng tôi thay vì nói với chúng tôi “con hãy chọn nghề nào làm cuộc sống con hạnh phúc nhất” thì họ chỉ muốn chúng tôi làm những công việc , ngồi vào những cái ghế có thể thu lợi tối đa **dù bất chính.**

Chính cha mẹ đã chi tiền để con mình được làm tiếp viên hàng không, nhân viên hải quan, công an giao thông... với hy vọng tiền thu được dù bất minh sẽ nhiều hơn bội phần. t

Một số người trẻ đã quên rằng bên cạnh các ca sĩ cặp với đại gia có nhà trăm tỉ, đi xe mười tỉ còn có bà mẹ cột hai con cùng nhảy sông tự tử vì nghèo đói. Mới đây mẹ 44 tuổi và con 24 tuổi cùng nhảy cầu tự tử vì không có tiền đóng viện phí cho con. Và ngày càng có nhiều bà **mê tự sát** vì cùng quẫn sau khi đất nước thái bình gần 40 năm.

Bạn ơi. **Một ngày nào chúng tôi thực sự có tự do, dân chủ chúng ta sẽ sòng phẳng nói chuyện cùng nhau.** Còn bây giờ thì :
*“trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.”*

Dù sao cũng biết ơn bạn đã dám nói ra những sự thật dù có mất lòng.

Và chính bạn đã giúp tôi mạnh dạn nói ra những sự thật mà lâu nay tôi không biết tỏ cùng ai.
Thân ái.

Tiểu My/ nguồn inter.

Thái Bích Vân

0 Ø W W K R @ Q J h Q K ² Q V L Q

Già lạnh về trời đông kín lối
Xa rồi Hạ ấm với Xuân tươi
Thoi đưa, thời gian trôi thắm thoát
Thỏ thẻ tình Thu cũng vắng lời

Đâu đây tiếng cười giòn con trẻ
Bỗng chợt nghe âm hưởng cuộc đời
Thời gian đi, khi nào dừng lại ?
Phút chốc, ngày thơ xa hút rồi

Tuổi chồng chất, đời thêm ngán ngủi
Mơ ước chi thôi cũng đành thôi
Với ai chớ nặng lời thề thốt
Để được gì trên dốc cuốn trôi

Có chăng khi lòng ta gạn hỏi
Đời giả dối, chung cuộc một thời
Lòng quặn thắt, ai đường rơi lệ
Trong âm thầm giọt đắng đầy vơi

Giáp bốn mùa thiên nhiên quay lại
Thu buồn Hạ ấm lại Xuân tươi
Qua một vòng nhân sinh thoát kiếp
Với bao giông bão dưới gầm trời

Chúa Cha và Ngọc Hoàng Thượng Đế
Vẫn an nhiên môi giữ nụ cười
Phật Như Lai trên trời tĩnh tọa
Thời gian mài vi vút rong chơi

Trần thế vẫn miệt mài...cuốn lốc
Thăng trầm dâu bể chuyện lá lay
Nước chảy nguồn xuôi trôi biển cả
Chớp mắt chỉ thoáng một vòng quay..

P K ± P 7 Ê Q \$ Q 1 L Q K
õ - / ± W W U ả L P P D

Tôi đến Đà Lạt đúng vào một ngày mưa. Mưa tầm tã. Ngồi trong nhà Thủy Tạ, nhìn những hạt mưa bay giăng kín rừng thông, phủ mờ khu phố Hoà Bình , và rơi lả tả xuống mặt hồ Xuân Hương, tôi mơ hồ như những giọt nước mắt của người góa phụ đã từng một thời nhan sắc.

Người con gái vừa đến gặp tôi làm cho tôi mỉm cười với sự so sánh lạ lùng này. Bởi cô ta cũng xinh đẹp, và dù có nở nụ cười tỏ ra mừng rỡ khi chào tôi, vẫn không giấu được nét buồn trong đôi mắt. Một nỗi buồn có cái gì xót xa sâu lắng lắm.

Tôi đã đến thành phố này nhiều lần. Lần cuối cùng vào mùa Giáng Sinh năm 1970, khi đơn vị tôi may mắn được lệnh về đây phối hợp hành quân giữ an ninh cho một khóa Võ Bị làm lễ ra trường. Bao nhiêu năm trong rừng núi tây nguyên gió lạnh mưa mùa, rồi xuống bờ biển Phan Thiết với những động cát tro troi nóng như lửa đốt, bất ngờ được về Đà Lạt, cho dù chỉ sau một ngày ở thành phố, đơn vị tôi lại được đổ xuống những rừng thông xa tít, nhưng đám lính tráng bọn tôi vẫn có cái cảm giác như được đi nghỉ mát. Người ta nói đúng, Đà Lạt dễ thương như những cô gái với gò má trắng hồng và đôi môi mọng đỏ để ai một lần lên xứ Hoa Đào mà lòng không vấn vương. Đà Lạt cũng là nơi có nhiều huyền thoại về những mối tình đẹp và buồn của các cô sinh viên với những chàng trai mang alpha đỏ theo nghiệp kiếm cung, mà tôi đã đọc được trong những bài thơ thật buồn của Lệ Khánh từng vang tiếng một thời.

Nhưng đó là Đà Lạt của ngày xưa. Còn hôm nay tôi đến Đà Lạt, với ngồn ngằng những nỗi buồn nặng trĩu trong lòng, và Đà Lạt bây giờ chỉ là một thành phố chết.

Tôi ra tù, trong thời gian còn bị quản chế, trong túi không có bất cứ một tờ giấy nào. Ngay tấm “Giấy Ra Trại” cũng đã bị công an xã giữ. Nhờ thằng em cùng đơn vị cũ, có lò bánh mì ở Tháp Chàm, gọi tôi theo một chiếc xe bộ đội nhận mỗi chở bánh mì với tiền thù lao khá, tôi mới có mặt ở đây. Anh tài xế sau khi giao mấy thùng bánh mì, còn gọi tôi cho cô “chủ nhiệm” quán Thủy Tạ (bây

Tin Vaen53

giờ là của nhà nước), bảo là ông anh họ, để tôi yên lòng không bị hỏi giấy tờ. Quán vắng tanh. Tôi chọn cái bàn nhỏ xa phía trước và gọi hai tách trà nóng. Tôi cũng chỉ đủ tiền để trà hai tách trà này.

- Anh chờ em có lâu không ? Tôi giật mình khi nghe cô gái hỏi.

- Không sao, tôi chờ cũng đã khá lâu, nhưng được gặp chị hôm nay là tôi mừng lắm rồi. Điều mà ai cũng ái ngại khi phải mang tin buồn đến cho một người. Đặc biệt người đó lại là một cô con gái đẹp, như cô gái đang ngồi trước mặt tôi đây. Tôi dè dặt :

- Chắc chị đã biết, như trong lá thư tôi gửi. Tôi là bạn tù của Thống, và hôm nay muốn gặp chị là để nhắc lại những điều Thống đã nhờ tôi.

- Em biết là anh Thống đã chết từ năm 1978, nhưng mãi đến năm ngoái , em mới được phường đưa “Giấy Báo Tin”. Em không biết làm sao báo cho mẹ anh ấy biết. Bà ở bên Mỹ nhưng em không liên lạc được.

Tôi bất ngờ, nhưng chợt thấy một chút yên lòng khi nghĩ là cô sẽ không còn đột ngột nhận một tin buồn từ chính miệng của tôi .

- Chị đã biết tin buồn về Thống. Như vậy cũng là may, chứ không phải người tù nào chết mà người nhà cũng được báo tin. Hôm nay, dù hoàn cảnh khó khăn, tôi cũng phải tìm gặp chị để nói lại cùng chị những lời trần trối cuối cùng, và trao cho chị những kỷ vật mà anh Thống nhờ tôi trao lại chị.

- Cả tuần nay lòng em rất bồn chồn, mong sớm được gặp anh. Vì em không biết anh Thống chết ở đâu và mồ mả ra sao. Nhiều lần nằm mơ, em thấy anh Thống, nhưng chưa bao giờ nghe anh ấy bảo là anh đã chết. Tôi lấy trong túi ra để trên bàn một sợi dây đeo một tấm ảnh nhỏ được lồng vào trong cái khung có hình trái tim đeo bằng gỗ mun -loại gỗ quý mà chúng tôi thường tìm được ở khu rừng Việt Bắc- , một chiếc vòng nhỏ làm bằng nhôm xinh xắn, có khắc đậm sáu chữ Lê Minh Thống & Hà Nhất Anh, và trịnh trọng đứng lên đưa cho cô.

Nhất Anh chính là cô gái, và Minh Thống là tên một người bạn tù của tôi. Anh đã chết sau gần hai năm bị chuyển ra ngoài bắc. Tôi gặp Thống ở trại Lào Cai, khi hai thằng vừa trong nam mới chuyển ra. Sau hơn một năm cả hai cùng chuyển về trại Hang Dơi thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn và may mắn được “biên chế” về cùng một tổ. Thống tốt nghiệp từ trường Võ Bị Đà Lạt, được chuyển sang không quân, lái phản lực. Trong thời gian học trường Võ Bị, Thống quen Nhất Anh , khi ấy đang là sinh viên của trường

Chính trị Kinh Doanh. Thống chỉ còn bà mẹ già và cô em gái ở Sài Gòn. Cuộc tình của cô sinh viên Đà Lạt và chàng cựu sinh viên sĩ quan alpha đồ kéo dài khá lâu. Hai người đã làm lễ hỏi. Nếu Thống không sang Mỹ học phi hành và nếu không có ngày 30 tháng tư, thì hai người đã làm đám cưới .

Những ngày cuối cùng khi Sài Gòn hấp hối, Thống được bạn bè thu xếp hai chỗ trên trực thăng để bay ra hạm đội Mỹ, nhưng Thống lại dành cho mẹ và cô em gái. Gởi mẹ và em cho thẳng bạn thân, Thống nói dối với mẹ là anh sẽ đi sau.

Thống liều lĩnh tìm mọi cách chạy về Đà Lạt. Chưa kịp đón Nhất Anh, thì Sài Gòn mất. Thống nằm ở nhà Nhất Anh một tuần rồi ra trình diện “ủy ban quân quản”, nhưng người ta chỉ cấp giấy chứng nhận và ghi là phải về Sài Gòn trình diện chính quyền địa phương ngay. Trở lại Sài Gòn, nhà bị tịch thu, Thống phải ở ké nhà một người bà con trước khi vào trại cải tạo.

Mấy năm trong tù, Thống có liên lạc được với Nhất Anh . Nhưng vài tháng mới nhận được một lá thư ngắn, chỉ hỏi thăm vài câu và khuyên “học tập tốt để sớm được khoan hồng về với nhân dân”. Bao nhiêu nhung nhớ yêu thương đều phải dấu kín ở trong lòng. Trong tờ khai lý lịch, Thống ghi Hà Nhất Anh là vợ, cũng là người thân duy nhất, và địa chỉ của Nhất Anh cũng là nơi anh xin cư trú sau này. Thống to con đẹp trai, nhưng dường như tình yêu dễ làm cho Thống yếu lòng. Có những ngày đi chặt nứa trong rừng, Thống chỉ ngồi khóc và thì thầm gọi tên người yêu. Nhiều lần không mang về đủ nứa, bị phạt cắt bớt một nửa phần ăn vốn đã ít ỏi, nhưng vẫn không ngăn được nước mắt của Thống. Dường như khi lòng đang thương nhớ ai, thì cái đầu không còn điều khiển đôi tay được nữa. Nhiều hôm tôi phải vận động anh em nhường bớt một chút phần ăn cho Thống, và chia nhau đi lấy thêm nứa cho Thống có đủ chỉ tiêu để không bị phạt. Thống còn trẻ, nhưng cũng như hầu hết sĩ quan xuất thân từ Đà Lạt, dù ở binh chủng nào cũng kiêu hùng và thẳng tiến rất nhanh. Thống nhỏ hơn tôi sáu tuổi, nên xem tôi như người anh. Có điều gì vui buồn, Thống tìm tôi chia sẻ. Tôi luôn an ủi và khuyến khích để anh có thêm nghị lực. Thống có gì khó khăn tôi sẵn sàng hết lòng giúp Thống.

Sau này, đội tù của tôi được phân công đi lấy gỗ về xây dựng hội trường. Họ bắt chúng tôi phải tìm những cây gỗ lớn và thẳng. Có những thân cây lớn đến hai vòng tay ôm không hết. Trời mùa đông với những cơn mưa phùn không dứt, nên những con đường

mòn trơn như mỡ, chúng tôi chia từng nhóm hai mươi người vừa kéo vừa bẫy cho từng thân cây lăn theo những con đường mòn ấy từ trên núi cao lao xuống suối để cho nó trôi về bên hông trại.

Ăn uống quá thiếu thốn, đêm tù chúng tôi triền miên trong cơn đói. Sức ngày càng yếu mà phải lao động quá nặng nhọc, nên chỉ sau một tuần lấy cây, người nào cũng mệt lả. Một hôm đang lấy sức bặt một thân cây xuống bờ suối, Thống mệt quá nên lao đảo rồi ngã sấp trên thân cây, đúng lúc cây này lăn xuống suối, bặt luôn theo Thống. Chúng tôi chỉ còn nghe tiếng hét của Thống trước khi anh bị văng xuống lòng suối nằm sâu dưới vực.

Trời nhá nhem tối, cả hơn bốn mươi thằng tù chia nhau trèo xuống suối đi tìm Thống. Gần nửa giờ sau chính tổ của tôi tìm được Thống. Anh nằm bất động bên bờ suối. Rất may là ở một nơi không có đá. Thống thoi thóp thở, nhưng không còn cử động được. Chúng tôi nhanh chóng kết một cái bè gỗ, rồi theo dòng suối, cùng nhau đẩy anh về trại. Sau hơn một tiếng đồng hồ trong trạm xá, Thống tỉnh lại, mở hé mắt nhìn mọi người. Khi nhận ra tôi, Thống thì thào : - Nếu sau này anh còn sống mà về được, nhớ tìm giùm Hà Nhất Anh và nói là em xin lỗi nàng. Mong nàng hãy sớm lấy chồng và quên em đi. Tôi nắm chặt đôi vai lạnh lẽo của Thống : - Thống yên chí, tôi sẽ làm bất cứ điều gì mà Thống dặn dò. Thống cố gắng mở lớn mắt nhìn tôi như cầu khẩn :

- Nhờ anh giữ lại cái vòng nhôm trong balô và tấm ảnh em đang mang trong cổ này, trao lại cho Nhất Anh. Nhớ nói giùm là em xin lỗi cô ta.. xin lỗi cô ta .

Ngày hôm sau, một buổi chiều mưa buồn ảm đạm, dưới sự kiểm soát của hai vệ binh, tôi cùng ba người bạn tù đẩy xác Thống trên một chiếc xe “cải tiến” ra chôn dưới triền núi, bên một hốc đá . Chúng tôi đào huyệt đúng vào lúc cơn mưa trút xuống. Huyệt đào tới đâu thì nước ngập theo tới ấy. Tôi năn nỉ xin hai vệ binh cho chúng tôi tìm một nơi khác cao hơn, và chờ cơn mưa tạnh bớt, nhưng không được đồng ý, mà còn bị quát tháo, bảo phải “chôn khẩn trương lên mà về ngay”.

Tôi phải ngồi đè trên xác Thống, lênh bênh trên nước, để cho ba người bạn tù kia lấp đất.

Chuyện xảy ra đã hơn sáu năm rồi. Thời gian có biết bao sự đổi thay. Tôi cũng đã nghe và chứng kiến không ít những điều phản trắc. Không biết bây giờ Nhất Anh đã có chồng chưa và trong cảnh đời đời kéo theo bao cay đắng, liệu trong lòng cô có

còn lưu luyến chút tình xưa. Đắn đo giây lát rồi tôi cũng quyết định phải nói hết những gì tôi biết và nhất là những điều mà Thống, trước khi trút hơi thở cuối cùng, đã nhờ tôi nếu còn có dịp trở về, hãy nói lại cùng nàng. Nghe tôi kể xong mọi điều, Nhất Anh vẫn ngồi yên bất động. Im lặng một lúc tôi nghe tiếng nàng khóc. Hai tay nắm chặt các kỷ vật mà tôi vừa trao lại cho nàng. Ngoài trời những cơn mưa càng vùn vủ. Tiếng mưa như thấu hiểu được nỗi niềm, từng đợt trút xuống mái nhà Thủy Tạ làm át đi tiếng sụt sùi, để cho nàng khóc. Tôi cũng đã không cầm được nước mắt.

- Em cảm ơn anh, và xin lỗi .. em đã không nén được xúc động.

Tôi cũng kịp lấy lại bình tĩnh và tìm lời an ủi nàng :

- Dù sao mọi việc cũng đã qua rồi. Sau cái ngày nước mất nhà tan, biết có bao cảnh chia lìa tang tóc. Thôi thì tôi cầu mong Nhất Anh sớm nguôi được nỗi buồn này và có thêm nhiều nghị lực để mà bước tới, như lời trời trăng của Thống. Nhất Anh còn trẻ mà, còn cả một con đường thật dài trước mặt. Còn tôi, trong hoàn cảnh này, cũng chẳng biết rồi đời sẽ ra sao. Thôi đành phó cho trời đất đầy đọa.

Nhất Anh vẫn ngồi bất động, không nói lời nào. Nhìn đồng hồ treo trên vách, nhớ tới lời hẹn của anh tài xế, tôi khẽ gọi nàng :

- Chị Nhất Anh ! Chỉ còn 15 phút nữa là anh tài xế sẽ quay lại đón tôi. Sau này nếu chị có cần gì ở tôi, cứ liên lạc với tôi nghe !

Tôi nói cốt chỉ để an ủi thôi. Chứ tôi thì còn khả năng gì mà giúp nàng. Hơn nữa thời buổi nhiễu nhương này, dễ gì mà liên lạc được với nhau.

Nhất Anh lấy tay lau nước mắt, ngược lên nhìn tôi, ngần ngừ vài giây rồi lên tiếng :

- Nhờ anh vẽ lại và hướng dẫn cho em nơi chôn cất anh Thống. Sau này biết đâu có dịp may, em sẽ tìm ra thăm anh ấy.

Tôi đứng lên đến quầy trả tiền hai tách trà, và xin một tờ giấy trắng. Tôi ngồi vẽ khá tỷ mỉ và hướng dẫn cho Nhất Anh con đường đến trại tù, và mộ của Thống nằm bên hốc đá trên triền núi, phía sau trại tù chừng một cây số. Cũng may là có cái hốc đá lớn duy nhất, để có thể định hướng được ngôi mộ nằm ở nơi nào giữa vùng rừng núi bao la.

Nhất Anh đứng dậy mặc lại áo mưa, xúc động nói lời chia tay, rồi đạp xe đi. Tôi nhìn theo bóng dáng nhỏ nhắn của nàng lão đạo xiêu vẹo dưới cơn mưa tầm tã mà ngậm ngùi lo âu cho số phận của

nàng. Tôi nghĩ có lẽ không bao giờ tôi còn có dịp gặp lại Nhất Anh.

Mùa hè năm rồi, vợ chồng tôi sang Cali thăm mấy cô con gái, nhân tiện chúng tôi đến thăm gia đình ông anh họ ở thành phố biển San Diego. Giáng Sinh năm 1970, nhân cuộc hành quân bất ngờ ở Đà Lạt, tôi có ghé thăm anh chị,. Khi ấy anh làm ở trung tâm điện lực Đa Nhim và vợ anh là giáo sư dạy trường Bùi thị Xuân Đà Lạt. Anh chị rời Việt Nam từ những ngày Sài Gòn hấp hối, nên cũng đã hơn ba mươi năm rồi bây giờ anh em mới gặp lại nhau. Anh lớn hơn tôi gần mười tuổi, vừa bà con lại vừa là học trò cùng của ba tôi lúc anh còn học ở trường Pháp Việt, nên anh chị rất quý chúng tôi, nhất quyết bắt vợ chồng tôi phải ở lại nhà anh chị một tuần để cùng đi chơi với anh chị. Sau một ngày đi khắp nơi ở San Diego, chúng tôi đi một vòng sang khu nghỉ mát Cancun bên Mexcico. Đến ngày thứ bảy cuối tuần anh chị rủ chúng tôi đi tham dự buổi họp mặt của Hội Đồng Hương Đà Lạt, tổ chức tại Anaheim, gần khu Little Saigon, nhân tiện sau đó anh chị đưa tôi về lại nhà cô con gái ở Fullerton, cũng rất gần nơi ấy. Gia đình anh được giấy mời với bốn chỗ ngồi. Vợ chồng đưa con trai lớn không đi, nhường chỗ cho chúng tôi. Bảo là chú thím ở tận bắc Âu, lâu lắm mới có dịp gặp nhiều đồng hương.

Không ngờ đã rời khỏi quê hương khá lâu, nhưng những người Đà Lạt còn giữ cái tình đồng hương đậm đà như thế. Hội trường không còn một chỗ ngồi. Nghe bà chị nói là họ đã đến từ khắp nơi trên nước Mỹ và Canada, một số từ Úc và Âu châu. Chưa tới giờ khai mạc, mọi người ngồi nói chuyện lú lo với những tiếng cười nghe như dư âm của một thời trai trẻ. Những cô gái với đồng phục áo dài trắng trong ban tổ chức đang chuẩn bị cho bài quốc ca, vẫn còn dáng dấp của Đà Lạt ngày xưa: môi đỏ má trắng hồng .

Chúng tôi ngồi ở dãy bàn đầu dành cho quan khách, cùng với gia đình của hai vị cựu giáo sư Bùi Thị Xuân khác. Trên sân khấu, một cái phông lớn là hình ảnh của khu chợ Hòa Bình và một mảng của hồ Xuân Hương trong sương mù. Tôi thăm phục người họa sĩ Đà Lạt nào đã vẽ bức tranh thật sống động. Tôi có cảm giác như mình đang ở một nơi nào đó trên thành phố thơ mộng một thời này. Ai đó đã nói đúng “người Việt nào ra đi cũng mang theo quê hương”.

Khi nghe cô MC giới thiệu thành phần ban tổ chức cuộc họp mặt hôm nay, tôi hơi ngạc nhiên khi thấy toàn là phái nữ. Tôi chột

nhớ tới một bài viết nào đó mà tôi đã đọc được: Người Việt đến Mỹ, nữ giới thành công hơn là nam giới, và số lượng phụ nữ tham gia vào những hoạt động chính trị, cộng đồng ngày một nhiều hơn. Tôi nghĩ tới Dương Nguyệt Ánh, Lê Duy Loan, những người phụ nữ đã mang đến cho người Việt bao điều hãnh diện. Nhưng đến khi chị trưởng ban tổ chức có đôi lời cùng đồng hương, tôi mới hiểu thêm: Buổi họp mặt này là do các cựu nữ sinh trường Bùi Thị Xuân đảm trách.

Đang vui tôi bỗng ngậm ngùi khi một chị trong Ban Tổ Chức lên trình bày về hoàn cảnh thương tâm của nhà thơ Lê Khánh. Bây giờ tôi mới biết Lê Khánh là con gái của phó trưởng ty cảnh sát Đà Lạt và có cuộc hôn nhân thật buồn với một nhà thơ quân đội, lại là sĩ quan cấp tá trong ngành Tâm Lý Chiến. Bao nhiêu điều ấy đã đưa nhà thơ nổi danh một thời của xứ sương mù vào bước đường cùng, phải đi bán hàng rong, bán từng trái cà trái ớt trong cơn bệnh hoạn, và đưa con trai duy nhất phải đi ở mướn cho người ta. Ban tổ chức kêu gọi tình thương của những cựu Bùi Thị Xuân, của những người Đà Lạt cũ. Tôi thâm cảm ơn tấm lòng của những người Đà Lạt và nghĩ đây là một việc rất nên làm.

Đến phần văn nghệ, cô MC giới thiệu “nhạc phẩm Ai Lên Xứ Hoa Đào với một giọng hát truyền cảm của một Bùi Thị Xuân ngày trước, đã từng làm điều đứng bao trái tim học sinh, sinh viên Đà Lạt”. Lời giới thiệu đó không có một chút cường điệu nào. Giọng hát cất lên cao vút làm cả hội trường im lặng trong khi lòng tôi lắng xuống thần thờ. Không phải vì giọng hát truyền cảm, mà vì người hát ấy chính là Hà Nhất Anh, người con gái có một mối tình buồn với người bạn tù của tôi ngày trước. Gần hai mươi năm rồi, khuôn mặt có đôi chút đổi thay, nhưng tôi vẫn nhận ra. Cũng với nhan sắc ấy, nhưng với nụ cười rạng rỡ, không còn nét buồn nào đọng trên đôi mắt. Thấy tôi nhìn đắm đắm lên sân khấu, bà chị đập vai tôi :

- Bộ có quen hay sao mà nhìn dữ vậy ? Hay lại là một người xưa ? Tôi quay lại, đúng vào lúc bài hát vừa chấm dứt. Chờ cho những tràng pháo tay, cùng những tiếng la hét lắng xuống, tôi ôm vai bà chị :

- Đúng là có quen, nhưng không phải người xưa của em, mà là hôn thê của một thằng bạn tù của em, đã chết ngoài Bắc ! Chính em là người đã trao lại cho cô ấy những kỷ vật của anh ta, khi em vừa mới ra tù.

- Cô ấy là học trò cũ của chị, để chị gọi cô ấy lại nghe .
Tôi chưa kịp trả lời, thì bà chị đã vẫy tay gọi một cô trong ban tiếp tân nhờ đi mời “ca sĩ Hà Anh”.

Cô đến nhoẽn miệng cười, cúi đầu chào anh chị tôi và các thầy cô giáo cùng bàn, rồi khựng lại khi nhìn vợ chồng tôi, gật đầu nhưng không nói lời nào. Thấy tôi ngồi gần bà chị, nên cô nhìn bà chị như muốn hỏi chúng tôi là ai. Bà chị cười chỉ vào tôi :

- Đã gặp nhau rồi mà không còn nhận ra sao?
Cô nhìn tôi, rồi lắc đầu :

- Xin lỗi, em không nhớ ra .

Tôi có một chút khó chịu trong lòng. Hóa ra người đàn bà cũng dễ quên, ngay cả những kỷ niệm đáng ra phải nhớ trong đời. Giữ lịch sự, tôi nhìn cô :

- Có phải chị là hôn thê của anh Lê Minh Thống ? – Tôi là người đã trao cho chị những kỷ vật của anh ấy ở nhà Thủy Tạ, khi tôi vừa mới ra tù. Chị không còn nhớ ?

Cô ta khựng lại giây lát, nhưng rồi lắc đầu :

- Xin lỗi , em không nhớ. Có lẽ anh nhầm em với ... ai đó !

Cô chào tất cả mọi người rồi vội vã quay về phía sau sân khấu.

Tôi nhìn sang ông anh bà chị nói cho đỡ ngượng:

- Chắc bây giờ chị ta đang hạnh phúc, nên không muốn nhắc lại chuyện tình xưa.

Trên sân khấu chương trình văn nghệ nối tiếp bằng một hài kịch. Thiên hạ cười ầm ĩ, trong lúc lòng tôi đứng đưng với một chút bẽ bàng .

Buổi họp mặt chấm dứt, tôi theo ông anh bà chị bước ra khỏi hội trường. Trong lòng không còn cái háo hức của lúc mới bước vào đây. Trống rỗng và một chút bức dọc.

Tôi đang đứng chờ ông anh bà chị đi lấy xe, thì một bàn tay đập trên vai tôi . Quay lại, tôi ngạc nhiên khi nhận ra Hà Nhất Anh. Cô đưa cho tôi mảnh giấy, rồi bảo nhỏ, trước khi chạy nhanh về phía hội trường :

- Em xin lỗi, nhưng Anh nhớ phải đến nghe !

Tôi mở vội tấm giấy ra đọc. Chỉ có số điện thoại và địa chỉ, cùng với một dòng ngắn ngủi: “Suốt ngày mai, chủ nhật, em sẽ chờ anh ở nhà ” Tôi cảm giác có điều gì lạ lắm. Và dường như cô ta muốn dấu mọi người. Nghĩ như vậy nên tôi không nói lại với ông anh bà chị và ngay cả vợ tôi. Ông anh bà chị đưa vợ chồng tôi về Fullerton, rồi hẹn quay lại sáng thứ bảy tới đưa chúng tôi đi thăm

mấy người đồng hương và cũng là học trò cũ của cha tôi ngày trước.

Tôi nhờ cô con gái lớn gọi phon, hẹn đến gặp vào lúc hai giờ chiều chủ nhật. Cô con gái chở vợ chồng tôi tới trước cổng nhà, sau khi xem đúng địa chỉ, bấm chuông, rồi lái xe đi, bảo khi nào cần gọi cellphone, sẽ quay lại đón.

Một ngôi nhà nhỏ, khá xinh, có trồng nhiều loại hoa Đà Lạt, nằm trong khu Fountain Valley yên tĩnh. Người ra mở cổng là một người đàn ông trẻ, khá bảnh trai với hàng ria mép. Anh gật đầu chào, nở nụ cười rất tươi bắt tay chúng tôi, giới thiệu tên, nói năng lễ phép bất thiệp :

- Cảm ơn anh chị đến thăm. Bà xã em mừng lắm, đợi mong từ sáng tới giờ . Tôi bước vào sân nhà, với một ý nghĩ vừa thoáng trong đầu: Được một người chồng như thế, hèn gì cô ta chóng quên mối tình xưa.

Nhất Anh mang nước ra mời chúng tôi, vui vẻ, thân tình, khác hẳn với Nhất Anh trong hội trường ngày hôm qua. Tôi im lặng, bởi không biết phải nói điều gì, ngồi chờ cô ta lên tiếng trước. Một lúc im lặng, tôi bất ngờ nhìn thấy cô ta khóc. Anh chồng đưa giấy cho cô lau nước mắt .

- Mong anh chị tha lỗi cho em. Ngày hôm qua khi gặp anh, nghe anh nhắc tới anh Thống em xúc động lắm, lại biết chính anh là người đã mang về những kỷ vật của anh Thống nữa. Nhưng hôm qua đông người quá, em không tiện nói.

Tôi đỡ lời :

- Tôi hiểu. Làm sao mà chị có thể quên được mối tình đầu, vừa đẹp lại vừa buồn, nhất là anh Thống đã ở lại và bị chết oan ức cũng vì quá yêu chị. Phải không ?

Rồi quay sang anh chồng, tôi lên giọng như một nhà tâm lý học:

- Ai lại chẳng có mối tình đầu. Và người chồng nào lại không tôn trọng cái kỷ niệm đẹp đó của vợ mình, phải không anh?

Anh ta không trả lời, chỉ cúi xuống với một chút bối rối.

- Xin lỗi anh. Em không phải là chị Nhất Anh, và cũng không phải là người yêu của anh Thống!

Tôi bất ngờ, vừa ngượng ngùng vừa hụt hẫng khi nghe câu nói của người con gái, mà tôi đã chắc nịch là Hà Nhất Anh. Bây giờ người bối rối lại chính là tôi .

Cô gái hạ giọng :

- Em là em kế của chị ấy và cũng là đứa em duy nhất. Ba má em chỉ sinh có hai đứa con gái. Chị em giống nhau lắm, nên có nhiều người cũng lầm.

Tôi nhìn cô ngờ vực:

- Tôi nhớ ngày hôm qua khi MC giới thiệu chị lên hát, cũng với tên là Hà- Anh mà ? Tôi nghĩ Hà Nhất Anh, nhưng khi qua Mỹ người ta thường bỏ đi chữ lót .

- Đúng ra tên em là Hà Nhị Anh, nhưng bây giờ trong giấy tờ, em mang tên chị em: Hà Nhất Anh , mà Nhất Anh hay Nhị Anh gì sang đây, như anh nói, cũng đều gọi Hà Anh như nhau mà anh. . Đến lúc này thì tôi không còn hiểu gì nữa. Cô ta đứng lên nhoen miệng cười và mời vợ chồng tôi theo cô lên tầng trên, cô bảo :

- Anh chị cứ theo em lên trên này thì hiểu nhiều hơn .

Ba tấm ảnh để trên bàn thờ nhỏ. Tôi nhận ra Thống và Nhất Anh, mặc dù lúc chụp những tấm ảnh này hai người còn rất trẻ. Còn tấm ảnh thứ ba, một người con gái khác, tôi không nhận ra ai. Tôi chưa kịp hỏi thì cô gái lại sụt sùi:

- Chị Nhất Anh đã chết khá lâu rồi anh ạ. Vào một ngày mùa đông mưa tầm tã, chị ấy đạp xe đi đâu không biết, cả nhà chờ cơm tới tối vẫn chưa thấy về. Từ trước chị không bao giờ đi đâu một mình vào buổi tối. Cả nhà em và mấy người bạn hàng xóm chia nhau đi tìm. Em đạp xe đi khắp nơi. Trời mưa lớn quá nên em lạnh cóng. Đường xá vắng tanh không một bóng người. Cuối cùng thì chính em tìm ra chị ấy. Chị nằm bất động bên bờ hồ Xuân Hương, không xa nhà Thủy Tạ bao xa.

Tôi giật mình hoảng hốt :

- Ở gần nhà Thủy Tạ, bên bờ hồ Xuân Hương ? Rồi có tìm được chiếc xe đạp và cái gì nữa không ?

- Chiếc xe đạp rớt xuống hồ, ngày hôm sau người ta mới tìm thấy.

- Và chị đã chết ? Tôi hỏi

- Không, khi ấy thì chị còn sống, nhưng bất tỉnh và mình mẩy thì lạnh cóng. Vào bệnh viện, nửa giờ sau chị tỉnh lại, nhưng rất yếu chưa nói được. Khi thay áo cho chị, em thấy trong túi áo có một sợi dây đeo cổ có tấm ảnh của chị và một chiếc vòng nhôm có khắc tên chị và tên anh Thống

- Không có tờ bản đồ vẽ trại tù và nơi mộ anh Thống ?

- Có chứ ! Chính nhờ tấm bản đồ đó mà vợ chồng em, cách nay ba năm về Việt Nam, ra tận nơi tìm được, rồi thuê người lấy hài cốt

của anh Thống mang về chôn trên Đà Lạt . Cám ơn anh đã vẽ cái bản đồ khá chi tiết và chính xác.

- Còn chị Hà Nhất Anh ?

- Hai tuần sau, chị khá hơn nhiều, nói năng tỉnh táo, bệnh viện cho xuất viện bảo về nhà điều trị, bồi dưỡng là chị sẽ khỏe thôi. Nhưng không ngờ về nhà mấy hôm thì lên cơn sốt nặng rồi hôn mê trở lại. Đưa vào bệnh viện thì chị mất. Người ta bảo là chị bị sung phổi cấp tính. Mà thời ấy có thuốc men gì đâu mà chữa. Trong mấy ngày tỉnh táo, chị thường nhắc tới anh Thống, năn nỉ ba má em tìm mọi cách đem anh Thống về Đà Lạt, và báo cho mẹ anh ấy biết. Lúc trước bà thương quý chị lắm, nên chị cũng rất thương và lo lắng cho bà, khi em gái anh Thống vừa quá trẻ lại vừa yếu đuối. Không ngờ đó lại là những lời trần trối của chị.

Tôi trầm nghĩ, chính vì đi gặp tôi hôm ấy mà Nhất Anh chết. Chắc cô đã xúc động nhiều lắm. Lòng tôi chùng xuống. Tôi có cái cảm giác đau đớn như vừa có những nhát chém vô hình nào đó trong lòng mình. Tôi lấy lại bình tĩnh :

- Như vậy là bây giờ mộ của Thống nằm trên Đà Lạt .

- Dạ . Anh nằm bên cạnh chị Nhất Anh. Vợ chồng em mua lại mảnh đất tư gần khu rừng Ái Ân. Từ đó anh Thống có thể nhìn thấy Trường Võ Bị của anh lúc xưa và đỉnh núi Lâm Viên mà anh đã từng chinh phục.

- Đồi thông hai mộ. Tự dưng tôi buột miệng.

Đến lúc này tôi mới thấy cô nhoen miệng cười :

- Sau ngày 30 tháng 4/75, ở Đà Lạt có khá nhiều “đồi thông hai mộ”. Có dịp anh chị về Đà Lạt, ghé lại Rừng Ái Ân hỏi thăm, là người ta biết hai ngôi mộ của anh chị Thống-Anh.

- Thế rồi, cô có liên lạc được mẹ và em gái của anh Thống?

Cô không trả lời, mà lại mời vợ chồng tôi bước sang phòng bên cạnh. Căn phòng rộng, thoáng mát, có cửa kính lớn nhìn ra công viên phía trước. Một bà cụ tóc bạc trắng, nhưng da dẻ hồng hào, đôi mắt sáng, ngồi trên chiếc xe lăn. Khi tôi cúi đầu chào bà, cô gái giới thiệu: - Anh này là bạn tù của anh Thống ở ngoài Bắc.

Rồi quay sang tôi : - Chắc anh ngạc nhiên lắm, đây chính là mẹ của anh Thống. Bà cụ ôm lấy tôi, nước mắt trào ra trên đôi gò má. Bà hỏi tôi về Thống trong những ngày ở tù và vì sao mà Thống chết. Nhưng tôi chỉ kể vài kỷ niệm về Thống trong những lúc vui vẻ, và không dám nói cho bà nghe về cái chết thảm thương của Thống. Tôi nói dối là Thống chết vì bệnh kiết lỵ nặng mà nhà tù

không có thuốc. Tôi tưởng nói dối như vậy cho cụ yên lòng, không ngờ cụ đã khóc ngất lên. Tôi chỉ còn biết ôm vai bà cụ mà im lặng.

Một lúc sau, bà cụ mới tỉnh táo và kể lại tai nạn xe hơi đã làm chết cô con gái, em Thống và làm tê liệt đôi chân của bà. Nhìn sang cô gái, bà cụ thở thê :

-Cũng nhờ vợ chồng cháu nó đây mà bác còn sống đến bây giờ.

Nhị Anh nắm tay bà cụ :

- Má coi vợ chồng em không khác gì con ruột của má. Em sang đây sau khi em gái anh Thống chết. Tấm ảnh trên bàn thờ lúc này là của cô ấy. Cô nhỏ hơn em tới sáu tuổi. Lúc ấy má đang làm chủ mấy sạp may, đã lo lắng tiền bạc cho em sang đây và cho em tiếp tục học xong đại học nữa. Ngôi nhà này là của má cho vợ chồng em đó chứ.

Vợ chồng tôi chào bà cụ, chúc bà sức khỏe và hứa bất cứ lúc nào có dịp sang Cali, sẽ ghé lại thăm bà.

Khi bắt tay từ biệt vợ chồng Hà Nhị Anh, chợt nhớ tới một điều, nên tôi hỏi cô :

- Khi này tôi có nghe chị nói là bây giờ tên tuổi của chị trong giấy tờ lại là tên tuổi chị Nhất Anh. Sao vậy ?

Cô gái vẫn còn nắm chặt bàn tay tôi, kéo tôi ra xa, nhìn quanh rồi hạ giọng :

- Chính nhờ cái giấy của trại tù báo tin anh Thống chết, trong đó có ghi tên chị Nhất Anh là vợ, nên em đã thay chị ấy mà sang đây theo diện dành cho vợ tù nhân cải tạo bị chết trong tù. Em thấy xấu hổ lắm khi phải làm điều gian dối ấy, tội lớn lắm đối với luật pháp Hoa Kỳ, nhưng đó lại là ước mong của mẹ anh Thống, và của cả chị Nhất Anh trước khi chết nữa. Em săn sóc cho má bao nhiêu năm nay, nên má thương em như con gái má. Biết đâu đây là sự sắp xếp nhiệm màu từ chị Nhất Anh – anh Thống? Hơn nữa nhìn em cũng giống chị em lắm, và tên em với tên chị ấy cũng như nhau mà. Nhưng anh nhớ phải tuyệt đối giữ hộ cho em điều bí mật này nghe .

Vâng! Chính vì tôi đã giữ cho cô cái điều bí mật đó, nên hai cái tên Hà Nhất Anh , Hà Nhị Anh mà các bạn vừa đọc được trong truyện, đều không phải là tên thật của hai chị em nàng.

Phạm Tín An Ninh

< ã Q 6 ä Q
 & ï S K ¯ L | ã Ë Q K Y x F ® Q K

Trơ trọi một góc đời
 Khi tình yêu bay xa
 Bên hiên chiều nhạt nắng
 Và trái tim chưa già
 Ôm đàn tôi tập hát
 Và tập viết nhạc tình
 Âm thanh nghe rời rạc
 Trong sương chiều mông mênh
 Vô tình tôi bắt gặp
 Hiện trạng của tình yêu
 Không có gì bồi đắp
 Khi mất đi quá nhiều
 Em vô tình đâu biết
 Dồn cho tôi thời gian
 Trái tim tôi khánh kiệt
 Cho hồn thơ hoang đàng
 Giữa khuya trời trở lạnh
 Khi mùa xuân vươn cao
 Quấn mình trong cô quạnh
 Lòng thương nhớ dạt dào
 Có phải tình vỡ cánh
 Có phải mình xa nhau
 Ôi sợi tình lỏng lẻo
 Rớt trên bờ tim đau

Cuối tháng 3/2015

Thái T μ X

Cái nhìn

1-

Hãy ngược mặt nhìn Trời
Để thấy vàng dương sáng ngời, rực rỡ
Trái vàng khắp vũ trụ
Lung linh trên từng đồng cỏ, đồi cây
Sười ẩm cả muôn loài
Sinh lực tràn đầy khắp nơi, khắp chốn
Mặt trời là nguồn sống
Hạnh phúc Yêu thương cũng ví : mặt Trời.

2-

Hãy cúi xuống nhìn Đất
Để thấy địa cầu bát ngát, mênh mông
Đất, nước nhuần cỏ cây
Xanh tươi bốn mùa đầy hoa, trĩu quả
Dưỡng nuôi người, loài vật
Rừng vàng, biển bạc, cỏ lạ, hoa thơm
Tài nguyên phong phú dồi dào
Đất rộng Trời cao mênh mông Trời Đất.

3-

Hãy mở mắt nhìn Người
Để thấy Tình Người yêu thương nồng thắm
Chiến tranh sẽ chấm dứt
Hòa bình Vĩnh cửu thế giới An hòa
Nối vòng tay bao la
Nhân loại Yêu thương tung bừng múa hát
Còn gì hơn để ước
Sao vẫn còn chém giết, hận thù nhau?!

4-

Hãy ngừng mặt nhìn Đời
Để thấy Đời đẹp huy hoàng, nhưng hữu hạn!
Quanh ta là Hạnh phúc
Đất Trời hòa hợp, Đời Người thăng hoa
Hãy cổ vũ mọi nhà
Yêu thương nồng nàn, thiết tha gắn bó
Hãy nghe lời Phật dạy :
“Tâm Bình an là Thế giới Bình an”

66 Tin Vaên

3 K ± P 1 J Ü < Ã Q
vi Å t ß ö l a n g heatherglen

1 J X | C Q Nghiê m Minh
 . À ô i F X Õ Q P t a L F P a N L K Ĩ F u



1. Những thế hệ đàn anh chúng tôi đi qua mái trường Vũng Tàu, giống như những cây bàng mọc trên đường ra Bãi Trước. Những đứa học trò ngày nào bôn chôn đi giữa lạ quen, trên những ngồn

Tin Vaên67

ngang dòng đời, một sáng mai chợt thấy mình vừa rẽ sang đường khác. Ký ức loang lổ những vết mực đầu đời và tiếng sóng ủa qua tuổi thơ. Chúng tôi lớn lên như cây nghe mỗi mùa vàng thêm màu lá. Chiều Vũng Tàu nồn nao mùi hoa sứ. Nhiều năm rồi, những gã đàn ông cũng cay đắng trong lòng một nhánh lá không còn xanh, cùng những cơn mơ vượt qua một dốc đời nhân quả. Điều đó có nghĩa là những cây bàng già sẽ giống như chúng tôi, thôi công hiến cho đời những trái xanh, những lá biếc? Cho dù tiếng gió lẩn quất đâu đây, kín im một mùa dang dở.

Nhưng mùa xuân này có người vừa đến khêu lại ngọn đèn đêm và thấp sáng những câu thơ của một thời không ngủ. Người đó là Nguyễn Võ Nghiêm Minh. Đứa con trai áp út của trường Trung Học Vũng Tàu. Anh vừa từ hải ngoại trở về mang tiếng sóng cồn cao trong tim. Và trên mỗi bước chân quen, biển vừa réo gọi.

Tháng giêng, dù còn một chút rét mướt, nhưng thành phố nhỏ chiều nay, bỗng bừng lên niềm vui ấm áp. Dù trẻ trung, nhưng những đóng góp cho đời về điện ảnh không non trẻ chút nào.

Anh đi qua. Đi qua. Một thoáng đi qua những cây bàng già nua, lóng lánh mắt cười hồn nhiên. Mái tóc bông bênh đánh thức những đam mê. Sau lưng anh là bảy sắc cầu vồng. Những nhịp đời đi vội vã.

2.

Khi tôi còn niên thiếu, rạp hát Võ Ngọc Chấn góc đường Phan Thanh Giản và Lê Lai là một rạp hát lớn của thành phố Vũng Tàu. Đó là nơi trốn học thường xuyên và là một địa chỉ quen thuộc của những đứa học trò nhỏ như tôi. Nhiều buổi chiều cuối tuần, tôi đã dám hào phóng bỏ tiền ra mua một cái vé xem phim dù phải nhịn ăn quả sáng nhiều ngày. Những chàng trai, những cô gái vào đời dù chân phải bước qua bão giông hay hạnh phúc sau này, nhưng không ai không một lần bước qua khung cửa sắt đóng mở ra một chân trời dự hoặc. Ba bức tường kín bưng có ghim hàng đèn bên dưới đủ để khách mới vào chưa quen bóng tối không bị vấp chân, như những vì sao đêm cuốn hút mọi mơ ước trần tục. Những hàng ghế xa hoa làm đau lòng những đứa con nhà nghèo và một sân khấu vuông có căng một bức vải trắng to đùng. Khung cảnh vừa kỳ bí, vừa quyến rũ đối với mắt nhìn của tôi ngày đó.

Như tôi đã nói ở trên, muốn bước chân vào rạp và hả hê ngồi dựa lưng vào ghế nhìn lên sân khấu, tôi đã phải trải qua những ngày đói lòng vì con nhà nghèo. Những đứa học trò con nhà giàu thì

khác. Tụi nó không so đo hay phàn nàn về giá cả. Chúng có thể vừa coi phim vừa ăn đậu phộng rang, hoặc uống nước mía có bán trước cửa rạp (một thức ăn xa xỉ không có trong thói quen ẩm thực của tôi).

Nhưng có một vài người xem phim mà không phải mất tiền. Trong đó có Nguyễn Võ Nghiêm Minh. Vì anh là một thành viên trong gia đình Võ Ngọc Chấn. Có thể hoàn cảnh đặc biệt đã tạo cho anh trở thành một người gần gũi với điện ảnh nhất, trong hàng hà sa số những người mộ điệu. Bao nhiêu tuồng tích, phim truyện và cả những tên tuổi sáng chói thời đó, đều không qua khỏi trí nhớ của anh.

Nhiều ngày coi phim xong, trở ra là trời mưa. Những cơn mưa bay ngang hành lang rộng, nhưng chặt kín bởi hồi. Đằng sau mưa là những phiên bản đời đậm nhạt. Những người lao động buôn gánh bán bưng không giống như hình ảnh trong phim. Những nhân vật nam hào hùng, đẹp trai (không bao giờ chết). Những kiều nữ (dĩ nhiên cũng đẹp) luôn gây ra sóng gió và những mối tình nếu không sôi nổi lãng mạn thì cũng chứa đầy nước mắt éo le.

Một lần khác, ra khỏi rạp là chiều đã lên đèn. Gió từ một cơn bão ngoài đất liền thổi vào làm phập phồng những tấm vải bạt. Giống như những cánh buồm ra khơi mùa biển động. Không biết có bao giờ nhập được vào một bến đợi nào đó, hay suốt đời phiêu dạt? Nào ai biết? Những bến sông xa lắc, những lòng thuyền đau lòng nơi một khúc quanh?

Tôi cũng không mừng tượng sau này, khi lớn lên vào đời, tôi sẽ nhập vai nào? Vui hơn hay buồn hơn vai trò của nhân vật trong phim vừa xem. Chỉ biết rằng thành phố tôi đang sống và lớn lên mang những bình yên rất lạ. Tình yêu cũng vậy. Trong đó những người đi qua đời nhau cũng quên không nhớ đã từng ngồi lại với nhau nơi nào. Một cửa biển xưa hay một góc đường ồn ào bụi bặm?

Tôi không nghĩ sau này mình sẽ trở thành một người lính trong thời chiến. Côi cút từ một đêm mưa cùng với cơn say ướt mềm quá khứ. Tình yêu không hề có khởi đầu, nên cũng không bao giờ có đoạn kết.

3.

Những ngày bắt đầu mùa thu nơi đây, thành phố có tên là thủ phủ của Texas, chợt có vài cơn mưa phùn. Buổi sáng ngồi quán cà phê,

nhưng đã mơ hồ nghe đêm tràn đầy qua ly. Những chuyến xe ngang qua đại lộ loang loáng nước, kéo sau bánh xe những tia nước như những quả khủ rũ rươi. Những con đường đẹp và buồn như trong những phim truyện ngày xưa. Có tình yêu và lòng nhân ái hòa nhập. Có người đàn bà đứng chờ đèn nơi một ngã tư. Nhưng cuối cùng nàng đã theo người ta về một hướng khác. Người đàn ông già bất lực nhìn lui một cõi mộng mị quá dài.

Nhưng Nguyễn Võ Nghiêm Minh thì không như vậy. Anh mang trên vai một hoài bão khác. Từ thơ ấu, khi bước chân vào rạp Võ Ngọc Chấn, đứa học trò nhỏ dù chưa trưởng thành đã biết mình sẽ làm điều gì. Từ dưới hàng ghế khán giả nhìn lên, không như chúng tôi, anh đã tự phác thảo những cảnh tượng từ nơi cuộc đời đắng ngọt. Những bố cục và những góc đời lẫm liệt những thiên anh hùng ca. Những hạnh phúc bay lên như phấn hoa hay những thăm kịch tả như lá mùa. Phía bên này năm tháng, đứa con trai ngày nào từng một mình thổn thức theo dõi những cốt truyện, những tình yêu, bây giờ đã trưởng thành. Những cảm nhận từ tuổi thơ im dẫu bây giờ đã cất cánh chuyển mình. Hồn anh sẽ bay bổng theo những hồn nhiên hay nằm yên trên những yếu lòng. Điều rõ ràng nhất, là Anh đã chọn cho mình một con đường. Một hướng đi. *Vừa làm khán giả đồng thời vừa làm người dựng truyện.*

Từ bộ phim đầu tay có tên **Mùa Len Trâu**, (thực hiện năm 2003) được trình chiếu ở Pháp với tên “*Gardien de buffles* “ và ở Mỹ với tên “*Buffalo boy* “ Nguyễn Võ Nghiêm Minh đã gây cho giới thưởng ngoạn nghệ thuật thứ bảy sự ngạc nhiên. Trước khi là đạo diễn anh đã là một Tiến sĩ Vật Lý.

Chuyện phim dựa trên tác phẩm cùng tên trong tập truyện **Hương rừng Cà Mau** của nhà văn **Sơn Nam**, kể về cuộc sống của những người nông dân miền Nam đầu thế kỷ 20. Mỗi khi mùa mưa về, nước tràn ngập mọi nơi, có những người làm nghề "len trâu", đưa trâu đi tìm cỏ để sống qua mùa lũ. Một ngày, anh tâm sự:

...” tôi tìm cách trốn thoát cái chết chóc, đau khổ của chiến tranh bên ngoài bằng cách ráng đi vô coi phim. Vì ba tôi là quản lý rạp phim nên những người gác cửa rạp họ biết và để tôi vào xem không có gì khó khăn lắm. Xem phim, ngoài việc là phương tiện để tôi trốn thoát cái đau khổ của cuộc chiến tranh bên ngoài kia, nó còn là cửa sổ để tôi nhìn ra thế giới bên ngoài. Tôi xem phim Ấn Độ, Trung Quốc, Mỹ, Pháp... Trong cái nhìn của một đứa trẻ tám, chín tuổi thì ấn tượng đó rất là sâu đậm. Nhưng không chỉ ở Việt

Nam mà cả ở Âu Châu, ngay cả ở Mỹ cũng vậy, sống bằng nghề làm phim không là chuyện vô cùng khó khăn nên tôi đành tạm gác cái đam mê của mình lại.

Tôi chợt nghĩ, một là mình làm phim bây giờ, hai là mình chắc phải lãng quên giấc mơ này. Và tôi phải quyết định, không hẳn là bỏ hẳn ngành vật lý của mình, nhưng tôi phải giảm bớt vai trò của công việc vật lý để bắt đầu đi học làm phim và làm các phim ngắn. Rồi tôi bắt đầu viết kịch bản phim Mùa Len Trâu. Kịch bản viết rất là nhanh, tôi nhớ rằng tôi viết trong vòng khoảng 30 ngày. Tôi rất vui là kể từ khi viết kịch bản, bắt tay vào làm phim thì hầu như không có nhiều thay đổi.”

4.

Trong những nghệ sĩ, có lẽ đạo diễn phim là những người tham vọng nhất. Vì sao? Vì trong một ý nghĩa nào đó, họ muốn thao túng, và cô đọng toàn bộ đời sống trên hành tinh này vào trong ống kính của họ. Những hơi thở, những khúc cười, những tâm tình, những cảnh vật, những thời tiết, đều được họ gói ghém vào những thước phim. Phim ảnh, theo tôi, tác động lên suy nghĩ con người nhiều nhất. Nó vừa có khả năng làm cho chúng ta hạnh phúc hơn, đồng thời cũng trì kéo chúng ta sa vào những hố thẳm. Nó làm cho chúng ta yêu ghét cuộc đời, nhưng cũng làm chúng ta quay lưng lại cuộc đời.

Nhưng không phải vì những điều đó mà Nguyễn Võ Nghiêm Minh cảm thấy mình cái bóng của mình cao hơn người khác.

Tôi gặp anh trong một buổi chiều mùa xuân, nơi nhà của Phạm Hùng Nghị, khi tôi về thăm VN. Nếu không được nói trước, chắc tôi không biết chàng thanh niên trẻ trung và hồn nhiên đó là một nhà làm phim tuyệt vời. Ấn tượng đầu tiên đối với tôi về anh là nụ cười. Sau đó tiếp theo là mái tóc bông bênh, nghệ sĩ.

Điều gì đã làm cho buổi tiệc vui hôm đó kéo dài đến tận khuya? Khi những người bạn vừa mới quen biết nhau cũng vừa nâng ly chúc mừng một năm mới? Chính vì họ đã chọn cho nhau một nơi chốn để dừng chân. Cũng là một nơi chốn bắt đầu. Đó là vùng biển xưa và ngôi trường cũ. Đó là những tiếng sóng và muối mặn rơi xuống đời nhau như mưa nhỏ xuống hồn day dứt. Những giọt mưa không bao giờ chạm đất, mà bốc thành hơi bay lên. Cuộc đời mênh mông những nỗi sợ, nhưng, nhờ nụ cười của Nguyễn Võ Nghiêm Minh, mọi người cảm thấy an lòng.

Đêm đó còn có Cao Quang, có Ngọc Phượng. Đôi tình nhân lúc nào cũng sóng đôi như hình với bóng. Có Nguyệt Minh, có Phạm Thu Dung nhìn đời bằng đôi kính trắng nhưng lấp lánh màu vạn hoa. Có Phạm Hùng Nghi, chủ nhà lúc nào cũng bận khoản về chuyện môi màng, bia bọt. Anh sợ người ta không chu toàn kịp những thức ăn do tự tay hai vợ chồng đưa con nấu nướng. Hay sợ tình bạn ngày nào sẽ biến mất như một hơi rượu cay?

Đêm đó tôi còn biết thêm một điều kỳ thú nữa là Nguyễn Võ Nghiêm Minh vừa trình làng một tác phẩm thứ nhì. Bộ phim “**Nước 2030**”. Anh đưa chúng tôi xem bản phác thảo bộ phim và một hình nền, dùng làm áp phích chính. Hình một cô gái ngửa mặt lên nhìn trời xanh và sông nước mênh mang của đồng bằng Nam Bộ Màu sắc thanh thoát và hài hòa. Tiếng gió đầu đây đang thổi mát những mảnh đời cô đơn trong khi sự cuồng nộ của thiên nhiên là một ẩn số.

Dù biết anh đã tìm ra những vai chính cho bộ phim của mình, nhưng tôi đã nửa đùa nửa thật với anh rằng anh không cần tìm kiếm đâu xa. Vai chính đang là anh. Vì tự anh, tự nụ cười hồn nhiên và mắt nhìn bao dung kia, đủ để lôi cuốn người ta cười khóc với mình. Đủ để làm người ta ngẩn ngơ theo vạt nắng cuối ngày. Những lo lắng và hân hoan kết nối.

Theo tác giả, **Nước 2030** là bộ phim giả định dựa trên truyện ngắn **Nước như nước mắt** của nhà văn nữ **Nguyễn Ngọc Tư**.

“Phim lấy bối cảnh vào những năm 2020 - 2030, khi hơn phân nửa đất đai vùng ven biển miền Nam Việt Nam đã bị ngập trong nước do biến đổi khí hậu. Khi đó, người dân buộc phải chọn một cuộc sống khác: Sống chung với nước, cư trú và làm ăn trên mặt nước, với những nông trại nổi to lớn và hiện đại. Trong bối cảnh ấy, vượt lên là mối quan hệ phức tạp xen lẫn nhau về lý trí, tình cảm, cái tốt cái xấu, lợi ích riêng và lợi ích của cả cộng đồng, và một tình yêu khó lý giải giữa Sáo (một cô gái trẻ) và Giang (một nhà nghiên cứu) - kẻ bị tình nghi giết chồng của Sáo.

Bộ phim có sự góp mặt 2 diễn viên trẻ tài năng Quý Bình và Quỳnh Hoa (vai chính trong Saigon Yo!)

Vẫn giữ nguyên những cái "chất" riêng của mình, từ *Mùa len trâu* cho tới *Nước*, Nguyễn Võ Nghiêm Minh vẫn trung thành với dòng phim mang tính tự sự và thêm vào đó là kỹ thuật quay hình dưới nước đặc biệt...”

Cũng trong khuôn khổ của bài Giới Thiệu, hồi đầu tháng 2 năm 2014, **Nước 2030** đã nhận lời mời tham dự Liên Hoan Phim Berlin (Đức) lần thứ 64, được khán giả Châu Âu đón nhận nồng nhiệt và được các nhà phê bình ghi nhận là một bộ phim có giá trị cao.

Trong khi tôi viết những dòng này, thì tin tức trên FaceBook cho hay là Phim **Nước 2030** sẽ được dùng chiếu ra mắt tại thành phố Vancouver, một trong những Liên Hoan Phim lớn nhất ở Bắc Mỹ. Đây là bộ phim được xếp vào nhóm Điện Ảnh Thế Giới (World Cinema) nằm trong khuôn khổ LHP Không cạnh tranh- Mill Valey Film Festival (viết tắt MVFF) lần thứ 37 sẽ diễn ra từ ngày 2 đến 12-10- 2014

Giới Thiệu về Nước 2030, trên trang Web của MVFF viết: “*Đây là một bộ phim đẹp đẽ mê hoặc, pha trộn các yếu tố lãng mạn, kỳ bí, sát nhân, báo thù khiến câu chuyện về cơn ác mộng môi trường sắp xảy đến với vùng châu thổ sông Mekong càng thêm kịch tính*”.

PHẠM NGŨ YÊN

Tháng 9 .2014

Chú thích:

Mùa len trâu đã tham dự gần mười liên hoan phim khu vực và quốc tế và đã giành được những giải thưởng đáng kể:

Giải đặc biệt ở LHP Locarno, Thụy Sĩ

Giải đạo diễn xuất sắc nhất ở LHP Chicago, Mỹ

Giải cao nhất, Grand prix của LHP Amiens, Pháp

Giải đặc biệt của LHP Amazonas, Brasil

MVFF là sự kiện kéo dài 11 ngày, diễn ra hàng năm từ năm 1977, với mục đích giới thiệu những bộ phim và nhà làm phim độc lập. Các phim dành giải Oscar như Slumdog Millionaire, The King's Speech, The Artist, Argo, 12 Years a Slave đều từng được chiếu tại đây với sự có mặt của nhà làm phim và dàn diễn viên.

Mỗi năm, LHP này thu hút khoảng 200 nhà làm phim đến từ hơn 50 quốc gia. Chủ trương tạo ra bầu không khí không cạnh tranh và thoải mái, MVFF muốn tạo ra cơ hội chia sẻ và hợp tác cho các nhà làm phim trên thế giới.

PNY



tình trong
ý ngoài

*trần việt cường
như ly
vân hà
song thy
vương hồng ngọc
ý nga*

7 U³ Q 9 LỀ W & P ả Q J
õ R⁻ Q NK Ú F

một

lặng nghe từng giọt mưa rơi
đêm sâu nỗi nhớ rụng rời ngoài hiên
xót xa chút mảnh tình nghiêng
lệch vai oằn gánh oan khiên nợ đời

hai

ngiêng vai dốc cạn u hoài
chông chênh một nửa đêm dài riêng mang
nụ cười thay tiếng khóc khan
tặng ta một dấu chấm than ru đời

ba

bến bờ tiễn khách thăm quê
một phương nghiêng gió còn mê điệu hò
nhặt khoan sóng vỗ mạn đò
ưu tư viễn khách bất ngờ sang sông

1 K P / |
õ L ã ' l e ð h a n t K ð h

Tiền nhau trời đổ mưa
Buồn như phút giao mùa
Ngại buông lời từ giã
Những câu nói dư thừa

Tìm hơi ấm bàn tay
Quấn quýt những ngón gầy
Dù đã cố chậm bước
Con đường vẫn chia hai

Lạy trời cho tuyết rơi
Để tôi giữ được người
Cửa thiên đường khép lại
Chỉ còn hai đứa thôi

Một điều ước chân thành
Mong cảm động trời xanh
Yêu nhau nào có tội
Có phải thế không anh?

Vân Hà

7 U³ Q W É Q K

Mỗi nụ hôn bắt đầu bằng ánh mắt
Bằng dịu dàng và nồng cháy trong tim
Bằng hân hoan rồi ngây ngất đắm chìm
Bằng giọng nói pha tiếng cười quyến rũ

Đưa ta đến cõi tình trong ấp ủ
Để mơ màng lạc bước chốn thiên thai
Quên thời gian, yêu dấu cứ miệt mài
Môi vụng dại, ngọt ngào cho nhau mãi.

1 K æ ò ß Q J

Đừng đưa ai, đến khung trời cũ
Để góc ngồi xưa, khỏi bề bàng
Khung cửa còn in trong đôi mắt
Ánh nhìn, tim lỗi nhịp hoang mang

Nhớ đừng ngấm hộ dòng nước chảy
Để chiếc lá trôi, mãi hững hờ
Chùm mây bay vội không định hướng
Hết tội phận mình phải bơ vơ

Xa lắm rồi em trong nỗi nhớ
Biết thế vẫn mang nặng trong lòng
Bâng khuâng giọt nắng cài lên tóc
Con gió vô tình thổi nhớ mong

Anh mang một khối tình dang dở
Hỏi lại cả đời, chẳng biết yêu
Thế nên đừng vội cùng ai đến
Chốn cũ đau lòng, đổ liêu xiêu

Songthy

/ ả L Q - R U X Q K D X

Mùa Thu đi qua lá vàng ở lại
Ngày anh lìa xa hồn em ngây dại
Khi đã yêu rồi tình là mãi mãi
Tim đã trao người lòng chẳng nhạt phai

Anh ru lời của biển
Anh ru lời của mưa
Anh ru lời của gió
Có còn lời nào để hát ru em!

Tình ta mong manh như làn gió thoảng
Thời gian trôi nhanh sầu thương chưa cạn
Em vẫn yêu người tình yêu chan chứa
Tim đã trao rồi tình chẳng hề vơi

Em ru tình dang dở
Em ru ngàn lời thơ
Em ru buồn sóng vỗ
Có còn lời nào để hát ru anh!
Và... còn lời nào mình hát ru nhau!

9 P ä Q J + Ô Q J 1 J Ò F
Nghi nan

Một góc đời riêng tím biếc
Tím cả đêm ngày giả thiết như không
Vũ trụ nhân sinh nhẹ hồng
Tình người nan giải sóng ngược sông
Con nước xuôi bờ bãi rộng
Lòng người khép lại trống không bất toàn.

Thôi đành cam phận tím than
Xin chào tím biếc xa đàn từ đây
Đành về nói lại đời đây
Trối tay ngu nữ vào cây nguyệt đề.

Để xem một cõi đi về
Có còn vọng ngã bọn bề sắc không.
Như chim nhặt hạt tơ hồng
Gieo thành vọng ngữ giữa không gian đời.

Ý Nga

v Q F ä P W ß Q , P [P D

-Anh dùng cơm gì chưa?
-*Anh ăn rồi, hôm qua*
-Sao không là năm ngoái?
Bảo đảm hơn anh à!

Mình đùa nhau, ba hoa
Thương dân nghèo quê Nhà
Toàn khoai, sắn lũng dọ
Mót rác của “đại gia”

Mẹ Cha vác cùm gông
Để nuôi lũ cuồng nông
Nuôi thêm giặc Tàu Cộng
Tô màu chủ nghĩa “hồng”

Thương trẻ em hiền hòa,
Chỉ toàn xương bọc da,
Cổ đeo khăn quàng đỏ,
Lòi cả hổ mắt ra.

Chân dép đứt, chân: không
Cổ đỏ lòe “đại đồng”
Áo quần em rách rưới
Học gì giữ Non Sông?

Hoàng T. Thanh Nga

& KX|ỀQ EỐQ P P ä L Q, P W U P

Ngày 29/4/75, Tuần Dương Hạm

Hải Quân 5 của tôi đang ở ngoài khơi tỉnh Bình Tuy yểm trợ hải pháo vùng giao tranh, bỗng được lệnh khẩn cấp quay về Vũng Tàu. Về đến mới thấy hầu như tất cả chiến hạm đang hoạt động ngoài khơi ùn kéo về neo đậu nơi đây để giúp dân di tản.

Cảnh rừng người ôm gói bông bế, tao tác hoảng loạn, chen lấn lên tàu hôm ấy hết như ngày tận thế đuổi tới phía sau. Quân Bắc Việt đã vào đến Long Khánh... Xe tăng trọng pháo nuốt nghiêng từng tác đất miền Nam. Những thứ theo sau lá cờ đỏ là nỗi khiếp sợ vô cùng của dân. Dân chạy cộng sản. Lần này là chạy ra khỏi đất nước, không như năm 1954 chạy vào phương Nam vẫn còn là quê hương. Dân di cư miền Bắc gọi 21 tháng 7 năm 1954 là ngày Quốc Hận. Hôm nay, cột mốc thời gian sau 21 năm chia cắt ghi dấu một ngày tang thương bao trùm toàn cõi Việt Nam. Và đất nước nhỏ bé gian truân có đến hai ngày Quốc Hận trong lịch sử!

Lúc nguy khốn này tình người, tình quân dân thể hiện rõ nhất. Mọi người trong thủy thủ đoàn tận lực giúp đỡ nâng kéo dân chạy giặc trong bờ túa lên tàu, từ những chiếc ghe nhỏ dập dềnh như lá thu rụng ngập tràn mặt nước. Tiếng người ới ới gọi nhau, pha trộn tiếng trẻ con la khóc, náo động vang rền một góc sông. Mọi người hồi hải lo lắng sợ không đến phần mình được lên. Khi sàn tàu không còn chỗ chen chân với mấy ngàn người, bên dưới nhiều chiếc ghe trống trơn, nhẹ tênh chao đảo, nhưng vẫn còn ghe có một số người chưa lên được. Nhìn xuống, mắt tôi chột chạm vào ánh mắt van nài cuống quýt của một người đàn ông, trên cánh tay trái anh ta ôm đứa bé chừng 2 tuổi, cái cùi tay phải căng bóng còn tới chỗ khua khua vôi vãi khăn khăn. Tôi trèo thang dây xuống định kéo cha con anh lên, anh ta dúi vào tay tôi đứa bé, nói nhanh...*anh làm ơn cho tôi gọi thằng con, tôi phải quay về...* Tôi lên tàu giao lại đứa nhỏ cho thằng lính rồi tuột xuống.

Tâm trạng phân vân **Đi** hay **Ở** giằng co khóc liệt trong tôi suốt ngày hôm nay. Tôi đang được đứng an toàn trên con tàu sẽ đi khỏi

Tin Vaen 1

nơi đây, trong khi biết bao người dưới kia khao khát cuồng điên đến lượt mình được nắm lấy sợi thang leo lên, có thể rơi xuống nước mất mạng bởi tranh giành chen lấn! Chẳng lẽ tôi khước từ cơ hội ưu tiên quý giá này? Nhưng bỗng tôi quyết định mau lẹ dứt khoát trong một giây, ngay vào thời điểm tàu nhổ neo. Bởi người đàn ông gởi con. Anh ta biết việc ra đi là điều sống còn bức thiết, nhưng đành gởi đứa con nhỏ vô thức của mình cho người xa lạ, vĩnh viễn không hy vọng có ngày gặp lại. Anh cam tâm quay về có lẽ vì anh còn nặng trách nhiệm với cha yếu mẹ già không thể cùng mang theo? Tôi cũng vậy, tôi còn người mẹ già, một mẹ một con sống đơn chiếc từ ngày di cư vào Nam. Tôi còn người vợ trẻ, nàng cũng chỉ có mẹ con tôi là người thân duy nhất, lại đang mang thai đứa con đầu lòng sắp sinh, có thể nàng đã sinh rồi nhưng vì thời cuộc rối ren tôi không nhận được tin! Tôi đứng dưới ghe vẫy chào tiễn biệt bạn bè, mặc những tiếng réo gọi khẩn thiết...

Về đến Sài Gòn. Nghe trên đài phát thanh đọc lệnh đầu hàng của ông tổng thống một ngày Dương V Minh, lòng người lính thất trận quặn đau như người hấp hối trên giường mơ hồ nghe âm vang hồi chuông báo tử. Hai giọt nước mắt chọt lặn trên khuôn mặt phong trần lính tráng, mặt đấng. Sài Gòn đổi chủ, không thể diễn tả được cảnh tượng lúc này. Đường phố tràn ngập bộ đội việt cộng bùng beo vàng vọt. Chân dép vỏ xe. Đầu nón cối sồn mục. Thân ốm o tiêu tụy trong bộ đồ nhàu nát, hờn hờ tự mãn “như có bác Hồ trong ngày vui đại thắng”. Sự hiện diện của họ làm mất hết vẻ cao sang thanh tú của Sài Gòn Hòn ngọc Viễn Đông. Bọn họ huênh hoang kiêu ngạo nhưng chới vờ ngỡ ngàng trước vẻ giàu sang tráng lệ của đô thị miền Nam. Và có lẽ đang tự hỏi ngàn câu không thể trả lời...

Buồn thay! Dân chúng nhiều người không hiểu đại họa vừa đến, tò mò ra đường đứng nhìn, thậm chí reo hò cổ vũ vì thấy... lạ, vui (?). Họ không hiểu ý nghĩa “giải phóng” ... Là dân sẽ “được” giải phóng no ấm tự do, giải phóng an bình thịnh vượng, giải phóng quyền làm người!...Tiếc thay máu xương bao người trai hùng đã nằm xuống hoặc để lại một phần thân thể trên chiến trường bảo vệ đất nước tự do!

Tôi về đến nhà đúng lúc mẹ đang cuống quýt lo lắng, vợ tôi trở dạ lâm bồn. Vào lúc thời cuộc rối loạn nhiều nhưng, ra đường sợ tên bay đạn lạc, vả lại tất cả công sở lẫn bệnh viện hoặc nhà hộ sinh đều “vườn không nhà trống”, lúc hỗn quân hỗn quan mỗi người lo

lắng số phận riêng mình không ai đến nơi làm việc. May!...Mẹ tôi xưa là y tá bệnh viện, tuy không thông thạo hộ sinh nhưng lúc này bà phải bình tĩnh đỡ đẻ cho con dâu. Ôn Trời! Ca hộ sinh bất đắc dĩ diễn ra suông sẻ, mẹ tròn con vuông!

Con trai tôi sinh ra giữa ngày 30/4/75, ngày đau thương uất hận phủ trùm toàn cõi Việt Nam! Tôi đặt tên con là...Quốc Hận. Lưu Quốc Hận.

Cái giá phải trả cho quyết định ở lại là những năm lao tù khổ sai, di chuyển nhiều trại cuối cùng “định cư” lâu dài ở trại Ba Sao Phú Lý, là quê mẹ tôi lúc chưa di cư vào Nam. Tôi không có chút cảm xúc nào với “quê” của mình, chỉ thấy vừa e ngại vừa xót xa những người dân lam lũ chân đất, họ quá cùng khổ so với định nghĩa con người, nhưng lại mê muội tự hào về chiến thắng chống Mỹ và quá khích với “tù ngục”...

Trong tù, hàng ngày phải “lao động” rã rời thân xác, phải “học tập” chính trị đầu đầu, chịu đựng đến buốt nhói tâm hồn bởi lời miệt thị sỉ nhục của những tên gác tù. Một nhòai là vậy nhưng nhiều đêm tôi không thể ngủ vì cơn đói bạo liệt hành hạ, chong mắt nhìn tròng vào bóng đêm ngẫm nghĩ, mình đúng hay sai khi quyết định ở lại??? Ở lại, tôi chẳng chăm lo nuôi nấng được mẹ và vợ con, trái lại để mẹ đau buồn lo lắng khóc ngày khóc đêm đến lòa đôi mắt. Để gánh nặng đè oằn vai còm cõi vợ mỗi đợt thăm nuôi, nhưng chưa biết tôi có thể giữ được cái mạng mỏng nàng chắt chiu nhọc nhằn tiếp sức cho đến ngày “đoàn tụ” hay không? Bởi một lần kiệt lý sắp ra hồ và một lần cùm biệt giam. Còn nàng, khuôn mặt bầu bĩnh tròn đầy ngày trước nay võ vàng sâu trộm, đôi lúm đồng tiền xinh giờ hóa thành đôi dấu ngoặc đơn ngậm ngùi. Và thật nhức nhối lòng mỗi khi nghe nàng than thở...*vì cái tên con trong khai sanh, em phải chạy chọt van nài mãi mới xin cho con được đi học vào lớp mẫu giáo. Lão hiệu trưởng cán Bắc chỉ chiết, 30/4 là ngày đại thắng của toàn dân, vui mừng không hết, sao nhà chị này lại đặt tên con phản động thế?...*

Người em duy nhất của mẹ, năm 1954 còn kẹt lại miền Bắc giờ là cán bộ nhà nước, cậu vào trại tù thăm tôi một lần chỉ để dạy nghiến...*Anh ngu bỏ mẹ, lính thủy ở trên tàu mà không đi luôn còn lộn xuống làm gì?...*

Mỗi năm cứ tới ngày 30 tháng tư đen trại giam tra tấn tù bằng cái gọi là kỷ niệm ngày thống nhất đất nước, ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam. Những giờ “học tập” chính trị tăng cường để ráo

riết “cải tạo tư tưởng” tù binh và rầm rộ tuyên dương chiến thắng ...Họ chà xát ngoáy sâu vào vết thương còn đang tươm máu trong lòng người lính Quốc Gia bị bức tử!...

Nếu ngày ấy ra đi, bản thân tôi không phải hứng chịu đòn thù. Mà giờ đây còn có thể tiếp giúp tiền bạc để mẹ và vợ con được no ấm...

Nhưng ở lại tôi mới thấy nhiều mặt cuộc đời! Mới hiểu rõ hơn nỗi gian truân cơ cực và sự chung thủy của vợ, của người phụ nữ Việt Nam. Ở lại mới nếm mùi “thiên đàng xhcn” để chia xẻ cảm giác thống khổ tận cùng của dân Việt thời cộng sản. Ở lại, tôi là một trong những chứng nhân về sự dã man tàn ác của kẻ thắng trong cuộc nội chiến tương tàn. Ở lại tôi mới hiểu thêm tình nghĩa huynh đệ chi binh trong cơn hoạn nạn, chia xẻ với nhau mẩu đường nắm muối tiếp chút sự sống, giúp nhau lúc bệnh hoạn kiệt quệ, dù người “khỏe” cũng chẳng hơn gì người bệnh. Và ở lại, tôi mới chứng kiến nhiều người sĩ quan ưu tú xưa kia nay để mất sĩ khí, cam tâm làm “ăng ten” cho cai ngục hãm hại anh em, hưởng chút “ưu tiên” thăm nuôi, mơ tưởng lời hứa cuội sớm về “đoàn tụ”!...Tất cả bản chất xấu tốt của con người bộc lộ hết trong hoàn cảnh khốc liệt này.

Sau tám năm đi “học tập” trở về mẹ tôi đã ra người thiên cổ khi tuổi đời chưa quá sáu mươi. Thiếu thốn cơm ăn thuốc uống dẫn đến suy nhược thể xác, mẹ tôi như ngọn đèn cạn dầu lụi tắt, nhưng nguyên do sâu xa chính là suy sụp tinh thần bởi trông chờ lo lắng thằng con!

Ngày về, tứ cố vô thân kèm cái án “ngụ”, tôi lẩn lóc chợ trời mưu sinh. Còn đâu một thuở oai vệ phong độ trong bộ Worsted trường Võ Bị Quốc Gia, rồi bộ binh phục trắng tinh lính thủy, “lính” phò hạm. Cuộc đổi thay dâu bể phũ phàng! Giờ đây với bộ kaki sờn rách, tôi đánh vật cùng bao hàng mỗi sớm mỗi chiều trên chiếc xe đạp cà tàng, vất vả với những thứ thượng vàng hạ cám. Nào là đỉnh ốc, cò lê, bù long, con tán, cái muỗng, cái ca, cái “cặp lồng” inox sáng choang hoặc màu xanh tối mang nhãn USA, những thứ xưa kia rất đổi tầm thường với dân miền Nam, bây giờ quý giá sang trọng với dân miền Bắc vì cái mác USA. Thì ra Mỹ Ngụy “xấu” nhưng đồ dùng của họ thì tốt. Dân Nam bị “giải phóng” bóc hết của cải, nghèo túng bán ra mọi thứ để dân Bắc háo hức mua ... Một buổi trưa tháng sáu, bầu trời giăng mắc những đụn mây xám nặng nề, báo hiệu cơn mưa giao mùa. Vắng khách nhưng tôi có

ngồi nán thêm, lấy miếng nhựa che đậy “gian hàng” rồi dựa gốc cây lim dim suy nghĩ. Bất giác buông tiếng thở dài ngao ngán, không biết cuộc đời rồi sẽ ra sao? Chẳng lẽ tôi phải gắn bó với “sự nghiệp” chợ trời đến chết không có ngày thay đổi, bởi cái “mác” nguy keo sơn dính chặt vào lý lịch như tảng đá kéo chìm một phận người xuống đáy sông. Và tư tưởng ý chí đè sâu chôn chặt đáy lòng không dám “thờ” trong cái xã hội đảo lộn lý lẽ. Tài năng kiến thức bao năm trường học, trường Võ Bị và một kiếp làm người bị mai một thật uổng phí!...

Đang nghĩ ngợi vẩn vơ chợt tôi nghe tiếng rào rào của bánh xe sắt nghiêng trên lề đường về phía mình. Một đôi vợ chồng tàn tật bán vé số. Chị vợ cụt hai chân đến gối “ngự” trên mảnh ván gắn bốn bánh xe, miếng đế vỏ xe cột vào hai tay như... đôi giày, đẩy xuống đất di chuyển. Anh chồng trong bộ đồ rằn ri TQLC cũ kỹ bạc màu, một bên ống tay áo phát phơ dưới chỏ, thỉnh thoảng dùng chân đẩy nhẹ xe giúp vợ, tiến về gốc cây ngồi nghỉ dưới bóng mát. Tôi chợt ngỡ ngợ, khuôn mặt khắc khổ người đàn ông này tôi đã gặp ở đâu? Ở đâu nhỉ???... Dấu hằn thời gian che mờ nét cũ.

Anh ta nhìn tôi, một thoáng lúng khựng, quay đi rồi quay lại len lén liếc, như kẻ gian. Tôi cũng vậy, lén lút nhìn anh ta cũng như... kẻ gian, cố phúi bụi thời gian trong đầu tìm kiếm một dấu vết liên hệ. May thay!... Não trạng còn tốt. Tôi nhớ rồi, cánh tay cụt. Anh ta chính là người đàn ông năm nào giao đứa nhỏ cho tôi mang lên tàu bơ vợ một mình ...

Có lẽ anh cũng ngỡ ngợ tôi nên nở nụ cười méo mó trên cái miệng móm. Mười mấy năm rồi còn gì, ngày xưa còn trẻ mà nhìn anh đã già khắc khổ huống chi bây giờ, sau thời gian dài nếm đủ mùi “thiên đường xã hội chủ nghĩa” thì công tử Bạc Liêu cũng phải xuống sắc nói gì đám tội dân chúng tôi. Anh ngồi xuống, e dè gọi chuyện:

- Anh cho hỏi thăm, có phải hồi trước anh là lính thủy?

Tôi vỗ vai người đàn ông thân mật và hỏi một câu để xác định nghi vấn:

- Phải, còn anh có phải là người nhờ tôi đem đứa bé lên tàu?

Lời nói của tôi như đem lại cho cái thân thể quắt queo tiều tụy kia một luồng sinh khí, mắt anh ngời lên với tất cả tình anh còn sót, có lẽ nhìn thấy tôi anh như nhìn lại được đứa con bé nhỏ ngày xưa

vẫn luôn khắc khoải trong tâm tưởng, anh vô lấy tôi như vớ được ông Bụt, miệng lắp bắp mà trong khóe mắt ứa ra hai giọt nước:

- Đúng rồi. Đúng là tôi nhờ anh giúp đưa thằng cu Tốt lên tàu...Cám ơn Trời Phật cho tôi gặp anh. Bây giờ con tôi nó ra sao rồi? Tôi gởi nó đi mà lòng bứt rứt không yên, lo lắng mãi, biết nó có được sống tốt hơn không hay bị sao rồi!?

Câu hỏi của người đàn ông khốn khổ này tôi chẳng thể trả lời. Chị vợ cũng rướn người nhìn chồng chọc vào mặt tôi, căng thẳng chờ đợi. Tôi thật ái ngại, cảm giác như người có tội khi tắc trách một nhiệm vụ được tín cẩn giao phó!... Tôi ở lại, rồi từ bấy đến nay không hề có tin tức gì từ bạn bè, kể cả thằng Vinh, người tôi trao đứa bé, nên số phận lưu lạc của nó tôi không biết gì hơn anh. Nhìn nét tuyệt vọng trên khuôn mặt hai vợ chồng người tàn tật quá đau lòng. Tôi an ủi họ mà lòng buồn se sắt:

- Còn sống là còn hy vọng anh à. May chúng ta gặp lại nhau, để tôi cố dò tìm tin tức cháu rồi báo cho anh chị...

Tôi hứa liệu để trấn an họ chứ tôi biết tìm đứa bé bằng cách nào!? Cuộc đời nhiều khi ta phải tin ở nhân duyên. Như nhân duyên gặp gỡ giữa tôi và vợ chồng người thương binh ấy. Anh Tín bị thương cụt tay trong đợt tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị năm 1972 của một đơn vị Thủy Quân Lục Chiến. Thương tích chưa lành còn nằm trong Quân Y Viện Cộng Hòa, thì được tin ở quê nhà huyện Long Đất - Bà Rịa - vợ anh bị hãm sát đề nát hai ống chân bởi hỏa tiễn 22 ly việt cộng pháo kích, phương tiện cấp cứu chậm trễ ở vùng quê hẻo lánh luôn bị đắp mô đào đường khiến đôi chân chị hoại tử dẫn đến tháo khớp đầu gối. Ngày việt cộng cưỡng chiếm miền Nam, anh biết cuộc đời tàn phế của vợ chồng anh hứa hẹn một tương lai bi đát cho đứa con. Anh không thể cõng vợ bằng con chên trong dòng người ồ ạt chạy loạn nên chọn cách chỉ bằng con đi. Nhưng một giây cuối cùng đứng trên ghe anh quyết định ở lại, bởi không nỡ nhẫn tâm bỏ rơi vợ tàn tật nên đành dứt ruột “quảng” con lên tàu cho người xa lạ mang đi! Khâm phục thay nghĩa tình của anh với người vợ bất hạnh...

Cuộc sống dưới quê cùng vườn ruộng không thể thích hợp cho hai kẻ tàn tật, vợ chồng anh bán mảnh vườn nếp nhà ở quê Long Đất, ra ngoại thành Hóc Môn mua mảnh đất nhỏ dựng túp lều, hằng ngày dắt díu nhau lang thang bán vé số mưu sinh. Hôm nay anh chị ra chợ trời định tìm mua tấm bạt che bên liếp vách, kéo sắp

đến mùa mưa, mưa gió tạt tứ tung vào khắp “nhà” rất khổ. Thì gặp tôi...

Cuộc gặp gỡ này chẳng mang lại cho vợ chồng anh chút hy vọng nào về tin tức đứa con. Nhưng anh coi tôi như ông thần có thể ban cho anh phép lạ cùng hạnh phúc. Tôi là ánh sáng lập lòe cuối đường hầm, là mấu chốt duy nhất để bám víu hy vọng, cho dù ngày 29/4 năm đó coi như anh chấp nhận vĩnh biệt đứa con. Giờ đây niềm hy vọng chợt bùng lên. Anh làm như tôi là người luôn đem lại may mắn, trong khi số phận tôi bi đát không kém!

Nhưng tôi may mắn thật! Trong lúc cuộc sống càng lúc càng khó khăn bế tắc thì chương trình HO đem lại cho cựu tù binh cũ nguồn hy vọng tràn trề, là phao cứu sinh cho những người sắp chết chìm trong xã hội chủ nghĩa. Tôi hồi hả xúc tiến hồ sơ và lên đường sang Mỹ vào năm 1994. Thật vô vàn cảm tạ ơn trời! Nếu không được đi Mỹ, gia đình tôi vật vờ cuộc sống bấp bênh nghèo đói đến tận đời. Sống trong nghi kỵ của chính quyền, con trai tôi sẽ nối tiếp “sự nghiệp” bù loong con tán lê la góc chợ suốt kiếp không thể ngẩng đầu, bởi cánh cửa vào đời khép chặt khi lý lịch (ngụy) vẫn còn bị sôi sục thù hận, ngăn cản bước tiến, dù bao năm qua mỗi thù của kẻ thắng đã được lấy lại dư cả vốn lẫn lời. Và nó sẽ gặp nhiều rắc rối trong tương quan xã hội với cái tên “phản động” do nỗi niềm cảm thán thống thiết của tôi!...

Trước khi đi, tôi đem lại cho vợ chồng anh thương binh Tín tất cả những vật dụng còn dùng được trong gia đình, cả mớ đỉnh ốc nặng nề làm vốn liếng mưu sinh. Nhưng có lẽ anh kéo lê đến chợ trời bán hết thì thôi chứ không thể “kinh doanh” mớ hàng nặng này ... Và cả niềm hy vọng quý giá nhất, là tôi sẽ tìm được tông tích thằng con lưu lạc cho anh.

Qua Mỹ. Tôi không bỏ lỡ bất cứ cuộc hội họp đồng hương, hội chợ xuân trong vùng, hoặc bất cứ đại hội nào do binh chủng Hải Quân tổ chức, mong gặp lại thằng Vinh hoặc đồng đội cùng phục vụ trên chiến hạm năm xưa. Tôi tự gánh trách nhiệm này một phần cũng do cảm phục nhân nghĩa anh Tín, nếu năm xưa anh để tôi kéo hai cha con anh lên tàu thì bây giờ cuộc đời anh đã khác. Và cùng với nỗi bất nhẫn. Cũng đều là quân nhân trong QLVNCH, đổ máu xương phục vụ chung một lý tưởng. Thương binh là người hy sinh ở chiến trường cụ thể hơn đồng đội, chịu đau khổ khi thân thể không toàn vẹn để sống cuộc đời bình thường. Lại thiệt thòi quyền

lợi, không được hưởng qui chế tỵ nạn như người khác. Số phận mỗi con người là sự bất công của thượng đế!

Trời không phụ lòng người! Cuối cùng tôi nhận được tin thắng Vinh sau gần mười năm đăng nhận tin miệt mài trên báo đài. Tôi không gặp được nó trong các dịp lễ hội đồng hương hay đại hội kỷ niệm của HQ tổ chức vì sau khi đến Mỹ vài năm nó sang với vợ. Gia đình vợ Vinh đi vượt biên định cư bên Úc.

Ngày ấy nhận đứa bé từ tay tôi, thấy nó sáng sủa khôi ngô lại cảm thương đứa trẻ lạc loài, Vinh cuu mang nuôi nấng rồi khai nó là con với họ Vinh, bởi nó không biết gì ngoài tên “cu Tốt”. Vinh đặt lại cho nó cái tên mang ý nghĩa tha hương, Trần Viễn Phương. Vợ Vinh cũng thương yêu đứa trẻ, nó là anh lớn của hai đứa em, sống trong gia đình êm đềm hạnh phúc. Sau hơn 30 năm được nuôi dưỡng ăn học ở xứ sở tự do, nay Phương đã thành tài và có gia đình riêng. Năm Phương 18 tuổi, tuổi trưởng thành, Vinh đã kể cho con nghe về quan hệ gia đình của họ. Phương rất cảm ơn cha về điều này, vì trong ký ức non nớt của đứa trẻ hai tuổi còn đọng lại chút khái niệm của ngày biến loạn mười mấy năm xưa, nhưng không dám hỏi cha.

Từ ngày đi Mỹ tôi vẫn thư từ liên lạc với anh Tín, thỉnh thoảng và ngày lễ tết tôi thường gửi chút tiền nhỏ giúp đỡ, cũng là để anh có khoản bù vào chi phí tem thư gửi đi nước ngoài đối với anh rất nặng. Nhờ vậy không bị mất tin.

Sau hơn 30 năm, đứa trẻ lưu lạc ngày xưa đem vợ con về mái lều xiêu vẹo, nơi có hai vợ chồng tàn tật run rẩy đứng chờ, nước mắt hạnh phúc rơi trên đôi má cốp nhăn già trước tuổi. Tuyệt diệu thay sự trùng phùng như chuyện cổ tích mà tôi có cơ duyên làm nhân chứng. Nhớ ngày 29/4 năm đó, người đàn ông đứng chết lặng nhìn chiếc tàu từ từ rời xa bến sông, thằng bé nhoài người khóc thét, tiếng khóc xé lòng...Giờ đây hình ảnh hai người nghèo khổ tật nguyên sung sướng ôm ấp vuốt ve con cháu lành mạnh tươi đẹp như báu vật, mãi không muốn rời như sợ mất đi lần nữa, khiến ai thấy cũng phải xúc động rơi nước mắt. Coi như thượng đế bù đắp cho số phận khốn khổ của họ chút ấm áp cuối đời.

Tốt không thể lãnh cha mẹ sang Úc nuôi dưỡng vì giấy tờ đã thay đổi tên họ nhiều kê, vả lại vợ chồng anh Tín cũng chẳng muốn làm gánh nặng cho con, gặp lại được nó sau cuộc chia ly tưởng như vĩnh biệt ngày ấy đã là ân huệ của Trời! Mỗi năm Tốt đều đưa

vợ con về thăm và chu cấp tiền để cuộc sống cha mẹ đỡ phần khó khăn. Câu chuyện kết thúc có hậu.

Tàn cuộc chiến chinh. Đất nước tôi biết bao thương binh còn sống lây lất chuỗi ngày tàn trên mảnh đất xưa đã từng đổ máu xương gìn giữ, hình ảnh một người ngồi bệt dưới đất đút cơm cho bạn kèm bài thơ Ngồi Xuống Đây ...*tao đút mày lần cuối, để mai này biết có gặp nữa không, nợ trần gian nợ cơm áo chất chồng, tao buong chái đời long đong vô định...* Gây niềm xúc động khôn tả đó của người lính dù Đồng Văn Ba với anh bạn thương binh cụt hai tay và mù đôi mắt! Mới thấy trần gian bao người được hưởng cái kết có hậu như anh Tín?

Tháng tư tới đây, thằng Quốc Hận con tôi tròn 40 tuổi. Cũng là bốn mươi năm lòng người lính cũ khắc khoải ngậm ngùi. Bốn mươi năm chưa thấy ánh sáng cuối đường hầm Việt Nam! Coi cuốn phim tài liệu Last Days in Vietnam lòng người tỵ nạn chùng nặng một nỗi buồn khôn tả. Hình ảnh tao tác đau thương ngày ấy giờ hiển hiện toàn cảnh trên từng thước phim. Cuộc di tản thực hiện ồ ạt vào những ngày cuối tháng tư, nhưng chủ yếu là cho người Mỹ và nhân viên của họ, một số người dân chạy trốn thời cuộc “ăn theo” với vận may ở tòa sứ quán Mỹ, rồi gia đình ly tán vì người lên được trực thăng người kẹt lại, bằng hoàng tráng thoát. Một hòa bình trong đau thương, chia lìa hơn cả chiến tranh!

Cuộc di tản này, riêng HQVN với 30 chiến hạm trong hoàn cảnh khó khăn khảm nặng, gian nan sinh tử không thua cuộc hải chiến bảo vệ Hoàng Sa năm xưa, đã mang được hơn ba chục ngàn đồng bào di tản từ Vũng Tàu, Côn Sơn đến Philippines an toàn như phép lạ!

QLVNCH hào hùng, quân nhân mọi binh chủng chiến đấu can trường. Nhưng thân phận Việt Nam như món hàng trao đổi trong tay nước lớn và cuối cùng bị đẩy vào vòng cộng sản. Đến nay VN ngày càng tụt hậu so với những nước trong khu vực. Tự do nhân quyền là “phản động”. Lòng người dân Việt mãi còn khắc khoải đau buồn mỗi ngày tháng tư đen, ngày mất nước. Vậy mà đã bốn mươi năm chồng chất!

Hoàng T Thanh Nga

Feb/2015

Mây Ngàn *Mai ta v ã*

Mai ta về thăm lại Pleiku
Để nghe gió núi mây giăng mù
Nghe em kể chuyện đời gian khổ
Dấu tình ngày ấy vào thiên thu

Cao nguyên lạnh lạnh lá vàng bay
Xa rồi phố thị nhớ tháng ngày
Mây trời lãng đãng ôm hồ nước
Hàm Rồng thương nhớ ai nào hay

Mai về thăm lại phố Pleiku
Dang tay hứng gió đón mây mù
Cùng nhau ôn lại đời nhung nhớ
Buông lòng mái lá chiều âm u

Em hãy cùng ta hãy trở về
Chuyện tình đất nước dài lê thê
Ca phê Dinh điền nơi hò hẹn
Nghe tiếng vui cười dưới nắng Thu

Cù Minh Khánh

% R/L W K · Q J É

Tôi BOXIT vùng cao nước Việt
Bốn nghìn năm giữ tiết cùng dân
Mới đây Việt Cộng bắt nhân,
Bắt tôi đem hiến, đem dâng cống Tàu.
Khai thác lòng đất quận đau,
Lọc lừa con nước vàng mau ruộng đồng.
Bao nhiêu tinh chất chúng phân,
Mang về xứ Chêch thật trông ghen ngào.
Còn hàng tỷ bước chân Trung Cộng
Sang Nam Việt đục rỗng thân tôi
Chỉ thương dân Việt bao người,
Làm thang. đói khổ. gấp mười năm xưa.
Cù Hòa Phong

0 Ø W W K R ® Q J Q K æ T X ã

Ngõ trước vườn sau bám bụi trần
Cỏ cây chen mọc kín quanh sân
Hàng cau trơ lá thân cần cỗi
Khóm trúc vàng hoe ngọn ủa tàn
Một thoáng nhớ quê chiều nắng nhạt
Phút mơ nhìn đất sáng tinh thần
Cho tôi gửi chút niềm tâm sự
Thấm đậm tâm can phút lặng thầm.

1 J X | Ç Q ò à F 1 K ä Q
0 Ø W F K X | Å Q ö đ K Ý W K ¶ Q

Người khách sau cùng vừa chui vào được bên trong thì chiếc xe đã rời khỏi bến. Bà đứng lom khom, hai tay quờ quạng không biết bám vào đâu. Bỗng chiếc xe lắc mạnh, bà mất thăng bằng, ngồi phệt xuống cái giỏ gà dưới chân. Mấy con gà hoảng hốt kêu lên oang oác. Người chủ gà cảm râm:

“Mẹ ơi, đề chết mấy con gà tôi rồi”

Thằng lơ xe cười khúc khích:

“Bảo đề trên mui không chịu, chết đáng”

Ông tài xế vừa nhìn lên kính chiếu hậu vừa chửi:

“Đ.m mày, còn không xếp chỗ cho người ta ngồi”

Thằng lơ vất vả lắm mới kê được một bao gạo để làm chỗ ngồi cho bà khách. Người đàn ông trung niên ngồi phía sau (có lẽ là chủ bao gạo) than nhỏ:

“Chết mẹ! Ăn bao gạo này chắc nghiện rằng suốt ngày”

Trong số hành khách, có người đến sớm chiếm chỗ, phải ngồi trên xe gần cả tiếng đồng hồ. Họ mong từng giây từng phút cho xe chạy. Chiếc xe đầy nhóc người, nhưng ông tài xế (cũng là chủ xe) cứ rề rà để kiếm thêm khách. Không ai dám hỏi thúc, vì biết có hỏi thúc cũng vô ích, vả lại cũng không muốn làm mất lòng ông ta, lỡ lần sau đi trễ, bị bỏ lại thì khôn.

Đây là chiếc xe than duy nhất chạy trên lộ trình này. Chiếc xe được “cải tiến” từ một chiếc Peugeot 203 cũ kỹ. Xe chạy mỗi ngày một chuyến, bắt đầu từ ngã ba Long Thành đến khu kinh tế mới Suối Quýt.

Con đường dài gần năm mươi cây số này bị bỏ hoang từ thời chiến tranh nên đầy dẫy ổ gà. Chiếc xe vừa chạy vừa lắc lư như một chiếc thuyền con trôi trên sóng. Chạy được một đoạn thì hành khách có người say sóng ọc mửa tùm lum, bốc lên một mùi chua lợm giọng, khiến một vài người khác chịu không nổi phải mửa theo.

Lúc này thì không còn ai để tâm đến những cung cách lịch sự thường ngày, kể cả cô gái ngồi bên cạnh tôi. Mỗi lần chiếc xe lắc mạnh, cả người cô ngã lên mình tôi, một tay choàng qua vai, bầu

chặt như bầu vào một khúc gỗ, không một chút úy kỵ. Cổ gái khá đẹp. Nước da trắng mịn. Khuôn mặt trái xoan. Mũi cao. Miệng nhỏ. Cặp chân mày dài, cong vút với mái tóc đen huyền phủ xuống gần tới thắt lưng.

Sau một hồi dẫn xóc kịch liệt, chiếc xe chạy qua một khúc đường tương đối bằng phẳng. Cô gái lấy lại tinh thần, sửa lại thế ngồi ngay ngắn. Cô nhìn thoáng qua tôi nhưng không biểu lộ một cử chỉ đặc biệt nào. Tôi cũng tăng lờ, nghiêng người nhìn ra bên ngoài. Mặt trời đã lên đến đỉnh đầu. Thời tiết tháng Tư oi bức. Xa xa một vài đám mây lững lờ trên nền trời trong xanh. Một con chim khách nghịch ngợm lượn theo chiếc xe mấy vòng rồi bay thẳng vào khu rừng, mất hút.

Chiếc xe ì ạch bò lên một ngọn đồi thoải thoải. Khói từ hai ống bô tuôn ra tạo thành một vòng xoáy bám sát vào đuôi xe. Bên lề đường, một em bé trần truồng đứng trước một ngôi nhà tranh lụp xụp, chăm chú nhìn chiếc xe như nhìn một con quái vật. Một người đàn bà trạc tuổi năm mươi, mặc bộ bà ba đen ngả màu, kéo lê một bao than ra đường. Chiếc xe từ từ ngừng lại. Thằng lơ nhảy xuống nhét vào tay người đàn bà một xấp tiền rồi bẻ bao than ép vào đuôi xe. Chiếc xe gầm lên rồi cố sức trườn tới. Người đàn bà chăm chú đếm từng tờ bạc lẻ. Thằng bé vẫn nhìn theo chiếc xe với một niềm vui hiếm hoi, mỗi ngày chỉ đến với nó một lần. Chạy thêm một đoạn chừng vài chục cây số, bỗng chiếc xe rung lên bần bật như một người bị chứng kinh phong. Ông tài xế vừa đạp ga vừa chửi thằng lơ luôn miệng. Hình như ông ta chửi vì thói quen chửi không vì lỗi lầm hay biếng nhác của thằng lơ.

Dù cố gắng đến đâu cũng vô ích. Chiếc xe vẫn khạc ra những tiếng khằng khặc rồi tắt phụt. Hành khách trên xe vừa lo vừa mừng. Ngồi trên xe gần hai tiếng đồng hồ. Đây là cơ hội tốt để trút đi những thứ thừa thãi trong người. Nhưng xuống xe rồi mọi người mới chợt nhận ra, chiếc xe ác ôn lại chết máy ngay trên một khu đồng trống. Những người đàn ông thì thoải mái, bước ra chừng vài chục thước là xong. Những bà sồn sồn thì chịu khó ra xa một chút rồi cũng êm chuyện. Tôi bất chợt nhìn sang cô gái. Cô ta đứng chết trân tại chỗ, ứa nước mắt. Tôi biết cô đang gặp khó khăn gì. Nhưng trong trường hợp này, tôi vô phương giúp đỡ. Nhìn cô ta thật đáng thương. Bỗng tôi chợt nghĩ ra và móc từ trong túi xách một tấm vải che mưa, bước đến chia vào cô. Cô gái hơi lúng túng nhưng cũng đưa tay nắm lấy miếng vải. Tôi trở về chỗ, tựa lưng

vào hông xe và hơi ngạc nhiên vì thấy cô gái vẫn đứng tần ngần tại chỗ, đôi mắt càng đỏ hơn. Tôi biết sự chịu đựng của cô đã đến mức tột cùng. Cũng may lúc ấy có một người đàn bà tốt bụng, hiểu ý, nắm tay cô dẫn ra một chỗ xa xa giúp cô căng tấm vải làm bức màn che. Cô gái trở vào với một dáng điệu ngượng nghịu, sượng sùng. Cô nhờ người đàn bà đem trả tôi tấm nylon. Tôi quay mặt qua chỗ khác để khỏi làm tăng thêm nỗi hổ thẹn, ngượng ngùng của cô.

Mặt trời đã ngả về phương tây. Ông tài xế và thằng lơ vẫn hì hục với chiếc cỗ máy bất động như một con vật đuối sức nằm lỳ. Dưới sức nóng hanh hao của buổi chiều tháng Tư, mọi người đều mệt mỏi, không ai buồn nói chuyện. Trong cái không gian vắng lặng của vùng hoang dã chỉ còn nghe tiếng va chạm của kềm búa, tiếng chúi bới oang oang của ông tài xế và tiếng càm ràm khe khẽ của thằng lơ xe. Tôi bước đến ngồi trên một khúc gỗ nằm bên vệ đường, bật lửa đốt thuốc. Thỉnh thoảng tôi đưa mắt nhìn về phía cô gái. Giữa nơi đồng không mông quạnh mà được ngắm nhìn một bông hoa kiều diễm thế kia thì còn gì bằng. Ước gì...

Đang đắm chìm trong mơ mộng thì tiếng máy xe nổ rang, kéo tôi về hiện thực. Hành khách mừng rỡ chen nhau lên xe. Tôi bước theo sau cô gái vào ngồi ở chỗ của mình. Nhìn đồng hồ đã 4 giờ 30 chiều. Xe chạy thêm một đoạn chừng vài cây số thì đến một con suối nhỏ, hai bên cây mọc um tùm. Ông tài xế cho xe ngừng lại. Thằng lơ cầm cái thùng nhựa vừa đi xuống suối vừa nói oang oang:

“Đi tiểu, đi đại... đi bà con ời”

Thì ra đây là chỗ thường ngày chiếc xe dừng lại đổ nước máy và cho bà con đi tiểu. Tôi cười thầm, đồ khi, cái máy cũng biết trêu người, không bỏ thêm một chút, báo hại con bé phải chịu một trận hổ thẹn đến đỏ mây đỏ mặt.

Đây là lần đầu tiên tôi đến khu kinh tế mới Suối Quít, nên không biết còn bao lâu nữa thì đến nơi. Nếu đến đó vào ban đêm thì việc tìm nhà sẽ vô cùng khó khăn. Bất chợt tôi quay sang cô gái hỏi:

“Xin lỗi, ở Suối Quít cô có biết nhà ông Sáu Ngời không vậy?”

Cô gái nhìn tôi với vẻ không được tự nhiên lắm:

“Dạ không. Cháu mới đến Suối Quít lần đầu”

Bây giờ tôi mới để ý đến cách ăn mặc của cô gái. Tuy không sang trọng lắm nhưng rất đúng “mốt” củanhững cô gái thị thành. Tôi biết mình bị hớ, nên vội khỏa lấp:

“Ồ! thì ra cô cũng như tôi. Nếu mình đến nơi mà trời tối thì thật là phiền” Cô gái không nói gì, đưa tay vuốt lại mái tóc.

Càng vào sâu địa hình càng phức tạp. Những ngọn đồi nối tiếp nhau phơi mình dưới ánh nắng chiều mùa hạ, lấp lánh, mông lung. Một vài căn chòi lá nằm lơ lửng trên ngọn đồi với những cuộn khói bốc lên từ những hàng cao su mới trồng, thẳng tắp. Bất chợt tôi thấy một đám mây đen xuất hiện ở hướng Tây nam. Đám mây mau chóng hình thành một trận mưa giông đầu mùa dữ tợn. Hành khách vội vàng thả tấm màn nylon chống mưa, nhưng nó không giúp được gì. Những đợt gió thay nhau thốc vào hông xe, tấm màn nylon giãy lên phành phạch, ngọn mưa theo đó tạt vào. Hành khách la ới ới. Thằng lơ lòn hai cánh tay xiết chặt vào chiếc thang gắn ở đuôi xe, gồng mình chịu đựng. Ông tài xế cho xe chạy chậm lại. Lúc này, mọi người trên xe dường như đã khuất phục trước sự cuồng nộ của thiên nhiên. Tất cả đều ngồi co rút, im lặng, trên mặt thoáng hiện một chút sợ hãi. Có người mấp máy đôi môi, hình như đang cầu xin một đấng thiêng liêng nào đó phù hộ. Cô gái nép sát vào người tôi. Với bàn tay rắn chắc của một người đàn ông chưa tới bốn mươi, tôi lấy hết sức ghi chặt tấm màn, vừa che cho cô gái vừa che cho mình. Tôi nghe lòng ấm lại trong cái mát lạnh của trận mưa giông đầu mùa.

Chiếc xe ngừng lại trên một khu đất trống. Trời đã nhá nhem tối. Cảnh vật trở nên mờ hồ lằng đằng sau trận mưa. Hành khách lần lượt xuống xe đi vào các ngả rẽ, mất hút. Trên bãi đậu xe, chỉ còn lại tôi, thằng lơ và cô gái. Tôi đứng nhìn quanh với một nỗi buồn rười rượi. Không ngờ ông Sáu Ngồi, một thương gia có chút tiếng tăm ở Biên Hòa, bây giờ phải giam mình trong cái hóc khí ho cò gáy này.

Tôi đang lưỡng lự không biết phải đi về hướng nào thì chợt nhớ đến cô gái. Thì ra cô ta vẫn đứng tần ngần ở trước đầu xe. Nhìn dáng vẻ của cô, tôi đoán được không phải cô đang chờ người thân đến đón. Tôi bước đến hỏi:

“Người nhà chưa đến đón cô à?”

Cô gái rơm rớm nước mắt:

“Cháu không báo trước cho chị Mai”

Tôi không hỏi gì thêm, từ từ rút điều thuốc đặt lên môi, bật lửa, những lọn khói cuộn tròn, quán quít như chưa muốn tan biến vào không gian.

“Vậy cô tính thế nào?”

“Cháu không biết”

Tôi đứng ngó người vài giây rồi hỏi tiếp:

“Nếu vậy, cô có muốn đi với tôi cho có bạn không?”

Cô gái nói nhanh:

“Dạ muốn”

Bây giờ tôi mới để ý đến cử chỉ và lời nói của cô gái. Nhìn vào vóc dáng và khuôn mặt, tôi đoán chắc, tuổi của cô không thể dưới hăm lăm, nhưng không biết tại sao cô ta lại có cái vẻ ngây thơ khờ khạo như vậy.

Địa hình khu kinh tế mới Suối Quít vô cùng phức tạp. Những ngôi nhà không nằm gần nhau mà bị phân cách bởi những khu vườn rộng lớn, trồng đủ loại hoa màu. Tôi và cô gái bước theo thẳng bé, luồn lách giữa những đám bắp cao khỏi đầu người. Phải mất gần nửa tiếng đồng hồ, chúng tôi mới tới được một căn nhà lá nằm cạnh một con suối nhỏ. Tôi cho tiền thẳng bé dẫn đường rồi bước tới gõ nhẹ lên cánh cửa làm bằng những mảnh gỗ ghép lại. Nhìn qua khe cửa, tôi thấy một ngọn đèn dầu treo trên bức vách, tỏa ra một thứ ánh sáng yếu ớt, bệnh hoạn. Một ông già lom khom bước đến mở cửa. Dù chỉ một chút ánh sáng mờ mờ từ ngọn đèn dầu chiếu ra, tôi vẫn nhận ra ông Sáu Ngõ. Người ông gầy hằn đi, ốm yếu, hom hem như một cụ già tám mươi. Ông Sáu Ngõ nhìn tôi đăm đăm, dè dặt như nhìn một tên trộm. Tôi vội lên tiếng:

“Thưa bác, cháu là Dũng đây. Cháu mới về”

Ông Sáu Ngõ nhướng đôi mắt nhìn tôi từ đầu đến chân rồi vỗ nhẹ lên vai nói:

“Mô Phật, về được là tốt rồi. Thôi vào đi, đứng đây muỗi cắn”

Tôi và cô gái bước vào ngôi trên chiếc sạp bện bằng tre. Ông Sáu Ngõ rót trà ra hai cái tách, nói:

“Hai cháu dùng nước. Cháu Dũng lập gia đình rồi à?”

Thấy ông Sáu hiểu lầm, tôi vội lên tiếng:

“Thưa bác, cô gái này đi chung chuyến xe với cháu. Vì trời tối không tìm được nhà người thân, nên theo cháu đến đây xin tạm trú một đêm, xin bác thông cảm”

Ông Sáu Ngõ vui vẻ đáp:

“Ôi, ăn thì nhiều chứ ở bao nhiêu”

Ông Sáu đang chăm chú vắn thuốc, bất chợt dừng tay nhìn tôi thờ dài sườn sượt:

“Thật không may, cháu vào chơi mà con Quỳnh không có ở nhà. Nó theo chồng về dưới Vũng Tàu gần một tháng nay rồi”

Nghe ông Sáu nói, tôi thấy người choáng váng nhưng kịp lấy lại bình tĩnh:

“Quỳnh làm đám cưới lâu chưa bác?”

Ông Sáu vừa tiếp tục vắn thuốc vừa trả lời:

“Có làm đám cưới đám hỏi gì đâu cháu. Thằng chồng nó làm nghề buôn ngũ cốc, thường tới lui Suối Quýt để thu mua bắp và các loại đậu. Hai đứa nó quen nhau. Bác thấy con Quỳnh đã lớn tuổi rồi nên cũng ừ cho nó yên bề gia thất. Cuộc sống đã đổi thay, mình đâu còn gì để mà lựa chọn nữa cháu!”

Nghe giọng nói rầu rầu, chua chát của ông Sáu, tôi đoán được Quỳnh chịu lấy người lái buôn nào đó chỉ vì muốn thoát khỏi cái vùng tăm tối này. Tôi cúi đầu yên lặng, chịu đựng nỗi đau dày vò như có hàng ngàn mũi kim châm vào lòng ngực.

Đêm đó tôi và cô gái ngủ lại nhà ông Sáu Ngõ. Nhà chỉ có một cái giường duy nhất có mùng. Ông Sáu nhường cho cô gái. Tôi và ông ngủ ở cái sạp tre phía trước. Đêm đã khuya, tôi cứ thao thức trằn trọc mãi, không cách nào chợp mắt được. Lâu lâu lại nghe tiếng thờ dài của ông Sáu. Tôi biết nỗi đau buồn của ông không kém gì tôi. Ông buồn vì cuộc sống, tôi buồn vì đã mất người yêu...

Thì ra nhà dì cô gái nằm cách bến xe chỉ vài trăm thước mà chúng tôi không biết. Mai, người chị họ của cô mừng rỡ, lảng xãng hỏi han tíu tít. Bây giờ tôi mới rõ tên cô gái là Phụng Vy. Có một điều làm tôi hơi ngạc nhiên là tính tình cô gái hoàn toàn khác hẳn với ngày hôm trước, nói cười luôn miệng, thỉnh thoảng lại pha trò thật dí dỏm, khiến mọi người cười vang.

Trò chuyện một hồi, Mai đưa tôi và Phụng Vy dạo quanh những khu vườn có nhiều loại cây ăn trái. Phụng Vy nhanh nhẹn như một con sóc, nghịch ngợm, phá phách. Nhìn cô ta tôi nghĩ thầm, chắc cô gái này chưa hề bị tình yêu khuấy động, nên cái vẻ ngây thơ, thuần khiết vẫn còn. Mai thì có vẻ trầm lặng hơn, nhưng vẫn còn giữ được cái dáng dấp của một cô gái thị thành. Mai đưa chúng tôi đến một con suối nhỏ chảy ngang một khu đất bằng phẳng đã được khai hoang để trồng hoa màu. Những luống rau đủ

loại xanh mướt trải dài dọc theo hai bên bờ con suối như hai thảm lụa xanh, phoi mình dưới ánh nắng mai dịu dịu. Chúng tôi đến ngồi trên một chiếc cầu nhỏ bắc qua con suối. Dòng nước chảy êm nhưng đục ngầu vì chứa nhiều phù sa. Cách đó chừng vài chục thước, một cô gái đang cặm cùi chăm sóc mấy luống cải mới trồng. Nhìn cái vẻ lam lũ của cô gái rồi nhìn lại Mai, tôi nghĩ thầm, dù ở bất cứ thời đại nào, dù ở bất cứ nơi đâu, sự bất công của xã hội vẫn luôn luôn tồn tại...

Chợ nhóm trên một khu đất trống. Các mặt hàng chính yếu bày bán tại đây hầu hết là những thứ sản xuất tại địa phương như rau cải, thịt heo, thịt rừng và một vài thứ linh tinh khác. Tôi đứng nhìn hai cô gái lằng xằng mua sắm những thứ cần dùng cho buổi cơm chiều. Người tôi mệt nhoài vì suốt ngày lẻo đẻo theo sau hai cô gái. Bữa cơm chiều tuy không thịnh soạn lắm nhưng rất ngon miệng vì tài nấu nướng khéo léo của Mai. Một tô canh mướp, một đĩa mì xào và một đĩa hột gà chiên. Có một điều làm tôi khá cảm động là trước mặt tôi, một chai bia đã khui nắp và một cái ly làm bằng thủy tinh.

“Cám ơn hai cô nhiều, hai cô chu đáo quá”

Mai nhanh nhẩu:

“Đâu có gì. À, mà không có đá đâu nhé. Ở cái nơi thâm sơn cùng cốc này, kiếm một cục đá còn khó hơn kiếm một cục vàng”

Tôi cười xã giao:

“Không sao. Hai cô uống một chút cho vui”

Phượng Vy với một giọng trầm buồn khó hiểu đọc nho nhỏ một câu thơ trong Truyện Kiều của Nguyễn Du:

“Người buồn rượu có vui đâu bao giờ”

Mai cười hồn nhiên:

“Nhỏ ơi! Nguyễn Du nói cảnh chứ nói rượu hời nào”

“Người buồn thì cảnh rượu gì mà chẳng buồn”

“Chứ nhỏ không nghe người ta nói uống rượu giải sầu sao. Ủa, mà nhỏ buồn hay ai buồn vậy?”

Phượng Vy lườm Mai một cái rồi bỏ vào trong lầy chén đĩa.

Tôi phải ở lại nhà Mai qua đêm vì đến ngày hôm sau, chiếc xe mướm kia mới trở về Long Thành. Đêm đó ba người chúng tôi ngồi quay quanh một cái bàn nhỏ, trò chuyện. Mẹ Mai, sau một ngày buôn bán thấm mệt đã vào phòng ngủ trước. Dưới ánh sáng mờ ảo của ngọn đèn dầu, khuôn mặt Phượng Vy càng hiện rõ cái

nét diễm kiều, khả ái. Tôi ngồi yên nghe hai cô trò chuyện. Bất chợt, tôi cảm thấy sự hiện diện của mình lúc này là một trở ngại cho hai người lâu ngày gặp nhau tâm sự, nên cáo lỗi bước ra ngoài. Bầu trời đen ngịt. Tiếng con trùng râm ran như một bản nhạc hòa tấu ngân nga bất tận...

Một ngày hai đêm ở Suối Quýt trôi qua như một giấc mộng. Nỗi đau buồn, hụt hẫng của chuyến đi tìm Quỳnh vẫn còn nguyên vẹn trong tôi. Từ già gia đình Mai, tôi lặng lẽ bước theo hai cô gái tiến về bãi đậu xe. Vẫn chiếc xe than cũ kỹ mang chúng tôi trở về Long Thành. Phương Vy ngồi yên như pho tượng, trên mặt loáng thoáng một nét buồn xa xăm, khó hiểu... Tôi cũng ngồi yên nhìn ra bên ngoài. Bầu trời trong xanh, một cặp chim rừng đang xoải cánh bên nhau, bay về hướng mặt trời...

Nguyễn Đức Nhơn

% L Æ Q (P 9 - 7 Ó L

Biển quê tôi muôn đời ôm bóng nắng
Cồn cát nằm phơi ngực trắng quanh năm
Cũng có lúc biển vô tình dậy sóng
Mây bốn mùa theo gió núi về thăm
Em xa vắng có nhớ mùa hạ biển
Thành phố buồn vẫn đợi bước chân em
Biển Cali mỗi lần nghe sóng vỗ
Có làm em nhức nhối buồng tim?
Nhớ những lúc xôn xao mùa biển động
Lũ học trò vắng bóng những chiều hôm
Tôi và em vẫn thì thầm trong gió
Đợi đêm về nghe sóng vỗ triền miên
Em yêu dấu có bao giờ em khóc
Khi cuộc đời là hai ngã chia ly
Tôi và em xa nửa vòng trái đất
Biển mủi lòng thương kẻ ở người đi
Thôi em nhé vốn là loài chim biển
Chim vô tình cánh bạc vỗ bờ xa
Biển và tôi đã mấy lần bật khóc
Biển muôn đời vẫn dạo khúc tình ca...



&®L 7UÒQJ 7I
õ Ô Q 7U & K L A W

tìm Em trắng tận thể
hào khí Kiều Phong oan kiếm hóa thân
uống nước mắt Em thiên đường độ lượng
hồn sao băng đầu đó tiếng chuông ngân

cây lúa nghẹn dòng
ta soi tiền kiếp
tìm thấy nhau đời tình tú một vòng
gọi hồn lữ thứ nhập thăng đồng
kiếm lệch đời nghiêng pháp trị hôn mê
mượn xác phù điêu chuyên chở mảnh tình
nghe lựa xé đem ma vương kỳ bí

đêm giao thoa
men rượu đắng kinh kỳ
hồn Phạm Thái
xác Quỳnh Như thất bát

nát nhàu tâm sự máu xuyên da
lựa đào nan quạt Em thờ thần
xe chỉ lòn kim vá mảnh đời
khâu lại duyên Kiều mộng nước phồn sinh

Em đã bên sông tôi thuyền lạ bến
Em đi đâu vương cọc thẳng trầm
nghe đắm thuyền bơi
canh cuộc truân chuyên thuyền rẽ nước
bèo chơ vơ tiếng sóng

*Ph ±P 7P ä Q J 1K P
1A X 1K P*

(trong nỗi nhớ một người...)

Nếu như anh chẳng làm thơ
Thì đâu chờ được giấc mơ em về
Làm sao hồn biết tái tê
Gieo vần kết chữ điền mê tháng ngày
 Nếu như chim chẳng hát hay
Chân vui điệu múa, đáng bay cánh mềm
Tiếng em gửi gió chiều êm
Nhạc thơ huyền hoặc, trăng đêm khuyết tròn
 Nếu như anh lạc mất hồn
Môi chưa ngủ trọ vết son em chờ
Hoa hôn con bướm ngẩn ngơ
Tim lòng gỏ nhịp bơ vơ tội tình
 Nếu như giấc ngủ riêng mình
Không còn rung rúc bóng hình dễ thương
Sương khuya đầu rụng xuống vườn
Để giun dế gọi miên trường nhớ nhau
 Nếu như tình cảm chưa trao
Trăng chưa chìm đáy, sóng gào biển sông
Nắng chưa chia nửa hoàng hôn
Anh còn chuốc nửa mảnh hồn đơn côi
 Nếu như mình chẳng hẹn hò
Trăm năm bên cũ con đò thả trôi
Chắc tim anh vẫn bồi hồi
Đêm nhìn dáng nguyệt nhớ người trong thơ
 Nếu như lỡ gây ước mơ
Thơ anh chết, chẳng bao giờ tái sinh
Em ơi hỏi lại lòng mình
Dù sao đi nữa...cũng tình thiết tha.....

(Dù sao đi nữa.... trọn tình nhé em.....)

Ph ±P 7P ä QJ 1KP



Võ Th ±Q K 9, Q
Môi má long ố R Q J

Duyên do hơi thở ấm nồng
Mắt môi sóng dậy long đong nửa đời
Tình thăm thăm. Tứ diệu vời
Trong nghi hoặc thốt vụn lời thủy chung

Từ em khao khát khôn cùng
Mắt môi ngày nọ, sương chùng buổi kia
Từ huyễn hợp, nẩy chia lìa
Từ đêm mưa rót nước khuya chảy tràn

Bởi em môi má hồng man
Tóc râu biếc núi. Mật tràn xanh đêm
Lời rót ngọt. Ý tô thêm
Đắng, cay, bùi, ngọt, ngoan, mềm, dối, gian

Và em rừng rợp thông ngàn
Ngực phen che gió. Da làn ngăn mưa
Mắt môi nước lửa đương vừa
Tình mùa úng thủy lòng chưa kịp ngờ



õ - R / ã T ãchu Õ

*Ta quá chén một lần thôi để biết
Đời đã vàng thương tiếc chuyện tình say**

Em muốn tìm cảm giác ngà say
Bốn mươi năm vương nợ tình này
Rượu rót lưng lưng hồn sóng sánh
Xin chớ để trần chén đắng cay

Anh nhìn em ánh mắt ngây ngây
Má ửng, môi son, tóc xõa dài
Quần rồi tay anh hồn lược cũ
Nhạc đàn vô tận hát thương ai?

Ba ly tự chuốc ngấm hương thơ
Chân bước liêu xiêu, dạ lững lờ
Gió đêm trần tục diu hương lạ
Vòng tay nào chạm nhẹ giấc mơ?

Sáng mai mỗi đứa một phương trời
Chỉ còn nỗi nhớ giết em thôi
Bao năm trần trở trong buồn tủi
Chưa biết say, đời mặn đắng môi!

Dẫu biết tình yêu gieo khổ đau
Đêm nay uống cạn cuộc tình sầu
Thời gian quay quắt cơn mê, tỉnh
Hạnh phúc lẫn theo hạt lệ trào!

hè 2015

**thơ phạm tương như*

/P X 7K®L 'J R
Thôi tìm em

Thôi tìm em, hết tìm em
Có người đến trước trao tim mất rồi
Một người bỏ lại sân chơi
Một người gom cả vốn lời nợ duyên
Ta đưa em xuống cõi quên
Để cho cõi nhớ khắc tên tình đầu
Thôi tìm em, biết tìm đâu?
Khi cơn hồng thủy xóa câu hẹn thề
Giai nhân khóc tuổi dậy thì
Chinh nhân thương những chuyến đi chiến trường
Ta tôn tình lớn quê hương
Truất ngôi tình nhỏ vắn vương thuở nào.
Thôi tìm em, dấu đón đau
Khi ngàn kỷ niệm lâu lâu hiện về
Có hình đứng có dáng đi
Nói lời thương ảo, nhưng nghe ấm lòng
Thôi tìm em, bão biển Đông
Từ tay định mệnh xóa vòng bay quên.

9 Ü 7 L Ä Q / · S O ä L W K ® Q J

Tháng tư về với những xiềng xích trong ký ức mặc dầu khoảng cách và thời gian đã kết thúc, trí nhớ tuy lảng dịu nhưng ngậm ngùi vẫn còn âm ỉ ẩn mật trong mùa xuân từ những mộ phần tâm tư và hương lạnh của tàn hủy. Con mưa buổi sáng đã qua rồi, những chiếc lá non mùa xuân mãnh liệt biết bao, nhìn chúng thật mong manh nhưng cũng thật mệnh mông của an bình. Màu sắc của thiên nhiên có một vẻ đẹp bao la và uy nghi vô hạn, không phải uy nghi được thực hiện bởi con người mang tính chất hãnh tiến. Giòng nước cũng đang vỗ về trong lòng con suối cạn tạo cảm tưởng như đất đai đang reo hò, quả đất bừng đỏ thêm và rừng cây xanh tươi hơn.

Chủ nghĩa lãng mạn và đa cảm đã bị nhốt an toàn trong thành phố, và ở đây vào sâu trong vùng xa thị trấn. Cây cối bát ngát xanh như muốn vươn tới cuối chân trời cùng con suối đều mang vẻ đẹp của niềm vui trong sâu lắng. Con đường mòn dẫn qua cánh rừng và những cái bóng lốm đốm cùng cỏ lá đều có một vẻ đẹp, kể cả những chiếc lá héo tàn không để lại dư âm của quá khứ. Mọi sự vật có vẻ được kết chặt lại trong ánh sáng ngát ngây và những bông hoa dại nhỏ xíu bên lối đi là tất cả sự sống. An bình hiện diện như một con sóng đã tinh lọc và giống như một hương thơm, một hơi thở của bao la. Không có cảm tính lãng mạn của ảo tưởng hay huy động của suy nghĩ, nó sắc sảo và rõ ràng, không mang máng, không ngần ngại, dứt khoát. Thời gian không cần ngừng lại nữa, bởi trời mây đang ngự say trên lối mòn say đắm màu ban mai...

*chân đã già bước ngắn
nặng thân đắp bụi đời
hát dăm lời ca ngợi
lòng có điều nghi ngại*

7U³Q 7UXQJ ã±R

1JX|ÇQ²; 3KpæF F®QkayK±F YβD

Bên hồ Irving buổi trưa im vắng chợt nghe như có tiếng chim bay. Vâng, cánh hạc Nguyễn Xuân Phước vừa từ già chúng ta hôm nay 22 tháng 6, 2015.

Nguyễn Xuân Phước, người cha thân yêu của Rebecca Bội Anh và Matthew Mạnh Tường Nguyễn, luật sư, nhà tranh đấu cho nhân quyền và người bạn thân thiết của rất nhiều người Việt trong nước cũng như đang sống khắp năm châu vừa qua đời sau hơn một năm chiến đấu với căn bệnh ung thư máu ngặt nghèo.

Nguyễn Xuân Phước sinh ngày 26 tháng 1, 1954 tại Khánh Bình, một làng nhỏ rất đẹp nằm bên bờ sông Thu Bồn, thuộc quận Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.

Anh sinh ra và lớn lên trong gia đình kính Chúa và có niềm tin sâu xa vào ân điển cứu độ của Chúa Cứu Thế. Thân phụ anh, Cố Mục sư Nguyễn Xuân Ba, là một trong những Mục sư đầu tiên của đạo Tin Lành tại Việt Nam. Các anh của anh cũng đều là Mục sư, gồm có Mục Sư Nguyễn Xuân Hồng, cố Mục sư Nguyễn Xuân Hà, Mục sư Nguyễn Xuân Đức, Mục sư Nguyễn Xuân Bình và Mục sư Nguyễn Xuân Sơn.

Nguyễn Xuân Phước theo học bậc trung học tại Trung Học Petrus Ký, đậu Tú Tài 2 niên khóa 1972 và du học tại Hoa Kỳ trong cùng năm. Anh được UC Berkeley nhận và tốt nghiệp Cử nhân Kinh Tế tại đại học danh tiếng này vào năm 1978. Sau một thời gian làm việc tại Đông Nam Á, anh trở lại Mỹ để học Luật tại Rutgers University và tốt nghiệp Tiến Sĩ Luật Khoa (Doctor of Jurisprudence) năm 1996. Đầu năm 1997, anh mở văn phòng luật sư tại Dallas.

Ngoài khả năng chuyên môn, Nguyễn Xuân Phước dành thời gian và công sức để đóng góp vào các đề án nhân quyền dân chủ cho Việt Nam. Anh tích cực yểm trợ cho phong trào “kết nghĩa dân chủ” và các “Ủy Ban Yểm Trợ Dân Chủ Quốc Nội” tại hải ngoại. Anh góp phần sáng lập nhiều tờ báo và cố vấn luật pháp cho nhiều đoàn thể tại Dallas. Anh là cây bút thường xuyên về các vấn đề luật pháp cho các báo tại Dallas, giải đáp các thắc mắc về luật

pháp cũng như tham gia Diễn Đàn Văn Hóa Lịch Sử trên đài phát thanh.

Trong quan hệ quốc tế, Nguyễn Xuân Phước và các bạn anh đã đi nhiều nơi tại châu Âu như Tiệp Khắc, Ba Lan, Hungary để học hỏi kinh nghiệm phục hưng đất nước sau CS. Tại Á Châu, anh đến Miến Điện, Thái Lan, Nam Hàn, Philippines, Singapore. Tại Nam Hàn, anh đã làm việc với các thành viên của lãnh tụ đối lập Kim Dae-jung, người sau đó trở thành Tổng thống Đại Hàn nhiệm kỳ 1998-2003. Riêng tại Miến Điện, anh đã tìm cách liên lạc các thành phần dân chủ thuộc đảng Liên minh Dân tộc Dân chủ (National League for Democracy) đối lập của bà Aung San Suu kyi khi bà còn bị tù. Sau khi bà Aung San Suu kyi được tự do, năm 2013, Nguyễn Xuân Phước đã trở lại Miến Điện lần nữa trong nỗ lực vận động dân chủ cho Đông Nam Á trong đó có Việt Nam. Từ 2005 trở về sau, Nguyễn Xuân Phước đã đệ trình hàng loạt danh sách tù nhân lương tâm đang bị CS giam giữ tại Việt Nam lên Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc.

Trong lãnh vực tin học, mặc dù không phải là chuyên viên điện toán, anh đã tự học các phương pháp xây dựng trang mạng khi kỹ thuật Mạng lưới Toàn cầu hình thành vào cuối thập niên 1990. Nguyễn Xuân Phước cũng là một trong những người đầu tiên mở rộng chiến dịch vận động chữ ký qua phương pháp Internet.

Trong quan điểm chính trị, Nguyễn Xuân Phước có một lập trường Quốc Gia Dân Tộc và Dân Chủ ôn hòa nhưng dứt khoát. Trong tiểu luận xuất sắc viết nhân dịp 30-4 2004, anh khẳng định:

“Đảng Cộng Sản Việt Nam đã biến đất nước thành một nhà tù vĩ đại. Hơn 300.000 quân cán chính Việt Nam Cộng Hoà đã bị giam giữ vô hạn định. Đây là thảm họa lịch sử mà cái tàn ác của vua Gia Long khi ngài trả thù nhà Tây Sơn cũng không thể nào so sánh được. Và suốt lịch sử 5000 năm của dân tộc cũng không có một thời đại nào có cuộc trả thù khủng khiếp như thời kỳ Cộng Sản thống nhất đất nước... Cộng Sản là hiểm họa lớn nhất của loài người từ trước đến nay” và anh khẳng định chỉ có *“tính hợp pháp của nhà cầm quyền là điều kiện tiên quyết và là nhu cầu cấp bách để xây dựng một nền chính trị dân bản bền vững. Và nền chính trị dân bản bền vững là nền tảng để mở ra thời đại phục hưng dân tộc, làm bệ phóng cho giai đoạn cất cánh về kinh tế toàn dân và để bảo đảm sự toàn vẹn lãnh thổ.”*

Về tương lai dân tộc, Nguyễn Xuân Phước ôm ấp một “Giấc Mơ Việt Nam”:

“Mỗi lần đến ngày 30 tháng Tư là một cơ hội để chúng ta suy nghĩ về những thất bại lịch sử và để mơ đến “Giấc Mơ Việt Nam”. Để từ những nơi xa xôi trên trái đất đến những trung tâm vận động phục hưng dân tộc ngay tại trong nước, mọi người Việt đều phải cùng nhau chia sẻ một viễn tượng về sinh mệnh dân tộc và hướng đi tới của đất nước. Từ đống tro tàn của lịch sử, những con phượng hoàng sẽ cùng nhau cất cánh. Từ đó, mọi người Việt sẽ cùng nhau tái tạo một nước Đại Việt mới, một tổ quốc Đại Việt của thời đại 2000 với không gian Việt trải dài khắp nơi trên thế giới, một tổ quốc của mọi người mang dòng máu và văn hoá Việt không phân biệt chính kiến, tôn giáo hay bất cứ một quá khứ chính trị nào.”

Nguyễn Xuân Phước yêu nước Việt và yêu lịch sử dân tộc Việt. Anh không những dành nhiều thời gian để học sử, viết về lịch sử Việt Nam mà còn sống với các sự kiện lịch sử. Khoảng đầu năm 2000, xúc động khi được đọc về hành trình tỵ nạn của Hoàng Tử Lý Long Tường, anh đã đến tận Nam Hàn để thăm hỏi ông Lý Xương Căn, trưởng tộc của họ Lý tại Nam Hàn. Buổi gặp gỡ gia đình họ Lý đã củng cố niềm tin trong anh về Việt Tính như anh nhắc lại sau đó:

“Điều tôi biết chắc chắn là qua câu chuyện của dòng họ hoàng tử Lý Long Tường, chúng ta thấy rằng, Việt tính vẫn tồn tại qua không gian và thời gian. Và tôi tin rằng một ngày không xa, tinh thần Việt ấy sẽ được phục hưng trên đất nước chúng ta. Ngày ấy tổ quốc Đại Việt sẽ hồi sinh. Ngày ấy Thăng Long và Sài Gòn sẽ phải được trả lại cho dân tộc và lịch sử. Và tôi tin rằng ngày ấy sẽ không có một đảng phái, một tôn giáo nào, một cá nhân nào chiến thắng, mà chỉ có dân tộc Việt là kẻ chiến thắng”.

Truyền thống văn hóa, các bài học lịch sử và khí tiết của các anh hùng dân tộc như Nguyễn Trãi, Đặng Dung luôn là niềm thôi thúc để anh nghiên cứu và sáng tác. Anh viết không nhiều nhưng những tiểu luận văn hóa, chính trị, lịch sử của anh cho chúng ta thấy niềm tin vào lịch sử dân tộc của anh vô cùng sâu đậm. Dưới đây là 10 tiểu luận tiêu biểu của Nguyễn Xuân Phước đã được phổ biến rộng rãi trên internet:

- Bách Việt trong lòng Đại Việt
- Nhân ngày 30-4 xem lại bài học thống nhất đất nước

- Từ Phan Liêu, Đặng Dung đến Nguyễn Trãi, tâm sự của một thế hệ.
- Bàn về hai chữ văn minh
- Bài học phục hưng dân tộc
- Những nghịch lý lịch sử của thế kỷ 20 và hành trình đi tìm tính chính thống lịch sử ở thế kỷ 21
- “Máu ta từ thành Văn Lang dồn lại...”
- Một số vấn đề pháp lý quanh hiệp định biên giới Việt-Trung.
- Xét lại giá trị pháp lý và tính chính thống của Hiến Pháp Việt Nam hiện nay
- Thân Thanh Triều nên mất nước.

Nick trên internet của Nguyễn Xuân Phước là Ngân Cánh Hạc. Anh Đỗ Thành Công, bạn của Nguyễn Xuân Phước viết bài thơ *Ngân cánh hạc* tặng anh và đọc cho anh nghe bên giường bệnh trong lần ghé thăm đầu tháng 5, 2015:

*ngân cánh hạc
chiều chưa tắt nắng
dậy mà nghe
Nguyễn Trãi bình Ngô*

*chí ta lớn
sao trời không thương
đường đoạn trường
thôi đưa nhau rồi*

*ly khách xa
buồn như muốn khóc
hôm qua trăng sáng
Đặng Dung ơi*

*ly khách đi
về đâu khách ơi
lòng ai thôi cũng
nát tơ bời*

*vỗ tay cho
hết đời nhân thế
chờ ta mà cạn*

110 Tin Vaên

chén ly bôi.

Nguyễn Xuân Phước là một người khiêm cung, đơn giản. Ngoài một số bạn cùng chí hướng, ít ai nghe anh nói về mình. Đa số người quen chỉ biết một Nguyễn Xuân Phước hồn nhiên, vui tính và hiếu khách. Khi cần phải tự giới thiệu, anh thích khoe cách nấu phở rất ngon, cách làm bánh tét dân chủ [Phước dự tính làm bánh tét bán để lấy tiền giúp cho thân nhân những đồng bào đang bị CS giam tù nên gọi là bánh tét dân chủ trong mỗi dịp Tết] rất nghề hơn là những đóng góp của anh cho tiến trình dân chủ Việt Nam về nhiều mặt, bao nhiêu công sức anh đã đổ ra, bao nhiêu nơi anh đã đến, bao nhiêu tháng năm anh đã miệt mài.

(Bánh tét do Nguyễn Xuân Phước gói và nấu)

Nguyễn Xuân Phước có tấm lòng luôn rộng mở. Căn nhà của anh bên bờ hồ Irving là địa điểm gặp gỡ giữa các nhà hoạt động, nhà văn, nhà thơ có khuynh hướng dân chủ có dịp ra nước ngoài, lãnh đạo các tổ chức, đoàn thể đấu tranh dân chủ tại hải ngoại và là địa điểm sinh hoạt thường xuyên của giới văn nghệ sĩ trong vùng cũng như từ khắp nơi, kể cả trong nước, khi đến viếng thăm thành phố Dallas.

Anh là người yêu âm nhạc, văn, thơ, thích hát, thích đàn. Khi được yêu cầu, anh thường hát nhạc phẩm *Giọt nước có biết mình là sông* của Khúc Lan:

.....

*Giọt nước có biết mình là sông, nhưng sông vẫn chảy
Ngọn cỏ có biết mình về nguồn, đâu lời khóc than
Giọt nước có biết mình là mây, mây sao chưa nổi
Giọt nước hóa kiếp mình vào đời, dù dậm trường xa xôi....*

“Lời khóc than” hay những lời tiên tri dành cho số phận của một áng mây chưa kịp thành mưa tắm mát quê hương đã vội “*hóa kiếp mình vào đời*” trên quê người, đất lạ.

(Nguyễn Xuân Phước hát *Giọt nước có biết mình là sông*)

Từ mái hiên của căn nhà không cao sang, rộng lớn nhưng đầy kỷ niệm của Nguyễn Xuân Phước, nhà thơ Nguyễn Xuân Thiệp đứng nhìn những giọt mưa nhỏ xuống mặt hồ. Cuộc đời của một người bạn nhỏ thân thương đang tan dần trước mắt anh như thế. Nhà thơ không nói ra nhưng trong lòng anh và trong lòng bạn hữu của Nguyễn Xuân Phước đều biết một cuộc chia tay sắp sửa xảy ra.

Đêm đó nhà thơ Nguyễn Xuân Thiệp viết bài thơ *Mưa Xám* như một lời từ giã:

.....

mưa xám

*giăng, giăng, qua đời tôi, đời bạn, và còn những ai nữa, hờ em
như chiều qua*

*mưa xám lạnh mặt hồ, ngôi nhà ở Irving, của Nguyễn Xuân Phước
tôi ngời nhìn*

mặt trời

nói lời từ giã

adieu.

(Chiều mưa trên hồ Irving sau nhà Nguyễn Xuân Phước)

Vâng, cuộc đời vốn là những *adieu*, nhưng nếu còn nhớ Nguyễn Xuân Phước, xin hãy nhớ đến anh trong những lần hạnh ngộ.

Cố Tổng thống Abraham Lincoln có lần đã nói, đại ý “*Cuối cùng, điều quan trọng không phải bạn đã sống được bao nhiêu năm mà là ý nghĩa cuộc sống của bạn trong những năm tháng ấy*” (In the end, it’s not the years in your life that count. It’s the life in your years). Nguyễn Xuân Phước chỉ sống 61 năm nhưng 61 năm dâng hiến cho quê hương, đất nước. Anh đã *sống* nhiều hơn so với bao nhiêu người có tuổi tác cao hơn.

Cánh hạc Nguyễn Xuân Phước vừa bay nhưng sẽ không xa khuất bên kia bờ ước vọng mà như vẫn còn đây soi bóng dưới mặt hồ Irving. Mai này, bạn bè anh có thể không còn dịp trở lại căn nhà đẹp đó nữa nhưng mùi phở thơm, tiếng đàn và giọng Quảng Nam của Phước ngheu ngao “*Giọt nước có biết mình là sông nhưng sông vẫn chảy*” sẽ còn vang vọng mỗi đêm. Tất cả còn đó và sẽ mãi mãi còn trong mỗi trái tim người.

Những người thân yêu của Nguyễn Xuân Phước ơi, đừng khóc cho giờ chia tay hôm nay mà hãy cùng cười hồn nhiên và vui tính với anh. Xin dành những giọt nước mắt đó cho “*ngày đoàn viên dân tộc, ngày hội lớn tự do dân chủ trên quê hương, ngày phục hưng của dòng giống Đại Việt anh hùng*” mà Nguyễn Xuân Phước thân yêu của chúng ta hằng mơ ước.

Trần Trung Đạo

Boston, viết xong vào ngày Phước đi xa, 22 tháng 6, 2015

+ R - Q J ; X² Q 6 ä Q
Hành trình

không bắn. mà tên vút vút ra
tôi đứng trên ngàn chông xuyên nhọn
mỗi tháng tư cựa mình đau nứt
những kẻ luyện nghìn đời khó quên

như hỏa diệm. ôm lòng. cầm. nín
phún xuất đầu một thời sức ngông
cánh tay vô hình bẻ quặt
chiếc xẻng hận đào chôn hố tình

đi xé gió. và rồi. khốc. lụy
tắm bằng đường ma sát hung quang
những cái tên rầm rộ về đất
nín theo bệnh dịch. cơn đau. vàng

không muốn nín. mà rồi vẫn kéo
hút mình vào mặt mũi sinh linh
ai rao đời. và ai đã chết
cho cây xanh. và cuộc hành hình

/Ã + â X 0 L Q K 7 R ® Q

& K L Å F F ³ X W U H R

Bi kịch đời người
Hai sợi dây
Hai bờ sống chết
Chiếc cầu treo - chênh vênh
Lắc lư buồn
Sóng nhỏ

Người đàn bà tuyệt vọng
Sợ sống
Chưa muốn chết
Hờ hững bày cuộc chơi
Đám đông hiểu kỳ
Người đàn bà nhỏ toét
Cười
Nhìn đám đông
Dưới chân
Hun hút vực sâu – đáy sâu
Oan hồn uổng tử
Bên kia sông
Cõi sống

Người đàn bà bịt mắt
Dò dẫm từng bước chân
Vòng quay định mệnh
Sống
ChếtChọn lựa khác thường
Chiếc cầu treo...

& K Û P W K ä ö L Ã Q

Điên mà tỉnh
Tỉnh mà điên
Điên điên tỉnh tỉnh có phiền ai đâu
Tỉnh điên gió tạt qua cầu
Có điên có tỉnh có râu mới vui

Thưa Ông Thi sĩ Bùi Giáng
Ông điên rất tgi3nh ngậm ngùi thế nhân
Rượu
Tho8
Một túi lâng lâng
Bảy mươi năm
Cuộc tẩy trần hiếm hoi

Chuồn chuồn phận mỏng thân tôi
Bay ngang bay dọc lồi thoi vài lời
Rằng:
Trăm năm mấy cuộc chơi
Vòng vây hệ lụy
Khóc
Cười
Vui không
Chui vô đông chui vô hang
Lặng nghe tiếng thờ tối quàng vào đêm
Sáng thành điều quạ kên kên
Chơi trò sắp ngửa
Ai điên ai khùng

Houston mưa nắng thất thường
Có ta điên tỉnh
Vui buồn từng cơn
Khi điên làm Tôn Ngộ Không
Tỉnh ra mới biết mình còn dương gian.

Lê Hữu Minh Toán

Thu Nga

0 ' | W U , Q J F Ü Q J N K X | A W

(Truyện dài tiếp theo)

Chương Ba

Cho tới bây giờ, gần hai năm sau, bà Sáu đã quen nhiều với nếp sống mới. Bà cũng đã bỏ đi cái khăn rằn ri trên đầu. Hơn nữa mùa hè, bà cũng cảm thấy nóng bức với cái nóng nung người ở Texas, chứ không phải lúc nào cũng lạnh như khi mới qua. Bà cũng bỏ bớt mấy cái quần đen. Loan mua cho bà những chiếc quần tây rộng rãi để bà bận thoải mái và những chiếc áo sơ mi màu trang nhã không đến độ bà phải áy náy để thay cho những chiếc áo bà ba màu tối.

Bà cũng đã hiểu lờ mờ nhiều chữ tiếng Mỹ để nghe và hiểu được khi đứa cháu ngoại duy nhất lú lo kể chuyện ở trường, chuyện xi nê, hay những chuyện như hai cha con làm gì, đi chơi nơi nào. Có lúc Lily ngồi vào chiếc đàn piano đặt ở góc nhà, cô bé bảo bà ngoại lắng nghe những bản nhạc cô bé mới học. Nhìn vóc dáng cô cháu ngoại đẹp như thiên thần bà thấy trong lòng chột bời hồi thương yêu cháu vô tả.

Cuộc sống coi như tạm yên, thế nhưng một biến cố lớn lại xảy ra cho gia đình bà. Không biết vì sao, sau những tuần lễ có vẻ rất bận rộn của ông Sáu, ông đi họp nhiều hơn, nói chuyện điện thoại cả ngày lẫn đêm. Hành tung ông có vẻ bí mật và quan trọng. Có lúc ông trầm ngâm suy nghĩ rất lâu trước một đồng giấy tờ, mà những thứ này ông cất rất kỹ. Bà Sáu thắc mắc không biết đó là những giấy tờ gì mà làm ông lo âu, bồn chồn như vậy. Có một lần bà nghe tiếng ông về khuya trên điện thoại, rồi nghe tiếng nước chảy rất lâu trong phòng tắm. Khi ông trở ra, ông làm bộ không

thấy bà đang nhìn ông đăm đăm. Ông đi xuống bếp pha một tách cà phê đen rồi đem vô phòng riêng với một xấp cả báo Mỹ lẫn báo Việt.

Phòng riêng của ông là một căn phòng nhỏ nhỏ trên lầu, trước kia là phòng cất đồ chơi của trẻ em, từ khi Lily lớn rồi không cần nữa. Loan đem cho hết những đồ chơi và sắp xếp căn phòng thật ngăn nắp lại cho ông. Ông hay khóa phòng lại. Không ai biết ông làm gì trong đó. Lần cuối bà rình nghe ông nói qua điện thoại và câu cuối, trước khi ông gác điện thoại, giọng ông trở nên thấp xuống, có vẻ lo âu “Không có cách gì khác thì phải vậy thôi!”.

Vài ngày sau, ông nói ông cần đi về Việt Nam và ông mua máy bay đi một mình lặng lẽ. Mới đầu thì ai cũng tưởng ông buồn và nhớ bà con còn kẹt ở bên đó nên về chơi một thời gian, nhưng không ngờ, sau ba tháng, ông nhún qua là ông có công chuyện làm ăn quan trọng không thể bỏ được, nên không về lại Mỹ nữa. Cả gia đình đều chưng hửng trước quyết định của ông Sáu. Ông làm ăn là “làm ăn” việc gì mà bà Sáu không biết mà mấy đứa con cũng không!?

Đã hơn một năm, kể từ khi ông Sáu bỏ đi. Bà Sáu ray rứt đau khổ, nghĩ rằng ông đã quay lại với người đàn bà cũ. Những khi ngồi một mình, hay đêm khuya thanh vắng, bà vẫn đau khổ trong lòng. Ông có thật sự dứt tình với người đàn bà tên Thu kia không?! Biết đâu “tình cũ không rủ cũng lại”. Bà cứ ray rứt nhớ lại câu nói bà nghe lén được, khi ông nói với ai đó: “Không có cách gì khác thì phải vậy thôi!” có phải là ông ám chỉ việc ông phải về Việt Nam hay không? Bà không thể hỏi ông, vì tự ái, bà không muốn ông biết bà nghe lén.

Chiều nay bà Sáu dọn dẹp, lau chùi nhà bếp xong, bà bày rau trái ra, sửa soạn bữa ăn chiều. Tay bà thoăn thoắt xắt củ su hào để xào thịt bò, món mà Bờ rất thích. Gương mặt của bà đăm chiêu. Bỗng bà la lên một tiếng, một giòng máu chảy ra dưới lưỡi dao khá bén. Bà đang ôm tay, chưa biết làm sao thì Lily bước ra. Thấy máu ở ngón tay bà ngoại nhỏ giọt, Lily hốt hoảng chạy lại, cầm tay bà lên, xuyết xoa:

- Bà ngoại! Are you alright? What's the matter?

- Bà bị đứt tay sơ sơ thôi, không sao đâu.

Lily với tay lấy một miếng giấy lau tay, chạm máu và cầm chặt nơi vết cắt một vài giây rồi nhìn sát vào vết thương:

- Not very bad! Để con đi lấy ice đắp cho ngoại.

Cô bé lanh lẹ mở tủ lạnh lấy đá cục nhỏ rồi lấy miếng giấy sạch khác, đắp lên tay cho bà, bảo bà giữ chặt chỗ bị cắt để cầm máu. Bà Sáu để yên cho đứa cháu chăm sóc. Đầu óc bà vẫn suy nghĩ mông lung. Bà hình dung ra ông Sáu đang vui cười bên một người đàn bà khác. Người đàn bà đó là ai? Người cũ hay người mới? Đạo sau này bà hay nghe, những “ông già hảo ngọt” thường về Việt Nam lấy vợ nhí. “Nhí” có nghĩa là những cô gái trẻ nheo nhèo, chỉ đáng tuổi con cháu mấy ông. Bà chua xót nghĩ, thảo nào ông hay chê bà ăn bận quê mùa. Ông quên ông bà đã trải qua thời kỳ yêu thương tha thiết ở dưới quê. Lúc đó ông si mê nhan sắc của bà. Bà cảm thấy tủi thân, mắt bà cay cay. Chợt bà giật mình khi nghe Lily đột ngột hỏi:

- Ông ngoại đi Việt Nam bà ngoại buồn lắm phải không? Ông ngoại will come back! Right?

Bà có vẻ mắc cỡ, trả lời nhanh:

- Dĩ nhiên rồi con! Bà ngoại không buồn đâu, ông đi đã, ông về!

- Đi “đã” là sao bà ngoại? Có phải là when ever ông ngoại gets tired, then he will come home ? Nhưng bà ngoại không biết chừng nào ông ngoại mới get tired đúng không?

Hai bà cháu đang nói chuyện thì Loan về, nàng nghe câu nói của Lily khi bước vô nhà. Sợ con nói lời thôi thêm sẽ làm mẹ buồn hơn, Loan la con:

- Ông ngoại đi thăm bà con, chắc hợp thời tiết, ông ngoại muốn ở chơi lâu hơn. Con đừng hỏi lăng xăng nữa! Con đi vô trong học bài. Nhớ là không được nói chuyện điện thoại, và cũng không có chơi game.

Lily phụng phịu nhìn mẹ:

- Học bài! Always bảo học bài! I need a break mom!

Loan trừng mắt nhìn Lily:

- Break, break cái gì?! Con cãi lời má nữa phải không? Con mới đi chơi với ba về, thì bây giờ phải học bài chứ sao!

Lily đứng lên dậm bước đi nhưng nghĩ sao, cô bé nhìn mẹ ngập ngừng nói:

- But can I ask you something mom?

- Cái gì ?

- I will be sixteen very soon! Can I have a new car? It's sweet sixteen mom!

Loan mở to cả mắt lần miệng kêu lên:

- What did you say? Con tưởng nhà mình tiền rùng bạc bẻ hả? Business của ai giờ cũng xuống mà con đòi hết chuyện nợ tới chuyện kia. Hơn nữa, con còn too young! Má không muốn con lái xe sớm. Đi vô trong kia! Bày đặt sweet sixteen!

Lily vùng vằng, nói lung tung:

- Mom! I am not that young! Lots of my friends have a car! Tại sao con không có xe được như tụi nó! Ba hứa sẽ cho con lái xe mà! Mấy đứa bạn con nói sweet sixteen quan trọng lắm mà!

- Nó làm tui tức chết thôi! Sao tối ngày con cứ so sánh đứa này với đứa kia. Nhà tụi nó có tiền thì mua, hơn nữa mấy đứa bạn của con đem về đây, má biết tụi nó đã vào college, mua xe rồi phải đi làm trả nợ, làm sao học được?!

Còn con mới học high school mà bày đặt! Con tưởng má đúc tiền ra được hả?

Thấy tình hình có vẻ căng thẳng giữa hai mẹ con Loan, bà Sáu xen vô:

- Lily! Má con đang bận. Nói chuyện đó sau!

Loan quay sang mẹ, nhăn mặt:

- Má đừng có nói như vậy. Con nói không có xe là không có xe, chứ nói bây giờ không nói được, một lát nói sẽ hỏi nữa. Lily! Má nói dứt khoát! Con không có xe trong ngày sinh nhật đâu! Ba con cũng không có tiền để mua cho con! Không ai có tiền hết, con biết không?

- Có mà! Daddy said I will get a car! Ba sẽ dạy con lái xe, để khi nào vào đại học là con lái xe rành hơn. Bộ má không tin ba hả? He said so, last time!

Sợ Loan nổi giận hơn khi Lily nhắc tới Hiền, bà Sáu đẩy lưng Lily đi vào trong, dỗ:

- Thôi được! Con đi vô trong học bài, hôm nào ba con tới, má con nói chuyện. Nghe lời ngoại thương!

Lily theo cái đẩy của bà Sáu, cô bé bước vào trong, nhưng quay lại nói:

- Bà ngoại đừng buồn nữa! Con học bài xong con play piano ngoại nghe.

Bà Sáu gật đầu và vẫy tay bảo Lily đi đi. Tuy nhiên cô bé vẫn dùng dằng nhìn vào tay bà Sáu và nói:

- Mom! Bà ngoại just cut herself. But It's OK. Ngoại nhớ bỏ ice lên chỗ cắt thì nó không bị sưng.

Bây giờ Loan mới để ý ngón tay của bà Sáu được bao bởi tờ giấy paper towel, nổi cộm lên với nước đá, nàng cầm tay mẹ, ái ngại hỏi:

- Má có sao không? Phải cẩn thận khi dùng dao vì mấy cái dao con mới đưa ra tiệm mài, bén lắm. Đưa con coi!

Bà Sáu xua tay:

- Con nhỏ nó lằng xằng vậy thôi, má không sao đâu.

Loan nhìn mớ rau bà Sáu vẫn còn đặt trong bồn rửa chén, rồi nhìn cái thớt với những miếng su hào xắt mỏng như sợi bún, nàng hỏi:

- Nấu ăn ít thôi. Má thích món gì, con đưa má đi ăn.

Bỗng Loan nhìn chăm chú vào đôi mắt bà Sáu và hỏi:

- Sao mắt má ướm và đỏ vậy? Má mới khóc phải không? Má đau tay hay má giận ba? Thôi má! Ráng vui lên với tụi con. Ba đã vậy má có buồn thì cũng chẳng làm gì được .

Bà Sáu nói không giấu diếm:

- Má thiệt không biết ông ba mầy nghĩ làm sao! Má đã tha thứ cho ông một lần rồi. Bây giờ lại sanh chứng! Già rồi không sống cho trọn đời...

- Biết đâu vài tháng nữa ba quay trở lại.

Không nghe bà Sáu nói gì thêm, Loan đòi đề tài:

- Bây giờ má muốn ăn gì con với anh Tony đưa cả nhà đi ăn?

Bà Sáu vội xua tay :

- Má không đi đâu! Đồ ăn còn nhiều lắm! Con đi ăn một mình đi. Má...

Loan chắc lưỡi:

- Sao mỗi lần nhắc tới anh Tony là má có vẻ không ưa? Ảnh là người tốt, má phải cho anh cơ hội thì má mới biết được !

Bà Sáu phản đối liền :

- Tốt là tốt làm sao? Con đã biết gốc gác của nó chưa ? Con biết đời nay đàn ông như ba mầy thiếu gì! Ở Việt Nam có biết bao nhiêu người có vợ có con lại còn đeo theo người khác, khi biết được thì cũng muộn rồi!

- Sao má có thể suy đoán kỳ vậy ? Má không chịu nói chuyện với ảnh sao má biết anh xấu hay tốt được? Ảnh độc thân, và làm ăn buôn bán lớn lắm.

Nói chưa dứt câu cả hai mẹ con đã thấy Bà đứng sau lưng hỏi nào, Bà cười khẩy:

- Ông Tony mà độc thân thì tui cấm đầu xuống đất ! Còn làm ăn lớn há? Chị coi chừng ông móc nối làm ăn với Việt Cộng là chết cả lũ!

Loan xoay người lại, chỉ tay vào mặt Bờ:

- Mày đừng có nói cái giọng đó với tao nghe! Mày có bằng chứng đâu mà dựng đứng câu chuyện lên vậy? Anh Tony có vợ ở đâu, mày có bằng chứng gì không? Còn anh làm ăn hay có business gì, làm sao mày biết mà mày nói làm ăn với Việt Cộng?

Bờ cười ré lên:

- Thiệt là tức cười! Hết ông già, tuần nào cũng đi họp Cộng đồng, vậy mà lại về Việt Nam ở luôn, còn bà chị tui thì hồi xưa cũng bài bác mấy người về Việt Nam làm ăn, giờ cái bà bị bùa mê thuốc lú, bà hết chống nữa! Trời ngó xuống mà coi!

Loan nổi giận, không cần nghe và cử chỉ can gián của bà Sáu, nàng nhìn Bờ như tóe lửa:

- Vừa vừa, phải phải thôi nghe Bờ! Mày theo phe ông Hiền rồi mày hỗn ầu với tao hả! Mày làm quá tao bỏ nhà để coi ai take care mày cho biết! Mày đi học năm sáu năm chưa tốt nghiệp mà mày dạy khôn tao há! Mày tưởng mày đổi tên thì mày là Mỹ con rồi mày quên hết có trên có dưới à?

Bờ bĩu môi:

- Tui tên gì kệ tui! Xứ tự do mà chị. Tui có đổi tên Bush hay Kennedy đi nữa, chị với ba má cũng kêu tui là thằng Bờ, thì việc gì chị thắc mắc? Sao chị đổi tên Elizabeth thì được mà tui đổi tên thì chị nói tui tưởng tui là Mỹ con?

Bà Sáu rên rĩ:

- Thôi thôi! Hai chị em bây đừng có nặng lời qua lại nữa .

Loan nhìn bà Sáu bực lây:

- Má cứ bình, bởi vậy nó cứ leo lên đầu con!... Nè Bờ! Mày cứ nói kiêu đó, nên mày cũng bắt thang cho con Lily luôn! Mỗi lần nghe tới tên anh Tony là nó bày đặt đi học bài, làm việc nọ việc kia. Để tao đi khỏi nhà này, coi ai lo mọi chuyện trong nhà cho biết!

- Phải chị giỏi, chị đi làm việc kiếm tiền nuôi cả nhà, nhưng đâu có phải vì vậy rồi chị ép mọi người phải làm theo ý chị?! Chị thích ông Tony là quyền của chị, má, tui với con Lily vẫn thích anh Hiền, chị không thể nào ngăn cấm được!

Bà Sáu nạt Bờ:

- Má đã nói con im đi, sao con cứ hỗn với chị Hai vậy?

Loan giận dỗi nói:

- Được! Tui sẽ đi ra khỏi cái nhà này để mọi người sống với ông Hiền cho vừa lòng! Làm ăn càng ngày càng khó, không ai thương tui mà còn chọc tức, Tui ở đây làm chi nữa!

Loan xách cái bóp lên vai, dậm bước đi. Bờ cười hắc hắc chọc quê Loan:

- Dóc tổ! Chị đi đâu? Tui thấy xe ông Tony đậu hồi nãy giờ đang trước nhà, nên chị cần đi chờ gì?!

Loan hốt hoảng nhìn ra cửa :

- Trời ơi! Sao hồi nãy giờ mày không nói !? Lo cãi lộn với mày, tao quên là anh Tony tới rồi!

Nàng nhìn xuống đồng hồ đeo tay:

- Chết! Anh đợi lâu quá rồi!

Loan đành đầu dụi:

- Con với anh Tony chỉ mới đang tìm hiểu nhau thôi. Để con mời anh vô nói chuyện. Mọi người làm ơn lịch sự với người ta một chút. Anh tới chờ con đi mua sắm. Lẽ lạc tới rồi.

Nàng vừa nhìn vào chiếc gương nhỏ xiu mới rút trong ví ra, vừa tô lại môi son vừa nói với Bờ:

- Để coi năm nay mày có đòi hết cái này tới cái kia không! Mày cứ như vậy, tao không mua sắm gì hết, để coi cái đồng lương part time chết đói của mày có mua đủ sách vở áo quần không, đừng nói chi đến quà Noel với Tết. Giỏi cứ làm tài khôn với tao!

Bờ trề môi:

- Chị đừng có ý làm ra tiền rồi khi dễ tui. Có, thì tui xài, không có, thì tui nhịn, chị đừng nói đụng chạm quá. Tui cũng đi làm để có tiền đi học, mua sách vở, chứ tui có ngồi không chờ chị nuôi đâu! Hừ! Nếu tui không đi làm thêm, cái gì cũng ngửa tay xin thì chắc chị lấy gậy đập nát đầu tui rồi! Chị hãy nhớ, càng giàu, càng sang thì phải càng phải tử tế với người khác. Để tui coi cái ông Tony nay giàu sang như thế nào mà chị làm dữ vậy!

Bà Sáu la:

- Hai chị em bây, hể xáp lại là cãi lộn, chị em ruột thịt phải thương nhau, sao lại đi bình người ngoài rồi gấu ó nhau như vậy ?

Loan cất chiếc gương nhỏ sau khi bặm môi lại với nhau cho son dính đều, rồi nói:

122 Tin Vaên

- Con không có bình ai hết, nó làm em mà hỗn quá chừng! Dầu sao người ta cũng là người đáng hoàng, mình phải tiếp đón cho lịch sự. Anh Tony muốn làm thân với gia đình mình, mà má với nó cứ như vậy, coi sao được!

Nàng vẫn hy vọng bà Sáu đổi ý:

- Để con mời anh vô nhà thăm má luôn.

Bà Sáu vừa xua tay, vừa lắc đầu, chân bước vô trong:

- Thôi khỏi! Tới giờ má tụng kinh rồi. Hơn nữa, má ăn nói nhà quê nhà mùa sợ người ta cười. Con lo tiếp khách đi!

Bà bước theo chân bà Sáu, rồi vừa mở cửa sau vừa nói vọng vào:

- Tui cũng cố học cho xong để không bị chị rửa nữa. Chị tiếp ông Tony yêu dấu của chị đi. Muốn nice với chị cũng không được, cứ ăn hiếp người ta hoài, ai chịu nổi! Coi chừng ông Tony vô tới nơi mà thấy chị dữ quá ông chạy luôn, chị ráng chịu!

Lily cũng vừa đang xuống cầu thang, nghe Bà nói, cô bé hỏi vọng xuống:

- Uncle Paul! Who's coming?... Oh oh! I know!

Cô bé nhìn gương mặt không vui của mẹ rồi nhìn ra cửa, biết ngay chuyện gì đang xảy ra, cô bé vội vã nhảy hai bậc một lượt, chạy theo Bà kêu:

- Uncle Paul! I need to go to grocery to buy something!

Loan tuyệt vọng nhìn theo Lily đang kéo tay Bà, Bà quay đầu lại chọc:

- Thì cũng như chị nghe anh Hiền tới thì chị chạy vậy mà! Haa haa! Thôi chị lo đón triệu phú Tony một mình đi. Em với Lily đi ăn cháo gà với anh Hiền ngon hơn! Nếu chị đi chơi mà sau đó còn đói bụng, em sẽ mang về cho chị một phần!

Thu Nga

(còn tiếp)

@d^vZ Ç!µ o vP,v oÊ šç} v!v •È •°vP šŒ}v
vPÇÁ]V À š¤š £ vZĚvP P^ }v vPÇÁ] šç} Œ
ZÇĂvP Æ š^vZ £u v Ç ²µ u vP ¤v ¤v Æ
ca.

T. SEPSENCÔ

1 K P S K R Q J
7 L A ~~Sóng~~ 9 è

Vật nặng mong manh
theo chân em về biển
bãi cát nằm nghe tiếng sóng rì rào
cánh hải âu sải cánh lưng trời
mây chở về một đôi tim khờ khạo
tóc em thề trên suối nguồn hư ảo
dấu chân ngoan trên những ngã đường trần
tiếng sóng gọi
tình yêu ngàn năm
hồn đá xanh rêu ngủ vùi trên bờ cát lở
dấu thời gian hằn lên nỗi nhớ
thuở dấu yêu tuổi đá cũng xanh xao
ngồi đây nghe tiếng ru của biển
giấc mơ tình yêu vỡ òa khánh kiệt
như cánh hải âu đi hoang trong ngàn trùng ly biệt
giữa hồng hoang khản tiếng gọi tìm nhau
những ái ân xưa phút chốc hóa dã tràng xe cát
em về đâu khi tắt nắng hoàng hôn
ta về đâu để sưởi ấm linh hồn
vẫn còn đây muôn thuở tình yêu em
vẫn còn đây khúc nhạc tình rất nhớ
cánh chim về lặng lẽ buổi hoàng hôn
dấu chân về trên biển cát cô đơn
bờ vai phong trần chênh vênh
trái tim thương tích từng cơn
nghe từng cơn đau nhói lên ngọt lịm
giữa hoang vu đời thường
bước chân trần rướm máu cô đơn
đường trăm tuổi mai về nơi góc núi
giữa trắng sông ngồi tưởng niệm tình



Linh Vang
& *ÂQ YLAW öPéF FKâ 9L*

Tiếng mưa rơi lớn hột lộp độp đập vào cửa kính đánh thức tôi dậy vào lúc gần sáng. Cái heater gần đó tỏa hơi nhiệt phả một luồng ấm áp về phía tôi; dù vậy, do thói quen tôi vẫn vói tay kéo chăn đắp lên tận cổ, rồi quay mặt vào gối cố ngủ tiếp. Cuối tuần, tôi không phải dậy sớm. Công việc, bài vở gì thì cũng để đấy, tà tà rồi sẽ tính. Ngay cả nỗi quay quắt nhớ him...cũng để đấy! Tuần trước, tôi đã giận dỗi nói với him là tôi sẽ để him tự do, mình không còn nợ nần gì nhau nữa...để rồi hai ngày sau lại chính tôi gọi him trước, nghe him chọc tương you không gọi nữa, và Duy lập lại y chang những câu, những chữ Mỹ tôi dùng, thế có ức không?

Nhưng tôi không ngủ tiếp được. Một trong hai tên hàng xóm dậy tắm sớm, không rõ tên nào, mở nước vòi sen chảy ào ào. Rồi trong tiếng nước, có tiếng hát trầm trầm...Năm năm rồi không gặp...từ khi em lấy chồng...Thì ra tên Bắc Kỳ. Cái studio của tôi sát với studio của hai tên con trai, trong cao ốc của trường đại học. Qua muộn, học trễ, chớ họ đã lớn, và dĩ nhiên rất VN, chỉ chuyên nhạc Việt. Loại buồn. Loại tình mắt, tình lỗ, tình dở dang. Nhạc của họ buồn quá! Lời ca, tiếng đàn đều buồn. Hình như những người qua sau, họ có nhiều tâm sự hơn. Cứ tối tối 10, 11 giờ khuya

-họ thích thức khuya- họ đàn, họ hát. Đêm thanh vắng, trong giấc ngủ chập chờn, nửa tỉnh nửa mê, nhiều khi tôi không phân biệt tiếng hát tôi nghe đó đến từ ngoài đời hay trong giấc mơ?

Còn tôi thì khi rời VN, quê cha đất mẹ, tôi chỉ mới năm tuổi, học chữ Việt vừa xong vằn xuôi chưa qua vằn ngược, dù nghe cũng khá rành vì bố mẹ và các anh chị lớn nói tiếng Việt ở nhà, nhưng tôi có thói quen nói tiếng Mỹ, vì có gì nghĩ trong đầu, nói ra nhanh hơn. Tôi học Shakespeare, Hemingway, Hawthorne, Faulkner... dễ dàng. Chỉ khi lâu lâu cuối tuần về nhà gặp lúc nghe điện thoại dùm và phải trả lời bằng tiếng Việt là tôi sợ, tôi lúng túng không biết phải kêu người bên kia đầu dây bác hay chú, cô hay dì, anh chị, rồi xưng cháu hay em. Viết lời nhắn xuống cho người nhà, tôi bỏ dấu lung tung. Thành thật mà nói và cũng xấu hổ mà nói tôi thoải mái với bạn bè cùng lứa, cùng qua Mỹ một lượt với tôi hơn.

Mới đầu nghe họ ca hát khuya như vậy, tôi thấy khó chịu, lâu dần thì cũng quen. Đi ngủ trong tiếng hát cũng như được ai đó hát ru cho mình dễ ngủ. Cũng chẳng qua mắng vồn lần nào, nghĩ lại, thật may, không thì... tôi sẽ cảm thấy bút rút, vì họ dễ thương, tử tế lắm. Một lần ba mẹ tôi ở xa lên thăm tôi mà hôm đó có test ở trường tôi về trễ, ba mẹ tôi đợi ở ngoài hành lang, hai anh thấy vậy bèn mời ba mẹ tôi vào phòng của họ ngồi đợi, và rồi rót nước pha trà mời ba mẹ tôi. Về nhà ba mẹ tôi kể lại và khen hết lời. Mẹ nói, con nên học hỏi lối cư xử của các anh ấy. Các anh nói tiếng Việt rành lắm, con ạ!

Tôi không than khi họ ca hát thì bù lại, khi bên tôi có party ồn ào, thường là những tối thứ sáu hay thứ bảy với hard rock, soft rock, họ cũng không nói gì. Gặp nhau ở hành lang hay trong thang máy, hai bên thân thiện chào nhau. Có lần, một anh giữ thang máy cho tôi bước vô, hỏi:

-Đêm qua party vui hả?

Bất ngờ nghe hỏi như vậy, tôi giật mình ấp úng sợ bị than phiền.

Nhưng anh cười nói tiếp liền:

-Cô bé hát cái bản gì...nghe hay lắm!

Bữa đó sẵn vui tôi đã hát một bản của Debbie Gibson.

-You like that song? (Anh thích bản nhạc đó?)

Thấy anh gật đầu, tôi sung sướng khoái chí mời hai anh khi nào rảnh qua chơi... với bọn trẻ.

Về kể cho đám bạn nghe, chúng nó kêu Oh, my gosh! Vì sợ mất tự do, sợ bị sửa sai khi nói tiếng Việt bậy, có mấy anh không lẽ lại cứ bô bô xô tiếng Mỹ, sẽ bị cho là mất gốc? Nghe đám bạn nói cũng có lý, nhưng đã lỡ mời mọc giờ biết tính sao đây? Chợt một ý nghĩ thoáng qua đầu, tôi vui vẻ nói:

-Thì mình nói ít thôi.

Nhỏ Katie (tên Việt của nó là Vân Khanh) bĩu môi:

Tôi năn nỉ:

-Please try. They're very nice!...

Katie hỏi tiếp bằng tiếng Anh:

-Không có mời phần ăn phải không? Mình order pizza đó!

-Chắc là mấy anh ăn được mà! Cousin của mi mới qua đó, ảnh ăn ... như mình! Chẳng lẽ mình ăn mà không cho hai ảnh ăn?

Ai dè! Hai anh còn có tài nấu nướng! Anh Phiên làm món thịt bò lá chanh chi đó, khệ nệ mang đồ nghề qua bên cái bếp của tôi trở tài. Anh Long mang qua chè đậu xanh có bỏ cái sợi chi xanh xanh trong đó ăn nghe sực sực, lạ miệng! Các anh đang học lấy bằng cao học, chứ không phải lính mới tò te gì cả. Anh Phiên làm TA, phụ tá chấm bài cho thầy. Anh là người hay đánh đàn ghi-ta, hát nhạc vàng, giọng anh thật ấm.

Tôi rụt rè nói với anh:

-Em muốn chơi mấy bản nhạc Việt mà anh hay đàn, mà... không đọc được ... chữ Việt!

Được anh khuyên:

-Dễ thôi! Chùa Cổ Lâm mở lớp Việt Ngữ hoài, các em đi học đi rồi sẽ viết giỏi, nói giỏi, mấy hồi.

Katie hỏi bằng tiếng Anh:

-Rồi phải học chung với mấy em nhỏ 5, 6 tuổi à?

-Có lớp cho các em lớn như các em nữa.

Mới đầu cũng tính nói ít, nhưng rồi không khí vui vẻ, cởi mở, nên tụi bạn tôi cũng không còn ngại nữa, làm cái phòng ồn ào quá chừng.

Thế là từ đó cuối tuần tôi bỏ ra mấy tiếng để đi học lớp Việt Ngữ. Còn chờ nhỏ Katie nữa chứ, cực tằm thân, vì chiều thứ sáu nó lại “về quê” ở Lynnwood, tôi phải chạy ngược lên hướng bắc đón nó. Nhưng tôi không dám than vì tôi cần đồng minh. Và hai đứa âm thầm đi học, chưa cho người nhà hay liền. Tôi bị mẹ tôi la oan, sao cuối tuần chạy về có một chút rồi đi, con.

Mấy tháng sau, tôi đem khả năng Việt Ngữ của tôi ra tro tài với Duy, vì tôi biết Duy sẽ ngạc nhiên lắm. Lúc nói chuyện tôi chêm dần tiếng Việt vô. Duy nghe được vì Duy hơn tôi vài tuổi và khi qua Mỹ, Duy đã học lớp ba, đọc báo Việt còn được. Tôi chờ, và chờ, sao không nghe Duy nói gì hết, rồi một ngày Duy chợt hỏi:

-Ai dạy mà dạo này ăn nói ... hay quá vậy?

Tôi sung sướng nói:

-Ý của Duy là Hạ Cơ nói ... tiếng Việt ... hay? Nói thì đâu có gì, tui còn viết được chữ Việt nữa đó, cái đó

hì mới hay.

-Còn viết được?

Nhờ tui đi học đó!

Hết câu, tôi cười hí hí trong phôn. Thầy cô lớp Việt Ngữ khen tôi học nhanh. Tôi còn đang định đem văn của Thanh Tịnh ra đọc trong phôn -long distance- để hù Duy...

"Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường..."

Buổi sáng mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên tôi thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học."

Nhưng tôi chợt nhớ là đang nói chuyện đường dây viễn liên mà tôi là người gọi. Thôi chờ khi nào Duy gọi Duy trả tiền thì tôi sẽ đem ra khoe cũng không muộn. Tôi phải dặn chứ không anh chàng bận rộn với những projects này nọ, tôi chờ không nổi lại đi gọi trước.

-Lần sau Duy gọi nhé!

Duy không biết gì cũng ừ. Tôi phải tính toán như vậy, vì tôi còn đang là... học trò nghèo mà.

Trước khi cúp phôn, tôi còn biết nói... hôn anh trăm cái... bằng tiếng Việt, làm Duy sững sờ!

Bây giờ đi ăn phở tôi đã biết đọc menu. Tôi mạnh dạn gọi. Cho một tô phở đặc biệt, gầu, tái, nạm, thịt bò viên và một ly chè ba màu- chứ hồi xưa tôi chỉ kêu con số. Thêm nữa, cho ít nước béo, nhé. Tôi đã lấy message, ghi lại được bằng tiếng Việt. Mẹ tôi là người mừng nhất. Nhưng tôi khoái một điều là bà chị hai của tôi không còn dọa, lờ con gái nào viết thư tình lãng nhăng bằng tiếng

Việt cho thằng Duy, mày không đọc được là khổ. Tôi khiêng hết sách, truyện Việt ở thư viện về. Tôi còn nhờ thư viện nơi tôi ở mượn sách từ những thư viện khác. Tôi đã biết thưởng thức những áng văn hay của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Mê Hồn Bướm Mơ Tiên của nhà văn Khải Hưng. Đoạn tả lúc chàng sinh viên canh nông Ngọc xuống xe, bước bộ tìm đường lên chùa Long Giác, bị đám con gái Bắc Ninh đang làm ruộng trâu chọc, rồi gặp chú tiểu Lan đang gánh sắn về chùa, đồi núi và nắng vàng của buổi chiều, trời ơi, cảnh vật thật tuyệt. Tôi cũng viết thư tình hay ác liệt. Dĩ nhiên là bằng tiếng Việt. Đó là Duy nói chứ không phải tôi tự phụ khen tôi như vậy. Anh nói anh sẽ đóng tập giữ hết những lá thư tình đó... dành về sau cho tôi ra một cuốn sách... để đời!

Thỉnh thoảng tôi vẫn nhớ tới hai anh hàng xóm của tôi thời ở UW. Nghe các anh hát nhạc Việt, tôi đi học chữ Việt, nhờ đó mà lạc vô được thế giới văn chương Việt Nam. Nếu tôi không biết chữ Việt, chắc chắn là tôi vẫn có cơm ăn... ngày một bữa, chỉ là món ăn tinh thần mình chịu thiệt thòi mà mình không hay thôi.

LINH VANG

www.geocities.com/linhvang

@ }v vPÇÁ] • šZ³ Æ Ç ìvP vZËvP šZ vZ %oZ
 IZ€vP Z, Ç!µ Ç¿vP u¾š Z _ Z šZÌ šZ^ /
 vPÇÁ] u v ŒÄX }v vPÇÁ] u v ŒÄ • I]±v šZÈ
 Z¿v }v vPÇÁ] u v ŒÄ IZ€vP • I]±v šZÈ Z v
 V. A. XUKHOLOMSKI

Lan Cao

5 R Q J U XöÖ W Q J P ả L

Trên mảnh đất người
Ngồi đây- thấp nền
Đứng đây- phát ngọn cờ vàng
Đêm Quốc hận, ghen trào vọng nhớ
Giỗ quê hương bức tử thán tư này

@

Nhục nhằn thân phận
Hồn lưu vong, năm tháng trôi già
Thương dân tộc đọa đầy khổ ải
Con mơ đêm, nối tiếp mơ ngày
Và mơ mãi chỉ là say ảo giác
Đổi thay đời thức dậy với bàn tay

@

Quên sao được
Sài Gòn đêm máu vỡ
Đêm kinh hoàng
Đêm Tổ Quốc màu đen
Đêm hỏa ngục trào phun lửa đỏ
Phố thành rừng
đường lịch sử mất tên

@

Bốn chục năm rồi
Bọn mình còn mấy đứa
Áo lính rách bươm
Vẫn thơm mùi hào kiệt
Ôm cờ vàng
Ôm cả núi sông thiêng
Rong ruổi mãi, lịm dần hơi thở
Gọi cháu con, trần trối mộng hồi hương.

Houston 6/2015

3K±P ãàF 1KÉ

% ÕQ F²X WKä öÖL PØW P±G

Khoảng tháng 9/1975, hoàn tất đợt học tập 10 bài chính trị về Đế Quốc Mỹ, Ngụy Quân, Ngụy Quyền, Ba Dòng Thác Cách Mạng ... trại cải tạo của tôi (ở Long Khánh) tổ chức ăn mừng. Sau buổi “họp liên hoan” cán bộ khung của tiểu đoàn, trong lúc đi vệ sinh tôi tình cờ nghe hai C Trưởng nói loáng thoáng ở E (trung đoàn) nào đó có “thằng Ngụy cải tạo làm 4 câu thơ cực kỳ phản động” và “nó đang bị giam riêng để chờ biện pháp xử lý thích đáng”. Tôi đứng gần đây vừa cười vừa run, nghĩ thầm trong bụng: “Mẹ kiếp! Không biết 4 câu thơ của *thằng Ngụy cải tạo* kia phản động đến mức nào, chứ thơ mình đọc chơi với mấy người bạn cùng A (tiểu đội) mấy chả mà biết được thì mình chắc bầm dập”. Số là cách đó mấy hôm, trong lúc ngồi tán gẫu trước khi đi ngủ, nghe một anh cao hứng đọc mấy câu thơ trong bài Mòn Mỏi của Thanh Tịnh, tôi nổi hứng bắt tứ, chẳng giữ ý, giữ tứ chơi luôn 8 câu vừa “nhái” bài Mòn Mỏi mấy tuần trước:

Nếu nội hỏi “sao con cực khổ

Com không no áo mặc không lành?

Con hãy chỉ lá cờ màu đỏ

Có sao vàng bay giữa trời xanh”

“Nếu nội hỏi “sao nhà vắng vẻ

Không bàn thờ nhang khói tổ tiên

Con hãy chỉ một anh bộ đội (1)

sau hè, rồi đứng lặng yên.”

Thế rồi lu bu ăn uống, lao động, họp hành kiểm điểm, câu chuyện “4 câu thơ cực kỳ phản động” đi vào quên lãng. Nhưng chỉ vài tuần sau thái độ chán chường bất cần đời và lối ăn nói vung vít mệt, coi trời bằng vung của tôi đã mang đến tai họa. Để “chửi xéo” một tay nịnh bợ “ông chủ mới” một cách trơ trẽn, tôi vừa đứng cười vừa to tiếng nói với người bạn bên cạnh: “Tao cái con mẹ gì cũng thuận bên phải; chỉ có cái thằng khốn nạn này lúc nào cũng ngoạ đầu về bên trái”. (2) Lần ấy tôi không những bị “bê hội đồng” bằng nắm tay, đầu gối, gót chân mà còn bị mấy cái báng súng AK vào ngực đến ới máu. Sau đó là cả tháng trời nằm conex (biệt giam trong thùng sắt).

Năm 1977 tôi bị đưa lên Bù Gia Mập. Trong ngày bị phân công vào rừng chặt tre, vào giờ nghỉ ăn trưa, tôi ngồi chung với một nhóm anh em cải tạo ở trại khác cũng đốn gỗ, chặt tre ở gần đấy. Một anh kể cho tôi nghe chuyện về một bài thơ chỉ có 4 câu mà tác giả vì nó đã chết trong biệt giam vì bị đánh đập, mang bệnh nặng, không được chữa trị, thuốc men. Tôi nhớ lại mẩu đối thoại của hai C Trưởng năm nào ở Long Khánh mà giật mình, hồi hộp, hồi thúc anh bạn đồng cảnh tù đọc bài thơ.

NHỚ CON

Bố nhớ bé nhiều lắm bé ơi

Bé mang dép ngược bố la hoài

Ở đây chân trái là chân phải

Chân lý học hoài cũng thế thôi.

Tôi reo lên khe khẽ ở trong lòng: “Thôi đúng rồi! Đúng là bài thơ có 4 câu mà cực kỳ phản động đây rồi”.

Tôi nghe hết bài thơ mà người bàng hoàng, thương cảm. Vâng, bài thơ hay quá. Ấn tượng vời. Rất hợp thời, hợp cảnh. Mà cực kỳ phản động thật. Vừa mới học xong 10 bài chính trị mà anh viết:

Ở đây chân trái là chân phải

Chân lý học hoài cũng thế thôi.

thì đám cán bộ “nổi trận lôi đình”, biệt giam anh là đúng rồi. Nhưng đánh đập anh tàn tệ, khi anh bệnh hoạn không cho chữa trị thuốc men, để chết trong biệt giam thì quả là quá ác, quá vô nhân đạo. Sau đó tôi hỏi tên tác giả thì anh bạn tù lắc đầu không biết vì chính anh cũng là người nghe lại.

Hôm nay nhân ngày quốc hận 30/4 ngồi nhẩm đọc lại bài thơ; càng đọc càng thấy thương và cảm phục tác giả. Anh đã thấy bộ mặt xảo trá, lọc lừa của người cộng sản ngay từ những ngày đầu và đã dùng tài thơ đọc đáo của mình khắc họa bộ mặt ấy bằng 4 câu thơ tuyệt tác.

Cô bé “đi dép ngược” trong bài thơ giờ này cũng hơn 40. Không biết cô đang phiêu bạt phương nào? Đã đọc bài thơ này chưa? Và không biết cô đã biết cha cô vì bài thơ này mà bỏ mạng trong biệt giam của nhà tù cộng sản?

Hoàn cảnh của tôi và cha cô có khác nhau. Tôi chỉ bị đánh đập đến mang thương tật, bị tù đầy, hành hạ lâu dài, mất hết tuổi thanh xuân; còn cha cô bị cướp đi mạng sống. Một khác biệt nữa là tôi “đáng tội” hơn, tỏ thái độ chống đối rõ ràng; còn cha cô chỉ nhân sự việc xảy ra trước mắt, Nhớ Con viết mấy vần thơ chân thật.

Tôi không cô xúy hận thù. Cũng không muốn sống mãi với quá khứ đau thương sân hận. Kẻ thù tôi vẫn còn nhớ mặt, đã đánh đập gây thương tích cho tôi, tiếp tục giam hãm đầy đọa tôi, khi gặp lại, thấy anh thay đổi cách suy nghĩ, giúp dân oan đối phó với bạo quyền, tôi đã bắt tay quên hết chuyện xưa. Tôi có những người bạn ở phía bên kia, không phải chỉ bạn trong giao tế xã hội mà còn trong câu thơ lời văn, trong những ước mơ cho quê hương dân tộc. Nhưng thỉnh thoảng hình ảnh của người cha bệnh hoạn và bài thơ Nhớ Con lại hiện về. Muốn quên nhưng sao thật khó quên. Ai sẽ lấy lại công đạo cho người cha bệnh hoạn? Ai sẽ lấy lại công đạo cho cô bé cô cút đáng thương? Những kẻ từ Bộ Chính Trị, từ Trung Ương Đảng CS Việt Nam đã vạch ra chính sách, ra lệnh giết cha cô (và biết bao người vô tội khác) vẫn chưa bước ra vành móng ngựa để trả lời về tội lỗi của mình. Những người kế tục nắm quyền vẫn chỉ biết bán nước cầu vinh, hà hiếp dân lành, vơ vét cho đầy túi tham, mặc kệ văn hóa suy đồi, xã hội băng hoại.

Bốn câu thơ hay quá, thâm thúy quá. Nhưng chỉ vì 4 câu thơ ấy mà giáng xuống “bản án tử hình” cho anh thì đã man quá, vô nhân đạo quá. Mà anh có vu khống, xuyên tạc gì đâu. Ngụ ý của anh ở thời điểm ấy đâu có sai sự thật và bây giờ không những hoàn toàn đúng mà lại còn rõ như ban ngày nữa. Như vậy “bản án” của những người cộng sản đối với anh không những đã man, vô nhân đạo mà lại còn vô lý nữa.

Tôi viết lại câu chuyện này trước hết, để một bài thơ hay không bị quên lãng; kế đến, đưa thêm một bằng chứng về sự tàn ác của chính sách cải tạo mà người cộng sản vẫn rêu rao là “nhân đạo, khoan hồng”. Bên kia dòng sông ngăn cách là quê hương, là những người thân yêu và biết bao nhiêu kỷ niệm. Muốn bơi qua nhưng sao “Bờ Vắn Quá Xa”. (3)

Chú thích:

Lúc ấy còn quân quản, chưa có công an. Sau này tôi sửa lại:

Con chỉ chiếc bóng vàng lấp ló

Ở sau hè rồi đứng lặng yên.

Gặp Lại Kẻ Thù Xưa (t- van.net)
Tên một bài thơ của **Phạm Đức Nhì**
Galveston 05/2015

Vô Tình

9, Q % Ú W L W D

Văn Bút ta ơi - đã đến giờ :
Nêu cao Dân Chủ khắp văn thơ:
Chuyện về xứ sở - người trong nước
Khơi động vùng lên - đòi Tự Do

Các nước Đông Âu từ bỏ Cộng
Việt Nam ta sẽ... cũng hoan hô:
Nhân quyền sự sống - điều mơ ước
Xương máu đắp đền chẳng sợ lo.

& K P D K » Q J L -

Gần tám mươi Xuân - chưa hẳn già
Về hưu – ngơi nghỉ - khỏe thêm ra
Mắt mờ chút đỉnh không lo ngại
Chỉ sợ lưu thông -- sợ kẻ tà..!?

NOT YET ELDERLY

*Nearly 80 years old - not yet elderly
Retirement - Rest is important for health.
Though my eyes were blurry but not afraid
Only fear traffic - and a killer for money.!?*

Õ × % É Q K % ã Q G Î Q J N Ì Q L È P

Paris thủ đô ánh sáng, cái nôi nhân quyền và là một trong những kho tàng văn hóa của nhân loại. Lên Monmartre nơi cao nhất Paris có đền Thánh Tâm uy nghi làm bằng đá quý trắng toát sừng sững trên ngọn đồi. Đi vòng xuống lưng chừng đồi là cảnh giới riêng của khu họa sĩ, họ đang thả hồn theo những mảng sắc màu. Phố Paris gồm nhiều con đường dọc ngang uốn khúc chằng chịt, xe cộ tấp nập, khách qua lại đông nghịt dọc theo vỉa hè. Hai bên đường san sát những nhà hàng cửa hiệu quán cà phê rạp ciné được trang hoàng đầy ánh đèn màu rực rỡ. Paris thiết kế theo lối kiến trúc cổ, nhà cửa, thành quách, lâu đài, thánh đường và cây xanh tạo cho Paris thêm thơ mộng như một bức tranh ấn tượng. Những cái hay nét đẹp về Paris sách báo film ảnh âm nhạc hội họa... vv... đã nói nhiều nhưng nào hết? Còn có những điều dù có nói thêm cũng sẽ chẳng bao giờ dứt, hay cũng chỉ thoáng qua!

Tôi xin ghi lại “một chút thoáng qua” như giữ cho mình chút kỷ niệm về: Người Paris và Viễn Khách, trong đó có các bạn văn nghệ phương xa đã có lần ghé thăm.

Đã lâu lắm, từ những thế kỷ trước trong số những người Việt có những người là nghệ sĩ họ đã đến Paris trình diễn hoặc thăm Paris nhưng rất thâm lặng, thời gian vô tình trôi xóa dần những dấu cũ mà dấu đó vẫn còn vương đọng! Xin kể lại các bạn một số những câu chuyện đẹp về những tâm hồn nghệ sĩ mà tôi may mắn gặp gỡ quen biết sau này, hoặc đã quen cũ nay tình cờ gặp lại ở nơi đất khách quê người. Những điều viết ở đây không nhằm mục đích ghi lại từng chân dung và sự nghiệp của mỗi nghệ sĩ nên không thể diễn đạt hết những tính ưu việt của mỗi nghệ sĩ một cách đầy đủ về tài năng, tính chất, nghệ thuật... vv... Đây chỉ là những mẫu chuyện vui dọc đường của một số người làm văn nghệ được đời gọi là nghệ sĩ.

Tôi có cái thú hay vào thư viện đọc sách, nhưng nay nhờ có internet nên cũng bớt đi, thỉnh thoảng cùng bằng hữu đi xem những cuộc triển lãm tranh của một số danh họa Pháp. Những điều bất gặp trong tranh làm tôi say mê từ màu sắc, phong cảnh đến những đường nét chấm phá. Tính hiếu kỳ khiến tôi lại muốn tìm

hiểu hơn về những con người trong thế giới sắc màu này nên đã liên tưởng đến những người bạn nghệ sĩ, có người là họa sĩ, có người văn sĩ, nhạc sĩ mà tôi đã từng gặp trong đời. Hôm nay ngồi hồi tưởng quá khứ, khơi lại vùng ký ức để tìm những dấu vết thời gian, những khuôn mặt văn nghệ sĩ mà tâm hồn còn đầy bí ẩn! Cũng phải mất nhiều năm, nhưng chắc gì tôi đã hiểu và nhớ hết! Rất may tôi lại không có tham vọng đó, công việc này dành cho các nhà nghiên cứu, nhà biên khảo về văn học nghệ thuật. Tôi chỉ làm một việc góp nhặt kỷ niệm kết thành bản Tình Nghệ Sĩ để thấy lại khoảng mộng năm xưa cho năm tháng hoang hôn đờ cô quạnh. Tôi thường nghĩ: “Một tác phẩm ở bất cứ một thể loại nào dù là văn học hay nghệ thuật giá trị đích thực không hẳn ở lời khen tiếng chê; mà tùy thuộc vào tác phẩm có thực đi vào lòng người hay không, tuy nhiên người đời thường lẫn lộn giữa tác phẩm và nhân cách tác giả! Người nghệ sĩ và tác phẩm là hai thực thể tách rời nhau nhưng lại khấn khít có chung một niềm bất hạnh chứa đầy rủi ro, đôi khi bị vùi dập vì ngộ nhận! Tâm hồn nghệ sĩ rất phóng khoáng, bao dung yêu tha nhân, yêu thiên nhiên và yêu cuộc đời; dẫn cho cuộc đời có muôn cay đắng. Trong cõi vô tận của nghệ thuật, con người và thiên nhiên là tác phẩm của thượng đế mà nghệ sĩ lại sáng tạo cho cuộc đời thêm muôn sắc.”

Phần1 : CON ĐƯỜNG VĂN NGHỆ

Trước năm 1975 ở Sài Gòn tôi quen một số văn nghệ sĩ chỉ nhìn cách sống và sự đam mê nghệ thuật thì tôi đã bội phục, mỗi người mỗi khác, kẻ viết văn, làm thơ, người soạn nhạc, trong số đó có người đã in ấn được tác phẩm, có kẻ thì không. Có người viết nhiều ca khúc nhưng chẳng chạy theo thị trường nên chỉ loé lên rồi tắt lịm, hoặc chẳng ai biết! Và có người tranh bán được nhiều nhưng chưa một lần triển lãm! Con đường văn học nghệ thuật mệnh mông vô tận, người nghệ sĩ tự mình tìm con đường riêng để đi, và họ đã gặp nhau ở chốn Chân Thiện Mỹ, từ đó mọi sự vật trong cõi đời mới có tên. Sau biến cố năm 1975 người Việt ồ ạt bỏ nước ra đi tị nạn CS, những người đến Pháp đã đồng loạt thành lập hàng trăm hội đoàn nhằm mục đích cứu quê hương thoát khỏi ách CS.

Chúng tôi là những người tị nạn đến Paris sau và cũng đã thành lập hội Văn Hóa năm 1985 theo luật 1901 do chính phủ Pháp qui định, sau chúng tôi thu hẹp lại thành Câu Lạc Bộ để đáp ứng

với nhu cầu sinh hoạt văn học nghệ thuật với mục đích bảo tồn và phát huy văn hóa VN ở hải ngoại, đồng thời thành lập một tủ sách để đáp ứng nhu cầu tinh thần cho cộng đồng. Số lượng người đọc sách ngày càng nhiều do đó chúng tôi đã phát triển cơ sở thành thư viện Cergy, hiện nay trở thành thư viện quốc gia Pháp với đủ thể loại sách gồm sách Việt, Pháp và nhiều sách nước ngoài, chúng tôi đã trao lại cho tòa thị chính quản lý.

Năm 1986 hội Văn Hóa đã tham dự ngày quốc tế văn hóa Symbiose nhằm giới thiệu văn hóa dân tộc VN với các dân tộc khác sống trên xứ Pháp, sau đó một thành viên của hội là nhà nhiếp ảnh Nguyễn Đăng Trình được mời làm khách danh dự triển lãm tại Đại Hội Nhiếp ảnh Vương Quốc Bỉ ở Charleroi.

Năm 1987 vào triển lãm 2 tháng liền trong Musée Francais de la Photographie, Bièvres, do Association Culture Vietnam chủ tịch là Giáo sư Phạm Mậu Quân đỡ đầu, với chủ đề: Khung Trời Việt Nam. Đây là một vinh dự cho những nhà nhiếp ảnh được trình bày tác phẩm của mình, những người được trúng tuyển đều là những nhà nhiếp ảnh quốc tế, và do quốc gia giới thiệu.

Luật sư Nguyễn Đăng Trình là một nhà nhiếp ảnh đam mê, từng đoạt giải nhì quốc tế UNESCO, và nhiều giải nhất về nhiếp ảnh cỡ trung tại Pháp. Khi rời khỏi VN ông mang theo được một số âm bản chụp nhiều cảnh VN trước và sau năm 1975, qua Pháp ông làm ảnh bằng kỹ thuật mới trong phòng tối và phóng lớn.

Chúng tôi được viện bảo tàng nhận là vì lúc đó VN hoàn toàn bị cắt đứt với thế giới bên ngoài, những hình ảnh Nguyễn Đăng Trình mang theo là một không gian VN thu hẹp, nhờ đó đã mở cánh cửa cho chúng tôi đem hình vào viện triển lãm.

1988 chúng tôi được mời sang tận Museum Volkenkude Rotterdam và Museum Groningen Hoà Lan triển lãm 4 tháng liền. Hiện nay Nguyễn Đăng Trình đang định cư ở Montréal, Canada vẫn bám máy nhưng không còn triển lãm. Dù định cư ở Canada nhưng thỉnh thoảng nhiếp ảnh gia Nguyễn Đăng Trình vẫn sang Âu Châu và ghé Paris thăm tôi, anh đến bất chợt không hẹn trước có khi vào nửa đêm, có lúc gần sáng từ các nước Đức, Bỉ, Hoà Lan, anh lái xe đến mời chúng tôi đi ăn. Có lần anh đến nhằm lúc chúng tôi được mời nói chuyện Thơ Nhạc ở Paris, lần đó Chủ nhật ngày 02-06-2013, tại nhà thờ Saint Hippolyte, nằm trên đại lộ Choisy, Paris quận 13. Một buổi sinh hoạt Văn Học Nghệ Thuật chủ đề: "Chiều Thơ Nhạc Paris" đã được Chi Hội Phụ Nữ Âu Cơ

Paris tổ chức. Xin trích một đoạn của Nguyễn Mây Thu đăng trên tạp chí Cỏ Thơm:

“Khai mạc là nghi lễ chào quốc kỳ và một phút mặc niệm. Hội trưởng Chi Hội Phụ Nữ Âu Cơ Paris, chị Trần Thúy Phượng cũng là MC ngỏ lời chào quan khách, nói qua về ý nghĩa buổi sinh hoạt chiều nay. Mở đầu diễn giả, nhà thơ Đỗ Bình sẽ nói chuyện về đề tài Thơ và Nhạc. MC cũng giới thiệu những khách tham dự gồm những khuôn mặt nổi tiếng ở Paris. Đặc biệt có khách ở xa về tham dự là Nhiếp ảnh gia Nguyễn Đăng Trình, ông là một khuôn mặt nổi tiếng một thời ở Paris và Âu Châu đã từng đoạt nhiều giải thưởng Âu Châu và Quốc Tế, gần cuối chương trình ông được mời lên phát biểu.

Nguyễn Đăng Trình: “Chúng tôi ở cách đây xa một đại dương hơn mười ngàn cây số, hôm nay được sinh hoạt lại với không khí đầy tình thân ái trong tinh thần văn nghệ sống động. Thật là một duyên may cho chúng tôi, được thấy lại, được sống lại một khoảng thời gian trước kia khi chúng tôi cùng với nhóm anh Đỗ Bình đã triển lãm ở Musée Français de la Photographie, ở Rotterdam, ở Charleroi bên Bruxelles... Tôi xin cảm ơn Chi Hội Phụ Nữ Âu Cơ Paris đã tạo cơ hội cho chúng tôi được sống lại không khí sống động như ngày hôm nay mà ở Montréal chúng tôi không có được như vậy”.

Vào mùa hè năm ngoái 2014 tôi được lời mời của anh chị Nguyễn Đăng Trình và một nhóm bạn ở Montréal, tôi định qua Canada thăm các anh chị Nguyễn Đăng Trình, anh chị nhạc sĩ Lê Dinh, anh chị nhạc sĩ Phạm Mạnh Cương, anh chị nhạc sĩ Trường Sa và anh chị BS Phan Văn Thành nhà văn Tiểu Thu.

Ra tới phi trường Charles De Gaulle tôi bị huyết áp tăng quá cao nên không thể đi được, chiếc vé vẫn còn giá trị đến hè năm nay, nhưng anh Nguyễn Đăng Trình vừa bỏ còi đòi ra đi! Hai tuần lễ trước ngày anh Nguyễn Đăng Trình mất tôi còn phôn nói chuyện nhau, anh cho biết sức khỏe rất kém vừa ở nhà thương về không biết có thể sống được không!

Anh cho biết đang viết dở trên ordinateur về chuyện cuốn bản thảo 5000 câu Lục Bát của Nhà thơ Nguyễn Hữu Nhật vì anh và Nguyễn Hữu Nhật đã quen với nhau từ lúc còn trẻ, anh đang dạy học ở Đà Lạt, Nguyễn Hữu Nhật thuở đó đã làm thơ nhưng sở trường là vẽ bắt nguồn từ năng khiếu bẩm sinh, có khoa tay nên nét chữ đẹp như rồng bay phượng múa. Vào thập niên 60 của thế

kỷ trước Nguyễn Hữu Nhật theo học thêm lớp hội họa ở trường Mỹ thuật để có kiến thức căn bản và tự mày mò trong khoảng không gian sắc màu để tìm lối riêng cho mình. Nguyễn Hữu Nhật dùng chất liệu sơn dầu để tạo hình, nhưng không theo một trường phái nào, đôi khi thể hiện màu sắc qua tranh cắt dán.

Trước năm 1975 họa sĩ Nguyễn Hữu Nhật đã làm được vài cuộc triển lãm ở Hội Việt Mỹ Sài Gòn, Trung Tâm Văn Hóa Pháp Sài Gòn. Ra hải ngoại chúng tôi đã tổ chức triển lãm tranh của anh ở Trung Tâm Văn Hóa Quốc Tế Paris năm 2001. Đó là lần cuối cùng anh triển lãm tranh có tầm vóc lớn. Ở Paris tôi có giới thiệu với anh những danh họa trong đó có Họa sĩ René Loesh đã cao tuổi, sống ẩn dật làm bạn với những tác phẩm vẽ sơn dầu bằng dao, ông là bạn của Nữ danh họa quốc tế người Mỹ Bà Edna Hibel vẽ sơn dầu bằng bút.

Nguyễn Hữu Nhật cùng chúng tôi vào xem tranh của René, anh đã ngả nón nghiêng mình ngưỡng mộ tác phẩm làm tôi và nhà văn Nguyễn Thùy cảm thấy hân hoan vì những tâm hồn đồng điệu họ đã gặp nhau. Tiếp theo tôi đưa Nguyễn Hữu Nhật đến giới thiệu với Nữ danh họa Michikok người Nhật, có một phòng tranh lộng lẫy trong khu bảo tàng danh họa Van Gogh, ông bà Họa sĩ này rất ân cần và có chụp nhiều hình lưu niệm với Nguyễn Hữu Nhật.

Vào một chiều thu năm 2004, chúng tôi gồm: Họa sĩ Thái Tuấn, họa sĩ Lê Tài Điển, họa sĩ Nguyễn Hữu Nhật từ Na Uy, nhà văn Nguyễn Thùy từ Thụy Sĩ, nhạc sĩ Trịnh Hưng, và Đỗ Bình, kéo nhau vào quán cà phê trên lầu khu Á Châu ngồi nói chuyện văn nghệ. Nhạc sĩ Trịnh Hưng (tác giả những nhạc phẩm vang bóng một thời :Tôi Yêu, Lối Về Xóm Nhỏ, Tình Thắm Duyên Quê...) thì kể chuyện vừa về VN thăm lại những bạn cũ: như nhà thơ Hữu Loan, nhà thơ Hoàng Cầm, gia đình nhà thơ Quang Dũng và một số nhạc sĩ trong đó có Hoàng Giác... vv... Nhạc sĩ Trịnh Hưng nói: “Tôi về Hà Nội hỏi thăm Hữu Loan chẳng ai biết cả! Tôi vào cả viện âm nhạc Hà Nội hỏi cũng chẳng ai biết! Mãi về sau hỏi trong giới xe ôm mới có người biết và chỉ đường xuống Thanh Hóa.” Nguyễn Hữu Nhật hỏi: “Sao anh không tìm những người bạn nhạc sĩ của anh ngày trước mà hỏi?” Trịnh Hưng: Hơn 50 năm chưa về Hà Nội bạn bè cũ tan tác cả; biết các ông ấy ở đâu mà tìm! Tôi có thăm chị Văn Cao và nhờ chị hỏi thăm những nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý, Tô Vũ, may ra gặp các anh ấy thì sẽ rõ.” Trịnh Hưng lại nói tiếp: “Lúc ở Sài Gòn tôi có đến thăm anh Ứng Lang,

Y Vũ, Tô Hải, nghe anh Ung Lang nói cũng sắp sửa sang định cư bên Mỹ. Còn Y Vũ vẫn sáng tác và sống bằng nghề chơi nhạc như xưa, dạo này đời sống nghệ sĩ bên ấy có khá hơn lúc sau năm 75. Y Vũ biết tôi ngày xưa là bạn của Y Vân nên chú ấy rất quý tôi.”

Chuyên đề tài sang hội họa, tôi hỏi họa sĩ Lê Tài Điền: “Tại sao anh chọn phái trừu tượng?” Lê Tài Điền đặt tách cà phê xuống bàn, chậm rãi nói: “Ngay từ đầu thập niên 60 khi còn theo học ngành hội họa ở Huế, sau đó sang Paris tiếp tục học; Mọi đã chọn trường phái tranh trừu tượng, đó là một cách đối kháng ngầm với lối Hiện Thực Xã Hội Chủ Nghĩa ở ngoài Bắc.”

Nguyễn Hữu Nhật: “Cho đến bây giờ ở Việt Nam vẫn chưa dám phát triển trường phái trừu tượng!”

Họa sĩ Nguyễn Hữu Nhật quay sang hỏi họa sĩ Thái Tuấn: “Anh nghĩ sao về lối vẽ tranh trên vi tính hiện nay?”

Họa sĩ Thái Tuấn: “Thật là tuyệt! Vẽ trên vi tính vừa mới về kỹ thuật vừa diễn tả được ý tưởng qua hình sắc để đạt tới cái tuyệt vời của nghệ thuật trong hội họa.”

Tôi góp ý: “Thế giới của nghệ thuật là vô tận, mỗi nghệ sĩ tạo ra một thế giới của riêng mình. Thế giới của anh Thái Tuấn là thế giới phụ nữ.” Họa sĩ Thái Tuấn cười và nói: “Trong hội họa có trường phái Ấn Tượng, Hậu Ấn Tượng, tôi đồ các cậu sau Siêu Thực là cái gì ? Có Hậu Siêu Thực không?”

Bị một câu hỏi bất ngờ mọi người cứ ngẩn ra!

Nguyễn Thùy: “Tôi xin phép các anh để trả lời câu hỏi của anh Thái Tuấn: “Nếu có “Hậu Hiện Thực” thì chắc phải là ‘Siêu Siêu Hiện Thực! Đã là “Siêu” rồi thì chắc không thể có cái “Siêu Siêu”. Tôn giáo quan niệm Thượng Đế là đáng Siêu Thực, đáng hoàn toàn tượng trưng, không thể có một đáng nào “Hậu Thượng Đế”, “Siêu Thượng Đế”. Không một họa sĩ nào vẽ được hình Thượng Đế, không một điêu khắc gia nào tạc được tượng Thượng Đế. Tôi cũng không gặp những từ “Tân Siêu Thực” (néosuréalisme) hay “Tân Tượng Trưng” (néosymbolisme). Vậy, nếu có “Hậu Siêu Thực, Hậu Tượng Trưng” thì chỉ là một cái “Không” (le Vide, le Néant, le Rien) thôi, lý trí không thể hình dung ra sao.”

Vì trời đã xế chiều họa sĩ Thái Tuấn phải gĩa từ chúng tôi ra về. Đó là lần cuối cùng chúng tôi gặp nhau. Tôi thích tranh Thái Tuấn từ trước năm 1975, người họa sĩ sử dụng rất ít đường nét về chi tiết chân dung, họa sĩ có biệt tài về cách dùng màu sắc, giản

lược tài tình những gam màu tạo những khoảng trống xanh vàng tím, để thành một thế giới riêng Thái Tuấn. Thời gian sau ông về Sài Gòn sống với người con trai cả đến năm 2008, họa sĩ Thái Tuấn đã già từ màu sắc cõi đời để về miền vô tận tạo một không gian sắc màu mới, và cùng thời gian đó, nhạc sĩ Trịnh Hưng cũng già từ cõi đời để về miền vĩnh cửu.

Vào năm 2012 tôi đang viết bài cho tập Bên Dòng Kỷ Niệm mà mục đích đã nói ở phần trên, không thiên vị hay tâng bốc, và đứng bên ngoài những suy tư, phán xét, tranh chấp của bằng hữu nên tôn trọng những khoảng riêng của người được ghi trong sách, do đó tôi có phen qua NaUy hỏi ý kiến anh chị Nguyễn Hữu Nhật và Nhà văn Nguyễn Thị Vinh có nên đưa những đoạn đời mà chúng tôi đã trải qua còn ghi lại qua băng nhựa, video, hoặc thư từ? Anh Nguyễn Hữu Nhật cho biết anh vừa trải qua cơn đột quỵ tai biến mạch máu não! Tôi dừng bài viết về anh chị từ đó, nhưng chúng tôi vẫn thường xuyên liên lạc nhau đến ngày anh Nguyễn Hữu Nhật qua đời!

Chúng tôi nhóm văn nghệ sĩ ở Paris rất quý tài năng của thi văn họa sĩ Nguyễn Hữu Nhật và trân trọng những gì Nguyễn Hữu Nhật đóng góp chung cho Văn Hóa. Cuốn Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca VN Hải Ngoại gồm những bài thơ đặc ý của nhiều tác giả có chung một hoàn cảnh ly hương trong số các nhà thơ hải ngoại do nhà văn Võ Đức Trung Là người chủ xướng thực hiện cùng chúng tôi. Cuốn thứ nhất bài tựa được nhà văn Nguyễn Thùy viết, nhưng bài viết dài quá 39 trang nên Nguyễn Hữu Nhật đã dựa theo viết lại còn ít trang và đã được chọn đăng trong tập một.

Nhà văn Võ Đức Trung: “Tác giả nhiều tập truyện, biên khảo. Là một người khiêm tốn giữ được phẩm chất của một cựu giáo chức. Thời gian chúng tôi chuẩn bị cho thi tập mất 2 năm, khi đưa ra thảo luận tại nhà tôi lúc đó gồm: Nữ sĩ Nguyễn Thị Vinh, nhà văn Nguyễn Hữu Nhật, nhà văn Võ Đức Trung và tôi, trong thảo luận thì được biết cái Tựa sách này đã được các nhà thơ Diên Nghị, Song Nhị, Duy Năng ở Cali đã chọn từ lâu và sắp in, họ muốn thực hiện một tập văn học ghi dấu một giai đoạn đời 25 năm xa xứ. Sau đó tôi đã liên lạc với các nhà thơ trên để giải thích sự việc của chúng tôi và đề nghị họ chọn một cái tựa khác.

Khoảng hai tuần sau họ trả lời là đồng ý, và đã chọn cái tựa khác cho tuyển tập là: Lưu Dân Thi Thoại, hay 25 Năm Bút Luận do Cội Nguồn xuất bản. Nhà văn Võ Đức Trung phát biểu: “Nhận

được phôn của anh Đỗ Bình mời tôi nghĩ là lên Paris họp bạn văn nghệ như mọi khi, nhưng khi xem lại thư mời tôi thấy quan trọng quá nên lấy làm ái ngại! Tôi ở tỉnh lẻ, thỉnh thoảng mới về Paris sinh hoạt sợ phát biểu sẽ trở ngại, hơn nữa như anh Đỗ Bình và Hồ Trường An biết; tôi viết văn về đồng quê mặc mặc nếu có gì sơ xuất mong các anh chị thứ lỗi cho. Tôi xin tâm tình tại sao tôi lại có ý định thực hiện cuốn Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca Hải Ngoại. Kể từ sau biến cố năm 1975 mọi người ồ ạt bỏ nước ra đi, dòng thi ca lúc đầu gần như tan tác, cho đến đầu thập niên 80 thì khởi sắc vì số ít nhà thơ vượt thoát ra ngoài được đã bắt đầu viết, hồn thơ còn nhiều tâm tư cảm xúc, nhưng đến cuối thập niên 80 thì bắt đầu có chiều hướng đi xuống vì đa số phải hội nhập với cuộc sống mới! May mắn thay là qua thập niên 90 có một số nhà thơ trong diện anh em H.O khi vừa đặt chân đến nơi định cư họ đã cầm bút lại, dòng thi ca lại dâng cao qua những bài thơ tố cáo sự đàn áp và nhà tù trong chế độ CS, chúng tôi muốn bảo tồn và lưu trữ những sự kiện đó qua thi ca nhưng khi bắt tay vào thực hiện mới biết muôn vàn khó khăn! Chúng tôi tiếp xúc 350 tác giả nhưng phải chọn lựa như thế nào khi cuốn sách chuẩn bị in chỉ giới thiệu có 24 tác giả mà không kêu sự đóng góp? Cuốn 1 đã phát hành vào tháng 2 vừa rồi, chúng tôi nhận được thư, điện thư, và phôn đến chúc mừng và khích lệ, điều đó là một món quà tinh thần đối với chúng tôi trong công việc bảo tồn văn hóa VN nơi xứ người.”...

Một số bài thơ anh Nguyễn Hữu Nhật đọc cho tôi nghe trong lúc ở chung tù mà tôi còn nhớ, sau này ở hải ngoại tôi đã đọc lại cho anh nghe, có bài được anh viết thêm và in thành thi tập, có bài chưa in. Nguyễn Hữu Nhật có tài làm thơ, xuất khẩu thành thơ và thơ rất hay, anh đã xuất bản:

- Thơ Hoa Sen, thơ 1991

- Cỏ Bồng Thơ 1998 / Cuộc Chiến thơ 1998/ Bờ Bên Kia, 2 tập: tiểu thuyết thiên 2001/Hoa Đào năm Ngoái, tiểu thuyết 2009

Và một tác phẩm mới đã đóng thùng, anh định qua Paris ra mắt thì bị ngã bệnh. Nhà văn Trương Kim Anh cho tôi biết số sách đó đã được đóng thành từng gói chưa có địa chỉ nên không biết số sách sẽ ra sao vì nữ sĩ Nguyễn Thị Vinh đã quá cao tuổi!

Nguyễn Hữu Nhật còn có cái thú thích ghi chép dù trên những mẫu giấy nhỏ, hay những cuốn tạp ghi đều ngăn nắp đẹp đẽ. Trước năm 75 Nguyễn Hữu Nhật có dáng cao dong dỏng, điển trai, nhưng nhiều năm tù đầy đã tàn phá con người của anh, nếu

ngày xưa trên môi anh nụ cười rất tươi, nhất là giọng Bắc thật truyền cảm, ấm áp, người nghe dễ cảm thì sau này cặp môi thâm xịt do hậu quả thuốc lá và bệnh, thân người rút ngắn lại! Giọng nói ấm áp năm xưa thời gian cũng làm khàn đi nhưng vẫn ngọt ngào tưởng như một hòn bi dễ lăn, nhưng đung vào rướm máu vì ẩn trong đó có gian truân, nước mắt và một sự sâu sắc thâm trầm.

Những năm cuối đời Nhà thơ Nguyễn Hữu Nhật thật sự buông thả, anh chán ngán sự ganh đua nên sống ẩn dật như một chiếc bóng, anh quay sang viết văn xuôi, biên khảo. Một công trình lớn của tác giả Nguyễn Hữu Nhật đó là tập bản thảo 5000 câu Lục Bát Thơ Động Đình Hồ đã hoàn tất, nhà thơ đã tặng cho người bạn là LS. Nguyễn Đăng Trình trước năm 1975, hiện tập thơ còn ở VN.

Anh Nguyễn Đăng Trình khi bỏ nước ra đi đã cất trong tủ sách quý gởi cho người cháu, không biết thời gian đã quá lâu liệu gia đình có còn cất giữ tập bản thảo đó? Bài thơ Cô Đơn là bài thơ làm ngày cuối cùng trong nhà thương, của Nguyễn Hữu Nhật do nhà văn Trương Kim Anh ái nữ của Nữ sĩ Nguyễn Thị Vinh gởi đến tôi.

Hôm nay hai người bạn của tôi là Nguyễn Đăng Trình và Nguyễn Hữu Nhật đã bỏ cõi đời ra đi. Trên con đường nghệ thuật dù khác ngành nhưng lại có chung một cái đẹp. Cả hai đều dùng ánh sáng và bóng tối làm nền cho tác phẩm mình, trong đó có khoảng không màu mà cả hai giờ mới thật sự tìm thấy.

Đỗ Bình

Nguyễn Hữu Nhật /CÔ ĐƠN

1-

Tôi nằm nhà thương một mình
Chẳng ai thăm viếng nghĩ tình đã xa
Cuối cùng mới nghĩ được ra
Mua cho mình một bó hoa đỡ sầu

2-

Giường bên một lão Bắc Âu
Cô đơn nằm khóc, hồi lâu lại cười
Ngập ngừng nước mắt khó rơi
Hình như tiếc lắm cái thời thanh xuân

Oslo, cuối đông 2014

Tin Vaen143

*0 P a Q J 0 ® Q
& K - R 0 P D*

Chào mưa quen chùng như bỗng lạ
Bầy sẻ ngoan về dưới hiên nhà
Tặng em chuối hót xanh mùa hạ
Thơm mơ gần và cả mộng xa

Chào mưa những hàng mi chớp vội
Rụng rất thâm kỷ niệm ngày qua
Vẫn còn mảnh gương con giữ lại
Để dành soi nổi nhớ phôi pha

Chào mưa chiều lang thang quên lối
Con sáo buồn đứng trú gốc me
Mơ áo trắng ngày xưa quay lại
Chắp cánh bay qua phố ngàn hoa

Chào mưa, chào mưa, chào mưa bay
Qua sông bịn rịn nào ai hay
Em về một nửa mưa bên ấy
Buồn tôi chợt nắng phía bên này .

Mường Mán

1JÓ 1JX|ĂQ 1JKLÇP
7UĂQ öPăQJ YĂ TXĂ
E×QJ QJKH E⁻Q 7ŌQJ WáX õăQ +L

Tiền đồng tịch kim bằng cộng lạc
 Hậu lâm nguy bất kiến đệ huynh
 Lưỡi gươm đưa đầu rơi trên thảm cỏ
 Mà đôi mi còn mấp máy giữa trời xanh
 Dù không thương cũng đừng nên hạ thủ
 Giết kẻ thù, chớ giết bạn sao đành! (*)

Song lang vừa gõ xuống nhịp Xang
 Bóng ngựa bỗng động quanh đường gió bụi
 Ly rượu tiễn giữa hoàng hôn hấp hối
 Khiến chạnh lòng suốt quãng đường xa

Huyết lệ một bầu sanh tử xá gì
 Nào câu nệ nhục vinh bên quốc nạn
 Trăm nẻo quan sơn anh hùng mặt trận
 Tiếc lắm người như bằng hữu chi giao

Câu hoài lang vương ghen nghĩa kim bằng
 Nên anh kiệt đâu ngờ phòng tiểu tiết
 Thố tử hồ bì nâng ly tiễn biệt
 Trả lại đời lòng dạ u minh...

Hiểu rằng, đúng câu dưỡng hổ rừng xanh
 Trước sau gì lửa nghìn thu, di họa
 Xe ngựa vẫn vô tình xuyên quốc lộ
 Niềm cô đơn đọng giữa lệ vô thường

Trước, đồng tịch kim bằng cộng lạc
Mà hậu phân, nào thấy bóng đệ huynh!

Lưỡi gươm đưa hạ thủ hùng anh
Đường cổ xứ vẫn bay đầy tiếng thét
Dừng tay hay hạ thủ, có gì khác biệt
Kẻ cầm gươm mà máu trắng phi thường...

Sao gió bụi vẫn bay quanh lời Xự
Hay nhịp Xang rơi suốt nẻo hành trình
Cổng Xang Xự, đau lòng vũ trụ
Nên đường về ấm áp với cung thương
Tiền, đồng tịch kim bằng cộng lạc (Xự)
Hậu nhân tai, bất kiến nghĩa đệ huynh (Xang)!

Chắc rằng, nhân phi nghĩa bất giao
Nên rót cho tràn ly rượu tiền
Uống hay không thì cũng đến rồi giờ Ngọ
Đường xa, xe vẫn chạy chập chùng
Lưỡi gươm đưa đầu rơi trên cỏ dại
Mà hàng mi còn lệ đọng trời xanh!

Ngô Nguyên Nghiễm
Thư trang Quang Hạnh
Đêm 21/ 01/ 2015

(*) Ghi chú: Ý lời cổ nhạc

7K|ODQWK~R
gi âhoài P äPæ

Có những chiều mưa không lớn lắm
Nhưng mây đen sậm kín giăng trời
Ta đứng mắt nhìn xa vạn dặm
Sài Gòn đẹp lắm Sài Gòn ơi!
Nỗi nhớ chất đầy trong tâm nhớ
Lửa âm ỉ cháy rát lòng đau
Có những ảnh hình ta rất sợ
Bối nhìn là nhớ, nhớ ghen ngào!!
Dòng nước Thị Nghè gần gũi quá
Doang trại ta đóng sát bờ sông
Đường Phan Đình Phùng- Hồng Thập Tự
Ngã trước mặt sau nhớ in lòng ...
Có những buổi chiều mưa rì rả
Vài thằng thân thích quéo tay nhau
Lai rai vài xì vui chi lạ
Xí quách đầy tô, rượu rót trào...
Đầu tháng lãnh lương ra xa lộ
Bên em mưa gió vẫn ấm lòng
Hai tô mì chỉ, mì "Cây Nhãn" *
Chút ớt hương cay, má em hồng!
Honda vèo lượn trong mưa gió
Em chặt vòng tay ấm cả lưng
Kỷ niệm ngày xưa còn nguyên đó
Sài Gòn thay chủ lạnh người dung...

Trời mưa dễ gợi bao niềm nhớ
Cô bé năm nào nay ở đâu?
Bạn nhậu ngày xưa nay tan chợ
Bốn hướng ly hương tóc trắng đầu!!
Sài Gòn đẹp lắm, Sài Gòn ơi!
Hòn của tình xưa mãi xa xôi
Bao giờ hòn ngọc đòi tên lại
Ta sẽ về thăm, Tổ Quốc ơi!!

7U³Q < ãQ 7KÝI
9¶Q QJè

Vẫn ngỡ còn nhau
Trong mắt nhớ
Hóa ra nhòa nhạt
Cánh nhận bay
Lên bắc xuống nam
Nào ai biết
Mây trời cuộn cuộn
N như nôn say
Tôi trên bờ cát
Nhìn ra biển
Biển rộng mênh mông
Tôi nhỏ nhoi
Ước lượng phận người
Cân nặng nhẹ
Còn thua hạt cát
Sóng đời xô.

Biển cát và tôi
Trong mắt nhớ
Chỉ là ảo ảnh
Nhật nhật sinh...

õinh V , Q 7 X ' Q
Về “cái gia gia” trong bài thơ
Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan

Trong số mấy bài thơ chữ Nôm còn lại của Bà Huyện Thanh Quan, bài thơ “Qua Đèo Ngang” là bài thơ gần đây được tranh luận nhiều nhất về chữ nghĩa, đặc biệt là về từ ngữ “cái gia gia”(1).

Sự tranh luận này có chiều hướng phủ nhận quan điểm cũ của các tiền bối cũng như những người tin theo họ để bảo vệ cho cách đọc “cái đa đa”. Thế nhưng, theo chúng tôi, tranh luận đã không đi đến tiến bộ và sự thật với các bằng chứng có giá trị thuyết phục mà ngược lại đã gây ra nhiều loạn về học thuật, làm mất cảm hứng cho người yêu thơ và gây hoang mang cho sự học tập, giảng dạy của thầy và trò.

Bài viết này là một cố gắng tìm hiểu lại vấn đề một cách khách quan trên tinh thần khoa học với các chứng cứ xác đáng. Hy vọng có thể trả lại giá trị nghệ thuật và ý nghĩa vốn có của những vần thơ nổi tiếng của Bà Huyện Thanh Quan.

I. “Gia gia” và văn bản chữ quốc ngữ

“Cái gia gia” trong câu thơ thứ 6 ở bài thơ Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan được phiên âm và viết chữ quốc ngữ sớm nhất có lẽ là từ tác giả Phạm Quỳnh, 1917(2) và sau đó đến các nhà nghiên cứu văn học khác như Tuyết Trang Trần Văn Ngọa, 1918(3); Trần Trung Viên, 1925 - 1930(4); Ôn như Nguyễn Văn Ngọc, 1927(5); Georges Cordier, 1933(6); Ngô Tất Tố, 1941(7); Dương Quảng Hàm, 1941(8); Hạo Nhiên Nghiêm Toản, 1949(9); Trần Trọng Kim, 1946(10); Nguyễn Tường Phụng, 1953(11) và các nhà khác cho đến nay cũng vẫn là “cái gia gia”.

Về ý nghĩa “cái gia gia”, cụ Nguyễn Văn Ngọc, lần đầu tiên đã chú giải tường tận: “Gia gia = đáng lẽ cũng viết da da, hay đa đa; chỉ một giống chim thuộc về loài gà, loài công, lông đỏ, trắng, xám, hay đen, ở những nơi quang đãng, không đậu trên cành cây bao giờ và người ta hay săn bắn, mới đúng, nhưng cũng vì đây tuy mượn đến con da da mà thực ý lại nói đến gia ăn với chữ quốc ở trên và nghĩa là nhà”. Như vậy, theo đó “gia gia” chính là “da da”, một biến âm dân gian của “đa đa” nhưng trong thơ Bà Huyện Thanh Quan, “da da” phải đọc là “gia gia” (nhà) để ứng đối với

“quốc quốc” ở câu trên vì cụ Ôn Như cũng đã giảng về “quốc quốc” ở câu thơ thứ 5: “Nhớ nước đau lòng con quốc quốc” như sau: “Đáng lẽ viết quốc quốc, nhưng vì đây tuy mượn đến con quốc mà thực ý lại nói đến quốc nghĩa là nước. Ngô Tất Tố còn trích thơ của di thần đời Lê là Trần Danh Án: “,, ; ; , - ;7 ; g g, 𠂔 &° f w g *Æ Ù +§ ^ H _ 7’ , Gia cô minh “gia gia”, Đỗ Quyên minh “quốc quốc”, Vi cảm thượng hữu” quốc” “gia”, thanh. Cô thần đối thử tình nan cực” (Gà gô kêu gia gia, con quốc kêu quốc quốc, loài chim nhỏ còn có tiếng kêu “quốc” “gia”, kẻ bề tôi chơ vơ đối với những tiếng ấy đau lòng khôn xiết” và cho là có thể Bà Huyện Thanh Quan đã chịu ảnh hưởng “minh quốc quốc”, “minh gia gia” để viết thành “con quốc quốc” và “cái gia gia”. Các nhà khác về sau, nói chung đều cũng hiểu ngay “gia gia” là nói đến loài chim đa đa hay gà gô, tên chữ Hán là giá cô ;,; .

Tóm lại, 2 chữ cuối của câu thơ thứ 6 trong bài thơ Qua Đèo Ngang, từ trước đến nay đều được đa số các nhà nghiên cứu đọc hiểu là “gia gia” ám chỉ con chim đa đa và cũng liên tưởng đến ý niệm “nhà” như một thủ pháp “chơi chữ” trong thơ ca. Nhưng một số nghi vấn có thể nảy sinh từ đó: Tại sao chỉ là “gia gia” mà không phải là “đa đa” hay “đa đa”? Liệu có một dị bản nào khác thay cho “gia gia”?

II. “Gia gia” và văn bản chữ Nôm

Trong tất cả các sách báo viết về bài thơ Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan (kể các bài tranh luận gần đây), điều đáng tiếc là thiếu vắng bản Nôm gốc (dù là truyền bản) để làm bằng chứng khi luận giải, nguyên nhân có thể là do trở ngại về việc in chữ Nôm hay thói quen xem thường bản gốc và cũng vì việc tìm đọc các văn bản Hán Nôm quý hiếm (lại không được sao chụp, in ra để phổ biến) rất khó khăn. Dù vậy, thông qua các tài liệu quốc ngữ xưa nay do các nhà nghiên cứu uy tín về văn học Hán Nôm biên soạn, ta nhận thấy không một tác giả nào đã đưa ra một dị bản nào khác ngoài “gia gia”. Tuy nhiên Thanh Nghị, 1967(12) có thể là người đầu tiên đọc là “đa đa” thay vì “gia gia”: “Thương nhà mỗi miệng cái đa đa” nhưng lại không cho biết nguồn trích dẫn, có thể là ông tự suy đoán theo tri thức riêng mình. Rồi mới gần đây An Chi cũng tin tưởng và quả quyết cách đọc “đa đa”(13) là đúng nhưng lại cũng không đưa ra được bằng chứng về

chữ Nôm, một thiếu sót quan trọng khi nghiên cứu, bàn luận. Nhưng cách đọc “đa đa” liệu có đúng theo văn bản chữ Nôm nào đó không? Theo PGS. TS Đỗ Thị Hảo(14), những bài thơ Nôm của Bà Huyện Thanh Quan có chép rải rác trong 5 văn bản: 1. Liệt truyện thi ngâm, AB.147; 2. Quốc âm thi tập, AB.649; Thi ca quốc âm tập lục, VHv.266; Quốc văn tùng thư, VHv.2248; Quốc văn tùng ký, AB.383, Đỗ Thị Hảo cho biết trong 5 văn bản này, chỉ có bản AB.383 là đáng tin cậy còn các bản khác đều chép tùy tiện, chữ có nhiều dị biệt. Bản Quốc văn tùng ký do Nguyễn Văn San tự là Vân Sơn tên hiệu là Hải Châu Tử biên soạn, ông là người sống cùng thời với Bà Huyện Thanh Quan. Các bài thơ này được Đỗ Thị Hảo khảo cứu với phương pháp: “...mỗi bài thơ chúng tôi sẽ so sánh, đối chiếu những dị biệt ở từng câu chữ với những bài thơ đã từng được công bố trước đây” và bài Qua đèo Ngang đã được Đỗ Thị Hảo phiên âm và chú thích cẩn thận, đáng chú ý là có kèm theo chữ Nôm, tuy nhiên, đây không phải chữ Nôm gốc nhưng lại là font vi tính nên không biết có thật chính xác? Câu thứ 6 như sau: “Thương nhà mỗi miệng cái gia gia”, hai chữ “gia gia” được ghi là . Chúng tôi đã tìm thấy bản chép tay văn bản Quốc văn tùng ký g e € 0° AB.383 từ thư viện gia đình của Maurice Durand(15), phần Phụ Nhân Khanh thi tập 7C « @0ê7Ỡ có chép bài thơ Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan và 2 chữ cuối câu thứ sáu được chép chữ Nôm là [:ý], người chép tay đã phiên Nôm là “gia gia”. Chữ Nôm có phần biểu âm là gia và phần biểu ý là điều :ý. Chữ Nôm trong sách của Đỗ Thị Hảo và của Maurice Durand tuy khác nhau nhưng dù sao phần thanh phù vẫn chỉ là gia và từ âm gia chỉ có thể đọc là da hay gia mà thôi, không thể đọc ra “đa” được. Cụ Trần Văn Kiệm(16) cũng đã từng dẫn ra chữ 2 chữ Nôm [:ý] và [• :ý] (thanh phù gia) và đọc là “gia” (mỗi miệng cái gia gia). Chúng tôi đã tra cứu trong các bộ tự điển chữ Nôm loại lớn như Đại tự điển chữ Nôm (Vũ Văn Kính)(17), Tự điển chữ Nôm(18) (Nguyễn Quang Hồng), Tự điển chữ Nôm trích dẫn(19) (Viện Việt Học) thì thấy âm “gia” được viết bằng chữ Nôm như , • , * , ,s , Æ # , \$P , ỏ , 2œ-@\$Š " (thanh phù gia, già, da)... và âm “đa” được ký âm bằng đa " , " , * , [8Ø í] (thanh phù đa, đà). Riêng chữ ì , tự điển Nguyễn Quang Hồng

cho là có âm đa (trong cây đa) nhưng theo chúng tôi thanh phù gia phải đọc là “đa” mới đúng âm xưa. Thật ra xưa là cây “đa” (= cây đa) như tự vị của P. Béhaine (1772 - 73)(20), Huỳnh Tịnh Của(21) (1895 - 96) đã ghi nhận và viết Nôm là 𣎵 (đa), đến tự điển của Hội Khai Trí Tiến Đức(22) (1931) mới ghi nhận cây đa = cây đa. Như thế, cách đọc “đa đa” của Thanh Nghị và An Chi không xác đáng vì thiếu chứng cứ văn bản cũng như về phép đọc chữ Nôm, cho đến nay chưa phát hiện ra một dị bản nào chép chữ Nôm là 𣎵 hay [:ý] và dĩ nhiên như trên đã nói, [:ý], trong bản AB.383 (và các bản khác) không thể đọc ra “đa đa”.

III. “Gia gia” và tiếng kêu của chim giá cô (đa đa)

Tên gọi tiếng Việt của loài chim giá cô 𣎵 xuất hiện sớm nhất trong tự điển Việt - Bồ - La (1651)(23) của Đắc Lộ với tên gọi là chim “đa đa” và từ đó về sau hầu hết các tự điển, tự vị quốc ngữ đều chỉ ghi nhận “đa đa”. Về chữ Nôm của tên gọi loài chim “đa đa”, trong các văn bản Nôm như Tam thiên tự(24), Ngũ thiên tự (26), Tự Đức Thánh chế tự học giải nghĩa ca(27), Đại Nam quốc ngữ(28) và các tự vị, tự điển của P. Béhaine, Huỳnh Tịnh Của, J.F.M. Génibrel(29)... đều ký âm là 𣎵 𣎵, không có tự dạng nào khác nữa. Hiện vẫn chưa tìm ra tài liệu nào ghi nhận chim đa đa còn gọi là đa đa hay gia gia nhưng vì các tự vị, tự điển xưa không thể thu thập hết tiếng Việt nên không biết đến và rất có thể trong dân gian (ở địa phương nào đó) đã từng gọi tên như vậy? Tiếng Việt (hay trong phương ngữ miền Trung) từng có sự biến đổi qua lại giữa D và Đ như đao/dao; đĩa/đĩa; đa/đa... vậy khả năng đa đa có thể được nói là đa đa như cụ Nguyễn Văn Ngọc đã giảng? Nguyễn Ngọc San(30) giải thích về “gia gia”: “Đây là cách chơi chữ của tác giả. GIA GIA là đa đa, giống gà nhỏ sống ở ven rừng (...) Đa đa có thể biến âm thành DA DA, giống như các trường hợp sau:

Đình→Dùng

Đao→Dao

Độc (tâm)→Độc (lòng)

Đầy→Dây...

Giữa DA DA và GIA GIA không có gì khác nhau vì lúc này đã có sự xoá nhẵn giữa đối lập D > < GI. Phiên là DA DA hay GIA GIA là do người phiên âm, và cũng để phô tài chơi chữ của tác giả”.

Nếu dân gian gọi tên “đa đa” theo tiếng kêu của loài chim giá cô như: “Tiếc rỏ tép đa đa! Tiếc rỏ tép đa đa!” thì cũng có thể còn các tên gọi khác dựa vào những âm nhại dân gian từ tiếng kêu chim đa đa như “Bát cát quả cà”, “hành bát đắc dã ca ca” để gọi là “gô”, gà gô (nguyên âm a thành ô như nam/nôm, hạt/hột), “gô” gọi tắt từ “giá cô” như chim “quyên” gọi tắt từ “đỗ quyên”. Đặng Đức Siêu, Nguyễn Ngọc San trong Ngữ văn Hán Nôm (tập 2, Nxb. Giáo dục, 1988) lại nhìn nhận, giá - cô (là từ gốc phương Nam) của gà gô; vậy lẽ nào tiếng kêu “gia gia” như trong thơ Trần Danh Ấn đã từng viết “Giá cô minh gia gia” lại không được dùng để gọi tên: chim gia gia? Cụ Quách Tấn(31) đã cho biết thơ Tào cũng có “gia gia”: “Đỗ vũ than đầu minh quốc quốc, Giá cô giang thượng khiêu gia gia” (Cuộc cuộc đầu gềnh kêu quốc quốc, Đa đa bờ nước gọi gia gia), “Dạ thính đỗ quyên minh quốc quốc, Nhật văn cô điều hoán gia gia” (Cuộc kêu quốc quốc canh dài, Gia gia ngày những sứt sùi tiếng đa). Theo Nguyễn Đồng Chi(32) và Đỗ Đức Hiểu thì “gia gia” là tiếng kêu của chim giá cô như sau: “Bất thực túc Chu gia”, vì dựa theo điển tích Bá Di, Thúc Tề không chịu ăn cơm gạo nhà Chu, rồi bỏ lên núi và hai ông nhịn ăn rồi chết đói, lòng mãi u uất, “Oan hờn hai ông biến thành một con chim kêu ra rả: “Bất thực túc Chu gia... Bất thực túc Chu gia... Chu gia...gia, gia...” có nghĩa là “Không ăn lúa nhà Chu... Không ăn lúa nhà Chu...” và tiếng cuối cùng “gia gia” âm vang trong núi. Mọi người bảo đó là con chim đa đa còn đầy uất hận” (33). Chắc tiếng kêu này chỉ là theo khẩu ngữ tục truyền từ dân gian Trung Quốc thôi chứ trong thành ngữ Hán chỉ có: “Bất thực Chu túc Y8× Ø(–)”(34) liên quan đến điển tích này. Thông thường chim giá cô trong thư tịch Hán tục truyền có tiếng kêu là “hành bát đắc dã ca ca /œ Y “ “ * * ” (xíng bù dé yě gē gē) nhưng ít ai biết rằng vẫn còn có tiếng kêu khác nữa đó là: “Áo nào trạch gia } Ý ” (áo nào zé jiā), trong bài thơ Giá cô ;; của Vi Trang 8K,Á(đời Đường) có câu: “Áo nào trạch gia phi hữu hận } Ý 8 w ” và “Áo nào trạch gia” theo bộ Từ Nguyên (36) chính là tiếng kêu của chim giá cô. Nguyễn Văn San trong Đại Nam quốc ngữ (37) đã chú giải về chim đa đa (giá cô) như sau: “Chim đa đa, vua Nghệ Tông gọi nó là Hoài Nam, lại có tên Việt trĩ, nó thường kêu “áo nào trạch gia, “câu chu cách trách”, hành bát đắc dã ca ca”. Như thế, các âm “jiā”, “gia” và “gia gia”

cũng là một cách tượng thanh của tiếng kêu của chim đa đa chứ không nhất định chỉ là “gē gē”, “ca ca” hay “đa đa”. Nếu chưa tìm thấy tài liệu chữ quốc ngữ nào ghi nhận chim đa đa/gia gia cũng không thể khẳng định là không có vì chính tiếng kêu “jiā”, “gia” và “gia gia” và quan trọng hơn, đó là cách viết 𪛗, [:ý] trong văn bản chữ Nôm AB.383 đã là những bằng chứng chắc chắn cho tên gọi chim đa đa/gia gia. Trừ phi tìm ra được một văn bản chữ Nôm có niên đại sớm nhất, trước bản Nôm AB.383 khắc hay viết là 𪛗 hay [:ý 𪛗] mới có thể quả quyết Bà Huyện Thanh Quan dùng “cái đa đa” chứ không phải là đa đa/gia gia. Đây cũng là sự phủ định đối với ý kiến vô căn cứ của An Chi khi ông viết một cách võ đoán, trích thượng: “Gia gia” cũng đâu có phải là tiếng kêu của con đa đa! Đúng như thế và đây là một căn cứ tối quan trọng: Con đa đa đâu có kêu “gia gia” (...) Thế mà người ta đã chấp nhận nó một cách thụ động hàng trăm năm nay và còn hân hoan khen lấy khen để, hoàn toàn không biết rằng “cái gia gia” chỉ là một cấu trúc rỗng tuếch về ngữ nghĩa và sai bét về ngữ pháp. Khôi hài nhất là hàng trăm năm nay, từ cái cấu trúc dỏm đó, các “nhà có uy tín” kia đã suy ra được những cái ý dễ làm rung động lòng người về gia đình, đất nước”(36).

IV. “Gia gia” và nghệ thuật dùng chữ của Bà Huyện Thanh Quan

Với tình hình văn bản hiện nay như chúng tôi đã dẫn ra, cho phép ta tin rằng Bà Huyện Thanh Quan thực sự viết [:ý], (thanh phù gia) và sẽ có thể đọc là:

1/ DA DA: “Thương nhà mỗi miệng cái đa đa”. “Da da” có thể hiểu là biến âm của “đa đa” và câu trên “Nhớ nước đau lòng con quốc quốc” (quốc chứ không phải là quốc). Nhưng nếu chỉ có thế (da da chẳng qua chỉ là đa đa), 2 câu thơ sẽ trở nên rất bình thường và không có gì đáng tranh luận. Cho nên, ta có thể suy luận hợp lý: nhà thơ cố ý một cách khác thường để nhất định dùng “da da” mà không dùng “đa đa” như muốn người đọc phải liên tưởng đến một âm khác đó là:

2/ GIA GIA: “Thương nhà mỗi miệng cái gia gia”. Tại sao là “gia gia”? Đây chính là một vấn đề lý thú. Nhưng trước hết cần phải đặt dấu hỏi: Tại sao nhà thơ không dùng ĐA ĐA, một tên gọi quá quen thuộc, phổ biến toàn quốc ít nhất từ thế kỷ 17 cho đến ngày nay mà lại như cố ý dùng GIA GIA? Sao không có một bản Nôm

nào truyền lại viết là “ ” hay [:ý ”] [:ý ”] để đọc thành 2 câu thơ rất bình thường, dễ hiểu như: “Nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc. Thương nhà mỗi miệng cái đa đa”? và sẽ chẳng có gì đáng phải tranh cãi hay khen chê cho mất thời gian, tốn giấy mực cả. Đây là một phản đề rất quan trọng để đi đến khẳng định về từ ngữ “gia gia” là một cách chọn lọc chữ nghĩa rất tinh tế của nhà thơ. Bà Huyện Thanh Quan nếu viết [:ý], la có dụng tâm, dụng ý về tu từ, theo chúng tôi cảm nhận, nhà thơ đã chọn âm “gia gia”, vừa giống với “da da” - chim đa đa - (thật ra trong tiếng Việt ngày xưa, các phụ âm D và GI hòa lẫn, không phân biệt rõ như ngày nay) vừa liên tưởng đến tiếng kêu “gia gia” như vãn, thơ chữ Hán (Việt - Hoa) đã từng dùng và gợi đến ý niệm gia/nhà theo ý “thương nhà: mỗi miệng”. Không chỉ có thế, GIA GIA sẽ ứng đối với QUỐC QUỐC ở câu trên. “cuộc cuộc” là tên chim cuộc, nhưng ở đây dùng điệp tự cho ứng với con da da/gia gia như một bài thơ trong Hồng Đức Quốc Âm Thi Tập từng viết: “Đậu lá võ vàng con bướm bướm. Ấp cây gậy guộc cái ve ve”(37), con bướm/ bướm bướm, con ve/ve ve là bình thường trong tiếng Việt xưa nay. “Cuộc” đồng âm “quốc” nên sẽ là QUỐC vì QUỐC vừa giống với “cuộc” (chim) vừa liên tưởng đến tiếng kêu “cuộc cuộc/quốc quốc” như thơ chữ Hán (Việt - Hoa)(38) và sẽ gợi ý niệm quốc/nước theo ý “nhớ nước: đau lòng” ở đầu câu.

Đây chính là tài năng làm thơ độc đáo của Bà Huyện Thanh Quan. Khi đọc ngâm 2 câu thơ 5 và 6, tiếng Việt sẽ như sau:

“Nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc

Thương nhà mỗi miệng cái da da”

Nhưng ngẫm ra mới thấy thủ pháp chơi chữ tài

tình: cuộc/quốc và da/ gia và như vậy khi viết chữ Việt cần phải viết QUỐC và GIA nhằm thể hiện rõ phép tu từ của tác giả.

“Nhớ nước đau lòng con QUỐC QUỐC.

Thương nhà mỗi miệng cái GIA GIA”

V. Thay lời Kết

Qua những tìm hiểu và luận chứng ở trên, chúng tôi nhận thấy rằng cách đọc “gia gia” từ các bậc tiền bối là hoàn toàn hợp tình hợp lý vì văn bản chữ Hán, Nôm truyền lại cũng như các bằng chứng về ngữ âm lẫn tiếng kêu của chim đa đa đã chứng minh một

cách xác đáng. Sự cảm thụ cũng như nhận thức thấu đáo của tiền nhân về nghệ thuật dùng chữ của Bà Huyện Thanh Quan là đáng trân trọng. Chúng tôi muốn nhấn mạnh thêm một vài ý quan trọng như tái khẳng định quan điểm của các tiền bối: Nhà thơ nhất định không viết chữ Nôm là “ ” hay [:ý ”] [:ý ”] (không hề có dị bản viết “ ” hay [:ý ”]) nghĩa là từ chối âm đọc “đa đa” rất phổ biến trong tiếng Việt trước và ngay trong thời đại của mình nhưng đã chọn lựa tinh tế âm đọc “đa đa/gia gia” và viết chữ Nôm là [:ý], như muốn gợi ý cho người đọc liên tưởng ngay đến tiếng kêu “gia gia” của chim đa đa, hơn nữa, “gia” còn gợi ý niệm nhà và thể hiện sự ứng đối với “cuộc cuộc/quốc quốc” ở câu trên. Cho nên, cuối cùng, vẫn là CÁI GIA GIA, hiểu như một tên gọi khác của chim đa đa/ đa đa. Bằng chứng cho cách đọc GIA GIA chính là tiếng kêu “jiā”, “gia” và “gia gia” của chim giá cô trong thư tịch Hoa - Việt và cách viết “ ”, [:ý] trong văn bản chữ Nôm AB.383. Vậy thì, 2 câu thơ đặc sắc trong bài thơ Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan xưa nay vẫn là: “*Nhớ nước đau lòng con QUỐC QUỐC.*”

Thương nhà mỗi miếng cái GIA GIA”

Rất mong rằng, bài viết này sẽ đem lại sự yên tâm và vẻ đẹp của thi ca đến với các bạn yêu thích thơ, văn học Việt Nam và các thầy cô cùng các sinh viên, học sinh.

Đinh Văn Tuấn.

***Tham khảo luận bàn**

1. An Chi:

Cái “gia gia” chẳng là... cái Gì cả

(<http://vienngonnguhoc.gov.vn>). Vẫn cứ là cái đa đa (Tạp chí Đương Thời số 11/2009)(<http://tunguyenhoc.blogspot.com>). Không thể không là cái đa đa (<http://www.vanhoahoc.vn>). Không nên lẫn lộn các giống chim (<http://nhavantphcm.com.vn>).

2. Nguyễn Quảng Tuân, “Cuộc cuộc - đa đa” hay “Quốc quốc - gia gia” (<http://www.honvietquochoc.com.vn>).

3. Vương Trung Hiếu. Cái gia gia là ... cái nhà! (<http://www.vanhoahoc.vn>). Trao đổi về giống chim (<http://www.vanchuongviet.org>).

Lại bàn về giống chim (<http://www.vanchuongviet.org>).

Nam phong Tạp Chí số 5, 1917; số 7, 1918.

4. Trần Trung Viên, Văn đàn bảo giám, Nxb. Văn Học 2004.

5. Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, *Nam thi hợp tuyển*, Vĩnh Hưng Long Thư Quán, 1927, Xuất Bản Bốn Phương (Tái bản), 1952.
6. Georges Cordier, *Etude sur la littérature annamite*, Saigon 1933.
7. Ngô Tất Tố, *Thi văn bình chú*, Nxb. Văn Học, Trung tâm Văn hóa Đông tây (tái bản theo bản in lần đầu 1941). 2010.
8. Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Văn Học Sử yếu*, 1941, Chương thứ IV, Trung tâm Học Liệu Bộ Giáo Dục (in lần thứ 10), Sài Gòn, 1968.
9. Hạo Nhiên Nghiêm Toản, *Việt Nam Văn Học Sử Trích Yếu (tập 1)*. Nhà Sách Vĩnh Bảo Sài Gòn 1949
10. Lê Thần Trần Trọng Kim, *Việt Thi*, Nxb. Tân Việt. 1949.
11. Nguyễn Tường Phượng - Phan Văn Sách - Bùi Hữu Sung, *Việt văn diễn giảng hậu bán thế kỷ thứ XIX*, Tài Liệu Giáo Khoa, Hà Nội, 1953.
12. Thanh Nghị, *Việt Nam tân từ điển minh họa*, nhà sách Khai Trí. 1967.
13. Xem chú thích 1, An Chi.
14. Đỗ Thị Hảo (chủ biên), *Các nữ tác gia Hán Nôm Việt Nam*, Nxb. KHXH. 2010.
15. Maurice Durand, *Quốc văn tùng ký*, AB.383 (nguồn <http://findit.library.yale.edu>).
16. L.m An-tôn Trần Văn Kiệm, *Giúp đọc Nôm và Hán Việt*, Nxb Đà Nẵng & Hội Bảo tồn Di sản chữ Nôm Hoa Kỳ, Đà Nẵng. 2004.
17. Vũ Văn Kính, *Đại tự điển chữ Nôm*, NXB Văn Nghệ TP Sài Gòn 1999.
18. Nguyễn Quang Hồng (chủ biên), *Tự Điển Chữ Nôm*, Nxb. Giáo Dục 2006.
19. Nguyễn Hữu Vinh, Đặng Thế Kiệt, Nguyễn Doãn Vượng, Lê Văn Đăng, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Ngọc Bích, Trần Uyên Thi, *Tự điển chữ Nôm trích dẫn*, Viện Việt Học ấn hành, 2009.
20. P.J. Pigneaux, *Dictionarium Anamitico - Latinum*, (bản thảo viết tay) (1772 - 1773). Nguồn: bản pdf của NNT trong Diễn đàn VVH (viethoc.com).
21. Huỳnh Tịnh Paulus Của, *Đại Nam Quốc âm tự vị*, Tom I-II Sài Gòn 1895-1896, Nxb. Trẻ, tái bản 1998.
22. Hội Khai Trí Tiến Đức, *Việt Nam tự điển*, Hà Nội, 1931, Mặc Lâm tái bản, 1968.

23. Alexandro de Rhodes (1651), *Dictionarivm Annnamiticvm Lvsitanvm et Latinvm*, bản dịch tiếng Việt của Thanh Lăng, Hoàng Xuân Việt, Đỗ Quang Chính, Nxb. Khoa học Xã hội, 1991.
24. Tam thiên tự giải dịch quốc ngữ (ký hiệu R.1667), Liễu Văn Đường Tàng Bản, khắc in năm 1915, (Nomfoundation.org).
25. Nguyễn Bình, *Ngũ thiên tự dịch Quốc ngữ*, bản khắc in năm 1909, ký hiệu R.1554 (Nomfoundation.org)
26. Phan Đăng (dịch), *Thơ văn Tự Đức (tập 3)*, Nxb. Thuận Hóa, Huế. 1996.
27. Lã Minh Hằng (khảo, phiên, dịch chú), *Khảo sát từ điển song ngữ Hán -Việt, Đại Nam quốc ngữ* (Nguyên bản Nguyễn Văn san), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. 2013.
28. J.F.M Génibrel, *Dictionnaire Annamite - Français, Deuxième édition*, Tân Định, Saigon 1898, nguồn sách phổ biến từ books.google.com.
29. Nguyễn Ngọc San, *Thư bàn về vấn đề phiên Nôm, Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm.2004*, Thư viện Quốc gia Việt Nam - Hà Nội.
30. Quách Tấn, *Nét bút giai nhân*, Nxb. Phụ Nữ 1998.
31. Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Sự tích chim đa đa, Nxb. Giáo dục, Hà Nội 2000
32. Đỗ Đức Hiểu, Mai Thục, Nguyễn Văn Khoa, *Điện tích văn học: 100 truyện hay Đông Tây kim cổ*, Nxb. Khoa Học Xã Hội - Mũi Cà Mau, 1990.
33. *Hán Điện*, (nguồn <http://www.zdic.net>).
34. *Từ nguyên (tu đỉnh bản) Thương Vụ Ấn Thư Quán*, Bắc Kinh 1998.
35. Lã Minh Hằng (khảo, phiên, dịch chú), *Khảo sát từ điển song ngữ Hán -Việt, Đại Nam quốc ngữ* (Nguyên bản Nguyễn Văn san), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. 2013.
36. An Chi, *Không thể không là cái đa đa*, (nguồn: .van hoa hoc.).
37. Phạm Trọng Diễm, Bùi Văn Nguyên, *Hồng Đức quốc âm thi tập*, (in lần thứ hai có sửa chữa) Nxb. Văn học, Hà Nội., 1982.
38. Tiếng chim cuốc kêu “cuốc cuốc” đã xuất hiện trong bài thơ “Lại vịnh nắng mùa hè” trong *Hồng Đức quốc âm thi tập (sổ)*, ở câu: “Cuốc cuốc, cuốc hằng khua mõ cuốc”.

1 J X | Ç Q 7 K Í 7 K D Q K ' P ä Q J
7 U P ä Q J F Ü F ¯ Q K [P D

(Viết về ngôi trường Lý Thường Kiệt, Quang Trung, Hóc Môn).

Tôi sẽ trở về trường Lý Thường Kiệt,
Sau bao năm trời biệt cách xa,
Những nơi chốn, những con đường quen biết,
Bỗng thật gần như vừa mới hôm qua.

Con sông nào cũng là nơi bắt đầu,
Cho chúng ta tìm về bao kỷ niệm,
Tôi sẽ đứng bên này sông Chợ Cầu,
Soi lại bóng hình thời còn đi học.

Chợ Cầu nằm ở bên kia bờ sông,
Dưới dốc cầu, sự bán mua tấp nập,
Tôi qua Hội đồng xã Đông Hưng Tân,
Gặp ngã tư, bụi đường làm cay mắt.

Tôi lại đến một ngã tư đường nữa,
Là trạm “Trung tâm phát tuyến Quán Tre”,
Đường vào Quang Trung nắng vàng mấy độ?
Thuở học trò xuôi ngược những chuyến xe.

Những trại lính vẫn còn trong trí nhớ :
Bùi Như Luông, Võ Tánh, Vương Mộng Hồng,
Vườn Tao Ngộ, Trung Tâm 3 Nhập Ngũ,
Đời bẽ dâu. Họ gặp lại nhau không?

Vườn Cộng Hoà đi hoài không thấy mới,
(Lũ chúng tôi thường đến đó rong chơi)
Ngôi nhà thờ, trường Văn Hoá Quân Đội,
Năm cạnh trường Lý Thường Kiệt của tôi.

Cư Xá Đồng Đa, trại Châu Văn Tiếp,
Câu Lạc Bộ Sĩ Quan, gần gửi hàng ngày,
Trại gia binh Bạch Đằng, Trung Chánh,
Trường Hoàng Gia Huệ, trường Trung Mỹ Tây.

Vẫn những hình ảnh, những nơi chốn cũ,
Bạn bè tôi ngày ấy đã về đâu?
Tôi vẫn thấy cánh đồng mênh mông lúa,
Lòng rung rung khi ghé Ngã Ba Bầu.

Qua Trung Chánh tôi rẽ vào Bà Điểm,
Thăm vườn trầu nghiêng bóng nắng ban trưa,
Vườn Bưởi nhà ai trĩu cành trái chín?
Bâng khuâng tôi vịn cành lá đong đưa.

Xin chào Bà Điểm, chào Xứ Bùi Môn,
Chào những con đường tôi quên hay nhớ,
Chào Quốc Lộ Một, chào Cầu Tham Lương,
Chào Lý Thường Kiệt Hóc Môn, phố chợ.

Những nơi chốn của một thời đi học,
Quá thân quen như bóng mát sân trường,
Đến bây giờ vẫn còn trong ký ức,
Là một phần đời để nhớ để thương.

Nguyễn Thị Thanh Dương

Túy ký

/ - P Ø W S K ³ Q ö ả L ö Æ Q K æ ö Æ ʌ

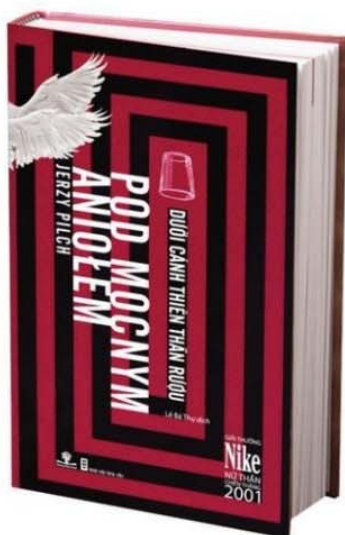
Là một mảnh nhục thân gởi lại
trên quê hương còm cõi đã xa
từ cái thuở vừa chớm yêu là đã
phải lên đường theo tiếng gọi sơn hà
những núi những sông, dòng đời xanh biếc
vẫn không phai trong trí nhớ đời thường.

Một thoáng quân trường, bao năm chiến trận
vẫn mơ làm Lý Thường Kiệt lên đường
ôi cái thuở
vang vang hào khí
chiếc khăn tay em tặng vẫn còn nguyên
dầu đã ngả màu vàng của đất
những đường chỉ thêu đứt đoạn rã rời
em nhớ trường xưa
anh thương đời lính
đã vượt qua nhiều nơi chốn vô danh
đã vượt qua bao dặm đường giông bão
và cuối cùng đã để lại ngậm ngùi
trên một phần thân thể hóa phân xanh
anh không phải anh hùng đâu em ạ!
mà chỉ là làm bọn phận người trai
thời loạn thế anh hùng thường mạt vận
khó làm nên lịch sử chỉ riêng mình.

Quay đi ngó lại
nghe bài thơ biên tái ngâm ngùi
nghe em nhắc trường xưa lớp cũ
nhớ quá đi thôi bạn mất bạn còn
nửa gánh lưu vong, nặng vai nhật nguyệt
tắm lòng son vẫn xao xuyến khôn nguôi
và nỗi nhớ rất riêng đã tặng
cho riêng em từ thuở khoác chinh y.

Những nhánh sông trôi
chia đời trăm hướng
biết hướng nào là chốn dung thân
mây bàng bạc trời mệnh mông
làm sao gặp cố nhân để nói
đến với nhau chia nốt cuộc đời.
tóc điểm sương pha
tình yêu xanh ngắt
vẫn còn nguyên trong nỗi nhớ thật thà.

Túy ký



“Dưới cánh Thiên thần Rượu” tiểu thuyết về những kẻ nghiện rượu

Nhân vật chính của tiểu thuyết là nhà văn Jurus nghiện rượu. Nhà văn "sâu rượu" này tổng cộng đã có tới mười tám lần đến cai tại Trung tâm cai nghiện.

Cứ sau mỗi lần ra viện Jurus lại tái nghiện, lại say xỉn, lại bất tỉnh, và khi tỉnh dậy lại thấy mình đang ở Trung tâm cai nghiện rượu. Đa số tình tiết của tiểu thuyết diễn ra tại Trung tâm - là nơi thu dung những bọm rượu, những sâu rượu "chiến tích đầy mình", nam có, nữ có. Họ là nhà văn, giáo sư, giáo viên, doanh nhân, cử nhân, sinh viên, lái xe, thợ cắt tóc... Tại đây ngoài việc sử dụng dược phẩm, người ta còn sử dụng các liệu pháp trị bệnh, trong đó trị liệu tâm lý có vai trò cực kỳ quan trọng. Các học viên - bệnh nhân cai nghiện hàng ngày có nhiệm vụ viết nhật ký cảm xúc, thực chất là những lời tự thú, tự phê về nghiện rượu, rồi đem đọc cho nhau nghe; phải lên lớp nghe

Tin Vaen163

giảng bài về tác hại của rượu, phải trả lời các bài trắc nghiệm, phải đối thoại trị liệu với các nữ nhân viên, phải tham gia các cuộc họp kiểm điểm công việc thường nhật, mỗi ngày, trước khi đi ngủ phải đo nồng độ cồn bằng cách thổi vào máy thử; tuyệt nhiên không được cất giấu, sử dụng bất kỳ thứ gì có liên quan đến rượu, cồn, dù đó là nước hoa, nước khử mùi. Cuộc "hành xác" hướng tới mục tiêu cai nghiện tại trung tâm này diễn ra vô cùng cam go, cực kỳ khốc liệt, nhưng kết quả thường chẳng mấy lạc quan, vì "ngựa theo đường cũ".

Là một nhà văn, có tài viết lách, Jurus được "các bạn chiến đấu" tại trung tâm quý mến, tin yêu và nhờ vả. Tại vì anh văn hay chữ tốt cho nên họ nhờ anh viết hộ các bài văn tự thú về nghiện rượu, để nộp, để đọc, theo yêu cầu của trung tâm. Jurus viết theo lời họ kể, hoặc phịa ra, nhưng phải là thứ văn thật bình dân, thêm mắm thêm muối vào cho nó thành bài văn tự thú thứ thiệt của học viên. Nhuận bút thường bằng hiện vật, như chuối, cam, sôcôla, thuốc lá, nước dừa hộp, đồ ăn, vài đồng zloty lẻ hoặc các thứ vật vãnh khác. Dầu sao Jurus cũng có đất dụng võ, tha hồ trổ tài văn chương, tuy nhuận bút chẳng bõ bèn gì. Ấy vậy mà cũng nảy sinh ổi chuyện rắc rối, chẳng hạn chuyện đạo văn gây thù oán lẫn nhau mà Jurus cảm thấy mình cũng mắc tội.

Gia đình Jurus là gia đình uống rượu truyền đời. Ông nội Stary Kubica, một điền chủ, khuynh gia bại sản vì nghiện rượu, phải bán con ngựa cái Fuchs yêu quý, thứ của nả có giá cuối cùng còn lại trong nhà. Jurus là con nghiện, nghiện nặng, rượu đã ngấm vào máu thịt, cho nên đối với nhà văn này, cai rượu hầu như là chuyện viển vông, vô vọng. Mười tám lần cai rượu bất thành tại trung tâm chứng tỏ điều này. Thường thì, sau khoảng sáu tuần điều trị Jurus được ra viện, và rồi anh lại hành động như mọi khi, lại đến quán rượu *Dưới cánh Thiên thần Rượu*, lại đi thang máy lên nhà mình trên tầng mười hai, lại ngạc nhiên, ngỡ ngàng, đứng lạng

người một hồi lâu ở ngưỡng cửa, khi thấy nhà cửa bản thủ, bề bộn, đồ đạc bừa bãi, lộn xộn, cứ ngỡ rằng có kẻ đã đến ở và phá phách nhà mình khi anh vắng nhà. Jurus không hề nghĩ ra, tất cả mọi thứ lộn tung phèo đó chính là hậu quả của say xỉn, của hôn mê, là do chính anh gây nên, trước khi anh lại được đưa đi cấp cứu và điều trị. Đã có lúc anh bi quan tính rằng, với lượng rượu khổng lồ mà anh đã đổ vào trong bụng mình trong vòng hai chục năm qua, thì chỉ còn thiếu năm chai rượu nữa thôi là đủ lượng độc tố để thần chết lôi anh về nơi chín suối, thậm chí không cần đến năm mà chỉ cần ba chai. Nhưng mỗi tình, được gọi là tình yêu cuối cùng trước khi nhắm mắt xuôi tay của anh, với nữ nhà thơ Alberta Lulai, người đàn bà mặc váy màu vàng, sau này là áo màu đen, đã cứu nhà văn thoát khỏi vũng bùn nghiện ngập. Sẽ không ngoa chút nào nếu nói, Alberta Lulai là bậc cứu tinh của Jurus. Nhờ có nàng mà Jurus đã tỉnh mộng, chọn đúng đường và làm được điều thoát tiên tưởng chừng không tưởng. Rốt cuộc anh có hầu như tất cả, cai được rượu, có tình yêu, có tác phẩm văn học và lại lạc quan, lại yêu đời.

Đây là một thiên tiểu thuyết viết khá chân thật, nhìn thẳng vào sự thật và rất thực tế, bất kể ngoa ngôn, bốc đồng và những lời mê sảng của nhân vật. Jerzy Pilch đã miêu tả một cách trung thành trên giấy những suy tư, trăn trở, những dằn vặt, đau khổ của người nghiện rượu và thế giới bé nhỏ của họ.

Người ta nói, trong tiểu thuyết *Dưới cánh Thiên thần Rượu*, tác giả là nhân vật chính, nhân vật chính là tác giả. Trong một cuộc trả lời phỏng vấn Jerzy Pilch nói rằng, ông chẳng xa lạ gì chuyện nghiện rượu. Phải chăng ông muốn viết tiểu thuyết thể loại tự sự (hay tự truyện), như là một liệu pháp cai nghiện cho bản thân mình? Khi bắt tay vào viết thiên tiểu thuyết này, Jerzy Pilch định xây dựng một "tác phẩm súng lục", một "tác phẩm tối hậu thư", cho nên ông mới tuyên bố: "tôi viết rồi tôi chết". Ấy vậy mà thiên

tiểu thuyết đã kết thúc rất có hậu, khiến người đọc lấy làm mừng, mừng cho nhân vật chính Jurus, mừng cho tác giả Jerzy Pilch. Kết thúc có hậu này cũng chính là nét riêng, là sự khác biệt giữa tiểu thuyết *Dưới cánh Thiên thần Rượu* và các cuốn tiểu thuyết khác viết về đề tài rượu, khi kết cục thường bi đát. Cho nên, tiểu thuyết *Dưới cánh Thiên thần Rượu* khiến người ta nghĩ tới một chức năng mới của văn học, chức năng chữa trị. Một câu hỏi được đặt ra: Phải chăng văn học là một liệu pháp? Hoặc: Phải chăng có Bộ môn tiểu thuyết trị liệu?

Rượu là một thức uống hết sức gần gũi và quen thuộc với nhiều người, nhất là nam giới - *Nam vô tửu như kỳ vô phong*. Nói rượu là niềm vui: - đúng, bảo rượu là nỗi buồn: - không sai. Rượu là niềm vui hay nỗi buồn, điều này hoàn toàn tùy thuộc vào mỗi người chúng ta. Tuy nhiên, nghiện rượu đang là vấn đề xã hội nhức nhối, bức xúc ngang với nạn nghiện ma túy, là nỗi khổ không riêng của một quốc gia nào. Cho nên, bằng việc xây dựng hẳn một thiên tiểu thuyết về uống rượu, nghiện rượu và cai rượu, Pilch đã nhằm trúng vấn đề nóng bỏng đang là mối quan tâm của mỗi nhà, mỗi cộng đồng, mỗi quốc gia và của toàn nhân loại.



Diễn viên đóng vai nhà văn Jurus và Bác sĩ Gradala trên sân khấu kịch

Bằng thủ pháp đồng hiện, hư hư thực thực, quá khứ và hiện tại đan xen như mắc cửi, lúc tỉnh, lúc say, lúc mê sảng, mộng mị và ảo giác, với ngòi bút điêu luyện và sắc sảo của mình, Pilch đã kể cho chúng ta nghe câu chuyện giàu tính nhân văn, về sự sống và cái chết mà chính nhà văn từng dần thân vào. *Giải thưởng Nike 2001 (Nữ thần Chiến thắng)* trị giá trên 30 nghìn USD, giải thưởng văn học hàng năm danh giá nhất Ba Lan mà nhà văn Jerzy Pilch được nhận, là phần thưởng cao quý, khẳng định giá trị của tác phẩm và tài năng của nhà văn. Năm 2003, *Dưới cánh Thiên thần Rượu* đã được Nhà hát Juliusz Slowacki ở thành phố Krakow đưa lên sân khấu. Tháng 4 năm nay 2014, *Dưới cánh Thiên thần Rượu* lại được Nhà hát Polonia ở thủ đô Warszawa dàn dựng, nữ nghệ sĩ Magda Umer đạo diễn, nghệ sĩ Zbigniew Zamachowski đóng vai Jurus - nhà văn nghiện rượu; nghệ sĩ Wiktor Zborowski đóng vai bác sĩ Granada và nữ diễn viên Zofia Zborowska (con gái riêng của nghệ sĩ Wiktor Zborowski) đóng vai người đàn bà mặc váy màu vàng Alberta Lulai - người yêu của Jurus. Trong những ngày tháng sáu này, khi thủ đô Warszawa hứng hực không khí Euro 2012, Nhà hát Polonia vẫn liên tục đổ đèn, đông khách, với hàng loạt buổi diễn vở kịch *Dưới cánh Thiên thần Rượu*.

Dưới cánh Thiên thần Rượu là tiểu thuyết đương đại của Ba Lan, viết về đề tài vốn rất gần gũi và quen thuộc đối với mỗi người chúng ta trong đời thường, nhưng lại chưa có mấy nhà văn bỏ công khai thác đến nơi đến chốn. Cuốn sách vừa được dịch và xuất bản tại Việt Nam.

Nguồn: EVan (Lê Bá Thự)



NGUYỄN THỊ VIỆT NGÀ

**Sự hiện diện của triết học và văn học hiện sinh
ở miền Nam 1954- 1975**

" < * - Š 1 ... Š < . . < < Š ~ . ~ £ . Š 1 ... Š < . . < < Š ... ×
• ž • % - ž ? f . : < ž . : . . f Š • W • £ { w • } { á - & ... „ < . - ž • - Š ,
- < , - - Š - > * - á - Š , ž ' < - Š - ! • ž = < • Š - - " ' • % ~ < . .
~ + - Š Ÿ • ' Š ! • ... ' • % @ : < " - f • Š D • % Š ž • Š - @ = • %
• Š Š @ ; • % • • > - • f • % ž < < ž . Š ' f • £ • 7 Š 1 ž . . . ' .
" < 2 • % á - " ' • % - x „ @ . 9 x ... Š D * % - ž • % - @ = ... % Š < • Š ! .
• Š Ø • % À - Š • ... Š * ä ; < ~ ! > á + < * f ... w • { w • } { Š . 1 . :
... × - < Š - Š • ò % • - > ... • Š 8 < - " ' • % ó • 7 - ... ž ... Š
„ # • %

1. Bối cảnh lịch sử xã hội, văn hóa của miền Nam 1954- 1975

1.1. Bối cảnh lịch sử, xã hội

Xã hội miền Nam 1954 - 1975 vô cùng rối ren về chính trị. Có sự giành giết gay gắt giữa ảnh hưởng mới của Mỹ với của thực dân Pháp. Tình hình chính trị xã hội luôn luôn bất ổn. Không khí căng thẳng bao trùm. Chính quyền vừa mua chuộc vừa dùng bạo lực đàn áp các thế lực trong các giáo phái, phe phái chống đối. Những mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền Sài Gòn ngấm ngấm phát triển. Những phong trào đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị nổ ra liên tiếp làm chế độ Ngô Đình Diệm ngày càng khủng hoảng sâu sắc. Chính quyền Sài Gòn lâm vào bị động, lúng túng. Các tướng lĩnh đứng ra vận động, bàn mưu kế lật đổ anh em Diệm, Nhu. Mỹ ủng hộ nhóm tướng lĩnh do Dương Văn Minh cầm đầu đảo chính lật đổ chế độ, giết chết anh em Ngô Đình Diệm (1/1963). Sau đó nhiều cuộc đảo chính khác liên tiếp xảy ra. Sự bất ổn về chính trị kéo theo sự bất ổn về nhiều mặt trong cuộc sống.

Bên cạnh sự rối ren về chính trị là tình hình chiến tranh ngày càng khốc liệt hơn. Mỹ ồ ạt cho đổ quân vào miền Nam. Không khí đàn áp, khủng bố bao trùm.

Trong bối cảnh phức tạp ấy, tâm trạng chung của con người là căng thẳng, lo âu, luôn cảm thấy bất an. Nhiều cuộc đấu tranh đòi tự do, dân chủ, dân sinh, dân quyền, đấu tranh bảo vệ văn hóa dân tộc, chống sự xâm lăng của văn hóa nước ngoài, đòi Mỹ rút quân khỏi miền Nam Việt Nam... liên tiếp nổ ra.

1.2 . Bối cảnh văn hoá

Cùng với sự đổ quân ồ ạt của Mỹ vào miền Nam là những tư tưởng văn hóa phương Tây, văn hóa Mỹ, lối sống Tây - Mỹ cũng được du nhập nhanh chóng, tác động rõ rệt đến đời sống tư tưởng, văn học ở miền Nam 1954 - 1975. Xã hội miền Nam giai đoạn 1954- 1975 pha trộn nhiều nền văn hoá, cả phương Đông lẫn phương Tây, nhưng rõ rệt nhất, đậm nhất là văn hoá phương Tây và văn hoá Mỹ. Nhiều trường phái triết học, mỹ học, lý luận phê bình văn học cùng tràn vào miền Nam, cùng tồn tại, tạo nên một diện mạo văn hoá hết sức đa dạng, đời sống văn hoá vô cùng sôi động.

Về xuất bản: đây là thời kỳ "trăm hoa đua nở" của các nhà xuất bản. Theo thống kê của Võ Phiến trong cuốn "Văn học miền Nam" thì riêng ở đô thành Sài Gòn thời kỳ này đã có cả nghìn nhà in, 150 nhà xuất bản. Việc phổ biến tác phẩm văn học nghệ thuật trở nên vô cùng thuận lợi. Đời sống văn học sôi động, nhu cầu thưởng thức văn học rất lớn. Có những tác phẩm, chỉ trong vòng mấy năm đã được in đến 9 lần, với số lượng hơn 100.000 bản mà vẫn không đủ cho nhu cầu bạn đọc như tiểu thuyết "Bên dòng sông Trẹm" của Dương Hà (bản in lần thứ 9 xuất bản năm 1971). Các tác phẩm văn học được xuất bản, bên cạnh những sáng tác của các tác giả đương thời có một khối lượng lớn tác phẩm của các tác giả đông, tây, kim cổ được giới thiệu, từ các nhà thơ cổ điển Việt Nam như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương đến các tác giả tiền chiến miền Bắc như Xuân Diệu, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan... Từ các tác phẩm văn học cổ điển Trung Quốc đến tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung... Từ văn học Nga đến văn học Mỹ, Pháp, Anh...

Bên cạnh việc xuất bản sách, báo chí cũng "nở rộ" không kém. Theo thống kê của Đoàn Thêm, ngay năm 1959 đã "có 15 tuần báo, 31 nguyệt san và bán nguyệt san, 32 đặc san xuất bản khá đều trong thực tế, hàng tuần hay hàng tháng, tổng cộng 78 tạp chí Việt ngữ" [34]. Đội ngũ báo chí hùng hậu ấy đã đóng góp khá đáng kể cho sự phát triển đa dạng của văn hóa, văn nghệ....

Trong lĩnh vực triết học: nhiều nền triết học, trào lưu, trường phái được giới thiệu, từ triết học phương Đông đến triết học phương Tây, từ triết học cổ điển đến triết học hiện đại thế kỷ XX...vv. Tuy nhiên, triết học phương tây hiện đại, đặc biệt là triết học hiện sinh được quan tâm và ưa chuộng nhất.

Về lý luận phê bình văn học: có nhiều trường phái LLPB phương Tây được giới thiệu như chủ nghĩa hiện sinh, phân tâm học, mỹ học tiếp nhận, cấu trúc luận, hiện tượng luận... Có sự tồn tại song song nhiều khuynh hướng LLPB: LLPB chịu ảnh hưởng phương Tây, LLPB chịu ảnh hưởng quan điểm Mác - Lênin, LLPB chịu ảnh hưởng tư tưởng tôn giáo... Sinh hoạt văn hoá vô cùng sôi động. Nhiều cuộc tranh luận, hội thảo, thảo luận về các vấn đề văn hoá được mở ra trên báo chí, được tổ chức trong các trường đại học, các tổ chức văn hoá xã hội... Những cuộc triển lãm sách báo, văn chương, hội họa, nhiếp ảnh... được tổ chức đều đặn, trong đó có triển lãm sách do các tổ chức trong nước tiến hành, có cả những triển lãm sách do các tổ chức nước ngoài đảm nhiệm.

Dịch thuật cũng phát triển rất mạnh mẽ trong giai đoạn này. Ngay từ năm 1957, Nguyễn Hiến Lê đã xác định "Dịch văn ngoại quốc là một việc vô cùng bổ ích. Ta có thể nhờ nó mà kiếm được cách áp dụng văn phạm của người một cách thông minh, khéo léo vào văn phạm của ta mà làm cho Việt ngữ phong phú thêm, tế nhị thêm (...). Dịch văn ngoại quốc là một cách luyện văn rất có hiệu quả: nó tập cho ta tìm tòi, cân nhắc từng chữ để diễn đúng ý của tác giả; nó lại cho ta cơ hội học được bút pháp của các văn hào trên thế giới" [12]. Nhận thức được tầm quan trọng của việc dịch sách, Nguyễn Hiến Lê còn đề nghị xây dựng chương trình dịch sách ngoại quốc một cách bài bản, công phu để có thể giới thiệu được những kiệt tác thế giới cho độc giả trong nước. [13]. Tác phẩm dịch không chỉ gói gọn trong những cuốn được xuất bản, mà còn một phần sôi động hơn rất nhiều nằm trên các báo, tạp chí. Hầu như tờ tạp chí nào cũng giới thiệu tác phẩm dịch, gồm cả truyện, thơ, kịch, những bài nghiên cứu, trao đổi, phỏng vấn các tác giả nước ngoài, triết học, lý luận, phê bình văn học...vv. Những tác giả nổi tiếng trên thế giới được lần lượt giới thiệu khiến đời sống văn học thêm phần phong phú. Sang giai đoạn 1961 - 1975, sách dịch phát triển rất mạnh, đặc biệt là sách triết học và tiểu thuyết. Nhiều tác phẩm, công trình đồ sộ được dịch sang tiếng Việt. "Thị phần sách dịch theo Võ Phiến đã có một thời vào năm 1970 chiếm đến 60% và đến năm 1972 đã lên đến 80% toàn bộ đầu sách xuất bản ở miền Nam. Theo kết quả điều tra tiến hành vào tháng 7/1976, số sách dịch của miền Nam trong 20 năm bao gồm: Đức 57 đầu sách, Ý 58, Nhật 71, Anh 97, Mỹ 273, Pháp 499, Đài Loan và Hương Cảng 358, Nga 120, còn lại những nước khác

381" [17]. Những tác giả được dịch nhiều nhất là J.P. Sartre, A. Camus, F. Sagan, P. Buck, St Exupery, E. Hemingway, Hermann Hesse, Kim Dung, Quỳnh Giao... Các dịch giả quen thuộc với bạn đọc trên các báo và tạp chí là Cô Liêu, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Châu, Vũ Anh Tuấn, Vi Huyền Đắc, Quốc Dũng, Vũ Ký, Đặng Trần Huân, Phong Nhã, Hà Hữu Nguyên, Nguyễn Minh Hoàng, Trần Phong, Lương Ngọc, Nguyễn Văn Trung, Trần Hương Tử (bút danh của Trần Thái Đình)... Với sách dịch, những dịch giả quen thuộc là: Bùi Giáng, Phùng Thăng, Trần Phong Giao, Hoàng Thiện Nguyễn, Mai Vi Phúc, Phạm Bích Thủy, Trần Thiện Đạo, Võ Văn Dung, Lê Thanh Hoàng, Thụ Nhân, Nguyễn Hữu Hiệu, Bửu Nghi, Từ An Tùng, Từ Huệ, Trần Công Tiến, Phạm Công Thiện, Trần Thái Đình...vv

Bên cạnh đó, các văn nhóm xuất hiện nhiều. Có thể kể đến nhóm người Việt (sau là Sáng Tạo), nhóm Quan Điểm, nhóm Văn Hóa Ngày Nay, nhóm Nhân Loại, nhóm Khởi Hành, nhóm Thời Tập, nhóm Tuổi Ngọc, nhóm Văn... Mỗi nhóm lại có riêng một tờ báo, tạp chí và thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động văn học nghệ thuật như hội thảo, diễn thuyết, triển lãm...

Trong bối cảnh văn hoá đa dạng và sôi động ấy, nổi bật lên sự ảnh hưởng của văn hoá phương Tây và văn hoá Mỹ vào xã hội đô thị miền Nam, đặc biệt là ảnh hưởng của triết học hiện sinh trên tất cả mọi mặt của đời sống, từ lối sống đến học thuật, từ sáng tác đến lý luận phê bình...

2. Triết học hiện sinh ở miền Nam 1954 - 1975

Triết học hiện sinh du nhập vào miền Nam khá sớm. Ngay từ những năm 1955, khi triết học hiện sinh ra đời trên quê hương nó mới được vài thập kỷ thì ở miền Nam, trào lưu triết học mới mẻ này đã bắt đầu được giới thiệu. Nhìn tổng thể, có thể tạm thời phân chia làm 2 giai đoạn hiện diện của triết học hiện sinh ở miền Nam 1954 - 1975.

- *Giai đoạn 1954- 1960*: Từ năm 1955, chủ nghĩa hiện sinh đã có mặt ở miền Nam, trong chương trình hệ thống giáo dục tiếng Pháp, tiếng Việt ở bộ môn Siêu hình học, Đạo đức học, trong các trường đại học: Văn khoa Sài Gòn, Văn khoa Huế, Đại học Vạn Hạnh, Đại học Đà Lạt... Trong giai đoạn này, đã có nhiều học viên cao học, nghiên cứu sinh chọn chủ nghĩa hiện sinh làm đề tài nghiên cứu. Nhiều tổ chức văn hoá xã hội đã tổ chức diễn thuyết về chủ nghĩa hiện sinh như Viện Văn hoá Pháp, Hội Thân hữu

Văn khoa, Cơ sở Văn hoá Á Châu... Triết học hiện sinh dần dần trở thành trào lưu tư tưởng có sức hấp dẫn, lôi cuốn với đông đảo trí thức, thanh niên. Tuy nhiên, giai đoạn đầu tiên này, triết học hiện sinh vẫn khiêm tốn hiện diện trong các nhà trường là chủ yếu. Hệ tư tưởng chính thống bao trùm miền Nam giai đoạn này là chủ nghĩa duy linh nhân vị của Ngô Đình Diệm. Có rải rác một số bài viết về hiện sinh trên sách báo như "Văn chương và siêu hình học" của Nguyễn Văn Trung [37]; "Nhận định đại cương về triết học hiện hữu" của Nguyễn Sa [26] ; "Phật giáo và chủ nghĩa hiện sinh J.P. Sartre" [18] và "Khái niệm về chủ nghĩa hiện sinh" của Quang Minh [19]; "Trình bày và phê bình hai quan điểm nổi loạn của Camus" của Thạch Chương [5]; "Vị trí của trào lưu hiện sinh trong lịch sử triết lý" của Trần Văn Toàn [31]; "Albert Camus và triết lý chống đối" [15; và "Lập trường văn nghệ của Albert Camus" [16] của Cô Liêu; Nietzsche (1844 – 1940) con người siêu việt của Nguyễn Anh Linh [14] ... Tuy các bài viết về triết học hiện sinh mới xuất hiện ở mức độ "khiêm tốn" ban đầu trên báo chí, nhưng cũng đã cung cấp cho bạn đọc những vấn đề cơ bản nhất của triết lý này. Triết học hiện sinh đã được giới thiệu từ khái quát cho đến những tác giả cụ thể, đề chỉ trong một thời gian ngắn, người đọc đã không còn ngỡ ngàng, xa lạ với nó nữa. Hơn nữa, thái độ của các tác giả trong những bài viết trên tỏ ra rất tán đồng những quan điểm của triết học hiện sinh. Họ coi đây là một triết lý mới mẻ, cần cổ vũ bởi nó bênh vực con người, thông cảm với những nỗi đau khổ của con người trần thế và cổ vũ con người không ngừng tiến lên để thực hiện sứ mệnh cao cả của mình. Trong bài viết "Lập trường văn nghệ của Albert Camus", tác giả Cô Liêu chỉ rõ "Camus lấy văn nghệ làm phương tiện diễn đạt tư tưởng triết lý. Đối với ông, nghệ sĩ phải phủ nhận đời vô lý đồng thời lãnh lấy trách nhiệm nâng đời sống lên một trình độ cao hơn". Tác giả cũng khẳng định rằng triết lý hiện sinh của Camus được thể hiện trong văn chương khi được phổ biến rộng rãi sẽ có tác dụng lớn đối với các nhà văn trong nước: "Những nguyên tắc trên đây có thể gợi cho ta nhiều ý tứ về sự sáng tác văn nghệ như đối với các vấn đề văn nghệ gia nhập và vô gia nhập, thế nào là yếu tố xây dựng trong văn nghệ, thế nào là nhân chứng của thời đại, thế nào là một tác phẩm hay" [16]. Triết lý hiện sinh ấy được Cô Liêu khai thác khá sâu và đề cao, coi triết lý ấy là "một phương pháp

thức tỉnh lương tâm để tạo lập những giá trị mới cho đời sống" [15].

- *Giai đoạn 1961 - 1975*: Đến khi chủ nghĩa hiện sinh được giới thiệu nhiều trên sách báo thì ảnh hưởng của nó thực sự sâu rộng và mạnh mẽ. Sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm cùng hệ tư tưởng của nó, sự ngột ngạt, bế tắc đến cùng quần trong cuộc sống người dân, sự khốc liệt của chiến tranh... khiến chủ nghĩa hiện sinh có điều kiện bám rễ sâu hơn, phát triển mạnh mẽ hơn trong xã hội. Hơn nữa, khi chủ nghĩa duy linh nhân vị không còn vị trí vững chắc trong đời sống tinh thần xã hội thì chính quyền Sài Gòn đã nhắm đến chủ nghĩa hiện sinh, coi đó là thứ công cụ tư tưởng mới để thực hiện việc xây dựng nền văn hóa kiểu mới. Từ 1961 trở đi, triết học hiện sinh được giới thiệu một cách rộng rãi và có hệ thống trên báo chí. Nhiều tác phẩm, công trình về triết học hiện sinh được xuất bản, làm sôi động, phong phú đời sống văn hoá. Từ tháng 1/1961 đến tháng 11/ 1962, tạp chí Bách Khoa đăng tải loạt bài giới thiệu về chủ nghĩa hiện sinh của tác giả Trần Hương Tử (bút danh của Trần Thái Đình). Với văn phong khúc chiết, cách trình bày giản dị, dễ hiểu, những bài viết ấy nhanh chóng đi sâu vào lòng đông đảo bạn đọc. Trần Hương Tử lần lượt giới thiệu từ khái quát về triết học hiện sinh đến những triết gia tiêu biểu. Ở mỗi triết gia, tác giả cố gắng nêu được những vấn đề nổi bật nhất như: *Kierkegaard*-, ông tổ hiện sinh trung thực; *Nietzsche*, ông tổ hiện sinh vô thần; *Jaspers*, hiện sinh và siêu việt... Tác giả đã nhấn mạnh về sự khác biệt lớn giữa hai ngành hiện sinh hữu thần và vô thần, giữa các triết gia hiện sinh. Loạt bài viết này thể hiện sự nghiên cứu rất công phu, nghiêm túc. Năm 1967, loạt bài này được in thành cuốn "Triết học hiện sinh". Tiếp sau đó, nhiều bài báo, nhiều công trình về triết học hiện sinh liên tiếp được giới thiệu, xuất bản. Nhiều bài báo sau này được tập hợp in thành sách. Hầu hết các tác giả triết học hiện sinh tiêu biểu như Kierkegaard, Heidegger, Nietzsche, Sartre... đều lần lượt được giới thiệu.

Không chỉ đơn thuần giới thiệu nội dung chính của triết học hiện sinh hay tinh thần chung của mỗi triết gia mà triết học hiện sinh còn được nghiên cứu sâu, soi chiếu dưới nhiều lăng kính, đối chiếu với các tư tưởng triết học khác để tìm ra sự độc đáo hay những nét tương đồng, đặc biệt triết học hiện sinh hay được các tác giả đặt trong cái nhìn đối sánh với tư tưởng Phật giáo. (Điều này cũng

có nguyên do, trước khi triết học hiện sinh cắm rễ sâu trong lòng xã hội đô thị miền Nam thì đạo Phật đã có ảnh hưởng rất rộng rãi tại đây). Người ta nhận thấy tư tưởng của Phật giáo và tư tưởng hiện sinh có nhiều nét gần gũi nhau, như quan niệm về cuộc đời bẽ khổ, thân phận con người bé nhỏ, bơ vơ... Những bài viết nhìn triết học hiện sinh trong cái nhìn đối sánh với Phật giáo có thể kể đến: "*Vào đạo Phật qua lối ngẫm của J.P. Sartre*" của Thích Đức Nhuận [20]; "*Nietzsche và Mật Tông*" của Ngô Trọng Anh [4]; "*Đức Phật và Nietzsche*" [7]; và "*Trầm tư về cái chết trong tư tưởng Heidegger và Phật giáo*" của Chơn Hạnh [8]... Những vấn đề của triết học hiện sinh được lật đi lật lại, soi chiếu từ triết gia này sang triết gia khác, như: "*Thời gian qua Kant, Hegel và Husserl*" của Ngô Trọng Anh [3]; "*Từ dự phóng triết học Husserl đến dự phóng triết học Heidegger*" của Trần Công Tiến [30]..

Nếu như giai đoạn trước, triết học hiện sinh mới chỉ được giới thiệu qua các bài báo thì đến giai đoạn này có nhiều công trình "dài hơi" nghiên cứu về nó, tiêu biểu như: Lê Tôn Nghiêm với các cuốn *Heidegger trước sự phá sản của tư tưởng Tây phương* [22]; *Đâu là căn nguyên tư tưởng hay con đường triết lý từ Kant đến Heidegger* [21]; *Những vấn đề triết học hiện đại* [23]; Lê Thành Trị với chuyên khảo *Hiện tượng luận về hiện sinh* [36], *Triết học tổng quát* [38]; Nghiêm Xuân Hồng với *Nguyên tử, hiện sinh và hư vô* [10], Bùi Giáng với *Tư tưởng hiện đại* [9] ... Rồi các nhà nghiên cứu Tam Ích, Vũ Đình Lưu, Thế Phong, Nguyễn Trọng văn, Đặng Phùng Quân, Huỳnh Phan Anh, Trần Xuân Kiêm, Trần Công Tiến, Nguyễn Quốc Trụ... cũng đóng góp nhiều công trình, bài viết về triết học hiện sinh, khiến cho triết học hiện sinh trở thành trào lưu tư tưởng được quan tâm nhất trong giai đoạn này.

Thái độ của các nhà nghiên cứu trước triết học hiện sinh là sự cổ vũ, trân trọng, đồng tình và cả những cố gắng để "minh oan" cho nó, khi trong xã hội, nhiều người lên án hiện sinh bởi phần "bọt bèo" của nó. Trong "Lời nói đầu" của cuốn "Triết học hiện sinh" xuất bản năm 1967, Trần Thái Đình đã chỉ ra hai thái độ đối với triết học hiện sinh: "Giới bảo thủ không biết rõ bộ mặt triết học hiện sinh ra sao, nhưng nôm nớp coi nó như một thứ dịch tả, một thứ vi trùng gieo rắc nông cuồng và phá phách. Giới thanh thiếu niên phần nhiều cũng chưa hiểu thế nào là triết học hiện sinh, nhưng hăng nồng chào đón nó như một tin vui đang về, một tin còn hoang

mang mơ hồ, nhưng chính vì thế mà dễ làm thỏa mãn ước mơ của họ" [6,10]. Quan điểm của Trần Thái Định là: "Triết học hiện sinh có thể nguy hiểm và xấu nữa. Nhưng nguy hiểm ở chỗ nào và xấu ở chỗ nào? Bao lâu chúng ta chưa nói một cách đứng đắn và đích xác, thanh thiếu niên vẫn chưa nghe lời chúng ta, và mỗi nguy hiểm vẫn cứ còn mãi. (...) thuyết hiện sinh có chứa đựng rất nhiều mầm mống tốt trộn lẫn với mầm mống xấu: chính vì những vẻ tốt đẹp kia đã quyến rũ thanh thiếu niên, nhưng vì họ chưa đủ tinh tường để phân biệt, cho nên họ nuốt luôn cả những chất độc pha trộn nơi đó" [6,15- 16]. Bởi vậy, Trần Thái Định chủ trương "phân biệt rõ ràng" trong mọi sự khen chê, để triết học hiện sinh được hiểu đúng, đánh giá đúng. Trong "Lời nói đầu" của cuốn "Hiện tượng luận về hiện sinh", tác giả Lê Thành Trị cũng bày tỏ ý kiến tương tự: "Không riêng gì ở Việt Nam mà hầu như khắp nơi trên thế giới hai chữ hiện sinh thường được hiểu như là một lối sống kỳ dị, đam mê, buông trôi, thác loạn, bất chấp dư luận và đạo đức (...) Và dưới những bộ mặt ấy hiện sinh đang bị Đạo đức và Truyền thống dân tộc ngó nhìn với những cặp mắt nghi ngờ, khinh miệt (...) Nhưng nếu hiện sinh chỉ có thể thôi thì dư luận quả đã không mấy bất công đối với những tên tuổi đã trực tiếp hay gián tiếp khai sinh ra phong trào hiện sinh và chúng tôi cũng đã không mấy được khuyến khích cố gắng để có thể gửi đến quý liệt vị cuốn lược khảo này". Ông đánh giá triết học hiện sinh là "triết lý của những cá nhân lỗi lạc ở thế kỷ hai mươi" [36,6] và bày tỏ "Viết cuốn sách này chúng tôi không có hoài vọng nào khác hơn là giúp một số người muốn tìm hiểu ý nghĩa đích thực của triết thuyết hiện sinh". [36,6]

Bên cạnh đó, nhiều tác phẩm của các triết gia hiện sinh được dịch và giới thiệu rộng rãi như Heidegger với các tác phẩm: *Siêu hình học là gì* [59]; *Triết lý là gì* [60]; *Hữu thể và thời gian* [58]; *Về thể tính của chân lý* [57]; *Thư về nhân bản chủ nghĩa* [61]; A. Camus với *Con người phản kháng* [55]; *Sương tỳ hải* [45]; *Bạo chúa Caligula* [54]; *Bề trái và bề mặt* [46]; *Dịch hạch* [48]; *Giao cảm* [47]; *Sa đọa* [49]; *Ngộ nhận* [50]; *Sứ mệnh văn nghệ hiện đại* [53]; J.P. Sartre với: *Buồn nôn* [71]; *Bức tường* [70]; *Sự đã rồi* [67]; *Những bàn tay bẩn* [66]; Schopenhauer với *Siêu hình tình yêu, siêu hình sự chết* [72]... Những tác phẩm ấy được dịch và xuất bản rộng rãi đã đưa triết học hiện sinh đến với

công chúng độc giả đô thị miền Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu, tìm hiểu về triết học hiện sinh.

Những công trình nghiên cứu về triết học hiện sinh của các tác giả nước ngoài cũng được xuất bản, giới thiệu rộng rãi như: *Chủ nghĩa hiện sinh* của Foulquie (Thụ Nhân biên soạn, Nhị Nùng xuất bản, SG, 1965), *Các trào lưu lớn của tư tưởng hiện đại* của Môroa Ăngđrê (Tràng Thiện dịch, Thời Mới xb, SG, 1964), *Những chủ đề triết học hiện sinh của Mounier* (Thụ Nhân dịch, Nhị Nùng xb, SG, 1970)...v v

Từ 1960 trở đi, chủ nghĩa hiện sinh là trào lưu triết học được nhắc tới nhiều nhất, có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong xã hội. Tuy nhiên, có sự đa dạng trong cách tiếp nhận, đánh giá và lý giải chủ nghĩa hiện sinh thời kỳ này. Có những người ủng hộ hiện sinh hữu thần, nhưng lại có người theo hiện sinh vô thần. Cùng trong hiện sinh vô thần, có người thích Sartre, người lại say mê Camus. Người đề cao khía cạnh này, người chú trọng khía cạnh kia của chủ nghĩa hiện sinh... Điều đó không có gì lạ lùng, bởi bản thân chủ nghĩa hiện sinh cũng đã "có ba bề bốn mặt hiện sinh"[6,65]. Ngay Trần Thái Đình, một trong những tác giả đầu tiên dành nhiều thời gian, tâm huyết để nghiên cứu, giới thiệu triết học hiện sinh cũng thừa nhận sự nhìn nhận của mình đối với các triết gia hiện sinh đôi khi vẫn còn lầm lẫn. Khi tập hợp những bài báo về triết học hiện sinh in thành sách, ông đã thừa nhận sự thiếu sót của mình khi đánh giá triết gia Heidegger: "Hôm nay, xem lại các bài đó để in thành sách, tôi cảm thấy đã quá thiếu sót đối với triết Heidegger. Thú thật hồi đó tôi còn chịu ảnh hưởng một số giáo sư của tôi ở Ba Lê, nhất là R.Verneaux: các ngài gọi triết Heidegger có khuynh hướng vô thần và tiêu cực. (...) Riêng tôi rất tiếc đã chỉ dành cho triết Heidegger một chỗ quá hẹp hòi trong khuôn khổ những bài này. Giá có thể viết lại những phần này, chắc tôi phải dành phần xứng đáng nhất cho Heidegger"[6,12-13]. Sự lật đi lật lại vấn đề này chứng tỏ rằng triết học hiện sinh được nghiên cứu hết sức tỉ mỉ, công phu và nghiêm túc.

Chủ nghĩa hiện sinh ảnh hưởng lớn lao đến mọi mặt đời sống xã hội: lý thuyết triết học và văn học; sáng tác văn học; thái độ sống của con người ... Đặc biệt là trong sáng tác văn học, ảnh hưởng của triết học hiện sinh rõ hơn bao giờ hết. Trong sự ảnh hưởng đó, kể cả trên lĩnh vực đời sống xã hội lẫn sáng tác văn học nghệ thuật, có những ảnh hưởng tích cực và có không ít ảnh hưởng

tiêu cực. Thậm chí, có những lúc, có những tác giả, sự ảnh hưởng tiêu cực lại là chủ yếu. Trong nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật, ảnh hưởng tiêu cực của triết học hiện sinh, kết hợp với ảnh hưởng mặt trái của phân tâm học khiến cho nhiều lúc sự nhìn nhận về văn học miền Nam 1954 - 1975 không tránh khỏi những thành kiến nhất định.

3. Văn học hiện sinh ở miền Nam 1954 - 1975

Cùng với triết học hiện sinh, văn học hiện sinh cũng được giới thiệu khá nhiều ở miền Nam 1954 - 1975 và có ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống văn học giai đoạn này. Có thể nói, sự du nhập của văn học hiện sinh vào miền Nam song song với triết học hiện sinh. Ngay từ những năm 1955 - 1960, cùng với việc các triết gia hiện sinh tiêu biểu được giới thiệu trên báo chí thì những tác phẩm văn học chuyển tải tư tưởng triết học của họ cũng xuất hiện tại miền Nam (phần lớn các triết gia hiện sinh tiêu biểu đều là những nhà văn xuất sắc). Thời gian đầu, các tác phẩm văn học hiện sinh chủ yếu được giới thiệu trên báo, tạp chí, và thể loại truyện ngắn được "ưu tiên" hơn cả, do dung lượng phù hợp với khuôn khổ báo chí. Đây cũng là bước "dọn đường" ban đầu, bước "thăm dò" bạn đọc để rồi sau văn học hiện sinh có chỗ đứng khá chắc chắn trong đời sống văn học miền Nam.

Sang giai đoạn 1961 - 1975, các tác phẩm văn học hiện sinh "dài hơi" hơn được dịch và xuất bản. Nhiều bài viết giới thiệu khái quát về sự nghiệp sáng tác của các nhà văn hiện sinh được đăng tải trên báo chí. Tập san Văn ra những số chuyên đề về những nhà văn hiện sinh: tập san 2 (ngày 15/1/1964) là số đặc biệt về A. Camus; tập san 17 (ngày 1/9/1964) là số đặc biệt về J.P. Sartre; tập san 19 (1/10/1964) là số đặc biệt về A. Maurois; tập san 20 (15/10/1964) là số đặc biệt về A. Malraux...v v. Những số đặc biệt ấy bao giờ cũng dành 2/3 số trang để nói về các tác giả hiện sinh được giới thiệu, từ tiểu sử, văn chương đến các tác phẩm dịch sang tiếng Việt... giúp người đọc có cái nhìn sâu sắc và đầy đủ về văn nghiệp của họ. Nếu các tạp chí: Sáng Tạo, Bách Khoa, Đại Học Huế có công giới thiệu triết học hiện sinh sớm nhất, nhiều nhất thì tập san Văn lại có công giới thiệu văn học hiện sinh khác kỹ càng.

Các nhà văn hiện sinh được dịch nhiều nhất ở miền Nam 1954 - 1975 là: J.P Sartre, A. Camus, F. Sagan, S. Beckett... Không chỉ được dịch, được giới thiệu với đông đảo bạn đọc,

những tác phẩm văn học hiện sinh còn thu hút sự chú ý của giới nghiên cứu phê bình ở đô thị miền Nam giai đoạn 1954 – 1975. Năm 1960, sau khi nhà văn Camus từ trần, tác giả Thạch Chương đã “trình bày và phê phán hai quan niệm nổi loạn của Albert Camus” trên Tạp chí Sáng Tạo [5]. Ông đề cao vị trí, vai trò của Camus trong bối cảnh chung của văn chương châu Âu: “Giữa hoàn cảnh xã hội lạc loài của nước Pháp hậu chiến, giữa khí hậu trí thức bi quan mà phát hiện sinh nger trị, giữa những tiếng đe dọa phá hủy của trường siêu thực, và trong viễn ảnh của một mùa đông dài tăm tối của Đệ Tam Quốc Tế, Albert Camus, một hình bóng lơ lửng hiện lên như một tia nắng ấm hy vọng của Âu châu”[5]. Thạch Chương một mặt nhất trí với quan niệm nổi loạn của Camus, mặt khác lại không đồng tình với thái độ ôn hòa của nhà văn, vì “nó là một cái cớ để mọi người khoanh tay, nhất là hàng ngũ bảo thủ”. Vẫn viết về Camus, cuốn “Văn chương và lưu đày” của Đặng Phùng Quân nhấn mạnh tâm cảm lưu đày trong các tác phẩm của ông, đặc biệt là cuốn “Người nổi loạn”. Tác giả Cô Liêu có bài “Lập trường văn nghệ của Albert Camus” [16]. Tác giả Đặng Tiến có bài “Gặp gỡ giữa Ôn Như Hầu và Albert Camus”[28]... Các tác giả văn học hiện sinh khác và tư tưởng văn chương của họ cũng được nghiên cứu, giới thiệu nhiều qua các công trình, bài viết: “Lịch sử của cảm giác buồn nôn trong văn chương phương Tây” của Trần Thiện Đạo (Văn, số 17/ 1964); “Cuộc phiêu lưu tư tưởng của văn học Âu châu thế kỷ XX” của R.M. Albère (Vũ Đình Lưu dịch, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, SG, 1971); “Tuyển tập các nhà văn Pháp hiện đại” của Hoàng Ngọc Biên (Trình Bầy xuất bản, SG, 1969); “Mở xẻ nhà văn hiện sinh Jean Paul Sartre” của Nguyễn Quang Lục (Hoa Muôn Phương xuất bản, SG, 1970); “Văn học thế giới hiện đại” của Bửu Ý (An Tiêm xuất bản, SG, 1973); các bài viết về Samuel Beckett, J.P. Sartre của Huỳnh Phan Anh trong cuốn “Đi tìm tác phẩm văn chương” (Đồng Tháp xuất bản, SG, 1972... vv. Những công trình, bài viết này đã góp phần "cổ vũ" cho văn học hiện sinh, khiến văn học hiện sinh được truyền bá rộng rãi hơn.

Xã hội miền Nam 1954- 1975 đã là mảnh đất màu mỡ cho triết học và văn học hiện sinh cắm rễ.

4. Ảnh hưởng của triết học và văn học hiện sinh đối với văn học miền Nam 1954- 1975

Triết học hiện sinh và văn học hiện sinh cùng có mặt tại miền Nam 1954 - 1975 và cùng có ảnh hưởng sâu sắc đến văn học giai đoạn này. Tuy nhiên, khó có thể tách bạch đâu là ảnh hưởng của triết học hiện sinh, đâu là ảnh hưởng của văn học hiện sinh bởi đây không đơn thuần là sự ảnh hưởng một cách máy móc, sao chép. Ngay trong các tác gia hiện sinh nổi tiếng thế giới cũng không thể tách rời văn chương và triết học trong sự nghiệp của họ. Các triết gia viết văn để truyền tải tư tưởng triết học, và các tác phẩm văn chương hiện sinh ấy cũng là một bộ phận hữu cơ của triết học hiện sinh. Các nhà văn miền Nam 1954 – 1975 đã thấm nhuần tư tưởng hiện sinh và tinh thần hiện sinh cũng thấm đẫm trong sáng tác, trong phê bình văn học nghệ thuật và trên nhiều phương diện.

4.1. Ảnh hưởng tới phê bình văn học

Do ảnh hưởng sâu sắc chủ nghĩa hiện sinh nên đã có một khuynh hướng phê bình văn học hiện sinh ra đời ở miền Nam 1954 - 1975, tuy rằng "chưa có nhiều công trình đặc sắc" như nhận định, đánh giá của TS Huỳnh Như Phương. (Huỳnh Như Phương- Chủ nghĩa hiện sinh ở miền Nam Việt Nam 1954 - 1975 (trên bình diện lý thuyết). Các nhà phê bình văn học dùng triết học hiện sinh làm cơ sở mỹ học để đánh giá, thẩm bình tác phẩm văn học. Có thể nói, mọi tác phẩm từ văn học dân gian đến trung đại, cận đại, đương đại, văn học nước ngoài... đều được soi chiếu dưới lăng kính hiện sinh. Hầu hết các phạm trù của triết học hiện sinh (vong thân, tha hoá, buồn nôn, phi lý, dẫn thân, gia nhập, tha nhân, nổi loạn, cô đơn, hư vô...) đều được ứng dụng thành hệ quy chiếu để xem xét các tác phẩm văn học. Tác giả Trần Nhật Tân trong bài viết "Đi tìm tâm thức ca dao trên trục tọa độ không thời" (Dư vang nghệ thuật, Hạnh xuất bản, SG, 1971) đã dùng "tọa độ hiện sinh" để tìm hiểu các mô thức trong ca dao Việt Nam. Nhiều tác giả, tác phẩm văn học trung đại được thẩm bình bằng "con mắt hiện sinh", trong đó nổi bật nhất có thể kể đến những công trình, bài viết: *Thời gian hiện sinh trong Đoạn trường tân thanh* [32]; *Chinh phụ ngâm* và tâm thức lãng mạn của kẻ lưu đầy [33] của Lê Tuyên ; *Tính chất bi đát trong thi ca Tản Đà* của Nguyễn Thiên Thụ [35]; *Nguyễn Du trên những nẻo đường tự do* của Nguyễn Sa [27]...vv. Trong chuyên luận "Vũ trụ thơ" [29], tác giả Đặng Tiến đã cảm nhận về cái phi lý của cuộc đời qua số phận bi thảm của nàng Kiều. Sự phi lý không bắt đầu từ khi Kiều

gặp gia biến, mà sự phi lý hiện hữu ngay khi con người tình cờ, ngẫu nhiên bị ném vào giữa cuộc đời này. Đó là cảm nhận đầy màu sắc hiện sinh: "Không phải khi gặp gia biến Thúy Kiều mới sống bi thảm; trước đó làm đầu tiên chọn phỉm đàn, nàng đã chọn cung bạc mệnh, vì cuộc đời một cách tiên thiên, là một thảm kịch. Sự hiện hữu đã phi lý từ khi hai tình trùng gặp nhau, và nếu chúng không gặp nhau, thì lại càng phi lý hơn nữa. Nỗi đoạn trường thật sự không chấm dứt sau mười lăm năm lưu lạc, Thúy Kiều ý thức sâu sắc điều đó nên không tái hợp với chàng Kim, vì đối một phi lý cô đơn lấy một phi lý lừa dối chỉ làm việc chồng một thảm kịch này lên thảm kịch khác. Cuộc đời khi chấm dứt vẫn không chấm dứt được được thảm kịch ý thức: sự phi lý vẫn còn trương phình ra đấy" [29,20- 21]. Cuộc đời đầy nước mắt của Thúy Kiều với những nỗi chìm đau đớn được nhìn nhận là "sự vận chuyển biện chứng giữa hiện hữu và hư vô tạo tâm trạng lưu đầy như một hợp đề" [29,23]. Tác giả Lê Tuyên lại đi sâu khai thác "thời gian hiện sinh" của Truyện Kiều. Thời gian ấy cũng chỉ là hư vô và phi lý. Cả quá khứ, hiện tại và tương lai không có gì khác ngoài hư vô. Đợi chờ con người ở cuối hành trình chỉ là cái chết. Cái chết là nỗi ám ảnh ghê gớm của con người: "Đi về tương lai từ quá khứ và qua hiện hữu, nghĩa là đi về phi lý của nấm mồ (...) Con người sống luôn ao ước ngày mai, luôn nghĩ đến ngày mai, một ngày mai mà có lẽ con người không nên nghĩ đến, có lẽ nên phải từ khước, vì ngày mai là cái chết, vì ngày mai là tiếng đoạn trường" [29,52]. Tác giả Nguyễn Sa lại tìm hiểu truyện Kiều từ phạm trù "tự do lựa chọn" "tự do dần thân" của triết học hiện sinh. Theo ông, không có cái gọi là định mệnh ở trong truyện Kiều. Mọi nỗi chìm, lưu lạc của Thúy Kiều không do một "đấng cao xanh" nào hết, không do cuốn "sổ đoạn trường" đầy bí hiểm, mà do sự lựa chọn tự do của Thúy Kiều: tự ý bán mình chuộc cha để dần thân vào cõi lênh đênh. Bất cứ biến cố nào xảy ra trong cuộc đời nàng cũng đều là kết quả của sự lựa chọn cá nhân.

Ngoài Truyện Kiều, còn nhiều tác phẩm của các tác gia cổ điển cũng được đánh giá bằng lập trường của chủ nghĩa hiện sinh, như tác phẩm của Đặng Trần Côn, Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Bà Huyện Thanh Quan... Đặc biệt, trong chuyên luận *Chinh phụ ngâm và tâm thức lãng mạn của kẻ lưu đầy*[33], hầu hết những phạm trù cơ bản của triết học hiện sinh như: thân phận lưu đầy, hiện hữu cô đơn, cái chết bi đát, tha

nhân... được tác giả Lê Tuyên vận dụng để đánh giá, phẩm bình tác phẩm xoay quanh trục trính là người chinh phụ đã phải sống "một kiếp lưu đầy tình cảm". Phê bình hiện sinh mang lại cách tiếp cận và cái nhìn mới mẻ đối với các tác phẩm văn học trung đại vốn rất quen thuộc với bạn đọc.

Bên cạnh đó, nhiều tác phẩm văn học đương thời của các tác giả như Nguyễn Thị Hoàng, Túy Hồng, Dương Nghiễm Mậu, Nhã Ca, Duyên Anh, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Đinh Trâm Ca, Thanh Tâm Tuyền, Lê Hằng, Trùng Dương... cũng được nhìn nhận, đánh giá trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa hiện sinh. Cuốn *"Đi tìm tác phẩm văn chương"* [2] của Huỳnh Phan Anh viết về nhiều tác giả bằng khuynh hướng phê bình hiện sinh, từ các tác gia nổi tiếng thế giới như Samuel Beckett, Jean Paul Sartre, Simone De Beauvoir đến các tác gia trong nước như Tản Đà, Hàn Mặc Tử, Nhất Linh, Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo... Viết về tiểu thuyết *"Bướm trắng"* của Nhất Linh, Huỳnh Phan Anh đã dùng tư tưởng triết học hiện sinh để giải mã tác phẩm. Ông nhận ra *"Bướm trắng"* là giấc mơ của một tâm hồn đang chơi với giữa lòng cuộc đời với những ám ảnh không rời của bệnh tật và cái chết, một giấc mơ điên cuồng, đẹp tuyệt được tạo thành để lấp đầy những khoảng trống vắng hải hùng của cuộc hiện hữu ngẫu nhiên không trường tồn" [2,146]. Trương, nhân vật chính của tác phẩm là "kẻ lạc loài, tuyệt vọng và tù chung thân của cô đơn và bóng tối" [2,147] "một kẻ đang sống chính cái chết của đời mình". Bên cạnh sự đau khổ, cô đơn, muộn phiền, Trương còn là hình ảnh con người dám sống, con người dám chịu trách nhiệm về mình, con người dẫn thân của triết học hiện sinh: " Trương là điển hình của mẫu người người sống trong sự đốt cháy của ý thức. Sống và ý thức về đời sống, về chính mình. Nhưng ý thức về đời sống ở Trương đồng thời cũng là ý thức về cái chết. Trương trước tiên là một cái nhìn thấu suốt căn phận: sống là chạm mặt thường xuyên với chính thân phận đầy giới hạn và ngẫu nhiên của chính mình: sống tức là đang đi lần tới, đã tới chỗ tận cùng của đời sống mình" [2,153-154]. Thơ Hàn Mặc Tử được đánh giá là "thơ vẽ nên dung nhan hư hoại của kiếp người. Thơ đào sâu kinh nghiệm thiếu sót, tình cảm bại vong trong hành trình bát ngát của thân phận người" [2,322]. "Cái chết ám ảnh, dọa nạt, cái chết âm ỉ trong tâm hồn. Thi sĩ sống cái chết của mình. Hư vô chính là kinh nghiệm của thi sĩ" [2,324].

Khuynh hướng phê bình hiện sinh góp thêm vào đời sống LLPB văn học miền Nam một luồng gió mới, làm cho nó thêm phong phú, bên cạnh những khuynh hướng khác như khuynh hướng phê bình giáo khoa, khuynh hướng phê bình phân tâm học, khuynh hướng phê bình chịu ảnh hưởng quan điểm Mác xít, khuynh hướng phê bình chịu ảnh hưởng tư tưởng các tôn giáo (Phật giáo, Thiên Chúa giáo)... Nó cho thấy sự sôi nổi trong đời sống văn học đô thị miền Nam giai đoạn này, góp phần hiện đại hoá phê bình văn học, đổi mới tư duy lý luận phê bình, làm cho văn học Việt Nam tiếp cận với tư tưởng và văn học hiện đại của thế giới.

Tuy nhiên, cũng do ảnh hưởng sâu đậm của chủ nghĩa hiện sinh mà khuynh hướng phê bình hiện sinh có lúc dẫn đến sự gượng ép, khiên cưỡng trong việc nhìn nhận, đánh giá tác phẩm, khi người phê bình cố găng "gò" tác phẩm vào những phạm trù của triết học hiện sinh. Vận dụng tư tưởng hiện sinh trong phê bình văn học ở miền Nam 1954 - 1975 còn có hiện tượng nói lấy được theo trào lưu, vì hiện sinh lúc đó trở thành một thứ "mốt thời thượng" nên khiên cưỡng, không thuyết phục. Quá nhiều danh từ của triết học hiện sinh bị lạm dụng đưa vào phê bình văn học khiến cho bài viết trở nên lủng củng, rắc rối, khó hiểu. Ví dụ đây là một đoạn viết về thơ Đinh Hùng của Đặng Tiến trong cuốn "Vũ trụ thơ" với rất nhiều từ ngữ của triết học hiện sinh làm người đọc không khỏi nhức đầu: "Đặc tính của thế giới Đinh Hùng là một thành tố đều được hòa giải; khí hậu tình tự giải tỏa những mâu thuẫn biện chứng, không còn sự khác biệt giữa người - nhìn - vũ - trụ và vũ - trụ - được - nhìn, giữa tâm giới và ngoại giới, giữa bản ngã và vô ngã, giữa thực thể và vô thể, giữa tôi và tha nhân (...) chữ tôi đã bao hàm cái không phải là tôi, nhưng chủ thể không mâu thuẫn với khách thể vì tất cả chưa đạt tới những hữu thể đủ cứng rắn để va chạm" [29,135] .

Hơn nữa, khi nhìn nhận, đánh giá một tác phẩm văn học, nếu không xem xét, đánh giá trên nhiều chiều, nhiều hướng, nhiều bình diện, chỉ đứng trên lập trường tư tưởng hiện sinh sẽ dẫn đến tình trạng cực đoan...Tất cả những thành tựu và hạn chế đó đều hiện diện trong khuynh hướng phê bình văn học hiện sinh ở miền Nam 1954 - 1975.

4.2. Ảnh hưởng tới sáng tác văn học

Chủ nghĩa hiện sinh có ảnh hưởng rất sâu đậm đến sáng tác văn học miền Nam 1954- 1975 trên tất cả mọi thể loại, nhưng sâu đậm nhất vẫn là thi ca và tiểu thuyết. Đây cũng là hai thể loại kết tinh thành tựu của văn học miền Nam giai đoạn này.

Thi ca miền Nam viết nhiều về sự vô định, mong manh, hư vô của kiếp người; về cái chết, nỗi buồn đau trĩu nặng, sự xa lạ của thế nhân, sự đổ vỡ của niềm tin và mơ ước. Những tác giả tiêu biểu cho thơ ca mang khuynh hướng hiện sinh là Bùi Giáng, Nguyên Sa, Đinh Hùng, Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Du Tử Lê, Nhã Ca, Cung Trầm Tưởng, Nguyễn Đức Sơn... Thơ Bùi Giáng "đau đau về thân phận dẫu bề của con người, nỗi hoài nghi về số kiếp, ta từ đâu lại? Ta là ai? Những trăn luân biến đổi làm sao đo, đếm, đặt tên được" [11]:

*Trần gian lạnh con từng không chịu nổi
Người với người cứ làm khổ nhau luôn*

....

*Con vẫn biết đời người nhỏ bé
Đau vô cùng dù có cũng nên thôi
Nhưng bắt gặp những mấy lần nhỏ lệ
Hỏi vì sao lá rụng cánh hoa rơi*

....

*Thân là máu, thịt và xương chia biệt
Quả tim mềm sao quá dễ tổn thương
Tình cao quý vẫn là dây oan nghiệt
Ngắn vô cùng! lằn phùng ngộ với vô biên*

....

*Hỡi Thượng đế! Cúi đầu con thừa lại
Ở trần gian ai cũng khổ liên miên
Người đã dựng cảnh tù đầy đọa mãi
Để làm gì! Cho sáng nghĩa vô biên”...*

(Dâng - Bùi Giáng)

Thơ Thanh Tâm Tuyền cũng như tiểu thuyết của ông, luôn chìm đắm trong nỗi đau cô đơn, luôn vang lên lời khản cầu tha thiết của kẻ đi tìm lại bản thể và nhân vị của mình: “Tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ” “Tôi gào tên tôi thảm thiết”. Đối với Thanh Tâm Tuyền, thơ “không còn là cứu cánh của đời sống, thơ chỉ còn là phương tiện để họ (tức người làm thơ) vào sâu trong ý thức gặp mình, gặp được đời sống và may ra gặp được hồn người” [24].

Trong thơ Trần Dạ Từ, nỗi suy tư về kiếp người bọt bèo, cuộc đời vô định hiện lên thật rõ:

Chiều đò ngang bến sông

Câu hát buồn thơ đại

Dong trôi về mấy hàng

Đời chia về mấy phương

Người dạt về mấy ngã

(Một bến sông - Trần Dạ Từ)

Kiếp người bọt bèo, cuộc đời vô định, và chờ đợi mỗi chúng ta phía trước là cái chết. Sắc màu hiện sinh đắm trong mỗi vần thơ.

Ở cuối con đường này

Là dĩ vãng khủng khiếp

Queo về bên trái

Những chuyến tàu tám giờ

Tiếng còi trầm réo gọi

Thôi tôi dừng lại đây

Hai vĩa hè tăm tối

(Phạm Ngũ Lão Sài Gòn - Trần Dạ Từ)

Con đường Phạm Ngũ Lão cụ thể ấy cũng là biểu tượng của con đường đời nhọc nhằn, khổ ải. Phía cuối đường luôn là những tối tăm, đau đớn. Sự đợi chờ của kiếp người là hư vô. Dĩ vãng đã "khủng khiếp", tương lai cũng chẳng sáng tươi. Và cái chết luôn luôn là ám ảnh hãi hùng trong thi ca miền Nam 1954 - 1975. Các nhà thơ viết nhiều về cái chết, về sự hiu quạnh thê lương của cõi đời. Trần Dạ Từ đau đớn nghĩ về sự hữu hạn của kiếp người:

Thần chết, em ơi, ngồi ngay trên đầu giường

Thần chết, em ơi, đứng ngay trên trần mùng

.....

Chính thần chết đã cho ta vay ngày thôi nói

Với bao nhiêu năm sống

Bao nhiêu ngọn nến đủ màu tươi cười trên chiếc bánh sinh nhật

Như anh đã từng vay thần chết

Bao nhiêu ngày đêm phấn đấu và yêu em

(Làm thơ không biết mệt - Trần Dạ Từ)

Cái ý nghĩ "ta lâm chung ngay tự thừa chào lòng" của Du Tử Lê trong "Bài cuối năm" cũng là lời khẳng định của triết học hiện sinh: con người ta ngay từ khi sinh ra đã đủ tuổi già để chết:

*Người chớ khóc than chi, đời đã thế
Ta lâm chung ngay tự thừa chào lòng
Môi đã chết ngay khi hôn đã nhận
Thân đã buồn khi ngực đầm hơi quen*
(Bài cuối năm - Du Tử Lê)

Giữa cuộc sống thương đau ấy, tình yêu cũng không đủ sức nâng con người khỏi những hoang mang. Tình yêu không ngọt ngào mà cay đắng. Người yêu không thấu hiểu, sẻ chia mà chỉ là "tha nhân" xa lạ:

*Em đến hôm nào như hoa bay
Tình không được được mà đắng cay
Mùa Thu tàn nhẫn từ đôi mắt
Mùi hương sát nhân từ ngón tay*

*Em đến hôm nào như mây bay
Gió mưa triền miên chìm nét mày
Đường vào lòng nhau toàn sạn đạo
Bước chân tha hương từ dấu này*
(Đường vào tình sử - Đinh Hùng)

"Thơ miền Nam 54 – 75 là thơ của một thời dấn vật, suy tư, đau khổ" [24]. Những dấn vật, suy tư, đau khổ ấy chịu ảnh hưởng rõ rệt của tư tưởng triết học hiện sinh: dấn vật suy tư về cái chết, về thân phận bé nhỏ của con người, về sự hư vô của cuộc sống, về nỗi tàn phai, sự cô đơn... Nỗi buồn đau "sống trong nỗi chết" được nhắc lại nhiều lần. Kiếp người chỉ là "chân bé nhỏ đi trong sào bao lớn". Thơ ca miền Nam 1954 - 1975 nhiều chết chóc, thương đau, chia lìa, tăm tối, nước mắt và địa ngục.

Bên cạnh thi ca, tiểu thuyết cũng mang màu sắc hiện sinh rất rõ rệt. Tiểu thuyết là thể loại "bùng nổ" của văn học miền Nam, tạo thành một hiện tượng trong đời sống văn học thời kỳ đó. Văn học miền Nam 1954 - 1975 đã tập hợp được một đội ngũ tác giả tiểu thuyết hùng hậu với số lượng tác phẩm đồ sộ, với nhiều khuynh hướng sáng tác khác nhau. Với ảnh hưởng của chủ nghĩa hiện sinh, sáng tác văn học miền Nam nói chung và thể loại tiểu thuyết nói riêng có sự chuyển mình lớn: sự cảm nhận sâu sắc và đau đớn về thân phận bi đát của con người trong thế giới đầy phi

lý. Chủ nghĩa hiện sinh ám ảnh trong tiểu thuyết từ nhan đề cho đến nội dung tác phẩm. Ngay nhan đề các tác phẩm cũng đã thấy được sự buồn thảm, hư vô trong cuộc sống con người : *Bóng tối, tiếng cười, môi hôn và nghĩa trang; Chết không nhắm mắt, Lửa mù; Sau cơn mộng dữ; Xâu chuỗi bọt nước; Thêm địa ngục; Thương tích,; Tiếng khóc vào đời; Uyên buồn...* của Nguyên Vũ. *Bóng tối thời con gái; Cô Hippy lạc loài; Sống một ngày..* của Nhã Ca. *Bao giờ hết thương đau; Bóng tối cuộc đời; Cành đào trong bão xoáy; Chân son đường lầy; Chuỗi sầu em đeo; Đôi chim trong bão tố; Hoa môi tàn nụ; Một mình; Mùa đông cô đơn; Nửa gối cô đơn...* của Nghiêm Lê Quân. *Cát lầy; Mù khơi...* của Thanh Tâm Tuyền. *Khung rêu; Lao vào lửa; Cho trận gió kinh thiên; Nhang tàn thấp khuya; Thú hoang..* của Thụy Vũ. *Biển điên, Mỗi thù rục rở; Tôi nhìn tôi trên vách ...* của Tuý Hồng. *Đừng hỏi tại sao; Bóng ai qua ngoài song cửa, Nửa đêm trăng sụp; Xô ngã bức tường rêu...* của Bình Nguyên Lộc. *Điều ru nước mắt; Nước mắt lưng tròng; Sa mạc tuổi trẻ; Áo vụng tuổi trẻ ...* của Duyên Anh. *Bóng tối cuối cùng; Buồn như đời người; Vực nước mắt; Một ngày rồi thôi; Năm tháng đi u; Ngày qua bóng tối; Cho những mùa xuân phai; Tình yêu địa ngục; Dưới vực sâu này..* của Nguyễn Thị Hoàng ...v v. Đời sống luôn được miêu tả như thảm kịch, là hư vô, phi lý. Con người bé bỏng, kiếp người mong manh, chơi vơi trong ngập tràn đau khổ, cô đơn, chia lìa.. Những cái chết xuất hiện rất nhiều trong tiểu thuyết đô thị miền Nam 1954 - 1975. Trong sự vô nghĩa, chán chường của cuộc đời, các nhân vật tiểu thuyết đã vùng vẫy, nổi loạn để chống trả, cho dù đó chỉ là sự vùng vẫy, chống trả trong tuyệt vọng. Họ muốn chống lại sự phi lý, muốn tìm ý nghĩa đích thực của cuộc đời, để đừng sống buồn nôn, đừng bị cuốn theo cái vũng "cát lầy" kinh khủng của cuộc đời. Thế nhưng, họ lại rơi vào bi kịch của tuyệt vọng. Ta thấy thấp thoáng bóng dáng Sagan trong tiểu thuyết của các cây bút nữ miền Nam với lối viết thản nhiên đến lạnh lùng, thản nhiên cả trong những chuyện hệ trọng và thiêng liêng nhất của con người, của cuộc đời, như thể trên đời này không có gì là nghiêm túc và thiêng liêng nữa; với những mẫu nhân vật "sống nay không biết mai", không bị ràng buộc bởi bất cứ sợi dây luân lý hay lễ giáo nào; với âm hưởng u buồn chán ngán đến rã rời.... Ta gặp sự ảnh hưởng tư tưởng về cuộc sống phi lý của Camus, về chiến tranh tàn nhẫn của Hemingway... trong các tiểu thuyết miền Nam giai đoạn

này. Lối văn theo tư duy hiện tượng học cũng đặc biệt được các tác giả miền Nam yêu thích.

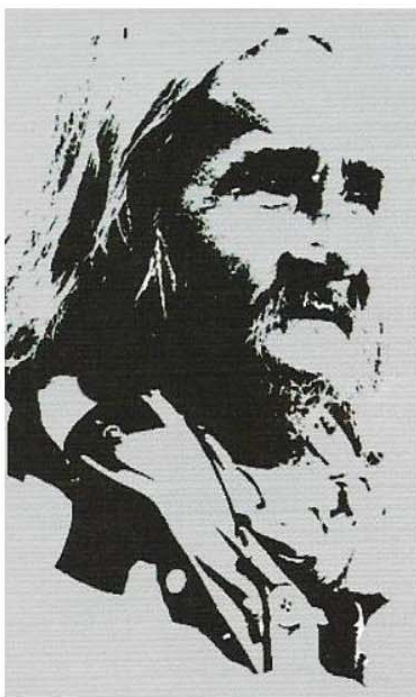
Triết học hiện sinh và văn học hiện sinh có ảnh hưởng lớn đến sáng tác của các nhà văn miền Nam 1954 - 1975, đặc biệt là thể loại tiểu thuyết, thể loại thuận lợi nhất trong việc chuyển tải những vấn đề về thân phận con người qua những hình tượng nhân vật sinh động. Sự ảnh hưởng này đã mang lại cho văn học miền Nam một diện mạo riêng, trong đó có những bước tiến đáng được ghi nhận và cũng có không ít hạn chế. Bởi vậy, tiếp cận văn học miền Nam 1954 – 1975 cần có tinh thần “gạn đục khơi trong” một cách thực sự khoa học, công bằng.

Source inter (*Nguyễn Thị Việt Nga*)



“d Z v Z š Z °
 l Z € v P u v P o ç]
 v Z]² μ ç v U
 v Z Ç v P v • o μ € v u v F
 v Z Ë v P Ç Á ç v · v P
 v P Z_a

John Lennon



BÙI GIÁNG

***Càng điên ...,càng tỉnh;
càng già ...,càng lãng mạn***

Nguyễn Hưng Quốc

Trong bài "Chép thơ" in trong tập Búi Giáng 1994 do thân nhân của Búi Giáng xuất bản tại California năm 1995, có hai câu mở đầu như

sau:

Chép bài thơ cũ tặng em

Những bài thơ mới tìm nhem tâm hồn

Đó là nhận định của Búi Giáng về chính thơ của ông: những bài thơ ông mới viết sau này "tìm nhem tâm hồn", hay nói cách khác, sướt mướt đầy những cảm xúc dễ dãi, một điều hình như ông không thể tránh được nhưng ông lại không thích mấy, nên ông không muốn chép tặng người thân.

Trong một bài thơ khác, bài "*Từ bấy tới nay*" in trong tập Thơ Búi Giáng do Thế Kỷ 21 xuất bản năm 1994, Búi Giáng, một lần nữa, lại ghi nhận sự thay đổi trong thơ của mình:

Chợt mùa thơ vội đổi giọng

Cõi nguồn cũng bởi tự lòng mà ra

Nhớ, trong bài "*Xuân xanh người Tàu*" in trong tập Mùa thu trong thi ca, năm 1969, nhân nhắc đến Nam Phương Hoàng Hậu Nguyễn Thị Lan, Búi Giáng làm hai câu thơ, trong đó, câu đầu tiên hao hao như câu trên:

Chợt mùa thơ vội đắm chiêu

Bên mình phố thị Lan điều hiu đi

Câu thơ sáu chữ, chỉ khác nhau hai chữ sau cùng. Nhưng đó là sự khác biệt quyết định. Sự thay đổi, ngày xưa, chỉ là một sự thay đổi

nhỏ nhoi: hơi thơ tự dưng chùng lắng xuống, trầm ngâm hẳn đi khi nhớ đến người phụ nữ mình ái mộ. Sự thay đổi hiện nay không những đột ngột mà còn quyết liệt, toàn diện. Là một sự "đổi giòng". Từ sông Thương sang sông Mã hay ngược lại. Biến thơ Bùi Giáng, giai đoạn trước và giai đoạn sau, có những khác biệt căn bản trong phong cách. Trong bài *"Thuở chưa điên"* in trong tập Thơ Bùi Giáng do Việt Thường xuất bản tại Canada năm 1990, Bùi Giáng nói về hai giai đoạn thơ ấy:

Ấy là thơ thuở chưa điên

Ở trong dẫu ngoặt quàng xiên reo cười

Bây giờ xoang điệu đờn ươi

Điệu hoa lâu các ngậm ngùi dần thân.

Bài thơ cấu trúc trên trục đối lập: lúc người chưa điên thì thơ lại như điên; lúc người đã bị xem là điên thì thơ, đằng sau cái vẻ ngớ ngẩn và nhảm nhí lại rất hiền triết, chứa đựng thật nhiều tâm sự hắt hiu về cuộc đời.

Trước năm 1975, Bùi Giáng đã có một số những con điên ngắn. Trong lời giới thiệu Bùi Giáng in trong cuốn Thơ điên ... *thứ thiệt do Thái Bình Diên Quốc xuất bản tại Sài Gòn năm 1970, các bác sĩ làm việc trong dưỡng trí viện Nguyễn Văn Hoài đồng thời cũng là những người đứng ra biên tập tập thơ, cho biết, lúc đầu Bùi Giáng bị xếp vào loại điên nhẹ, nhưng từ tháng 5 năm 1969 thì ông bị chuyển sang hạng điên nặng.* Tuy nhiên trước năm 1975, bệnh tình của ông trở thành nặng hơn; những con điên đến với ông thường xuyên hơn và cũng kéo dài hơn. Nhưng có điều lạ là, nếu so sánh các tập thơ của Bùi Giáng xuất bản trước năm 1975, sau tập Mưa nguồn, với các tập thơ của ông xuất bản sau năm 1975, cả ở hải ngoại lẫn ở trong nước, chúng ta sẽ thấy ngay là những tập thơ sau này tinh táo hơn hẳn.

Thơ Bùi Giáng trước năm 1975, trừ tập Mưa nguồn và phần nào, tập Ngàn thu rút hột, là một cuộc tra vấn đầy khắc khoải về khả năng của ngôn ngữ. Đó là những bài thơ viết về ngôn ngữ của một kẻ mà số phận bắt buộc phải sử dụng ngôn ngữ như một phương tiện diễn đạt và hơn nữa, như một cách thể duy nhất để tồn tại. Ông làm thơ như một kẻ say mê chơi trò chơi chữ nghĩa:

Một hôm gầu gốc gằm ghì

Hai hôm gằn gũ cũng vì ba hôm

Bôm ha? đạn hả? bao gồm

Bôm gao gạo đỏ bỏ gồm gạo đen. (Ngẫu hứng) ⁽¹⁾

Dạo ấy có lẽ Bùi Giáng chưa đọc Jacques Derrida, triết gia hàng đầu trong trào lưu hậu cấu trúc luận (post-structuralism) và hủy cơ luận (deconstruction), người bắt đầu nổi tiếng tại châu Âu và Mỹ trong khoảng thời gian từ 1967 đến 1972, nhưng mãi đến năm 1975, tôi chưa thấy có dấu hiệu gì chứng tỏ là được biết đến nhiều tại Việt Nam. Trong lý thuyết của Derrida, có một luận điểm quan trọng: nếu ngôn ngữ, nói theo Ferdinand de Saussure là một hệ thống bao gồm một chuỗi những sự khác biệt về âm kết hợp với một chuỗi những sự khác biệt về khái niệm thì, theo Derrida, mối quan hệ giữa âm và khái niệm, hay nói theo thuật ngữ ngôn ngữ học, giữa cái biểu đạt (signifier) và cái được biểu đạt (signified) không phải là một thứ quan hệ ổn định. Derrida đặt ra từ "différance" để chỉ bản chất bất định của các ký hiệu ngôn ngữ: động từ "différer" trong tiếng Pháp vừa có nghĩa là hoãn vừa có nghĩa là khác. "Khác" là một ý niệm về không gian: ký hiệu này được phân biệt với các ký hiệu khác. "Hoãn", ngược lại, là một ý niệm về thời gian: một cái biểu đạt ám chỉ một cái được biểu đạt nhưng đến lượt nó, cái được biểu đạt đó lại trở thành cái biểu đạt để ám chỉ một cái được biểu đạt khác, rồi đến lượt nó nữa, cái được biểu đạt ấy lại trở thành cái biểu đạt. Các mối quan hệ, cứ thế, lan rộng ra mãi. Minh chứng rõ nhất cho điều này có thể được nhìn thấy trong từ điển. Chẳng hạn, chúng ta thử tra chữ "viết". Ý nghĩa của chữ viết, tức cái được biểu đạt của ký hiệu "viết" được ghi là: "Vạch những đường nét tạo thành chữ". Trong định nghĩa này, yếu tố quan trọng nhất là "vạch". "Vạch" là gì? Với câu hỏi ấy, cái được biểu đạt ("vạch") tức khắc biến thành cái biểu đạt. Từ điển giải thích ý nghĩa của chữ "vạch" là: "Tạo thành đường, thành nét". Nhưng "tạo" là gì? Từ điển ghi: "Làm cho từ không có trở thành có". Nhưng "làm" là gì? v.v... Cứ thế, liên tục. Điều này một mặt làm cho mỗi từ không những chỉ có quan hệ với các từ khác trong văn cảnh của nó mà còn có những quan hệ vô tận với những từ khác ở ngoài văn cảnh, và mặt khác, quan trọng hơn, làm cho cái gọi là ý nghĩa cứ triển hạn mãi mãi. ⁽²⁾

Bài thơ ở trên của Bùi Giáng là một đoạn trong chuỗi liên hệ vô tận trong ngôn ngữ: chữ "một hôm" làm ông liên tưởng đến "hai hôm" rồi "ba hôm"; rồi chữ "ba hôm" làm ông liên tưởng đến cách nói lái "bôm ha"; rồi trong "bôm ha", từ tố "bôm" khiến ông liên tưởng đến "đạn", từ âm tố "gao", ông liên tưởng đến "gạo", v.v... Thành ra, chữ "một hôm" không phải chỉ gợi ra ý nghĩa là

một đơn vị thời gian, mà còn gọi ra ý nghĩa là súng đạn, là cơm gạo. Xin mở một dấu ngoặc: bài thơ này được Bùi Giáng sáng tác trong giai đoạn chiến tranh Việt Nam đang hồi khốc liệt. Thời ấy, với nhiều người, với rất nhiều người, sống một ngày đồng nghĩa với sự chịu đựng những đe dọa từ chiến tranh và từ sinh kế.

Tuy nhiên, nếu ngôn ngữ chỉ là một chuỗi những liên hệ bất tận như vậy thì, như các nhà hậu cấu trúc luận sau này đã chỉ rõ, ngôn ngữ không còn khả năng quy chiếu về hiện thực và do đó, cũng không còn khả năng phát hiện chân lý được nữa. Bùi Giáng hoàn toàn hiểu điều đó. Trong bài "*Phố phường cỏ mọc*" in trong tập *Mùa thu trong thi ca*, ông mỉa mai: "người ta tưởng chừng như tin rằng ngôn ngữ có thể nói ra được sự thật" ⁽³⁾. Ai tưởng thì cứ tưởng, riêng ông, ông rất bi quan:

Tôi gọi Mỹ Tho là Mỹ Tho

Mỹ Thọ muôn đời là Lục Tỉnh hôm nay

Tôi gọi Sóc Trăng là Sóc Trăng

Gọi người sương phụ gái thơ ngây. (Lấn lộn lung tung) ⁽⁴⁾

Hoài nghi khả năng "tái hiện hiện thực" của ngôn ngữ, có khi Bùi Giáng bỏ cuộc chơi trong lãnh vực ngữ nghĩa để đuổi bắt một trò chơi ở lãnh vực ngữ âm, với nhịp điệu trầm bổng của các thanh, các âm. Đó là những lúc Bùi Giáng làm những câu thơ toàn bằng chữ Hán hoặc những câu thơ hoàn toàn vô nghĩa, trong đó, chỉ có những tiếng động lanh canh lách cách của các âm, các vần, các thanh điệu va chạm vào nhau mà thôi. ⁽⁵⁾

Những trò tra vấn ngôn ngữ ấy, dù sao, cũng là những trò chơi của một người trí thức. Tôi nghĩ, đó là ý nghĩa của cụm từ "ở trong dấu ngoặc" trong đoạn thơ trên của Bùi Giáng. Sau này, chủ yếu là sau năm 1975, ông thoát được những ám ảnh thuần túy trí thức ấy. Thơ của ông, đằng sau cái vẻ ngớ ngẩn điên khùng, lại chứa đựng nhiều nhân tình hơn:

Bây giờ xoang điệu đờn ươi

Điệu hoa lâu các ngậm ngùi dấn thân

Nói đến "xoang điệu đờn ươi" là nói đến những yếu tố quây phá bên ngoài. Ở đây nên chú ý là Bùi Giáng, cả trước và sau năm 1975, đều nói đến cái điên của mình; tuy nhiên, sau năm 1975, tần số xuất hiện của những bài viết về cái điên ấy tăng lên rất cao. Hơn nữa, trong những bài thơ ấy, Bùi Giáng nhắc đến cái điên của ông một cách cực kỳ tinh tế, như là cái điên của một ai khác:

Chớm vừa tỉnh táo hôm qua

Mà hôm nay đã hết la vôi vàng
 Ổn ào quây phá xóm làng (Cho hay là giống) ⁽⁶⁾
 Đôi khi với chút hài hước:
 Điên cuồng mà tưởng nên thơ
 Cuồng điên mà tưởng làm thơ như thần (Tặng bạn điên)
 Có khi vừa hài hước vừa nhuốm chút tự hào:
 - Ừa, phải anh Sáu Giáng đó không?
 - Và cô có phải cô Bông năm nào?
 - Anh còn nhớ rõ, ôi chao
 Vợ chồng tôi cũng lúc nào nhớ anh
 Anh điên mà dzui dzẻ thập thành
 Còn chúng tôi tỉnh táo mà đành buồn hiu! ⁽⁷⁾
 Điên, mà ý thức về cái điên của mình một cách sáng suốt như vậy,
 kể cũng rất lạ lùng. Nhưng điều đáng lạ lùng hơn nữa là, càng
 điên, thơ Bùi Giáng càng chất chứa nhân tình, hay nói theo ngôn
 ngữ của ông là "điều hoa lâu các ngậm ngùi dần thân". Thơ không
 còn là một trò chơi chữ nghĩa nữa mà là một sự bộc bạch, một sự
 thố lộ tâm tình:
 Lời tỉnh táo lời mê man
 Điệu thể thiết rống điệu bài hoàng ca (Y ư mộng du ư mê)
 Một tiếng đoạn trường:
 Câu thơ viết ngắn viết dài
 Ghép làm một mảnh miệt mài cho nhau
 Ghép thật chặt ghép thật mau
 Ghép lui ghép tới ghép gào rống tru (Câu thơ viết ngắn)
 Ngay cả khi may mắn, được hạnh phúc, Bùi Giáng cũng dùng thơ
 để gửi gắm niềm vui:
 Những tờ thơ mộng tạc ghi
 Niềm vui vô tận từ khi Dì về (Tặng dì Trang)
 Chính vì đem hết tâm tình, cả vui lẫn buồn, cả hạnh phúc lẫn
 thống khổ, gửi gắm vào thơ như vậy, cho nên Bùi Giáng mới khắc
 khoải trông đợi sự cảm thông của người đọc, điều, trước năm
 1975, có lẽ ông ít nghĩ tới:
 Tôi cười tôi khóc băng quơ
 Người nghe cười khóc có ngờ chi không (Bao giờ)
 hay:
 Xô bầu tâm sự điêu linh
 Ai người chia xẻ với mình với ta (Một giờ)
 Khát khao được thông cảm, có lúc ông năn nỉ:

Tặng nhau từ ngữ lạc lăm
Cũng xin hồng lệ hãy đầm đìa tuôn (Y ư mộng du ư mê)
Nói đến "từ ngữ lạc lăm" là nói đến sự bất lực của người sử dụng ngôn ngữ chứ không phải là sự bất lực của chính bản thân ngôn ngữ. Đó là sự thất vọng rất thực tế chứ không còn là một sự thất vọng mang tính siêu hình:
Người điên ngôn ngữ điệp trùng
Dở chừng như mộng dở chừng như mê
Thưa em ngôn ngữ quặt què
Làm sao nói được nghiệp nghề người điên (Người điên)

Bùi Giáng, sau 1975, rõ ràng là một nhà thơ "ngậm ngùi dân thân". Ông sống ngoài đường phố nhiều hơn trong nhà; thơ của ông cũng nhuốm nhiều chất bụi của nhân sinh. Rời bỏ những trang sách triết học hiểm hóc của Nietzsche, của Heidegger, ông lắng nghe những tiếng nói âm thầm của đời sống chung quanh:

Anh đi đứng phố ngời hè
Thiu thiu nằm ngủ lắng nghe chuyện gì. (Cảm ơn)
Cũng ý tương tự, ông có một câu thơ khác không chừng ý vị hơn, mệnh mang hơn:
Chiêm bao đứng phố ngời hè
Nghìn phương mây gió còn nghe ví dụ (Ví dụ)
Nhà thơ đường phố ấy viết về mình một cách rất đối diện hòa:
Đường quanh ngõ quẹo lang thang
Niềm vui tao ngộ muôn vàn lạ thay
Trái tim mỗi mới mỗi ngày
Mỗi giờ phút động mây trời rung rinh
Đường đi mất hút thành linh
Những khôn mặt lạ những hình ảnh quen
Tạm nhờ men rượu nguôi quên
Niềm vui nổi nhớ chênh vênh lạ lùng (Đường quanh ngõ quẹo)

Có thể nói, sau 1975, thơ của Bùi Giáng giảm chất siêu hình và tăng rất nhiều chất cảm xúc. Thơ ông không còn là những cuộc tra vấn, "lời nghi vấn lời", mà chủ yếu là một sự bộc bạch tâm sự, "lời lời vô tận từ lòng mà ra". Ông viết nhiều về những buồn vui trong đời thường:

Tôi ngồi chép mãi bài thơ
Quẩn quanh vẫn điệu bao giờ cho xong

*Đôi phen lệ chảy rờn rờn
Tâm tình kín đáo giòng giòng tuôn ra
Tiếng cười tiếng khóc tiếng ca
Tương chừng khép mở màu hoa mấy mùa (Chuyện bữa trước bữa sau)*

Hình như chính Bùi Giáng cũng ngạc nhiên về điều ấy:
*Rong chơi râu tóc bạc phơ
Còn nghe đắm đuối vẫn thơ yêu người (Râu tóc bạc phơ)*
Ngạc nhiên, nhưng chưa chắc ông đã hài lòng khi ông tự biết:
Mỗi ngày thân thể mỗi gầy

Mỗi năm tim máu mỗi nhẩy nhụa ra (Mỗi ngày)

Có lẽ Bùi Giáng xem những bài thơ xuất phát từ tim máu "nhẩy nhụa" ấy là những bài thơ "tèm nhem tâm hồn" chăng?

Điều rất thú vị là sau 1975, không phải chỉ có mỗi Bùi Giáng là trở thành nhà thơ lãng mạn chủ nghĩa theo nghĩa là kẻ xem thơ chủ yếu như một sự bộc lộ cảm xúc và nhắm tới, trước hết, mục đích giao cảm với tha nhân. Một sự "đổi giòng" tương tự cũng diễn ra trong sáng tác của rất nhiều người khác, kể cả Mai Thảo lẫn Thanh Tâm Tuyền và Tô Thùy Yên, tuy ở mỗi người, mức độ và thời điểm "đổi giòng" khác nhau. Hình như khi bị đẩy xuống tận cùng thảm họa, không còn lại gì cả, người ta bắt đầu nghiêng xuống lắng nghe tâm tình của mình một cách chăm chú và thành khẩn hơn, từ đó, người ta cũng đâm ra thêm khát được thông cảm, được chia xẻ hơn chăng? Nếu đúng thế thì hiện tượng ít nhiều chuyển sang xu hướng lãng mạn chủ nghĩa là một trong những đặc điểm lớn của văn học miền Nam thời kỳ hậu 1975.

Nguyễn Hưng Quốc

*(HỢP LƯU "Tưởng niệm Bùi Giáng"
số 44, Xuân Kỷ Mão, 1999)*

Chú thích:

1. Trích trong tập *Thơ điên ... thứ thiệt* do Thái Bình Diên Quốc xuất bản tại Sài Gòn năm 1970.



2. Quan điểm về ngôn ngữ và văn học của Jacques Derrida chủ yếu được trình bày trong hai cuốn: *De la grammatologie* (Minuit, Paris, 1967), Gayatri Chakravorty Spivak dịch ra tiếng Anh, *Of Grammatology*, Johns Hopkins University Press xuất bản năm 1976; và cuốn *L'écriture et la différence* (Seuil, Paris, 1967), Alan Bass dịch sang tiếng Anh, *Writing and Difference*, Routledge xuất bản tại London năm 1978. Cuốn sách giới thiệu Derrida một cách vắn tắt và dễ đọc nhất có lẽ là cuốn Derrida của Christopher Johnson, Phoenix xuất bản tại London năm 1997.
3. Bùi Giáng (1969), *Mùa thu trong thi ca*, Sống Mới in lại tại Hoa Kỳ, không ghi năm, tr. 223.
4. Bài thơ này in trong tập *Ngàn thu rớt hột*; (tôi bị mất tập thơ này và không nhớ số trang).
5. Về vấn đề ngôn ngữ trong thơ Bùi Giáng, xin xem thêm chương "Cuộc hòa giải vô tận: trường hợp Bùi Giáng" trong cuốn *Thơ, v.v... và v.v...* của Nguyễn Hưng Quốc, Văn Nghệ xuất bản, 1996, tr. 181-216.
6. Tất cả những câu thơ của Bùi Giáng dẫn trong bài này nếu không có chú thích riêng đều trích từ các tập *Thơ Bùi Giáng* do Việt Thường xuất bản tại Canada năm 1990; *Thế Kỷ 21* xuất bản tại California năm 1994 và *Bùi Văn Vịnh* xuất bản tại California năm 1995.
7. Ghi theo trí nhớ, không nhớ trong bài nào và tập nào.



7 U³ Q . K⁻ L 7 K D Q K 7 K U I

*Phát biểu nhân Ngày Hội Ngộ Văn Hóa Phụ Nữ Việt Nam
Toàn Cầu tỏa sáng trong Tháng Tư Đen 40 năm tị nạn.*

VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI ÁCH CẠI TRỊ CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN

Kính thưa Quý vị.

Thưa toàn thể các bạn đồng nghiệp yêu quý của tôi!

Trong 30 thứ tang mà đảng cộng sản dành cho dân tộc Việt Nam vào ngày 30 tháng 4 năm 1975 (từ vượt biển, ép dân đi kinh tế mới, đổi tiền, đánh tư sản mại bán, xua người dân vào cái đũng chật hẹp của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa “bao nhiêu, cấp ít” v.v... thì văn học cũng bị bức tử không thương tiếc, trở thành niềm thương, nỗi nhớ, sự đau đớn, xót xa cho những người hiểu biết, có lương tri thời đại, đặc biệt là có lương tâm văn học.

Nếu coi xã hội Việt Nam là một máy vi tính khổng lồ, gồm hai phần chính là “ổ cứng” và “ổ mềm”, thì phần “ổ cứng” bao gồm sông hồ, rừng núi, biển đảo, tài sản, tài nguyên thiên nhiên v.v... còn “ổ mềm” chính là nền văn hóa của xã hội Việt Nam hiện tại.

Trong chiến tranh, bàn tay các đồng chí nhuộm máu đồng bào mình theo khẩu hiệu nằm lòng, sắc tanh mùi máu: “Cơm xào thịt giặc mới ngon. Canh chan máu thù thì lòng mới cam” nên trong thời bình, bàn tay các đồng chí tiếp tục tàn sát đồng bào mình qua các công cuộc, cướp bóc, bắt bớ, bán chác v.v... Bán từ kho vũ khí Long Bình đến thêm lục địa, cùng bao nhiêu tài sản thiên nhiên của đất nước. Từ đất hiếm (chứa nhiều kim loại quý) cho Nhật Bản, dầu thô cho Nga, rừng đầu nguồn, Bô xít Tây nguyên, vỉa than lớn nhỏ cho Tàu, bãi biển cho Hồng Kông, nhà máy, cơ xưởng cho Đài Loan, Hàn Quốc v.v... Chưa kể bao nhiêu người nằm vạt vờ trên sóng nước, trên con đường vượt biển. Bao nhiêu sĩ quan Cộng Hòa chỉ còn là những nắm xương di động trên mặt đất hoặc xương khô trong mả. Nhiều gia đình bần bật tin cha, anh, chồng, khi tìm vào trại thẩm nuôi, chỉ còn một cách duy nhất

196 Tin Vaên

là thuê người đào trộm mộ đem nắm xương khô cô quạnh về lại quê nhà. Nghĩa là từ “cải tạo” thành cải táng, cải mả (Người chịu đựng được 3 tháng, người 1 năm, người 20 năm)... Hàng triệu người đã chết trong các trại tập trung trá hình, vì không chịu nổi sự bạo hành tàn tệ của bè lũ cán bộ, sự khắc nghiệt của thời tiết nơi rừng sâu nước độc. Chính vì thế, dưới sự cai trị nham hiểm bậc thầy của đảng cộng sản, tất cả những gì thuộc về “ổ cứng” đều bị trầy vi xước vẩy, móp méo, biến dạng, thể hiện rõ nét qua những điều chúng ta đã và đang nhìn thấy ở Việt Nam trong vòng 40 năm qua. Bối văn hóa là “phần mềm” trong cơ thể xã hội, nên cũng như “phần cứng” trong chiếc vi tính không lò gồm 90 triệu người (tạm coi là 90 triệu linh kiện), văn hóa cũng bị bầm dập, bóp nát. Giữa thời hội nhập toàn cầu đầu năm 2015, Hà Nội từ một thành phố 4000 năm văn hiến trở thành thành phố vô văn hóa. Cụ thể văn hóa giao tiếp không, văn hóa giao thông không, văn hóa xã hội lại càng không, bởi trên môi người dân Hà Nội nào, từ thằng bé 5 tuổi đến các ông già, bà cả 60, 70 cũng tươi roi rói tiếng chửi, câu thề, nói lóng, nói trại. Giao thông hỗn độn chưa từng thấy, tất cả tràn ra đường, tranh cướp nhau từng cen-ti-mét đất, hề người này sơ ý chạm vào xe người kia là có tiếng chửi: - “Đ.m. mày, thích rúc vào đít ông à?”. Còn nếu là phụ nữ thì tiếng chửi nanh nọc hơn: - “Thằng mặt...” Ngay sau đó là một đám chen lấn xô đẩy, người ta sẵn sàng quăng xe xuống lề đường để xông vào cô gái kia, làm một việc vô cùng vô văn hóa là tụt bằng được quần cô ta để chứng minh những lời cô vừa nói xem mặt của người bị chửi, có giống “mặt dưới” của cô ta không?

Còn Sài Gòn, từ Hòn ngọc Viễn đông trong thời Việt Nam Cộng Hòa trở thành điếm đen, đất dữ trong thời cộng sản, không những với người dân trong quốc nội còn là nỗi ám ảnh kinh hoàng của Việt Kiều và du khách nước ngoài với tỷ lệ tội phạm tăng vọt chưa từng thấy. Những hình ảnh mà 40 năm trước người dân Sài Gòn chưa từng phải chứng kiến thì hiện tại nhan nhản trên đường phố. Nhiều cặp vợ chồng du khách, mặt nhợt nhạt, miệng méo xệch, ngực đeo tấm biển: - “Tôi là người nước ngoài, bị kẻ cắp lấy toàn bộ tài sản, vật dụng, tiền bạc, giấy tờ... Xin chỉ đường cho tôi tới đại sứ quán của nước tôi để xin cấp lại visa và ứng tạm ít tiền về nước”. Nhiều cháu bé buổi sáng còn chào ba mẹ đi học, mắt long lanh, miệng mỉm cười mà đêm về đã thành cái xác không hồn vì bị ăn cắp nội tạng từ tim, gan, thận v.v...

Vì thời gian có hạn xin nói về nền văn học Miền Bắc sau 70 năm cai trị của Đảng Cộng Sản VN, bởi ai cũng biết, văn học là một phần quan trọng trong “ổ mềm” văn hóa nước nhà.

Ngay từ 1945 sau khi cướp được chính quyền từ tay nhân dân, đảng cộng sản đã coi Văn Nghệ như một thứ công cụ chính trị để mị dân, trấn áp người tài để bóp nghẹt tự do ngôn luận. Chính vì vector chuyển động của đảng cộng sản về phía cái ác, cái xấu và cái dốt, nên bốn tiêu chuẩn đặc trưng của lãnh đạo cộng sản Việt Nam là: Nhất dốt, nhì tham, tam ngông, tứ độc. Tất cả các nhà văn nếu không chịu tuân theo các tiêu chuẩn này thì dù tác phẩm có hay đến mấy cũng bị bóp nghẹt từ trong trứng.

Nhà văn, nghệ sĩ, thay vì sinh ra để phụng sự chân, thiện, mỹ, để nói thật, tạo động lực cho xã hội phát triển, cũng là tạo ra cho xã hội loài người những di sản đẹp thì đảng bắt họ còng lưng, quỳ gối, uốn ba tấc lưỡi để nói những điều dối trá, triệt tiêu chân lý, đến mức người dân phải sửa thơ Phùng Quán từ 60 năm trước để đau đớn thốt lên: “Đem bực công an đặt giữa trái tim người. Tình cảm ngược xuôi theo luật côn đồ đảng, bác”

Vụ án Nhân văn Giai phẩm năm 1957 thực sự là một cuộc cải cách chữ nghĩa long trời lở đất. Thay vì các bản cổ nông lên đầu tổ địa chủ trong cải cách ruộng đất rồi bắn chết họ, thì cuộc cải cách chữ nghĩa còn để lại di họa hàng trăm năm.

Nhà thơ Lê Đạt phải lao động cải tạo một ngày 2 khối đất, làm từ 6 giờ sáng đến hai giờ đêm, cả tháng trời không một giọt nước tắm, người hôi hám như súc vật, chưa kể còn bị cầm cầm bút 30 năm. Nhà văn Nguyễn Hữu Đang bị biệt giam 25 năm ở cổng trời Hà Giang, không hề biết tới cuộc kháng chiến toàn diện, toàn dân do đảng cộng sản phát động trong vòng 21 năm. Ra khỏi tù chỉ được lĩnh 8 kg gạo mỗi tháng, không nhà cửa, không thực phẩm, không lương, phải ở nhờ trong chái bếp lợp rạ của khu tập thể giáo viên, đặt một cái vại để xin nước vo gạo của cả khu, gạn lấy nước đặc dưới đáy để quấy với nắm gạo thành cháo loãng thay cơm, phải bắt cóc, ngóe, rắn thay thực phẩm. Khi nào chết cố bò ra vũng đất nông cạnh bụi tre thay mộ.

Khi bóng ma cộng sản gõ vào ngôi nhà nào thì điêu linh mở ra ở đó, đặc biệt gõ vào cánh cửa của ngôi đền văn học thì điêu linh biết bao nhiêu mà kể xiết. Sau 1975, hết chiến tranh, văn học vẫn không được quyền sống cho riêng mình mà vẫn phải gồng mình lên làm nhiệm vụ theo cây gậy chỉ huy của Đảng: “Bắt cầm

mồm phải côm mồm, nếu kêu ca sẽ lia hồn, văng thây”. Một cây bút nghiệp dư tại hội văn học nghệ thuật tỉnh Hòa Bình, một hôm làm bài thơ tả cảnh nhà sàn của đồng bào dân tộc, tất cả đều chửi chu, mạch lạc, rõ ràng, chỉ câu kết của bài thơ: “Có hay đâu giá lạnh dưới chân sàn” lập tức bị coi là ám chỉ, động chạm đến ngôi nhà sàn của lãnh tụ tôn quý, thiêng liêng. Xúc phạm tới tình cảm cao đẹp của bác Hồ kính yêu với đồng bào dân tộc. Lập tức bị đuổi việc, đuổi khỏi hội nhà văn Hòa Bình, cắt hộ khẩu lên vùng kinh tế mới và chết mất xác nơi rừng thiêng nước độc, vì thung thỏ khí hậu quá khắc nghiệt, chưa kể mảnh bom, mảnh đạn, không hộ khẩu, điện đường, trường học, trạm y tế, nước sạch v.v...

Với số đông nhà văn ngoan ngoãn dễ bảo còn lại, đảng dùng giải thưởng côm cõi nhuộm màu chính trị, bẻ phái để mua lương tâm họ, bắt họ phải quên đi chính nghĩa rạng ngời của ông bà tiên tổ truyền lại từ bao đời.

ăn không được cấp thẻ.

Nếu viết về nỗi niềm củi lửa, cháo rau trong thời bình, cấm nhắc đến sự thiếu thốn của thời hậu chiến. Dù cả xã hội “run trong từng cọng rau”, lương cán bộ chỉ đủ sống mười ngày. Cô giáo sáng vào trường bán cháo phôi, tối vào nhà hàng rẻ tiền bán thân, kiếm sống bằng sự sa đọa, suy đồi của lũ khách ăn đêm. Thầy giáo một buổi dạy, hai buổi đập xích lô kiếm cơm v.v... Chuyện via hè phải để lại via hè, cấm được ngửa bút đưa lên mặt báo mà mang tội “bôi bác xã hội”, “không tin tưởng vào sự lãnh đạo tuyệt đối sáng suốt, uy tín của đảng”.

Nhà văn đứng về phía nước mắt, vạt áo của nhà văn đông đầy nỗi khổ của dân nước trong thời hậu chiến. Từ chỗ “ra ngô gặp anh hùng” thành “ra ngô gặp ăn mày” vì “người người ra trận, nhà nhà ra trận”. “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”. Một tỉnh nhỏ như Thanh Hóa, Thái Bình vền vẹn 1,5 triệu dân mà có 4 vạn 6 bộ đội và thanh niên xung phong. Từ “kho cung cấp người trong chiến tranh” thành nghĩa trang liệt sĩ khổng lồ trong thời bình. Nếu may mắn không bị “Tổ Quốc cắt cơm, gia đình vắng vẻ”, thì cũng trở thành “Tổ quốc quên công gia đình đói khổ”... Thế mà phải im miệng, bẻ cong ngòi bút, coi nỗi khổ của dân, của mình là vùng cấm của đảng không được động đến vì “nhảy cảm”. Từ nhảy cảm đến vô cảm chỉ cách một bước chân, từ vô cảm đến tội ác, khoảng cách còn ngắn hơn nữa, nên chúng ta hiểu vì sao sau 40 năm cầm quyền trên phạm vi

cả nước, Nhờ “sự hy sinh to béo” của đảng, nước ta lại có nhiều tội phạm đến thế? Ở Na Uy trung bình 100 nghìn người dân mới có 6 tội phạm, ở Hà Lan, nhiều nhà tù bỏ trống, còn ở Việt Nam đã xây tới 900 nhà tù lớn nhỏ (theo quy định 31 CP của chính phủ do thủ tướng Võ Văn Kiệt ký): “Mỗi quận, huyện được phép xây mới một nhà tù”. Vậy mà hiện tại vẫn thiếu chỗ ở cho 26 nghìn tội phạm hình sự. Xã hội suy đồi, tha hóa, khiến nhà văn Ma Văn Kháng - một cây “đại bút” của nền văn học xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải đau đớn thốt lên trong tác phẩm “Mùa lá rụng trong vườn” từ 1989: “Xã hội loạn lạc đến mức mỗi gia đình phải có trách nhiệm đóng góp cho xã hội từ một đến hai đứa con...hư hỏng”. Nhà nào càng đông nhân khẩu, mức đóng góp càng lớn, thậm chí có nhà 7,8 người bị bắt cả chùm luôn vì người buôn ma túy, người hút hít, người lừa đảo, trộm cắp, cò gian bạc lặn hay đâm chém, giết người v.v...

Một xã hội không có sự phản biện là một xã hội chết, xã hội Việt Nam trong suốt 70 năm trị vì của đảng cộng sản thực sự đã chết lâm sàng, vì làm người mà không được cất lên tiếng nói trung thực của mình, không được làm những việc mình muốn, ngược lại phải “sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương con đầu đàn vĩ đại”. Nhà văn cũng vậy, để ra tác phẩm không theo đúng cách thức của Ban Tư Tưởng Văn Hóa Trung Ương thì lập tức tác phẩm ấy sẽ bị đập chết bằng cách cấm đoán, thu giấy phép, cấm xuất bản, cấm đăng ký bản quyền v.v... Nếu trước đó đã trót “thai nghén”, không muốn đưa con tinh thần của mình rơi vào “lề trái”, “vùng nhạy cảm” hoặc “phản động” phải lập tức... nạo thai ngay lập tức

Lẽ ra theo đúng quy luật của sự sáng tạo: Tác phẩm rời nhà văn như con thuyền rời bến, tìm về bờ bến xanh trong và neo đậu vào bến bờ tâm cảm của người đọc, thì tác phẩm lại rơi vào vũng ao tù, nước đọng là các nhà xuất bản, cục xuất bản, Ban văn hóa tư tưởng Trung Ương, phòng PC25 (chuyên phụ trách về văn hóa phản động) hoặc PC 35 (cục phản gián) của bộ công an, bị các lưỡi dao kiểm duyệt của các biên tập viên, giám đốc, trưởng ban, trưởng phòng thẳng thừng cắt xén, trở thành nhọt nhọt, vô hồn không sức sống.

Bình thường ở các nước dân chủ tự do, nhà văn bình đẳng với Chúa trong việc sáng lập ngôn ngữ, thì ở Việt Nam, nhà văn buộc phải trở thành những “con chiên ngoan đạo” của cả bầy đàn

lãnh đạo vô học dốt nát. Vì thế thay vì sinh ra để bảo vệ và phát triển văn hóa cũng như văn học theo quy định của luật pháp, thì nhà văn bị bịt miệng vì luật rừng, luật chết quái gở độc địa, khai tử bao nhiêu đứa con trung thực, khỏe mạnh, theo sự chỉ đạo áp đặt của đảng.

Cả một nền văn học bị bức tử trở thành xanh xao, còi cọc, suy dinh dưỡng hoặc chết yểu trong bóng tối ngột ngạt, ám khí, ác độc của Đảng Cộng Sản. Ngược lại, chỉ những tác phẩm nhảm nhí, thiếu chất lượng, làm tổn hại đến thẩm mỹ của công chúng, cũng như làm tằm thường nền văn học nước nhà lại được phát triển ào ào như nấm độc sau mưa.

Một nền văn học chỉ toàn những kẻ vinh thân phì gia, vờ vịt, dối trá, tự nguyện tiếp tay ca tụng cái ác, cái xấu cái dốt, rồi ăn không nói có, bợ đỡ, xu nịnh thì đó là văn học gì? Nếu không phải là sự khốn nạn, nhục nhã. Không ít tác giả nữ phải dùng “vốn tự có” của mình để làm ván bắc cầu nhảy xa, cùng quan lớn thừa hưởng sự giàu sang phú quý trên máu và nước mắt dân tộc. Hầu hết các tác giả nam phải quên nghèo khổ, bất công, tham nhũng, nước mắt người già, trẻ thơ hay nỗi đau quặn thắt của cha mẹ khi không có tiền cho con đến trường, phải đẩy con ra lề đường kiếm sống. Quên luôn cả các vết thương lịch sử đau đớn làm bao triệu người phải chết như “Cường chiếm Miền Nam, đánh bắt các sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa, bài xích, chèn ép vợ con họ, đẩy cả vạn triệu người lên khu kinh tế mới để chiếm nhà cửa ruộng vườn cho các quan lớn. Quên cả cuộc vượt biển kinh hoàng, làm chấn động toàn thế giới trong gần 3 thập kỷ từ giữa 70 đến 80, 90...”

Bao nhiêu nhà văn sa đà vào việc mô tả tính dục rồi dùng phong bì lót tay để sách được nhà xuất bản, hội nhà văn tổ chức những đợt tuyên truyền quy mô, rầm rộ để nhận về những giải thưởng độc hại còm cõi như “Giải thưởng Hồ Chí Minh”; “Giải văn học về đề tài công an nhân dân”, Giải “Quốc phòng toàn dân” v.v...

Nói tóm lại, có cả một chủ trương ngầm để dung tục hóa văn chương theo đúng vector chuyển động của đảng cộng sản, bóc lột ca ngợi cái ác, cái dốt, cái xấu, khiến những nhà văn có tài, có lương tâm văn học mất chỗ đứng trong lòng độc giả, và văn học cũng tự đánh mất thiên chức của mình là đánh thức lương tri và khai sáng cho độc giả. Tiếc rằng những hành xử tinh vi và tàn độc này đã kéo dài 70 năm (với Miền Bắc) và 40 năm (với Miền Nam), biến hàng vạn nhà văn, nhà báo thành những kẻ “ăn theo,

nói leo” hết những con rồi bị giạt giây. Bao nhiêu tác phẩm đích thực được các tác giả hoài thai trong đau đớn vật vã của tâm hồn, tình cảm trí não mình, bị cắt, xẻo xử trảm từ trong trứng nước. Những cuộc “nạo thai”, khai tử diễn ra hàng ngày, hàng giờ nơi đất nước mặt trời lặn, trong góc tăm tối cuối cùng của Thế Giới, khiến hơn 93 triệu người dân thành một biển người dối trá. Dù nói ngược, nói xuôi, nói xưa nói nay, hay ám chỉ, vòng vo, cuối cùng cũng phải quay về giọng Đảng... Đó chính là bóng đêm nô lệ của một nền văn học nhồi sọ, phục vụ cho các nghị quyết, chính sách dốt nát, sai trái của Đảng. Cái xấu, cái ác, cái dốt được lên ngôi, cái đạo lý trung thực, công bằng bị bóp chết. Thật không còn gì để nói ngoài việc “thành kính phân ưu” với nền văn học nước nhà dưới sự cai trị kéo dài của Đảng Cộng Sản. .

Cuối cùng xin dành lại thời gian cho người kế tiếp.

Cám ơn ban tổ chức đã tạo điều kiện cho tôi được phát biểu chính kiến, quan điểm của mình, cũng như cám ơn toàn thể Quý vị, anh chị em đã chú ý lắng nghe.

Trần Khải Thanh Thủy

Santa Ana April 18-2015.

@ É v P o ì š Œ] À À] o Ç ¿ v P š u X E P
Z _ v Z < µ Ç ² v Ç ! µ ¥ µ ¢ v X

Never do anything against conscience even if the state demands it.

Albert Einstein

Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam ở Thụy Sĩ Kính phổ biến đến quý bạn đọc và diễn đàn

Bài viết của tác giả **Nguyễn Xuân Nghĩa** : nhà thơ và nhà văn Việt Nam, trú quán Hải Phòng, tù nhân yêu nước bị bạo quyền cộng sản cưỡng bức lưu đày ngay trên quê hương mình, trong những năm chúng còn tạm chiếm, chờ dâng hiến cho quan thầy đế quốc Bắc Kinh.

<http://danlambaovn.blogspot.ch/2015/06/con-toi-ra-i.html>



Con tôi đã ra đi

Đã có và sẽ có nhiều nữa con cháu của các cán bộ, đảng viên đảng cộng sản lớn nhỏ đương quyền bỏ nước đến làm công dân của các nước tư bản. Mâu thuẫn là ở Việt Nam giới lãnh đạo CS cưỡng bức dân chúng sống với chủ nghĩa cộng sản của họ, trong khi họ đưa con cháu sang kia sống với thể giới tư bản, cái thể giới mà họ đã từng nói đang giãy chết. Họ đã không và chẳng bao giờ dám lên tiếng giải thích cho trường hợp này.

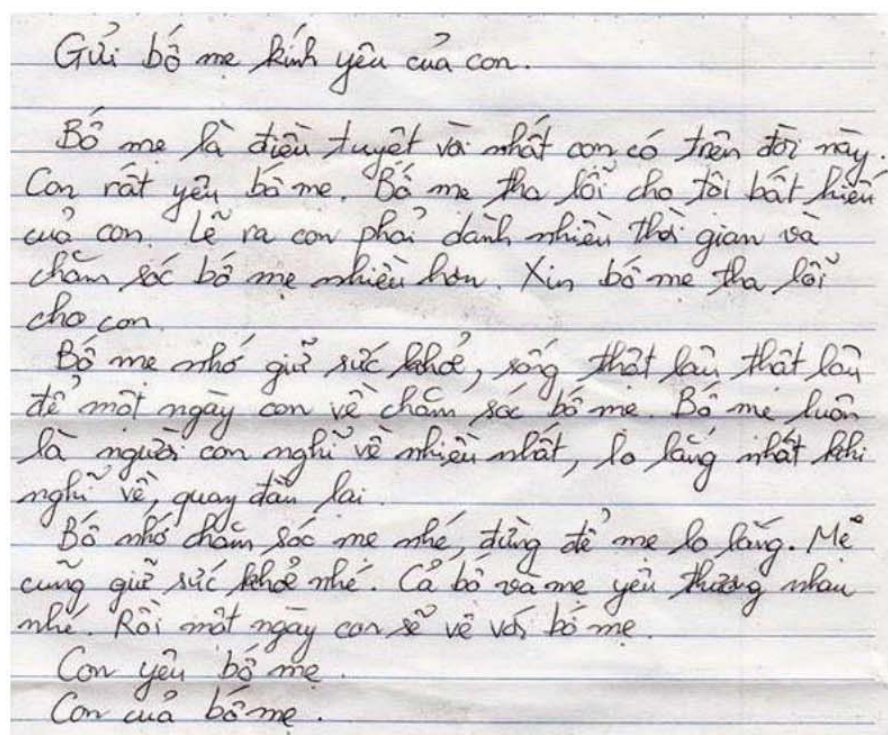
Con cái họ bị đàn áp chính trị? Không! Chính họ đang đàn áp người dân kia mà. Họ yêu chủ nghĩa tư bản, thích xã hội dân chủ? Vậy sao họ không làm điều này ngay tại Việt Nam, nơi họ có quyền làm, vừa hợp với xu thế của thời đại và đòi hỏi của phần lớn người dân? Thiết nghĩ câu hỏi không khó trả lời. Những người cộng sản đang nắm quyền sống với xã hội cộng sản để kiếm nhiều tiền. Con cháu không thể kiếm nhiều tiền trong xã hội cộng sản, thì di cư sang xã hội tư bản để kiếm nhiều tiền hơn. Lớp trước và lớp sau đều có mục tiêu kiếm tiền. Lý tưởng cộng sản chỉ nói để lừa bịp dân chúng. Họ chính là những kẻ đầu cơ chính trị mặt thót nhất.

Không giống những người cộng sản cho con cháu ra đi để kiếm nhiều tiền hơn, ở phần còn lại trên cả hai miền Nam-Bắc, sau năm 1975, hàng triệu người dân đã bỏ nước ra đi. Họ mới là

những người có lý tưởng thực sự. Cho đến nay còn có nhiều người tiếp tục ra đi, (dù có người bị mang tiếng dùng hoạt động dân chủ nhân quyền làm cơ hội). Họ không chịu nổi chính quyền cộng sản độc tài và ăn tàn phá hại. Đối với họ, không phải tổ quốc trên hết mà tự do mới là trên hết.

Ba giờ đêm qua, (2/6) con trai út của tôi, cháu Nguyễn Thanh Thủy cũng đã ra đi. Cháu đi mà không bị mang tiếng là kẻ cơ hội. Có chăng là những ân hận vì phạm làm con...

Chính xác mà nói cháu ra đi một cách bất đắc dĩ. Ba lô trên vai, phút cuối cùng cầm tay mẹ, đuôi mắt của cháu đỏ tía lên, nước mắt ướt nhoe. Tôi phải vội quay đi giả làm người vô cảm. Lên Hà Nội, về nhà trọ thu dọn ít đồ đạc gửi về nhà, cháu còn viết cho chúng tôi mấy dòng sau:



Thư gửi bố mẹ kính yêu của con.

Bố mẹ là điều tuyệt vời nhất con có trên đời này. Con rất yêu bố mẹ. Bố mẹ tha lỗi cho tôi bất hiếu của con. Lẽ ra con phải dành nhiều thời gian và chăm sóc bố mẹ nhiều hơn. Xin bố mẹ tha lỗi cho con.

Bố mẹ nhớ giữ sức khỏe, sống thật lâu thật lâu để một ngày con về chăm sóc bố mẹ. Bố mẹ luôn là người con nghĩ về nhiều nhất, là lòng nhất khi nghĩ về, quay đầu lại.

Bố nhớ chăm sóc mẹ nhé, đừng để mẹ lo lắng. Mẹ cũng giữ sức khỏe nhé. Cả bố và mẹ yêu thương nhau nhé. Rồi một ngày con sẽ về với bố mẹ.

Con yêu bố mẹ.
Con của bố mẹ.

Sinh vào đầu năm 1988, tuổi âm vẫn còn trong năm 1987, cháu hiền lành, ngoan ngoãn, tư chất thông minh, hướng nội. Khi bố bước vào con đường phản biện xã hội, cháu tiếp thu tư tưởng của bố. Tuy nhiên cháu vẫn còn đặt niềm tin vào sự thay đổi ở cấp vĩ mô. Các năm đầu đời sinh viên (2007-2008), trong nhiều cuộc biểu tình chống sự xâm lược của Trung cộng tại Hà Nội, biểu ngữ

cháu giương lên vẫn cái nội dung tin tưởng, khuyến khích đảng, nhà nước “CHÍNH PHỦ HÃY CỨNG RẮN LÊN. SINH VIÊN ĐỨNG BÊN CẠNH CHÍNH PHỦ” Yêu nước và ôn hòa đến thế là cùng!



Khi bố bị bắt và kết án tù, cháu vỡ mộng và đã tham gia vào một khóa học “đấu tranh cho dân chủ bằng phương pháp bất bạo động”. Tội công an cộng sản phát hiện ra và chúng không để cháu học và sống yên ổn. Cháu đi đâu cũng có người của chúng bám theo. Đi một bước chúng theo sát một bước. Ở Hà Nội có công an Hà Nội, về Hải Phòng thăm mẹ có công an Hải Phòng. Có lần một gã còn vượt lên và chửi: “Mẹ cái thằng này, mày có muốn đi tù như cái thằng bố mày không!”

Cháu phải nhẫn nhục chịu đựng hầu mong yên ổn để học xong đại học.

Nguyên vọng của đời cháu là kiến thức. Cháu từng nói: “Lao lực nuôi thiên hạ, lao tâm thiên hạ nuôi”. Câu nói có phần ích kỷ, nhưng diễn đạt được ham mê của cháu. Tốt nghiệp, cháu làm thủ tục du học tại New Zealand. Cháu chọn quốc gia này bởi nghĩ ở đó không có nhiều người Việt Hải Ngoại như Mỹ - một nơi nhạy cảm không bao giờ chính quyền cộng sản chấp thuận cho cháu đến. Nhưng chính quyền cộng sản không buông tha cháu, vì cháu có một người bố “phản động” và cháu đã có một thời mang tư tưởng của bố. Phải từ bỏ ước mơ học lên cao, cháu tìm việc làm. Cháu không thể tìm được việc gì để nuôi sống bản thân. Ngay đến nghề bán hàng thuê cho một hiệu giày, công an Hà Nội cũng can thiệp bắt chủ cửa hàng đuổi cháu. Không những vậy, có một lần bà chủ

Tin Vaen205

nhà trọ còn bị công an phường mời lên gặp yêu cầu đuổi cháu ra đường. Năm 2014 cháu bị thu hộ chiếu tại sân bay khi đã có viza nhập cảnh vào Mỹ.

Những ai quan hệ với cháu đều bị phiền lụy. Cháu đã từng có hai bạn gái. Năm cuối cùng đại học, bạn gái đầu tiên của cháu phải đến gặp cháu, nước mắt giàn dụa nói lời chia tay. Cháu gái này chỉ còn mẹ và rất yêu mẹ. Hai mẹ con cùng nhận giấy mời. Người mẹ nhận giấy của đơn vị đang công tác, người con nhận giấy của công an quận. Yêu cầu họ đưa ra cho hai mẹ con là con phải chấm dứt quan hệ với con, mẹ phải chấm dứt quan hệ với mẹ. Cái giá phải trả là con bị đuổi khỏi trường cao đẳng, mẹ bị đuổi khỏi cơ quan nếu không vâng lời.

Giống như lần đầu tiên, năm 2014 cháu quen bạn gái thứ hai, là một kiến trúc sư, đã có việc làm đúng nghề tại Hà Nội. Dưới áp lực của công an, cháu gái thứ 2 cũng phải nói lời xin lỗi.

Thực ra cháu Thủy chưa nghĩ đến hôn nhân, Cháu đặt ra mục tiêu là phải học lên nữa. Các cuộc chia tay không làm cháu bận tâm nhiều, nhưng thương cho hai cháu gái kia đã lỡ đặt vào cháu tất cả hy vọng...

Người cộng sản thù đến ba đời. Công an, cán bộ quân đội khi quyết định hôn nhân phải truy ra lý lịch ba đời của đối tượng...

Một chế độ tàn độc đến mức khi công dân nào đã bị khoanh tròn thì bị tiêu diệt cả hôn nhân và cuộc sống, cả sự nghiệp và tương lai nếu là người có chút học hành...

Trong hoàn cảnh tuyệt vọng như vậy, giống như hàng triệu người khác, cháu quyết tâm ra đi.

Cuộc chạy trốn khỏi chế độ độc tài lần thứ nhất của cháu vào năm 2014 (khi tôi còn ở trong tù) không thành. Chúng thu hộ chiếu của cháu ngay tại phi trường Tân Sơn Nhất. Chúng hí hửng vô cùng khi chúng kịp đưa ra hành vi trả thù hèn hạ đúng với bản chất cộng sản của chúng (để cho mà biết). Điều này càng thôi thúc cháu phải quyết tâm hơn. Cháu thấy cần phải đi, bằng mọi cách, để cho chúng biết, không phải việc gì, lúc nào chúng cũng làm được. Không phải cứ xây nhà tù kiên cố là giam cầm được khát vọng tự do...

May thay, cuộc trốn chạy lần này của cháu thành công

Khi tôi viết những dòng này cháu đang bay đến Hoa Kỳ, một vùng đất tự do trong các quốc gia tự do mà chúng ta đang lấy làm hình mẫu cho tương lai của tổ quốc ta. Đáng tiếc là cháu không còn cơ hội đối đầu trực tiếp với chế độ toàn trị như bố. Nhưng cháu ra đi không phải vì tiền như con cái lũ cộng sản đã nói ở phần trên. Ở đó cháu sẽ tiếp tục học lên nữa, vừa làm vừa học nhờ sự giúp đỡ của cộng đồng người Việt hải ngoại, nhờ sự cứu mang của một đất nước nhân đạo và đang đấu tranh cho nhân phẩm toàn cầu.

Cám ơn nước Mỹ, cám ơn những người đã và đang giúp cho cuộc đời cháu không bị phí hoài.

ĐỪNG NGHĨ NHIỀU CON TRAI. BỐ MẸ SẼ SỐNG ĐẾN NGÀY CON TRỞ VỀ TRẢ HIẾU. CON HÃY TRỞ VỀ HÀNH DIỆN TRONG HÀNG TRIỆU NGƯỜI VIỆT NAM HẢI NGOẠI TRỞ VỀ.

1 h đêm ngày 3/6/2015.

Nguyễn Xuân Nghĩa

danlambaovn.blogspot.com

@d €] Z , Ç Ä Œ ª w P Q Á µ š ì ¾ Š] v š :
Ç Ä š Z } v P Ç Ä E u P] ª Ä v ½ o Ì • ° v P
Á] u ^ v Z u Ç Á v P š Ç Ä v P š Z ^ v Z
P - % º Ç Ä š Z v Z € v P š Œ } v P v Z È
š Z Ç Á v P

*I have learned, that if one advances
confidently in the direction of his dreams,
and endeavors to live the life he has
imagined, he will meet with a success
unexpected in common hours.*

Henry David Thoreau

Tin Vaên207

NHỮNG BƯỚC CHÂN DỮNG CẢM*

Nguyễn Anh Tuấn (RFA) ghi nhận

28 tháng 5 2015 / 11:29

Nguyễn Anh Tuấn (RFA) - Hôm nay là tròn 6 năm ngày Trần Huỳnh Duy Thức bị giam cầm. Kể từ ngày đó, cha anh, ông Trần Văn Huỳnh, chưa bao giờ nguôi việc đi tìm công lý cho anh. Cuối năm 2013, đầu 2014, ông đã có một chuyến đi dài 3 tháng, gần một vòng trái đất, từ Manila sang California và Washington DC, từ Geneva sang Melbourne, Sydney và Canberra để vận động quốc tế gây sức ép với chính quyền Hà Nội sớm trả tự do cho anh Thức và các tù nhân lương tâm khác. Vài chuyện trong chuyến đi đó, nên được kể ra, cho dịp kỷ niệm này.

Hơn mọi chứng cứ

Cuối năm 2013, người ta thấy một người đàn ông Việt Nam chừng 75 tuổi chậm rãi từng bước chân trong phòng lãnh sự của sứ quán Hoa Kỳ ở Manila, Philippines.

Ông đến đây với hi vọng xin được visa sang Mỹ để vận động quốc tế đòi tự do cho con trai ông, người đang thụ án tù chỉ vì viết ra những trần trở với hiện tình và tương lai đất nước.

“Sao ông không xin visa ở Việt Nam, mà lại sang đây?”, nhân viên lãnh sự người Mỹ, giọng lạnh lùng, hỏi.

“Bởi nếu lấy visa từ Việt Nam, công an sẽ không để tôi đi.”, người đàn ông đáp.

“Nhưng làm sao chúng tôi tin được là sau khi sang Mỹ ông sẽ trở về? Làm sao chắc chắn được ông sẽ không ở lại đất nước của chúng tôi?”, nhân viên lãnh sự tiếp tục hỏi, vẫn với một giọng phớt tỉnh.

Người đàn ông sững lại vài giây, hồ như lòng ông đang tràn ngập niềm thất vọng, vì ông đào đâu ra bây giờ những giấy tờ nhà đất, công ty hay tài khoản ngân hàng làm chứng cứ cho việc ông sẽ quay lại Việt Nam, như yêu cầu của đa số những trường hợp xin visa đi Mỹ.

Rớm vài giọt nước mắt. Hai bàn tay nắm chặt. Thoáng một nụ cười đắng ngắt trên môi, ông đáp với giọng run run: “Thưa ông, tôi ở lại nước Mỹ của ông làm gì kia chứ khi con trai tôi đang thụ án 16 năm trong tù? Không phải 1 năm, 2 năm, mà là... 16 năm tù, thưa ông. Tôi phải về lại Việt Nam để làm mọi điều có thể, giúp nó sớm được ra tù chứ.”

Không gian bỗng nhiên lắng lại và đến lượt nhân viên sứ quán là người phải lặng đi chốc lát. Có vẻ như áy náy với những câu hỏi đầy thực dụng trước đó theo thói quen nghề nghiệp, và nhận ra niềm nghi hoặc của mình quá nhỏ bé trước tâm lòng của một người cha đang đi đòi công lí cho con trai, người nhân viên lãnh sự bỗng thay đổi thái độ. Ân cần, từ tốn, ông gửi lời chúc may mắn và báo rằng visa sẽ được cấp trong một vài ngày tới, với một giọng trầm ấm lạ thường.

Người đàn ông này Việt Nam này không ai khác chính là Trần Văn Huỳnh, cha của Trần Huỳnh Duy Thức, một trong những tù nhân lương tâm nổi tiếng nhất Việt Nam, đã ở trong tù tính đến nay là 6 năm cho bản án kéo dài 16 năm.

Bước chân không đơn độc

Khởi từ Manila, bước chân của ông Huỳnh tiếp tục rong ruổi từ miền Tây sang miền Đông nước Mỹ.

Bước chân ấy đã ngã không biết bao lần khi ngập trong tuyết trắng những ngày đông giá ở Washington DC, nhưng rồi lại đứng dậy bước tiếp.

Bước chân ấy cũng đã đi qua ngày hè nóng bức của Melbourne, Sydney và Canberra, đến từng văn phòng dân biểu, nơi có những chính khách lắng nghe những lời trình bày oan khuất của ông.

Ông Huỳnh phát biểu trong một cuộc gặp gỡ cộng đồng ở Sydney, tháng 2/2014

Bước chân ấy cũng đi qua Liên Hiệp Quốc, kiếm tìm những hi vọng dù là mong manh nhất từ những thiết chế quốc tế vẫn còn đoái hoài đến những giá trị “tự do, công bình, bác ái”. Ông Huỳnh và bà Trâm trao đổi với đại diện Ấn xá Quốc tế tại Geneva, tháng 1/2014

Bước chân ấy không đơn độc. Song hành với nó qua hàng vạn cây số là bước chân của cô Nguyễn Thị Kim Liên, mẹ của hai tù nhân lương tâm Đinh Nhật Uy và Đinh Nguyên Kha lúc bấy giờ - một người phụ nữ mà, dù biết trước sắp có một chuyến đi dài nửa vòng trái đất, nhưng chỉ dám rời khỏi nhà với chiếc giỏ xách đi chợ thường ngày và hai bộ quần áo gấp vội vì sợ bị công an khu vực đang theo dõi nghi ngờ.

Đi cùng họ còn là bước chân của cô Trâm, mẹ của luật sư Lê Quốc Quân, một tù nhân lương tâm khác, dù không biết một từ tiếng Anh nào, vẫn miệt mài gõ cửa từng văn phòng chính khách, từng tòa soạn báo, từng “ông tây bà đầm” (như cách gọi của cô), nói những câu lặp đi lặp lại về vụ án của con mình với một nỗi niềm ‘còn nước còn tát’.

Hòa vào bước chân ấy còn là hàng trăm, hàng ngàn bước chân khác, của thân nhân, bằng hữu và những người quý chuộng các tù nhân lương tâm, ngang dọc Việt Nam, qua các nhà tù từ Nam ra Bắc, trải các phiên tòa Hà Nội, Sài Gòn, Long An, Đồng Tháp, Nghệ An để thể hiện niềm tin tưởng rằng các tù nhân lương tâm chẳng có tội tình gì, ngoài việc đã và đang biểu thị chút lương tri còn sót lại của dân tộc, sau cả trăm năm dẫu bể xáo thịt nòi da.

Một con đường khác cho nước Việt

Trần Huỳnh Duy Thức, trước khi bị bắt giam và bỏ tù, từng viết một quyển sách lấy tên Con đường nước Việt, bàn về những con đường canh tân kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa để đưa nước Việt đi lên.

Nhưng bên cạnh đó, còn có một con đường mang tên Việt Nam khác, khởi đi từ hơn 150 gia đình tù nhân lương tâm, in dấu bước chân của những bậc làm cha làm mẹ - những người mang trong mình một cảm thức công lý ban sơ dựa trên tình thương và lòng tin vào con cái. Không ai khác, chính họ, trên hành trình tìm kiếm công lý cho con, đang bảo chứng cho những giá trị không

được phép chết trong xã hội chúng ta: “lòng tin”, “tình thương” và “trách nhiệm”.

Con đường đó đã đưa một nhà giáo già vốn chỉ quần quanh với trường lớp như bác Huỳnh vượt qua những giới hạn của tuổi tác, bệnh tật đi gần một vòng trái đất để cất tiếng nói vực dậy công lí.

Con đường đó cũng đã đưa một bà mẹ quê như cô Liên, bước ra từ ngọn rơm gốc rạ chốn thôn dã xa xôi, để trở thành một người bảo vệ nhân quyền bén nhạy với thời cuộc, chẳng những tìm kiếm lẽ công bằng cho con mình mà còn cho nhiều người khác.

Và cũng chính nó đã giúp một người mẹ nông phu khác là cô Trâm có được một lòng dũng cảm lớn lao, bước ra khỏi đất nước của mình, vượt qua rào cản ngôn ngữ, lên tiếng thay cho con mình và những người khác đang phải lặng câm sau song sắt nhà tù.

Cuối con đường đó sẽ là một nước Việt thực sự thịnh vượng, tự do, dân chủ và tôn trọng phẩm giá làm người.

Nước Việt, với những người con yêu dám đi tù vì nó, xứng đáng có được một hình hài như vậy.

Nguyễn Anh Tuấn ghi nhận



*Ông Huỳnh, bà Liên và bà Trâm (từ trái sang)
ở sân bay Manila trước khi sang Mỹ, tháng 12/2013*

**Tựa đề do tòa soạn đặt*

Còn mãi ngàn năm

những cánh bay

Thơ Phạm tướng Như
Nhạc Dương thượng Trúc

Tha thiết

Còn mãi ngàn năm những cánh bay. Lững lờ lướt gió xé đường mây.

Tiếng hí ngựa Hồ xưa giục vó. Lồng lộng tang bồng thỏa chí trai.

Còn mãi ngàn năm những cánh bay. Nguyệt cầm tấu khúc nhạc thiên thai.

Có phải em là mây viễn xứ. Ta nhìn ngáy ngất mộng liêu trai. Người

đứng bên này cơn gió bão. Nghe chừng gầy đổ nửa đời sau. Chỉ

cả mang màu cờ sắc áo. Luận anh hùng gậm nhấm niềm đau.

Còn mãi ngàn năm những cánh bay. Bảo Quốc tung hoành chí ngất say.

Trấn không máu lửa hồn thiêng vẫn Còn mãi ngàn năm những cánh bay

bay. Còn mãi ngàn năm những cánh bay. Còn mãi ngàn

năm... những cánh bay...

Thủy gia Trang January 2015



VB/NHK Hẹn mặt ngày ấy mười năm trước (từ trái sang): Phạm Ngũ Yên, Nguyễn Thế Giác, Đỗan Quốc Sĩ, Vĩnh Tuấn. Thu Nga, Lan Cao, Anh Chị Thân hữu và Túy Hà.

% Õ Q P P ä L- RQ, P2 Q ö P ả Q J R D Q N t

Bốn mươi năm đã qua đi. Nhưng những mảnh đời tan tác, có kẻ chết oan khiên, có người còn bị hận vẫn không quên một thời mạt vận. Sau tháng tư đen 1975 là những cuộc đổi đời ngoài ý muốn. Nhà tù mang tên đầy trí trá “Trại cải tạo” mọc lên giữa núi rừng hoang địa khắp Bắc Trung Nam để giam cầm toàn bộ tinh hoa miền Nam còn ở lại vì rất nhiều lý do khác nhau. Và chuyện người tù cải tạo đã trở thành truyện dài chưa dứt, những thước phim hệ lụy còn tiếp diễn trong và ngoài nước. Ở đây là một cái nhìn khác rất khác, vẽ lại gánh oan khiên hiểu theo nghĩa bóng lẫn nghĩa đen của những chiếc bóng bên đường từ một thời ly loạn cho đến những bước chân theo dấu người tù cải tạo. Đó là: Những người vợ tù.

Tạp chí Tin Văn hân hạnh giới thiệu tâm tư và sự thực về những thân phận ấy qua nét vẽ chân phương nhưng chứa cả một trời oan khốc được miêu tả bởi một người thơ với ngòi bút thép đang hùng hực lửa: Tác giả Lưu Nguyễn Từ Thức và Tâm sự người vợ tù cải tạo qua thể thơ Trường thiên.

/ P X 1 J X | Ç Q 7 ß 7 K à F TÂM SỰ NGƯỜI VỢ TÙ CẢI TẠO

1

Từ đất nước vào tay Quỷ đỏ
Dân điêu linh đau khổ chất chồng
Thương cho một kiếp má hồng
Vì đâu nên nổi long đong đoạn trường.

2

Mới ngày nào quê hương gấm vóc
Dân ấm no gạo thóc dư thừa
Đầu hiên ngọn trúc đu đưa
Khói chiều bảng lảng, trẻ đùa trước sân.
Khắp thôn làng thị thành nô nức
Khu trù mật góp sức ra công

214 Tin Vaên

Lúa vàng trải rực cánh đồng
Cò bay mỗi cánh dòng sông dịu hiền.
Khắp cao nguyên dinh điền phát triển
Dân miền Trung cá biển đầy khoang
Toàn dân thề quyết một lòng
Nước Nam rạng mặt con Rồng cháu Tiên.
Bỗng chiến nạn từ miền Bắc đến
Khiến nơi nơi lửa đạn tràn lan
Thi hành chủ nghĩa ngoại bang
Quyết tâm thôn tính miền Nam phú cường.
Đáp lời gọi lên đường nhập ngũ
Chàng tham gia nghĩa vụ quân binh
Thiếp lo chăm sóc gia đình
Con thơ Phụ Mẫu hiếu minh vẹn toàn.
Thương chàng phải dậm ngàn chinh chiến
Vì quê hương tận hiến thân trai
Dãi dầu mưa nắng miệt mài
Quanh năm trận mạc, hăng say diệt thù.
Khi giới tuyến mịt mù bom đạn
Khi thành đô đẹp loạn an dân
Miền Trung gió núi mưa ngàn
Miền Nam trù phú chân chàng in sâu.

3

Nhưng hỡi ôi vì đâu nên nỗi
Bởi vì đâu đêm tối bao quanh
Vì đâu triệu lính hùng anh
Bỗng nhiên rả gánh tan đàn bi thương?
Giặc tràn về, mười phương tang tóc
Người dân Nam khổ nhọc trăm bề
Tháng Tư ô nhục ê chề
Nhà tan cửa nát, con mê hãi hùng.
Giặc tràn về, chập chùng hận tủi
Kính tế mới xua đuổi dân lành
Trại tù núi thẳm rừng xanh
Đọa đầy đồng chủng nhân danh hận thù.
Giặc tràn về, mã mồ đào xới
Hồn oan khiên âm giới lang thang
Đê hèn đập phá nghĩa trang

Dương trần, địa ngục ngập tràn oán than.
Giặc tràn về bạc vàng tước đoạt
Bần cùng dân hàng loạt đói tiền
Kiếm kê ruộng đất, của riêng
Giúp dân quản lý, đảng viên sang giàu.
Giặc tràn về, đề cao lao động
Bóc lột dân làm lụng không lương
Ngày ngày thủy lợi công trường
Đêm đêm học tập chủ trương vô thần.
Giặc tràn về, người dân đói khổ
Nhưng đầy đường cán ngổ huênh hoang
Đêm ngày rình rập xóm làng
Bụi cây mật vụ, góc vườn công an.
Giặc tràn về giang san sâu thẳm
Dân điêu linh, ly tán, khốn cùng
Đời đầy bất trắc hãi hùng
Thiếp như chiếc lá theo dòng nổi trôi.

4

Từ khi nước tả tôi đói khổ
Thiếp thay chàng trái gió dầm mưa
Thân cò tần tảo sớm trưa
Bo bo thay gạo không vừa miệng con.
Ngó trước sau chỉ còn giường tủ
Đem bán lần cho đủ chi dùng
Nhà giờ trống vắng mệnh mông
Trống như hồn thiếp chờ trông tin chàng
Đảng bảo phải sẵn sàng học tập
Ba mươi ngày xây đắp tương lai
Chàng đi đã quá trăm ngày
Hỏi mây, hỏi gió, hỏi cây - im lìm!
Lòng bồn chồn bao đêm chẳng ngủ
Ngày vất vả hỏi đủ khắp nơi
Tin chàng vẫn biệt tăm hơi
Chàng ơi sống chết nổi trôi chốn nào?
Trời cao xanh cúi đầu vái khẩn
Cầu cho chàng khổ nạn qua mau
Vợ chồng còn nhìn thấy nhau
Gia đình đoàn tụ, cháo rau chẳng màng.

Nhớ thương con, mẹ chàng xuống tóc
Nguyện khấn cùng trời đất xót thương
Ngày đêm niệm Phật mười phương
Cầu cho chàng sớm hồi hương an lành.
Tháng năm hờ hững nhanh qua cửa
Nỗi nhớ thương chất chứa, hao mòn
Tuổi già thân xác héo hon
Ngọn đèn trước gió chập chờn hắt hiu.
Con thơ đại thường kêu nhớ bố
Hỏi ngày nào bố trở về thăm.
Nghe con hỏi, lệ tuôn tràn
Ai xui nên cảnh phũ phàng oán than?
Cuối cùng được tin chàng ngục tối
Rừng thâm sâu “tội lỗi” đền bồi!
Trời ơi! ba mươi ngày thôi
Trời cao có thấu cho lời đắng ta.
Ba mươi ngày gọi là học tập
Đường lối mới xây đắp nước Nam.
Hóa ra đất thẳm non ngàn
Đọa đầy giam hãm ngục quân, ngục quyền.
Ô hô lời tuyên truyền dối trá
Thiếp đại khờ nhẹ dạ dễ tin:
Chiến tranh chấm dứt, hòa bình
Toàn dân đoàn kết, hiển vinh giống nòi.
Hòa bình đến: cuộc đời tăm tối,
Vợ xa chồng tù tội khổ hình.
Mẹ già con đại thâm tình
Hai vai nặng gánh một mình lo toan.

5

Rồi giấy phép nuôi thăm cũng tới
Sau bao ngày mòn mỏi nhớ thương
Trời vừa mới hé màn sương
Thiếp liền vội vã lên đường tìm thăm.
Đường đi sao xa xăm cách trở
Quê hương mà ngỡ lơ lửng
Băng đồng, lội suối, qua sông
Lối mòn uốn khúc, cây rừng quanh hiu.
Đoàn người đi tiêu điều xơ xác

Mắt nôn nao, ngơ ngác ngóng tìm
Rừng buồn, cây cũng lặng im
Thương cho nhi nữ lắm lem bụi đường.
Trời chói chang ánh dương chênh vênh
Đoàn người đi lệch thềm gánh gồng
Người người tay xách tay bông
Nào bao nào gói trọn lòng nhớ thương.
Con thơ cũng dậm trường theo mẹ
Nhớ thương chồng vợ trẻ vượt nường.
Mẹ già mái tóc điểm sương
Run run chân bước, mắt vương lệ sầu.
Xa xa đứng cạnh cầu tre nửa
Dãy nhà tranh lá úa tiêu sơ
Thở phào nhẹ nhõm vui, lo
Phút giây gặp gỡ trông chờ là đây.
Đến nơi lại đầy đầy thủ tục
Quà thăm nuôi tìm lục khắp nơi.
Ngồi chờ, thấp thỏm đứng ngồi
Lòng như lửa đốt, bồi hồi con tim.
Rồi phút giây bao đêm trông đợi
Chàng hiện ra... tim nhói kim đâm
Nhìn nhau ta chỉ lặng câm
Trăm lời muốn thốt, mắt nhắm chôn nào!
Nhìn chàng, lệ thiếp trào lã chã
Quần áo chàng miếng vá chồng nhau.
Ngồi đây là chàng hay sao
Chồng tôi cường tráng năm nào ở đâu ?!!
Đôi mắt chàng giếng sâu thăm thẳm
Vẫn tỉnh anh mê đắm kiên cường
Nụ cười nhả gởi yêu thương
Muôn năm lòng thiếp vẫn vương nhớ hoài.
Chẳng cần phải đông dài tâm sự
Trước đôi tai của lũ kên kên
Cườm tay rướm máu nói lên
Khổ hình chàng đã bao lần trải qua.
Đời còn chi xót xa hơn nữa
Ngồi nhìn nhau bàn nửa chia hai.
Giờ thăm nuôi, như tên bay
Mới vui tái ngộ, chia tay bàng hoàng!

Tiền chàng, thiếp hai hàng lệ ứa
Nhìn chàng đi, dao cứa tim gan
Bao giờ mới gặp lại chàng?
Bao giờ mới hết đôi đường cách ngăn?

6

Người thăm nuôi âm thầm rời trại
Lòng bịn rịn tê tái buồn thương
Mắt sầu ngấn lệ vấn vương
Chân đà cất bước, hồn buồn mênh mang
Ngoảnh mặt lại bóng chàng chẳng thấy
Thấy xa xa mấy dãy nhà tranh
Hững hờ dòng suối uốn quanh
Phát phơ cờ đỏ, buồn tênh ráng chiều.
Đường im vắng, gió hiu hiu thổi
Đoàn người về tóc rối bờ phờ
Bước đi rời rã ngẩn ngơ
Sương rừng mờ đục, xác xơ chợ buồn.
Xe cuối đã lên đường rời bến
Lều chợ trống, rác rến ngổn ngang
Đoàn người lữ bước giữa đường
Qua đêm sàn chợ, gió ngàn tỉ tê.
Sau một ngày ê chề mệt lã
Vội tìm nơi thiếp ngã lưng đau.
Côn trùng rỉ rả đêm thâu
Ngổn ngang tâm sự, nghẹn ngào niềm riêng.
Ngọn cây rừng ngã nghiêng qua lại
Bóng đêm đen ma quái chập chờn
Đèn đường héo hắt cô đơn
Cổ trần trở giấc, lạc hồn chiêm bao...
Rõ ràng là chốn lao tù đó
Chỉ thiếp chàng chẳng có ai hơn
Bao nhiêu thương nhớ mỗi mòn
Vòng tay quần quít vẫn còn chưa khuây.
Lòng nhớ thương mê say tâm sự
Chàng rằng hãy ráng giữ thân mình
Thay chàng lo lắng gia đình
Con thơ nuôi dạy, thâm tình sớm hôm.

Chàng còn nợ nước non phải trả
Cùm gông này đập phá có ngày.
Nghe chàng, rời rưng chân tay
Ôm chàng năn nỉ tỏ bày nguồn cơn.
Cán bộ bỗng ùng ùng xuất hiện
Rằng vi phạm điều kiện thăm nuôi
Lôi chàng ra đứng một nơi
Xúm vào đập đánh, khắp người máu tuôn.
Xót thương trước trận đòn ác độc
Thiếp xông vào khóc lóc kêu van
Lũ người dạ thú chẳng màng
Lạnh lùng đánh tiếp, thân chàng tả tơi.
Thiếp đón đau kêu trời thống thiết...
Tĩnh cơn mơ - gió thét trời gầm
Mưa rừng tạt ướt chỗ nằm
Cô đơn giá buốt, ngồi dầm mưa đêm.
Ôi! giấc mơ làm tim nhức nhối
Xót thương chồng ngục tối khổ hình
Biết chàng ngang bướng tánh tình
Lẽ nào khuất phục cúi mình trước ai.
Xin chàng vì tương lai con đại
Vì mẹ già mà hãy giữ thân
Mất ngơ, tai điếc, miệng câm
Gắng lo học tập, nhọc nhằn qua mau.

7

Trại cải tạo dễ vào ra khó
Học mút mùa chẳng có ngày về
Bao người vợ đã nảo nề
Được tin chồng đã cỗi mê già từ.
Ôi thương thay người tù cải tạo
Nuốt hờn căm, giông bão vào lòng
Sa thân vào lũ sói lang
Đành ôm hận tủi tuổi vàng gởi thầy.
Bao nhiêu người mơ ngày hết giặc
Sống an vui với bát cơm đầy
Đất ta ta cấy ta cày
Tự do dân chủ tương lai huy hoàng.
Nhưng thống nhất, dân càng ly tán

Tự do mà ai oán ngất trời
Cùng chung máu huyết giống nòi
Nhấn tâm đầy ải chẳng lời xót thương!
Tù cải tạo thường luôn chuyển trại
Lần thăm này xa mãi miền Trung
Đường đi cách trở muôn trùng
Vì chồng thiếp phải vào vùng biển dâu.
Mỗi lần thăm, trăm sầu ngàn khổ
Giấy phép thăm, dễ khó đủ điều
Hộ phườnɡ chuẩn ký mang theo
Chuyện phải trái, học cách đầu tiên
Hạnh thông, tiền mặt trao liền
Không cho, chờ đợi triền miên tháng ngày.
Đảng rêu rao đảng tài vô địch
Lãnh tụ toàn siêu việt đỉnh cao
Giai cấp vô sản anh hào
Sẽ làm bá chủ toàn cầu nay mai.
Siêu việt đâu chẳng ai hay biết
Đời sống dân đói rét quanh năm.
Trước kia gạo trắng thơm lành
Nhờ ơn bác đảng bụng sinh bo bo.
Đảng vinh danh tự do, hạnh phúc
Độc lập là mấu chốt tương lai.
Tự do: tù ngục đọa đầy
Hạnh phúc: máu lệ tuôn dài đêm đêm.
Độc lập là triền miên bóc lột
Dân bản cùng chát ngất đau thương.
Tới lui cùng một quê hương
Giấy phép, hộ khẩu nhiều nhưong dân lành.
Mua vé xe, phép cầm đứng đợi
Muốn có ngay, chịu đổi giá đen.
Toa xe chập cứng như nê­m
Xe xình xịch chạy, khói than mù trời.
Trại chàng ở xa xôi diệu vợi
Đường sắt buồn, mắt dõi dõi trông
Non cao thiếu phụ chờ chồng
Yêu thương hóa đá, tay bông thủy chung.
Núi sừng sừng quán vòng mây trắng
Vành khăn tang ngày tháng xót xa

Nước non thống nhất một nhà
Dân cùng một nước sao mà phân chia
Ai chánh ngục sử kia sẽ rõ
Sao đành tâm nhốt bỏ rừng sâu.
Núi non dân tộc buồn đau
Nửa giam núi thẳm, nửa vào trùng khơi.
Còi âm u rền nơi núi vắng
Tiếng dân kêu uất nghẹn căm hờn
Cây rừng xơ xác sườn non
Cơn mê chủ nghĩa xói mòn quê hương.
Bao thôn làng ruộng vườn hoang phế
Cỏ tung hoành mọc rễ khắp nơi
Đường quê quanh vắng bóng người
Vách chùa đồ nát, Phật ngồi bơ vơ.

8

Kiếp người, ôi! Vô bờ bể khổ
Đầy đọa chi người đó ta đây
Cho chồng xa vợ héo gầy
Cho đêm thương nhớ, cho ngày nhớ thương.
Nhìn hoa xuân lòng buồn ảm đạm
Nhìn bướm xuân tứ tán cánh bay
Phòng không gối chiếc chờ ai
Chồng đi cải tạo biết ngày nào ra?
Nhìn trời đêm sao xa mờ tỏ
Thiếp một mình trăm nhớ ngàn thương
Hoa đèn leo lét bên giường
Bóng đèn đơn lẻ trên tường quanh hiu.
Vắng bóng chàng tiêu điều duyên số
Khóc phận mình lệ nhỏ đêm đêm
Hoa cười cợt gió bên rèm
Mặc lời ong bướm chẳng thềm lưu tâm.
Mới ngày nào trăm năm gắn bó
Mới ngày nào chàng đó thiếp đây
Ngày nay mất đôi chân mây
Tiếng đàn tri kỷ miệt mài ngang cung!
Sen héo úa lá vàng rơi rụng
Nửa trăng Thu lơ lửng bên song
Thương mình phận liễu long đong

Đêm Đông ấp ủ mùi hương tình nồng.
Thương số kiếp lao lung trắc trở
Định mệnh buồn lỡ dở cung thương
Mưa chiều ảm đạm vẩn vương
Sương buồn thấm lạnh đêm trường cô miên.
Bụi đường xa khuất miền quan ải
Lòng bồi hồi tê tái trông tin
Tháng ngày cứ mãi lặng thinh
Bóng chàng biệt, một mình bơ vơ!
Bao tháng ngày vẩn thơ ủ dột
Dòng lệ tuôn từng giọt vắn dài
Thương thay một kiếp trúc mai
Sóng đời dồn dập lầy tiêu điều.
Chim lạc đàn tiếng kêu ảm đạm
Người xa người sầu thảm biết bao
Chim còn thương nhớ buồn đau
Nhớ chàng máu lệ tuôn trào sông Tương!
Gương đầu giường mịt mùng ảo ảnh
Gối chàng nằm giá lạnh đợi mong
Vi vu heo hắt gió đông
Phòng khuya quạnh vắng tiếng lòng ngổn ngang.
Đây, ghé bàn lúc chàng đọc sách
Nọ, nhưng y vai rách tay sờn
Chàng đi ghé đứng lặng buồn
Nhưng y gói kín nỗi thương vô bờ.
Xa xôi chốn ngục tù tăm tối
Chàng hay chăng, thiếp đợi thiếp mong
Cho dù chín đợi, mười trông
Thiếp đây trọn kiếp cùng con đợi chàng.

9

Quà từ Mỹ họ hàng đều đặn
Gởi giúp cho vài tháng tiêu xài
Mẹ cha khuyên kiếm đường đây
Đánh liều vượt biển tương lai con mình.
Nhìn con thơ tội tình chẳng có
Phải đi vào sóng gió biển khơi
Chàng ơi lòng thiếp toi bồi
Đi e chẳngặng, ở thời chẳng yên.

Đường vượt biển truân chuyên nhiều nỗi
Đem bạc vàng đánh đổi rủi may
Hiểm nguy, gian trá, tù đầy
Trùng dương bát ngát, gió mây bất thường.
Bao người đi tin thường chẳng lại
Bao người đến được bãi an lành
Bao người thoát cướp Thái lan
Bao người gởi nắm xương tàn biển sâu.
Dù đi được, làm sao thiếp nỡ
Chàng tội tù, cách trở ai thăm
Ước gì lòng sở cánh chim
Ta cùng vượt biển đi tìm tự do.
Cùng chàng, thiếp chẳng lo chẳng sợ
Cánh đại bàng chim nhỏ nương theo
Trùng dương, sóng cả cheo leo
Chân trời, góc biển dù nghèo có nhau.
Bao tháng nay tin sao chẳng đến
Một tờ thơ, tin nhắn cũng không.
Thiếp sao xao xuyến trong lòng
Linh cảm có chuyện không bình thường.
Đời chàng đã tai ương chồng chất
Nguyện cầu xin Trời Phật độ trì
Ban ơn hi xả từ bi
Mau qua nghiệp quả, sớm về với con.
Mẹ già đã héo hon chờ đợi
Mấy tháng nay chẳng nói chẳng rằng
Mắt nhìn vào cõi xa xăm
Miệng luôn lầm nhảm lâm râm khẩn thăm.
Mẹ biếng ăn thường nằm thêm thiếp
Thiếp chăm lo hầu tiếp cận kề
Chẳng làm mẹ bớt ử ê
Mẹ luôn miệng hỏi chàng về hay chưa?
Chàng về chưa xin thưa mẹ rõ
Con hằng đêm hỏi gió, hỏi mây
Hỏi trời cao, hỏi đất dày
Hỏi rồi, mơ tưởng ngày mai chàng về.
Ngày mai, ôi! Nao nề, chẳng tới
Bao Xuân rồi chờ đợi tiêu hao
Mẹ thương con trai ra sao

Con dâu của mẹ sầu đau hơn nhiều!
Mưa lạnh giá đường chiều vắng ngắt
Đèn dầu hôi vàng vọt đêm đen
Điện nhà tắt cháy liên miên
Tương lai mờ mịt như đêm không đèn.

10

Trời ơi! Chàng có điên, có khùng?
Được tin, chẳng biết mừng, hay lo.
Đêm qua đưa cháu đưa thơ
Báo tin vượt ngục, dặn dò gặp nhau.
Ôi! Lời chàng năm nào trong mộng
Hiện thực vào cuộc sống hôm nay.
Mộng thực, thực mộng vẫn xoay
Cho hay cuộc sống tỉnh say khôn lường.
Nửa mừng chàng thoát cùm, thoát xích,
Vượt hiểm nguy đến đích an lành.
Nửa lo thập tử nhất sinh
Làm sao thoát lưới công an đầy đầy.
Chàng luôn chọn đường gai nẻo góc
Luôn kiên cường khổ nhọc vượt lên.
Khuyên chàng đã biết bao lần:
Lo thân thủ phạm, an nhàn vợ con.
Nỗi lo vẫn còn hiển hiện
Lòng thiếp luôn hành diện vì chàng.
Đời chàng cuộc sống ngang tàng
Chông gai hiểm trở sẵn sàng xông pha.
Bao năm lính Cộng hòa oai dũng
Lao mình nơi đầu súng, đạn bom
Quyết tâm bảo vệ non sông
Chiến công vang dội, hào hùng đời trai.
Ngày chiến thắng cờ bay ngập phố
Đoàn hùng binh rực rỡ oai nghi
Quân hành dồn dập bước đi
Huy chương lấp lánh nhưng y bạc màu.
Nay thất thế rơi vào tay giặc
Nay sa cơ bị bắt tù đầy.
Dù cho cuộc thế đổi thay
Muôn năm chàng vẫn anh tài trong tim.

11

Quá nôn nao suốt đêm chẳng ngủ
Chờ đi thăm chỗ trú của chàng.
Giả gái đi chợ đầu làng
Đường về dừng bước, họ hàng viếng thăm.
Chú Tư lòng từ tâm rộng mở
Đã bao che giúp đỡ tận tình
Hầm trú bom cho gia đình
Nơi chàng tạm trốn ẩn mình chờ tin.
Đồng khô cháy đất in vết nứt
Đê ngoằn ngoèo hừng hực nắng trưa
Vai oằn đôi thúng đu đưa
Chân đi nôn nóng, chưa vừa nhịp tim.
Phút tái ngộ êm đêm tha thiết
Nước mắt tuôn chẳng biết nói gì
Năm năm sầu thảm phân ly
Đôi giờ gặp mặt chẳng bì Chúc Nguru.
Trong hầm tối âm u ẩm mốc
Nổi truân chuyên khổ nhọc giải bày
Năm năm gởi trọn vòng tay
Nhớ thương lai láng, ngất ngây trùng phùng.
Thân thể chàng tận cùng khô ải
Cùm gông còn tê dại đôi chân
Biệt giam đầy dọa bao lần
Nhục thân xơ xác, tinh thần không lay.
Chàng tính trốn từ ngày vào trại
Luôn trông tìm đợi mãi thời cơ
Lần này không thể chần chờ
Nếu đây ra Bắc đừng mơ ngày về.
Nghe lời chàng ti tê tâm sự
Thiếp tin chàng đầy đủ tính suy
Giúp chàng đối phó hiểm nguy
Cùng chàng sống chết sá gì gian nan.
Chim líu lo bên đàn rộn rã
Hoa xinh tươi lơi lã gió chiều
Chập chờn đôi cánh mỹ miều
Bướm hoa hoa bướm bao nhiêu ân tình.

12

226 Tin Vaên

Giấy tờ giả xuất trình khi hỏi,
Chỗ ẩn thân chờ đợi vượt biên
Thành đô dân chúng đủ miền
Dễ dàng lẫn trốn, khó tìm khó truy.
Mua giấy giả chẳng chi khó nhọc
Bạc vàng đưa tức tốc có liền.
Còn chỗ ẩn trốn, bạn hiền
Cru mang ẩn dấu, chẳng phiền chẳng than.
Lúc nguy nan bạn vàng mới tỏ
Nước loạn ly mới rõ tôi trung
Ơn này ghi khắc trong lòng
Dù cho suối cạn đá mòn chẳng quên.
Đường vượt biển người quen dần mới
Cho hay rằng tương đối an toàn
Không sợ tiền mất tật mang
Nhóm này tổ chức nhiều lần êm xuôi.
Tin tốt đẹp chưa nguôi lo lắng
Vàng cây đòi, quá nặng sức lo.
Cửa nhà dẫu đứt, tính đo
Chỉ vừa đủ trả chỗ cho ba người.
Đời sao quá, trời ơi! tàn nhẫn
Số thiếp còn lận đận bao lâu?
Năm năm xa cách dãi dầu
Chưa vui tái hợp, lại sầu chia xa!
Ưu tiên chàng, mẹ già, hai chỗ
Còn chỗ kia, ai ở, ai đi?
Trời ơi! làm sao tính suy
Tính sao cho khỏi phân ly thiếp chàng?!

Con thơ đại ngộ ngang chẳng biết:
-Sao mẹ khóc, thương tiếc điều chi.
Hai con, đứa nào ra đi?
Đứa nào mẹ cũng muốn ghi trong tay.
Tưởng tượng cảnh sông dài biển cả
Thuyền nan như chiếc lá lênh đênh
Mạng người treo sợi chỉ mảnh
Chông chênh trước gió, sao đành gởi con.
Nhưng ở lại, đời còn bi đát
Thà liều thân, Bỏ Tắt hộ trì.
Con trai mẹ gởi đem đi

Cùng cha vượt biển, quyết vì tương lai.
Con gái nhỏ chẳng ai chăm sóc
Ở cùng mẹ khổ nhọc cháo rau
Phận nghèo đành chịu biết sao!
Mong cha chẳng phụ gặp nhau có ngày.

13

Mọi sắp đặt trình ngay Mẹ rõ
Chẳng nghĩ suy Mẹ ngỡ nổi lòng
Mẹ già lòng rất vui mừng
Biết chàng trốn thoát khỏi vòng lao lung.
Chuyện vượt biển Mẹ không hưởng ứng
Mẹ sức già chịu đựng không kham
Lấy ngay ngọc thạch nhẫn vàng trao tay.
Em chàng sẽ về đây tá túc
Cùng đèn ơn dưỡng dục cù lao.
Mẹ rằng phải gấp đi mau
Chân chờ sợ hồng công lao của chàng.
Cuộc đời thiếp xương tan thịt nát
Nghĩa thâm sâu ghi khắc tâm can.
Cúi người lạy tạ Mẹ chồng
Ngẩn ngơ lòng tưởng mộng hồng đang mơ.
Lòng hờn hờ liền nhờ dẫn mối
Xin chủ tàu cho đổi bốn người.
Trung gian cho biết trễ rồi
Tàu không còn chỗ dù ngồi như nêm.
Thiếp hết lời than van cầu khẩn
Trung gian mới chịu nhận lo dùm.
Bao ngày thấp thỏm chờ mong
Tin vui cho thiếp đi chung gia đình.
Lạy Phật Tổ chúng sinh cứu độ
Cõi vô thường đau khổ vơi đi
Nguyện trừ ái ô sân si
Tu nhân tích đức con quỳ phát tâm.

14

Đường khuya lạnh âm thầm chân bước
Cỏ bên lề lớp lớp mọc cao
Ngậm tăm tìm lối dắt nhau xuống thuyền.
Theo lời hướng dẫn viên có nói

Ghe con đang neo đợi bên sông
Ráng đi qua hết cánh đồng
Mọi người sẽ được xuôi dòng ra khơi.
Tim rộn ràng bồi hồi chân bước
Chàng dắt con đi trước dẫn đường
Ôm bé gái sát vào lòng
Thiếp nắm áo chồng rào bước chạy theo.
Đường trơn trượt ngoằn ngoèo uốn khúc
Gió lạnh căm mỗi lúc một nhiều
Đã liều ba bảy cũng liều
Bao nhiêu trạm đã xuôi chèo đi qua.
Mong thử thách này là chặng chót
Trước khi thuyền êm lướt xuôi dòng.
Cánh đồng sao quá mênh mông
Đi hoài chẳng thấy bờ sông nơi nào.
Chân người nhịp bước lao xao
Đó đây vắng tiếng xì xào trong đêm.
người đi bỗng nhiên dừng lại
Giữa đêm đen kinh hãi vang vang:
“Tất cả đứng lại” rõ ràng
Thiếp nghe mà cả tim gan rả rời
Trời ơi! Lại cuộc đời tù tội
Đời chàng lại ngục tối khổ hình
Trời ơi! Trời chẳng thương tình
Đời con sao quá điêu linh thế này!!!
Thì ra chúng đã hay tin tức
Cho công an đến phục sẵn chờ
Bắt nguyên trọn gói ngon ơ
Bao người bán rẻ tự do giữa đồng.

15

Tất cả lại ngược đường về bót
Thiếp bước đi gan ruột rối bời
Biết làm sao đây, hỏi trời?!
Làm sao dấu được chồng tôi vượt tù.
Đường hoang vắng vì vu gió hú
Lũ công an quỷ sứ hiện hình
Đoàn người rủ rượi lung linh
Chân trời xa ánh bình minh ló dần

Chàng bỗng sát lại gần chỉ vội
Một lùm cây u tối bên đàng
Hiếu ý, bình nước vội vàng
Cởi luôn khăn cưới trao chàng hộ thân.
Dẫn con đi miệng thầm vái khẩn
Phật giúp chàng thoát nạn phen này
Con nguyện sẽ trả ơn đầy
Đêm đêm niệm Phật ngày ngày thi ơn.
Tên công an gờm gờm tay súng
Đi theo đoàn bỗng đứng lại chờ
Phía sau, đoàn người co ro
Thần thờ chân bước mắt lo lắng buồn.
Chàng liền khom người luồn vào bụi
Thiếp bước đi lòng rối tơ vò
Chia ly sao quá bất ngờ
Gặp nhau biết có bao giờ nữa không?
Ba tháng bị vào vòng tù tội
Được thả ra thiếp mới biết tin
Đêm đó chàng trốn an bình
Nhóm toan vượt biển cũng đành ra khơi.
Tháng rồi họ đã rời được bến
Bờ tự do đã đến an toàn
Nghe tin lòng những rộn ràng
Tạ ơn Trời Phật giúp chàng thoát nguy.

16

Trại tạm cư tin đi thư lại
Cuối cùng chàng đã tới Hoa kỳ
Khởi đầu đời rê-phu-di
Đổi tên ra trước họ thì theo sau.
Chàng ngày nào anh hào chiến sĩ
Nay xứ người tiếng Mỹ chẳng thông
Nghề chuyên môn, chàng cũng không
Bắt đầu lại, chàng quyết lòng tiến thân.
Ôi! Từ nay thiếp chàng hai ngã
Gia đình ôi! Tơ tã chia đôi
Một nửa lưu lạc xứ người
Một nửa xa lạ chính nơi quê mình!
Đất nước còn đắm chìm quỳ đỏ

Dân mình còn máu đổ lệ rơi
Nhà còn chia cách đôi nơi
Cha con, chồng vợ ngút trời nhớ mong.
Độc thư chàng ghen lòng thương xót
Làm sao thiếp chia sẻ nhọc nhằn
Giúp chàng vượt bước khó khăn
Những ngày gian khổ lang thang xứ người.
Ước gì được chung đời xứ lạ
Sớm tối cùng vất vả có nhau
Đời dù nắng gió mưa rào
Giúp chàng bớt được phần nào cô liêu.
Những tờ thư thương yêu triu mến
Được gửi về đều đặn liền tay
Thương chàng khó nhọc bao ngày
Lương tiền dành dụm gửi ngay chút quà.
Mở từng gói chan hòa nước mắt
Quà phần ai sắp đặt rành rành
Quà cho Mẹ, ơn sinh thành
Quà cho con, gói trọn tình yêu thương.
Phần thiếp, tình tào khang chàng gửi
Quà nghĩa tình chìm nổi bao năm
Quà hi sinh cả tuổi xuân
Chàng xin kết cỏ ngậm vành từ đây.
Chàng cũng hứa hăng say làm việc
Mặc trời đông gió tuyết bão bùng
Chờ ngày đoàn tụ vợ chồng
Sớm thành sự thật thỏa lòng ước mong.
Chàng chẳng ngại nhọc nhằn thân xác
Ngày làm việc tối học chuyên môn
Quyết tâm vì vợ vì con
Vì tương lai quyết chẳng sờn lòng trai.

17

Dù chàng đã giải bày sau trước
Lòng thiếp sao chẳng được yên tâm
Vợ chồng xa cách bao năm
Chàng ơi có hiểu nỗi lòng thiếp chẳng?
Đời oanh yến mơ màng chưa phỉ
Bởi vì đâu chia thúi rẽ loan

Vì đâu hoa úa, xuân tàn
Vì đâu hoa bướm phủ phàng cách ly?
Đời người được xuân thì mấy độ
Hoa xuân kia nở rộ mấy lần?
Tuổi xuân thấm thoát qua nhanh
Vui xuân chẳngặng, trời xanh trên người!
Tuổi xuân thiếp hoa ngời cánh bướm
Bao xuân qua hồn nhuộm màu tang.
Ngưu lang, Chức nữ đôi đành
Mỗi năm còn được một lần gặp nhau.
Thiếp chàng biết khi nào tái ngộ
Biết khi nào thôi nhớ, thôi thương
Vắng chàng nhạt phách phai hương
Vắng chàng vóc ngọc, đài gương vỡ vàng.
Bao đưa bạn hân hoan chuẩn bị
Lo giấy tờ đăng ký theo chồng
Riêng mình thiếp ngóng thiếp trông
Tin vui bảo trợ vẫn không thấy gì!
Thời gian càng qua đi nhanh chóng
Lòng thiếp càng nôn nóng lo âu.
Tin chàng lời hứa làm đầu
Bao lần ác mộng vẩn vào giấc đêm.
Thỉnh thoảng thiếp nghe tin bàn tán
Lòng thiếp càng ngao ngán tình đời
Bao người tan rã lứa đôi
Vì chồng di tản quên lời nguyện xưa.
Bao tháng năm gió mưa dầu dãi
Thiếp một lòng đợi mãi bóng ai
Gió đưa bụi chuổi lất lay
Trăng treo chênh chếch bên ngoài song thưa.
Từ chàng đi hai mùa Đông giá
Lời thề xưa vàng đá còn ghi?
Lòng này chẳng muốn hoài nghi
Nhưng so Mạnh Mãi thiếp thì thua xa.
Lòng bồn chồn vào ra lửa đốt
Người biếng ăn ử dột muộn phiền
Ước gì có cánh bay liền
Xem chàng có đúng đang chuyên học hành.

Cuộc sống mới khó khăn trước mặt
Giúp tạm quên chốc lát buồn đau
Con chàng, trường chẳng cho vào
Lý do lý lịch ngụy trào ngày xưa.
Tình thế này dây dưa lâu nữa
Bao thanh niên một lứa u mê
Tương lai đen tối ê chề
Hồn thiêng Âu Lạc hãy về chứng tri.
Chàng ơi chàng hãy vì con đại
Giúp chúng mau được thấy tương lai
Thiếp dù bỏ phí thân này
Chỉ mong con được ngày mai rõ ràng.
Có điều gì trái ngang ngang trái
Xin chàng cứ đừng ngại tỏ phân.
Thiếp chỉ xin được ở gần
Lo con ăn học đến thành đạt thôi.
Lời nguyện cùng đất trời thưở trước
Cho chàng được vượt thoát an lành
Thiếp xin với cả lòng thành
Tại gia tu Phật một mình thông dong.
Chàng chẳng phải bận lòng vì thiếp
Chỉ xin chàng dựng nghiệp cho con
Thiếp nay thân xác héo mòn
Dù thành tro bụi, tình tròn trăm năm...

LỜI KẾT

Lời tự tình một năm im tiếng
Bao mừng vui đột biến dập dồn
Giấy tờ bảo trợ lo xong
Và nay thiếp đã cùng chồng đoàn viên.
Chàng đã đậu chuyên viên điện toán
Nghĩa phu thê xứng đáng niềm tin
Mười năm đoàn tụ gia đình
Mười năm thiếp vẫn trung trinh chờ chồng.
Mười năm trời long đong phận số
Những dòng này ghi nhớ tặng chàng
Tặng luôn các bạn hồng nhan
Một thời lận đận muôn ngàn đắng cay....

1990/ Lưu Nguyễn Từ Thức

Tin Vaen233



VĂN BÚT NAM HOA KỲ / TIỆC XUÂN 2015

Giữa tháng hai dương lịch năm Ất Mùi 2015, từng đợt mưa đá đưa cái lạnh buốt xương da về với Texas. Cùng lúc Cộng Đồng người Việt tại thành phố Houston tổ chức các buổi Tân niên. Cuối tuần nào cũng có năm, sáu cuộc hội ngộ Hội Đoàn.

Văn Bút Nam Hoa Kỳ triệu

tập phiên họp " Tam cá nguyệt" vào ngày 16 tháng 2, 2015 để tường trình kết quả Đại Hội 10 Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại (VBVNHN) tại California vào tháng 12, 2014 và phân chia nhiệm vụ tổ chức họp mặt Tân niên.

Nói đến VBVNHN, có thể ai cũng biết rõ qua phần tường trình của đài SBTN, trên báo Saigon Nhỏ. Đại hội 10 VBVNHN cũng được thu hình 100% bởi 2 thành viên VBVNHN và phát hình trên youtube. Như thường lệ VB Nam Hoa Kỳ cử đi 4 Đại Biểu, thêm 3 thành viên là ứng cử viên BCH/VBVNHN nhiệm kỳ mới, tháp tùng có 2 phu nhân.

Đại Hội 10 VBVNHN này cho đến nay, Văn Bút Quốc Tế chưa gửi thư chúc mừng (công nhận) thành quả vì có 78 thành viên phản đối, khiếu nại. Trước tình trạng trông đánh xuôi, kèn thổi ngược và VBQT giữ im lặng này, Ban Đại Diện VBNHK biết sẽ ảnh hưởng đến nội bộ.

Quả vậy!

Trong tổng số 35 thành viên VBNHK, chúng ta còn 21 thành viên đóng niên liễm 2015 cho VBNHK và VBVNHN, 10 thành viên chỉ đóng niên liễm cho VBNHK, tạm hay ngưng sinh hoạt với VBVNHN và 4 thành viên rút tên ra khỏi Văn Bút.

Buổi họp ngày 16/02/2015 đặc biệt có sự hiện diện của Tiến sĩ Mai Thanh Truyết vừa chuyển vùng sinh hoạt từ Cali về Houston. Đặc biệt hơn nữa là nhà báo Trương Sĩ Lương (cựu CT/NHK) đã lách xe về từ Dallas trong tình trạng thời tiết rất xấu.

Kết quả chính yếu của buổi họp :

1- Cử VH CT/VBNHK Túy Hà liên lạc với các Vùng VB khác để lấy ý kiến chung.

2-Giải thích ưu, khuyết điểm trong việc đóng niên liễm 2015 đến các thành viên. Vẫn giữ nguyên Nội Lệ VBNHK và tiếp tục sinh hoạt.

3- Quyết định ngày Họp mặt Tân Niên và phát hành Tạp Chí Tin Văn 21 là 29/03/2015

Sau buổi họp là phần ẩm thực thân tình, ngon miệng do quý phu nhân của các thành viên và thân hữu tặng. Phần văn nghệ do nhạc sĩ Vũ Khoa đệm keyboard. Buổi họp tại Quán Tồ Chim trong khuôn viên sở làm của PTN và VH Đào Lê rất thân tình, cùng bàn thảo, ăn uống vui vẻ mặc dù chưa có ý kiến chung về VBVNHN.

TIỆC TÂN NIÊN VBNHK 29/06/2015

A- Tiền Hội Ngộ:

Chiều tối 28/06 /2015 , trời bỗng nhiên trở lạnh, lất phất mưa bay..với ánh lửa bập bùng của lò nướng...tưởng như lửa trại .Quán chiều (Tương Như) lại vui nhộn với nhiều quý khách mà chủ nhân có nằm mơ cũng không ngờ được hân hạnh đón tiếp. Anh Chị nhà văn, nhà truyền thông Thu Nga đến từ Dallas; Nhà thơ, ca nhạc sĩ Hoàng Lan (tân thành viên VBNHK, từ Wyhie,TX); Nhà thơ, ca nhạc sĩ (Trưởng đoàn Hưng ca, cựu CT/CTNCT) Huỳnh Công Ánh, Ca nhạc sĩ Hoàng Tường... Anh chị Chủ Tịch VBNHK Túy Hà, Yên Sơn, Vĩnh Tuấn, Mây Ngân, Phạm Tương Như, Bạch Hạc, Như Ly, Xuân Diệp, Mỹ Quỳnh, Thư Hiền, Long Lê, Ngọc Hân.... Oneman band Vũ Khoa với keyboard và guitar, Hoàng Lan thảnh thơi vừa đàn vừa hát... Thức ăn, thức uống thật đa dạng khiến mọi người "xả láng" vui vẻ bên nhau. Đúng là cùng tần số..Văn nghệ sĩ... Biết rằng sáng hôm sau còn nhiều việc phải làm, nhưng phải quá nửa đêm chúng tôi mới thu dọn nhạc trường...dzia nhà

B- Tiệc Tân Niên

Buổi Họp mặt Tân Niên, phát hành Tạp chí Tin Văn số 21 và chào đón các Văn, Thi, Họa, Nhạc sĩ... năm nay với số quan khách chưa tới 300, nhưng đa số là khách chọn lọc. Gồm Đại diện Công Đồng NVQG, các cơ quan truyền thông báo chí địa phương cũng như đài TV SBTN/ Texas. Đại diện các Hội đoàn Houston. Đặc biệt là sự có mặt của BS Cương, CT Cộng Đồng Người Việt

Tin Vaen235

Úc Châu. Các Văn Thi Họa Nhạc sĩ cư ngụ tại Houston và ở xa về chiếm đến hơn 4 bàn. Nhà thơ Ngu Yên, Phạm Thông, Thy Lan Thảo, Phan Xuân Sinh, Phan Đình Minh, Phụng Ly (Phi Đoàn Trưởng 540/F5).. ít khi được gặp cũng đến tham dự.

Trưởng ban tổ chức Phạm Tương Như ngắn gọn trong phần chào mừng quan khách và giới thiệu MC chính Thu Nga điều hợp chương trình. Sau nghi thức khai mạc VH CT Túy Hà tường trình tổng quát những sinh hoạt trong năm qua và xác định chương trình phải làm gấp tới. Anh cũng ngỏ lời chào mừng 3 tân thành viên VBNHK là Tiến Sĩ Mai Thanh Truyết chuyển vùng từ Nam Cali, VH Linh Vang chuyển vùng từ Bắc Cali và nhà thơ nữ, ca nhạc sĩ Hoàng Lan.

Phân phát biểu của BS Cương về những thành quả khích lệ đạt được của Cộng Đồng Người Việt Úc Châu khá chi tiết. MC Thu Nga cũng xác định những điều Người Việt Hải Ngoại cần thực hiện để đối kháng với Công sản. Nhà Thơ Vô Tình với bài thất ngôn bát cú thường lệ để tặng VBNHK mừng Xuân Ất Mùi.

Tiếp theo là Văn Nghệ do Hoàng Lan và Như Ly phụ trách, NS Vũ Khoa đệm keyboard.

Liên tiếp tiếng hát, ngâm thơ của các nghệ sĩ Kim Phụng, Nguyễn Quỳnh, Huỳnh Công Ánh, Như Ly, Hoàng Lan tự trình diễn nhạc của mình. Đặc biệt là phần đọc tấu tây ban cầm của Bình Minh cùng tiếng ca " tiền chiến" của Bạch Hạc khiến mọi quan khách chú ý lắng nghe. Bạch Hạc ngâm một thi phẩm của Túy Hà trước khi Vũ Khoa tự biên tự diễn một nhạc khúc phổ thơ PTN. Xuân Diệp hát bài phổ thơ của ông xã Vĩnh Tuấn, Mỹ Quỳnh vẫn xuất sắc trong cách trình diễn riêng của chị. Nhật Hạnh trình bày hai tình khúc do Chị sáng tác. Thư Hiền làm sóng động sân khấu với điệu nhạc nhanh.

Điểm vui mà kẻ viết bài này thích là các liên khúc do 6 nữ ca sĩ Bạch Hạc, Hoàng Lan, Nhật Hạnh, Thư Hiền, Như Ly, Mỹ Quỳnh cùng trình diễn ...rất ngoài chương trình nhưng thể hiện sự gắn kết và tài hoa của người nghệ sĩ.

Buổi Tiệc Tân Niên VBNHK tại nhà hàng Thiên Phú khai mạc lúc 11giờ 45 phút sáng, thừa khách lúc 4 giờ chiều, nhưng chúng tôi ở lại vừa dọn dẹp vừa ca hát, chơi với nhau đến sau 6 giờ mới tan hàng.

Tin nhanh VBNHK tường trình từ Houston



VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI
Vùng Nam Hoa Kỳ
Nhiệm kỳ 2014 – 2017



Cố vấn: **Doãn Quốc Sỹ**

BAN ĐẠI DIỆN

Chủ Tịch: Túy Hà

Phó CT Nội Vụ: Lưu Nguyễn Từ Thúc

Phó CT Ngoại Vụ: Lê Thị Hoài Niệm

Tổng Thư Ký: Phạm Tương Như

Thủ Quỹ: Mây Ngàn

UV. Văn Nghệ Sĩ Bị Cầm Tù: Trương Sĩ Lương

UV. Giao Tế - Thông Tin :Thu Nga

UV. Tổ Chức: Cù Hòa Phong

UV. Âm Nhạc: Linh Phương

HỘI VIÊN HOẠT ĐỘNG

*Dương Phước Luyện *Huỳnh Quang Thế *Huỳnh Công Ánh
*Lan Cao *Lê Hữu Minh Toán *Lê Thị Hoài Niệm *Linh Phương
*Nguyễn Thế Giác *Nguyễn Tuấn Chương * Phan Đình Minh
*Thu Nga *Mây Ngàn *Cù Hòa Phong *Lưu Nguyễn Từ Thúc
*Vĩnh Tuấn *Vô Tình *Yên Sơn * Diễm Nghi * Lưu Thái Dzo
*Dương Thượng Trúc *Song An Châu *Võ Thạnh Văn *Nguyễn
Đức Nhon *Phạm Ngũ Yên* Nguyễn Mạnh An Dân* Trương Sĩ
Lương *Phạm Tương Như *Túy Hà *Hoàng T. Thanh Nga *Nhu
Phong *Linh Vang *Hoàng Lan.

HỘI VIÊN AN NHÂN

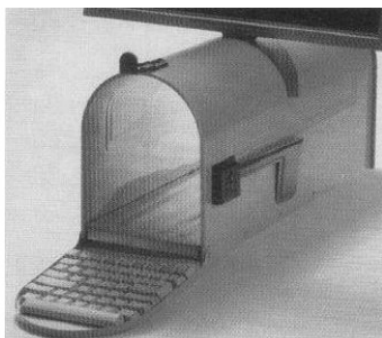
Lê Thị Thu Cúc

HỘI VIÊN TÌNH NGHĨA

*Đặng Minh Hùng - Bích Huyền - Quỳnh Nguyễn - Hoàng Tường -
Kha Lăng Đa - Kim Hà - Linh Du - Nguyễn Kim Long Phụng -
Nguyễn Thanh Ngọc - Tam Thanh - Thanh Hà - Tiffany Nguyễn -
Thái Tấu - Tuấn Trường - Bích Phương - Nhật Hạnh -
Ngô Thu Hồng - Song Thy - Trần Yên Thụy -
- Văn Ngọc Thy - Trần Bửu Tú - Út Võ-*

Hội viên quá cố: Vũ Linh - Huyền vũ Lê Văn Huyền

Tin Vaen37



THÔNG BÁO CẦN LƯU Ý

@ Bài vở sáng tác đã gửi cho Tin Văn xin đừng gửi ở Báo khác. Tòa soạn toàn quyền không đăng hoặc cắt bớt nếu nội dung bài không phù hợp với chủ trương của Tin Văn (không viết thêm) và có thể hiệu đính nếu thấy cần thiết. Quý Tác giả nào không đồng ý vui lòng ghi chú trên đầu bài viết. Bài gửi đăng theo khổ giấy viết thư 8.5x11.5 không cần lay out trước, gửi qua attachment vui lòng dùng dạng chữ Unicode-Time new roman, cỡ chữ 14. Nếu có hình ảnh minh họa cần scane dạng JPG. Bản thảo không hoàn lại. Sáng tác về văn không dài quá 08 trang về Thơ không quá 03 trang.

@ Tin Văn hân hoan chào mời Quý đọc giả và Quý thân hữu cổ động mua ủng hộ dài hạn Tin Văn một năm 4 số là 35 US. Kể cả cước phí. Ngoài USA xin thêm 10 US.

@ Chi phiếu ấn phí, ủng hộ, và quảng cáo, xin ghi gửi Thủ Quỹ Mây Ngân. Ghi chi phiếu theo tên và địa chỉ:
Mr.ĐẶNG XUÂN NGÔ hoặc TONG PHAM

P.O. BOX 681822 Houston,TX 77268

@ Bài vở sáng tác xin gửi về email:

tuyha81@yahoo.com or vb tin van@yahoo.com

Ngay sau ngày Tin Văn phát hành. Tòa soạn bắt đầu nhận bài mới (Trong thời gian 45 ngày).

Chân thành cảm ơn Quý Độc giả và thân hữu Cộng tác viên đã theo dõi Thông Báo Này.

Trân Trọng
TIN VĂN



9 Q % ~W 1DP +RD .
 và T ^S &Kt 7LQ 9 Q
 ỹtc bi „tc `mt ^

Quý ân nhân và Quý cơ sở sau đây đã nhiệt tình yểm trợ tài chính và Quảng cáo cho Tin Văn có thêm điều kiện phát triển góp phần phục vụ cho hoạt động văn hóa Việt Nam Hải Ngoại.

Quý Ông Bà: Quỳnh Nguyễn - Tuấn Đào - Tông Phạm - Lập Nguyễn - Ngô Đặng - Trần Bửu Tú- Đào Lê

Quý Cơ Sở:

Phương My Video - Leon Vũ Insurance - Neuroreflexology Therapy - Vision Outlet - Cecile Nguyễn Insurance - Cao Nails- Beauty@ Spa Wholesale - JN Nails Supply

Linh Phuong music Productions- Love's Marina&Park

VP.TAX Lena Ngoc Nguyen,EA - Phở Thy



TRONG SỔ NÀY

***Lời vào tập 3/ ***

Trương Sĩ Lương / Dư âm và hiện thực /5

Lão gà Tre / Góc nhìn thời sự /8

Dương Thượng Trúc/ mắt mắt /16

Mai Thanh Tuyết / Văn hó XHCN /18

Chi Huệ / Ốc đảo /22)

Huỳnh Công Ánh /Thơ nhớ bạn /23

Phạm Trần Anh / Phục hoạt văn Hóa /24

NGƯỜI ĐI THƠ NGÁT HƯƠNG ĐỜI /29

(Vũ Hoàng Chương, Thâm Tâm, Cao Đônbg Khánh)

Hoàng Lan /Thơ từ Mẹ /32

Song An Châu /Hãy về giữ đất /34

Nguyễn An Bình /Hoàng sa hành /37

Nguyễn Mạnh An Dân /Nói với bạn trẻ /39

Vĩnh Tuấn /Ta làm thơ /46

Trần Văn Lệ / Tứ tuyệt /47

Tiểu My / Thư hồi âm /48

Thái Bạch Vân / Một thoáng nhân sinh /52

Phạm Tín An Ninh /Đà lạt trời mưa /53

Yên Sơn /Có phải tình yêu /65

Thái Tảo /Cái nhìn /66

Phạm Ngũ Yên /Viết về Nguyễn Võ Nghiêm Minh /67

TÌNH TRONG Ý NGOÀI /74 (Trần Việt Cường, Như Ly, Vân Hà, Song Thy, Vương Hồng Ngọc , Ý Nga)

Hoàng T. Thanh Nga /Chuyện 40 năm trước /81

Mây Ngàn /Mai ta về /90

Cù Minh Khánh /Boxit hận gì /91

Nguyễn Đức Nhơn /Một chuyến đi /92
Cải Trọng Ty /Đồng trụ chiết /100
Phạm Tương Như /Nếu như, Áo màu mây /101
Võ Thanh Văn /Môi má long đong /103
Đào Lê /Tự chuốc /104
Lưu Thái Dzo /Thôi tìm em /105
Vũ Tiến Lập /Lời tháng tư /106
Trần Trung Đạo /Cánh hạc vừa bay /107
Hoàng Xuân Sơn /Hành trình /113
Lê Hữu Minh Toán /Chiếc cầu treo /114
Thu Nga /Truyện dài /116
Như Phong /Tiếng sóng vỗ /124
Linh Vang /Còn viết được chữ Việt /125
Lan Cao /Rong ruổi đất người /130
Phạm Đức Nhì /Bốn câu thơ... /131
Vô Tình /Văn Bút ta ơi /134
Đỗ Bình /Bên dòng kỷ niệm /135
Mường Mán /Chào mưa /144
Ngô Nguyên Nghiễm /Trên đường về quê /145
Thy Lan Thảo /Giữ hoài mơ ước /147
Trần Yên Thụy /Văn ngữ /148
Đình Văn Tuấn /Về “cái gia gia...” /149
Nguyễn Thị Thanh Dương /Trường cũ cảnh xưa /159
Túy ký /Là một phần đời... /161
Huỳnh Quang Thế và VIỄN KÍNH VĂN HỌC (Dưới cánh
 thiên thần rượu, Sự hiện diện của Triết học, Bùi Giáng) /163
Trần Khải Thanh Thủy /Văn Học Việt Nam... /196
Tin Liên Hội Nhân Quyền /203
Nguyễn Anh Tuấn (RFA) Những bước chân dũng cảm /208
Nhạc (Dương Thước Trúc, Phạm Tương Như) 212
Lưu Nguyễn Từ Thức /Thơ Trường thiên /214
Tin nhanh /234
Thông báo /235
Cảm Tạ /239

Mr. Print

Complete Printing Services



- ◆ *Wedding Invitations*
- ◆ *Business Cards; Invoices*
- ◆ *Books; Binding*
- ◆ *Flyers; Labels; Posters*
- ◆ *Graphic Design*

11331 Richmond Ave. Ste. N105
Houston Texas 77082

Tel: 281-556-9299
832-279-9180

Đảm trách mọi dịch vụ ấn loát
uy tín và đúng hẹn

PHƯƠNG MY

AUDIO & VIDEO

TRUNG TÂM ▪ BĂNG NHẠC ▪ SÁCH BÁO ▪ KARAOKE

CHUYÊN BÁN SỈ VÀ LẺ

- ◆ Đủ các loại máy Tự Diễn điện tử
 - ◆ Đầu máy Karaoke vi tính 45 ngàn bản nhạc
 - ◆ Đủ loại máy DVD - Mixer Karaoke
- Audio Systems và Wireless Microphone

ĐẶC BIỆT MUA 1 MIXER
tặng 1 cặp Wireless Microphone

Mở cửa 7 ngày:
10am - 9pm

Có đầy đủ DVD-CD của các trung tâm trên toàn quốc

- Phim bộ Việt Nam, Hong Kong, Đại Hàn, và Trung Quốc
- Phim miền Bắc và nam, Cải Lương, Hải Hước và Phóng Sự Việt Nam
- Phim lẻ Hong Kong và Đại Hàn có phụ đề Anh ngữ

Có bán đủ loại máy MASSAGE

Phương My là đại lý chính thức duy nhất của công ty TÂN TỰ
ĐIỂN tại Houston. Quý khách mua ở những cửa hàng khác trong
vùng sẽ không được bảo hành và sửa chữa của công ty
Tự Diễn Smart World

KHU HONG KONG
CITY MALL



11205 Bellaire Blvd., #B8, Houston, TX 77072
Tel: (281) 530-9155 / Fax: (281) 530-8379

ĐỜI SỐNG THAY ĐỔI .

**Tôi có thể giúp bảo hiểm của bạn theo kịp
sự thay đổi đó.**

Hãy gọi tôi ngày hôm nay để được xem xét miễn phí
những chương trình bảo hiểm Allstate có thể bảo vệ bạn.
Bạn mới có một cháu bé? Bạn đã mua một chiếc xe mới?
Bạn đang có một đứa con ở tuổi vị thành niên lái xe trên đường?
Có rất nhiều lý do để bạn cần phải hiện đại hóa chương
trình bảo hiểm của bạn. Tôi có thể giúp bạn có được một
chương trình bảo hiểm đúng cho bạn.



Cecile Nguyen

(713) 462-1447

9585 CLAY RD, Ste # 8

Houston

CecileNguyen@allstate.com



Allstate.
You're in good hands.

Auto
Home
Life
Retirement

Chương trình bảo hiểm tùy thuộc vào sự sẵn có và tiêu chuẩn của bạn. Công ty Bảo Hiểm Allstate và Công ty Bảo Hiểm Tài Sản và Tài Nạn Allstate: Northbrook, IL. © 2007 Allstate Insurance Company

NTT BEAUTY SUPPLY

11210 Bellaire Blvd., #123
Houston, TX 77072
Tel: (281) 988-5653
Fax: (832) 328-4939

JN NAIL SUPPLY & SPA

12320 Bellaire Blvd., # A8A
Houston, TX 77072
Tel: (832) 328-4841
Fax: (832) 328-4939
Email: JNNail77072@yahoo.com

JN (SHOW ROOM)

11107 Bellaire Blvd., #D
Houston, TX 77072
Tel: (832) 512-6412
Cell: (713) 884-0479

TÂN NGUYỄN
Home Improvement



Tel: (281) 777-4276
Email: tannguyen72@hotmail.com

- Điện
- Sửa ống thoát
- Máy rửa
- Tủ lạnh
- Quạt trần
- Đèn âm trần
- Nhà vệ
- Tủ lạnh
- Máy giặt
- Máy hút
- Tủ lạnh
- Tủ lạnh
- Tủ lạnh

TÔ KỲ ĐỨC BUILDER

- Nhận làm Plumbing, Điện, máy lạnh.
 - Có license
 - Công việc làm bảo đảm
- Tel: (713) 367-6207

TIN VUI - TIN VUI - TIN VUI

Kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2011

chúng tôi đại lý sản phẩm hãng ODYSSEY Nail Systems Inc. tại Houston.

- Đèn UV light cho Gel màu **3 Years warranty**
- Cần nhiều đại lý trong vùng
- Gel màu mua **10 Free 1**
- Liquid không mùi (thay thế Solar Liquid)
- Powder, màu trong, tươi, không bị bột như Sola
- * Nhận build tiệm, xin phép và pass inspection. Công việc làm bảo đảm
- * Có thợ lót gạch, điện, nước, Plumbing cho tiệm và tư gia



**JN NAILS NƠI CUNG CẤP ĐẦY ĐÚ CÁC
MẶT HÀNG PHỤC VỤ NGÀNH NAILS
JN NAILS Beauty Supply & Tony Triển**

Email: JN NAIL77072@yahoo.com

Kính Mời



LÊ HOÀNG NGUYỄN
WINNING AGENCY

LENA NGOC NGUYEN, EA
MASTER TAX ADVISOR
ENROLLED AGENT

Power of Attorney to represent clients in the Tax Court



10613 BELLAIRE BLVD. #200
HOUSTON, TX 77072

TEL: 281 • 498 • 9009

FAX: 281 • 498 • 9018

LENA@WINNINGAGENCY.COM

Xin để tôi giúp quý vị về các nhu cầu bảo hiểm của quý vị.

Xe Cộ - Nhà Cửa - Nhân Thọ - Kinh Doanh
Các sản phẩm và dịch vụ có phẩm chất... của một công ty quý vị quen thuộc.
Xin mời quý vị ghé lại văn phòng hoặc gọi điện thoại cho tôi.



LEON VŨ TIẾN LẬP
Agent

Allstate Insurance Company

13120 Veterans Memorial Drive
Houston, TX 77014

Bus: (281) 866-0343

Fax: (281) 866-0373

www.allstate.com

Allstate Property and Casualty Company, Allstate Life Insurance Company, Northbrook, IL, Allstate County Mutual Insurance Company, Allstate Texas Loyds Insurance Company, Irving, TX. © 2000 Allstate Insurance Company. Tùy thuộc vào mức cung ứng và hội đủ điều kiện mua bảo hiểm.



Allstate

You're in good hands.

Vision Outlet

#200 Wilcrest, suite 208 (at Beechmont - cạnh Kim Vision và Quê Hương Restaurant)

Houston - Texas 77072 - ĐT: (281) 495-1403

- * Nơi phục vụ xứng đáng, chân thật và uy tín từ 10 năm qua
- * Tiệm có đủ mọi hiệu kính trên Thế Giới
- * Contact Lenses đủ loại, đủ màu
- * Bảo đảm giá hạ nhất Houston
- * **GỌNG HẠ GIÁ TỪ \$10.00, 1 CẶP KÍNH \$38.00 (gọng và tròng)**
- * **CÓ MÁY TỐI TÂN CẮT KÍNH LẤY LIỀN (SV)**

- * LẤY ĐỘ KIỂM CỬ LÂM KIỂM MỚI
- * CÓ GIÁ ĐẶC BIỆT CHO GIA ĐÌNH KHỔ KHĂN
- * NHẬN LẤM KÍNH GỬI ĐI XA, KHÔNG TÍNH TIỀN CƯỚC PHÍ

GIỜ MỞ CỬA:

Mở cửa 6 ngày

Thứ Hai - Chủ Nhật: Từ 10 AM - 7 PM

Đóng cửa: Thứ Ba



Đã được người Mỹ xếp hạng 5 SAO -
Một trong những tiệm BEST của Texas
trong sách Underground Shopper

Chúng ta yêu cuộc sống bằng trái tim và nhìn rõ những xuân sắc thân thương qua đôi kính - Hãy đến VISION OUTLET để được săn sóc xứng đáng



Coupon
\$10.00

PHẬT MINH Y KHOA ĐIỀU KỲ

NEUROREFLEXOLOGY THERAPY

LIỆU PHÁP PHẢN XẠ THẦN KINH *Bà Lê Thị Thu Cúc*



Đã chữa lành được:

- Người mù tìm lại được ánh sáng.
- Người điếc nghe được tiếng chim liu lo.
- Người câm được trả lại tiếng nói.

Tin Văn

Thông tin*nhị luận*sáng tác*văn học*nghệ thuật



*VBVNH/Vùng Nam Hoa Kỳ chủ trương
8011 Findlay st. Houston, TX 77017
Email:vbtinvan@yahoo.com
tuyha81@yahoo.com*

Phụ trách tổng quát: Túy Hà
Thư Ký Tòa Soạn: Phạm Tương Như
Quản Lý: Mây Ngân

Cộng Tác thường trực :

Nguyễn Đức Nhơn - Phạm Ngũ Yên - Huỳnh Quang Thế - Lê Thị Hoài Niệm - Vĩnh Tuấn - Yên Sơn - Huỳnh Công Ánh - Lan Cao - Lưu Thái Dzo - Lê Hữu Minh Toán - Nguyễn Thế Giác - Phan Đình Minh - Thu Nga - Trương Sĩ Lương - Vô Tình - Diễm Nghi - Cù Hòa Phong - Lưu Nguyễn Từ Thúc - Nguyễn Tuấn Chương - Dương Phước Luyện - Dương Thượng Trúc - Song An Châu - Võ Thanh Văn - Như Phong - Nguyễn Mạnh An Dân - Mai Thanh Truyết - Hoàng Thị Thanh Nga - Linh Vang - Hoàng Lan .

Tô Thùy Yên - Trần Hồng Văn - Vũ Tiến Lập - Nguyên Nhung - Quan Dương - Trọng Đạt - Phạm Thu Liễu - Đoàn Thy Vân - Cái Trọng Ty - Nguyễn Minh Triết - Trần Bang Thạch - S.E.Trần - Tiểu Thu. Nguyễn Lập Đông - Nguyễn Thị Thanh Dương - Thy Lan Thảo - SongThy - Dạ Dung Vũ - Ngô Thu Hồng - Kim Oanh - Ngọc Anh - Trần Việt Cường - Nguyễn Phạm Thái - Chu Thụy Nguyên - Trần Yên Thụy - Như Ly - Văn Nguyên Dưỡng - Châm Hồ - Vương Hồng Ngọc - Hoàng Thị Thanh Nga - Thy Lan Thảo - Minh Xuân 538 - Phạm Tín An Ninh - Phạm Trần Anh - Trần Văn Lệ.

Phụ trách trang Web: BBT Tin Văn
Trình bày bản văn: Cung Bảo Bình
Hình bìa số này: Tranh Bích chương
của Cố Họa sĩ Nguyễn Hữu Nhật